VănHọc

Xuân Đinh Sửu 1997

SỐ 129 & 130 THÁNG 1 & 2 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

TRẦN DIỆU HẰNG	110	trí huệ, mỹ huệ
NGUYỄN ĐĂNG BẢO LỘC	122	*mưa*
DU TỬ LÊ	123	*ai di truyền gene ấy cho ta*
HOÀNG NGA	124	ngồi trên con vực mùa xuân
TRẦN HỒNG CHÂU	131	*buổi chiều góc cạnh*
NGỰ THUYẾT	133	mùa xuân đang về
HỒ MINH DŨNG	146	*mùa xuân, mưa vui...*
NGUYỄN THÚC ĐƯỜNG	149	thư gửi bạn vong niên
THẬN NHIÊN	156	*vàng phai*
LỆ HẰNG	157	cánh đồng khô khát
DIỄM ÂU	169	đỉnh ngàn sao
HOÀNG XUÂN SƠN	188	*đường nguyệt*
ĐỖ QUANG NGHĨA	189	*hà nội*
LÊ MINH HÀ	190	chuyện nhà
HOÀNG KHỞI PHONG	197	gặp gỡ ở phan thiết
PHÙNG NGUYỄN	208	chuyện tình kể lại
SƯƠNG MAI	215	*hỏi lại*
TRẦN THỊ DIỆU TÂM	216	trăng ảo
HOÀNG HUYỀN THANH	221	*có bao giờ anh nhớ*
HOÀNG BÍCH ĐÀO	222	tên trộm chừa chóp
NGUYỄN MỘNG GIÁC	227	hoạt cảnh ngày xuân
NGUYỄN QUỐC TRỤ	230	tạp ghi
VĂN HỌC	244	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

thư tòa soạn

Văn Học

Thay mặt toàn thể các văn hữu trong ban biên tập tạp chí Văn Học, chúng tôi xin gửi đến tất cả các bạn đọc, các nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, cùng chủ nhân các cơ quan phát hành, các hiệu sách trên toàn thế giới lời chúc mừng năm mới. Một năm cũ đã qua, một năm mới bắt đầu.

Nhìn lại một năm qua, Văn Học vui mừng nhận thấy nhờ sự cộng tác đầy thân ái của các bạn đọc, nhất là các bạn đọc mua dài hạn, chúng tôi đã vững tâm hơn về vấn đề tài chánh. Tuy tờ báo không có quảng cáo, các bạn đã giúp cho Văn Học đủ điều kiện để đủ chi phí cho các khoản tối cần trong việc duy trì tờ báo: ấn phí, văn phòng phẩm và bưu phí.

Đáng lẽ có một chi phí cũng rất cần thiết là khoản tiền nhuận bút tượng trưng phải gửi cho các tác giả. Viết, trong tình trạng hiện nay của đời sống lưu vong, là một điều khó khăn. Các văn hữu cộng tác với Văn Học lâu nay không hề được bù đắp công lao khó nhọc, ngoài tờ báo biếu. Tuy thế, mỗi khi viết được cái gì ưng ý, các bạn vẫn không quên Văn Học. Nhờ thế bài vở càng ngày càng phong phú đa dạng hơn. Nhân dịp này, Văn Học xin gửi lời cảm tạ đến quí bạn, và mong quí bạn tiếp tục giúp đỡ Văn Học trong năm mới.

Góp sức với các bạn đọc mua dài hạn là chủ nhân các hiệu sách trên toàn thế giới. Văn Học tự biết một tạp chí văn chương tuần túy như Văn Học có sức hấp hẫn đối với đại chúng ít hơn các báo thời sự chính trị hoặc báo phổ thông. Phải có một đam mê nào đó đối với văn chương và những vấn đề của Việt học mới đọc Văn Học. Lợi tức do bán Văn Học tương đối ít ỏi so với các khoản lợi tức khác. Tuy vậy, quí vị vẫn tiếp tục nhận làm đại lý phát hành cho Văn Học, và thanh toán tiền bán báo đúng kỳ hạn. Chúng tôi không bao giờ quên sự ưu ái ấy.

Với bao nhiêu ân tình nhận được, ban biên tập Văn Học không biết làm gì hơn là kính gửi đến quí vị một lời cảm tạ, và chúc mừng năm mới.

văn chương

Võ Phiến

Một hôm, xế trưa, nằm đọc tờ nhật báo. Nhà vắng vẻ, tôi ngủ quên lúc nào không hay. Thình lình, nghe phát lên tiếng kêu chát tai. Tôi giật mình, ngồi bật dậy, thẳng thốt.

Có thể vì mấy cái tin tức trộm cướp giết người, băng đảng bạo động, vừa đọc trên báo ám ảnh, tôi nghĩ ngay đến súng đạn giết chóc. Cái tiếng chát chúa đập vào tai người ngủ vừa rồi y hệt tiếng súng nổ, còn gì nữa? Tôi hít hít: không thấy mùi thuốc súng. Lạ. Nổ sát kề tai mà. Cũng không nghe thấy có tiếng chân chạy. Hung thủ còn núp đâu đây chăng? Tôi nép sát vách, rón rén... Phát súng vừa rồi, hụt. Một phát nữa thì tôi chết. Rất có thể.

Bất giác tôi nhìn ra cửa. Nắng xế nằm im trên quá nửa mặt vườn sau. Một vạt vàng khè. Dưới mái hiên, một chiếc bàn, hai chiếc ghế cũ, tróc sơn trầy trụa, thấp chũn. Trên bãi cỏ, sợi dây nhựa tưới nước quên cuốn lại, nằm xế ngang, ngòng ngoèo... Đấy, trong buổi xế trưa, nếu chết, tôi sẽ nằm chết giữa khung cảnh như thế.

Tự dưng, tôi bỗng chán nản, tuyệt vọng đến cùng cực. Sững sờ trước quang cảnh nơi mình nằm chết: xoàng quá sức xoàng. Màu nắng vàng, sợi dây nhựa ngoằn ngoèo... Cái xoàng xĩnh, quen thuộc, gần gũi, làm tiêu tan hết mọi hoa hòe của cuộc sống, và của... cái chết. Không biết bình sinh trong thâm tâm tôi chờ đợi một cái chết như thế nào; nhưng lúc này, đối diện cái chết hôm ấy tôi hoàn toàn thất vọng.

Từ con giun con dế, liên tưởng đến chuyện con rồng con phượng, con hùm con hổ. Từ chuyện mình, cao hứng nhảy sang chuyện ông Lã Bố xem sao. Lã Bố thì nhất thế gian bấy giờ rồi, còn nói gì nữa. Một mình chàng đánh một loạt ba anh em Lưu Quang Trương xính vính, trai hùng cặp với kiều nữ Điêu Thuyền, lác mắt cả thiên hạ. Lã Bố chết ngay giữa tuổi thanh xuân, sinh lực tràn trề. Từ sáng đến trưa vác kích đánh nhầu một trận đuổi quân Tào Tháo chạy dài. Trở vào thành, vất kích nằm nghỉ. Rồi thiếp mất, đánh luôn một giấc li bì. Một mình ở chỗ vắng, trời ngả xế trưa. Hai tên

thủ hạ phản phúc trông thấy, rủ nhau đè xuống, lấy dây chão trói chặc, trao cho Tào Tháo chặt đầu.

Xem truyện, chẳng bao lâu tôi quên đi đoạn sau. Nhưng cái chi tiết lúc Lã Bố bị đè trói cứ ám ảnh mãi. Tôi vẽ ra trong trí một cảnh tượng. Tôi nghe tiếng người anh hùng dãy dụa lạch bạch, thở phì phò, cựa quậy ì à ì ạch... Nắng xế trên bờ thành. Con mèo con chó tha thẩn; chiếc lá khô, chiếc giày rách, cái rác cái rưởi rải rác dọc chân thành... Khung cảnh tầm thường, quen thuộc, làm cho cái chết bỗng dưng hiện ra ngao ngán quá chừng.

Hôm nọ, tôi nhìn ra vườn sau ngẫm nghĩ về cái chết của mình một lúc, rồi buồn bã quay vào. Và thấy ngay lý do tiếng động chát chúa: Một tấm sơn mài rớt từ vách xuống nền gạch, mặt ván khô đập mạnh vào mặt gạch rắn. Tôi không thể chết vì cái đập ấy, dĩ nhiên.

Nhưng giả tôi chết đi, một chú em, hay cô em, hay một vài đứa cháu ở bên nhà, những kẻ tốt số được trời cho chút khiếu văn chương, có thể viết thư thông báo cho nhau cái tin buồn: Anh ấy, hay cậu ấy, qua đời hoặc ở đất khách quê người, hoặc ở chân trời góc bể, hoặc nghìn trùng xa cách, hoặc muôn dặm quan san... Lúc bấy giờ người đọc thư chắc chắn sẽ có một cảm tưởng về cái chết khác hẳn cảm tưởng của tôi lúc đối diện.

Cái chết của ông Lã Bố rủi ra gặp phải cái nhìn phàm phu thô lỗ của tôi. Nhân vật Từ Hải may mắn được sự đãi ngộ quí hóa của cụ Nguyễn Du. Từ Hải chẳng qua là giặc cỏ, tài sức sao bằng Lã Bố. Từ cũng có tính nghe lời vợ như Lã Bố. Cũng bị vợ xúi dại như Lã Bố. Rốt cuộc cũng chết lảng nhách như Lã Bố. Vậy mà nhờ cụ Nguyễn Du, Từ Hải chết trong khung cảnh khác hẳn:

"Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dầy cho biết gan liền tướng quân!
Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng!
Trơ như đá, vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dời."

Đẹp đa! Oai đa! Từ Hải chết trong câu thơ, chết ở chỗ đáng chết quá chừng.

Từ cái chết nói qua cái yêu. Trong cuốn *Nền móng* của Nguyễn Mạnh Tuấn có một câu chuyện tình. Tuấn với Tuyền yêu nhau từ thuở học trò. Tình yêu trong sạch hoàn toàn. Chưa đến đâu thì họ xa nhau. Tình yêu như thế, xa cách tức tưởi như thế, thì quên nhau sao được! Ở xa, trong cùng cực lao khổ, Tuấn nghe tin Tuyền lấy chồng. Tuấn quyết lánh hẳn khỏi đời Tuyền. Tuấn đang bị đày đọa trong kiếp thợ máy khoan hố ở mãi tận rừng núi Quảng Ninh. Một hôm, Tuyền tìm đến. Tan buổi làm về, lúc

bất ngờ đối diện Tuyền, tác giả ghi lại: *"tôi tưởng chết đứng được ngay tại chỗ. Ngồi trên tấm phản ván thô, gọi là giường của tôi, chính là Tuyền."* (trang 286). Thì Tuyền chứ sao. Nhưng trong tường hợp này, cô gái đó là thần, là quái, là mặt trời, là... cái gì có thể làm người ta chết đứng.

Tuấn ra suối tắm rửa, thay bộ quần áo hôi nồng rách rưới. Tuyền ngồi chờ. Ngoài suối, Mô, một anh thợ trẻ đang tắm trần truồng. Vừa kỳ cọ, anh ta vừa cười hềnh hệch, hỏi Tuấn: (...) *"Con đi cùng là đứa nào thơm thịt thế?"* (trang 270)

Trên đây, tôi lỡ viết mấy chữ "yêu nhau", và "tình yêu trong sạch hoàn toàn". Viết thế, e quá. Cho đến ngày hai bên xa nhau, tức sáu năm trước cuộc tái ngộ, ngay chính Tuấn đã bảo: *"Tôi đã rất vất vả tránh gọi thẳng tên sự thèm thích vô hình vô dạng của mình với Tuyền."* (trang 68). Mới chỉ là một sự thèm thích chưa có tên. Trong sự cảm xúc như thế, làm gì đã có tí "thịt" nào mà bảo thơm với chẳng thơm? Vả lại dù cho đã có tình, có đến tình yêu đi nữa, thì phải đâu là nhất thiết phải liên hệ với thịt?

Cách sự thèm thích vô hình vô dạng hai trăm trang sách, bất thình lình nghe câu "thơm thịt", tôi sững sờ, nghe tan tác một cái gì. Trong sách, ngay tại chỗ ấy cũng có mấy chữ: "Tình trạng sụp đổ nền móng tinh thần"... Đại khái, sự tình là thế.

Đối với cô Tuyền, cái tình cảm mà cậu Tuấn nói ra nó tế nhị, hay ho, nghe thật "thích"; còn cảm tưởng của anh thợ Mô tầm bậy quá. Đối với cái chết của tôi, đám em và cháu viết ra thấy ngậm ngùi man mác, mà tôi trông "tận mắt" thật nản, chẳng ra làm sao.

Mô và tôi vô cùng vô phúc. Kẻ thấy thịt, người nghe tiếng dãy dụa ình ịch, thở phì phò, thấy nắng chiều trên sợi dây nhựa ngòng ngoèo trên cỏ... Chúng tôi đối diện với cái yêu cùng cái chết trong tư cách giản đơn của một sinh vật.

Con người là một sinh vật, nhưng ít khi chịu chết trong tư cách sinh vật. Trong thơ, trong truyện, và ngay cả ngoài đời, khó bắt gặp cái yêu cái chết sống sượng, trần truồng, không ý nghĩa. Này là một *hiền thê qua đời*, một *đấng sinh thành khuất núi*, nọ là những *trượng phu tuẫn tiết*, những *chiến sĩ hy sinh*, những *tu sĩ liễu đạo*, *minh quân băng hà*, những *ông cụ bà cụ qui tiên*... Trượng phu, hào kiệt, từ mẫu, hiền thê..., ai nấy đều chết trong tư cách của mình. Và gian thần, tặc tử, du côn, trộm cướp ... cũng chết trong tư cách riêng của họ, có thể nhục nhã, thê thảm, nhưng không xoàng xĩnh. Có vậy Từ Hải mới chết mà vẫn đứng trơ trơ, Quan Công bị giết rồi mà vật Lã Mông hộc máu chết tươi ngay trước mặt Tôn Quyền, các dâm thần vẫn còn chờ dịp hãm hại được phụ nữ...

Con người là một sinh vật, cũng ít khi yêu trong tư cách sinh vật. Cậu

Tuấn ở cái tuổi học trò trong trắng không nhận ra nổi cái thinh thích của mình là thứ tình cảm gì. Cô Tuyên với tất cả cái già dặn từng trải sáu năm sau vẫn lấy làm nghĩ ngợi: *"Em với anh gọi là yêu nhau cũng không đúng. Ở anh có cái gì đó cứ bắt em phải quan tâm."* (trang 271). Rõ ràng là rắc rối, tế nhị quá trời.

Trong các tiếng *tuẫn tiết, băng hà, qui tiên v.v...* không có âm vang những *ằng ặc, ì ạch, phì phò...* Trong các chữ *ái tình, tình nhân*, không có hình ảnh sỗ sàng; ý trung nhân, người ấy có thơm thịt không, ai mà biết!

Mỗi ngôn từ bắt nguồn từ một quan niệm, một niềm tin, một lý tưởng. Cái chết trong thực tại dính vào những hình ảnh, những tiếng động xấu xí thô bạo, như máu me dính đất dính bụi. Cái chết mà đưa vào một ngôn từ thích hợp (với niềm tin, với lý tưởng), nó như vật thể được đặt lên con thoi không gian, phóng lên từng không, thoát khỏi bụi trần. Cái yêu cũng thế. Cái giết chóc, cái thù hận, cái nhớ nhung v.v..., cũng thế thôi.

Mỗi thực tại chuyển vào ngôn từ hóa năm hóa mười. Chuyển vào bài thơ, vào cuốn truyện, lại hóa thành trăm muôn dạng vẻ khác nhau. Thay vì một cái chết sinh vật trong thực tại, ta có cả nghìn cái chết trong ngôn từ, trong các thể loại nghệ phẩm.

Nghĩ đến các dân tộc nói một ngôn ngữ nghèo nàn, thô sơ. Cái chết, cái yêu, cái giận, cái thù của họ nghèo hẳn.

Nghĩ đến muôn loài sinh vật không lời nói: chúng chỉ có một cách chết, một cách yêu. Nghĩ mà thương. Có ngôn từ sướng thay. Có văn chương, sướng thay.❐

Cáo lỗi

Do số trang có hạn, một số thơ truyện và bài biên khảo Văn Học đã thông báo cho các văn hữu biết là sẽ đăng trong số Tết Đinh Sửu, cuối cùng phải gác lại. Những bài ấy sẽ đăng trong số Tân niên 131 ra vào đầu tháng 3.1997. Ban Chủ biên trân trọng cáo lỗi cùng quí văn hữu, và mong các bạn thông cảm cho.

gần hết năm, ghi vội

Trúc Chi

Năm đây là năm Tây, là năm 1996. Còn ngày tháng ta thì...không có tờ âm lịch ở nhà nên cũng không biết là ngày mấy,nhưng mà gần đến tiết Đông chí rồi, vì hồi chiều trong điện thoại, bà chị họ tôi nhắc rằng cuối tháng này có cái kỵ một người thân. Nhân thể rồi chị tôi nhắc vậy, chứ lúc đầu chị tôi quấy rầy cả một buổi chiều khá yên tĩnh của tôi cốt là để nhắc tôi cái khoản niên liễm gửi về giúp cho vài cảnh chùa mà ngày trước hồi còn ở trong nước, gia đình tôi vẫn thường lui tới, những cảnh chùa hiện nay không đủ sức mà vực được đạo nếu không có dăm hạt sương của hải ngoại chư Phật tử rưới lên thửa ruộng phúc đức. Tôi ô-cây gấp rồi đặt ống nghe xuống bàn. Nếu con gái tôi không dặn kỹ là tôi phải canh cái máy phôn mà lấy một cái *message quan trọng của con* - tôi vẫn chưa kiếm ra một danh từ cho ổn để dịch chữ *message* này - thì chắc là tôi đã rút cái dây điện thoại mà tạm thời cắt đứt mọi liên lạc với cuộc sống ở bên ngoài căn phòng này rồi. Nhưng mà vừa đặt máy xuống thì *nó* lại reo. Lần này, một ông bạn cũng có tí toáy với chữ nghĩa, hiện đang viết mướn cho một tờ báo ở một tiểu bang cũng không xa California lắm, điện thoại để hỏi nguyên văn mấy câu thơ của Nguyễn Công Trứ mà ông định trích trong một bài viết, nhưng lại quên mất mà sách vở thì không có. May còn nhớ. Cái bài hát nói ca tụng nghệ thuật hưởng nhàn của một người suốt đời bận bịu với hai chữ *xuất xử*, cái bài ấy, có lẽ rồi tôi phải nghiền ngẫm thường xuyên hơn nữa mà xem đó như là một phương thuốc ngừa chứng áp huyết cao. Tháng trước đi khám tổng quát, không có bệnh gì, nhưng mà có vẻ nhiều chứng lắm. Anh bạn bác sĩ không biết có nghĩ tôi bắt đầu dở chứng hay không, nhưng lúc ra về tôi bắt được một nụ cười hóm hỉnh trên cái gương mặt thường vẫn ít để lộ xúc cảm và ý nghĩ.

Trong cuộc sống hàng ngày , tôi vẫn thích có được mươi mười lăm

phút ngồi một mình như vậy. Ngồi im vậy thôi chứ không có bận tâm gì về cái thiên hình vạn trạng của hai chữ xuất xử của người nay và người xưa. Đời tôi kể cũng có một đôi lúc khá xui, nhưng chưa bao giờ phải *xử*, phải bất hạnh mà gánh lấy việc quân quốc trọng sự như ông quân sư đầy mưu thần chước quỷ nọ, ngồi một mình bên hồ cá nghĩ kế chận năm đạo quân xâm lược đang rục tịch tiến vào Thành Đô. Còn về chữ *xuất*, thì hình như tôi vẫn chân trong chân ngoài.Tôi ngồi trong một tư thế rất thoải mái cho cơ thể tôi , không phải kiết già kiết trẻ chi, mà cũng không phải để Thiền thiếc gì. Những lúc ấy đầu óc tôi bận rộn lắm, nhảy hết chuyện này sang chuyện khác, cứ loạn xà ngầu cả lên như là màn ảnh ti-vi chớp từ đài này sang đài kia. Cứ ngồi vậy thôi, để cho bộ máy thần kinh hoàn toàn độc lập, tự do, nhảy từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác. Những lúc ấy, hình như tôi...hạnh phúc lắm . Không biết đó có phải là hạnh phúc thật không, nhưng riêng tôi, tôi lấy đó làm một cái thú thường nhật.

Nhưng mà không phải lúc nào ông trời cũng chiều người. Cho nên ông mới xúi ông Alexander Graham Bell phát minh ra cái máy điện thoại, cứ như là cố tình phá rầy những phút ngồi nghĩ vơ vẩn của tôi. Bà chị họ tôi là một người mộ đạo, sùng đạo mà lại không biết lái xe. Đảo lại, tôi lái xe được thì lại không lấy chi làm thuần thành cho lắm. Cho nên, ngoài việc kêu gọi từ tâm của tôi, thỉnh thoảng chị tôi còn nhờ tôi đi quyên góp. Rảnh, tôi cũng có giúp chị một vài lần. Khi rủng rỉnh, tôi cũng sẵn sàng gửi xuống dưới đó chút đỉnh mà kiếm lời, biết đâu lại chẳng có chút ít dất trong người mà phòng thân, mà nộp tiền mãi lộ cho quỷ Vô Thường, khi hữu sự may ra có lối mà trở ngược lên lại được trên này. Thành thử cứ gần cuối năm là chị tôi thiện thoại tới tấp, hết nhắc tôi đóng góp, rồi lại nhắc tôi nhắc người quen đóng góp, rồi nhờ tôi đi thâu, đi quyên. "Cậu giúp cho chị một chút, chị qua đây rồi thì cứ như là người què. Gắng cho chị một chút, công đức lắm đó!"

Cái mệnh đề thứ hai trong câu nói của bà chị vừa dễ thương vừa dễ ghét có vẻ như đụng đến một khía cạnh luân lý nào đó của đạo giải thoát. Hay là tại đầu óc tôi lệch lạc hết, xiên xẹo cả rồi! Nên tôi nghĩ rằng bà chị tôi nhắn khéo với tôi là nên tu bớt đi, ít nhất là tu theo cái nghĩa đen của chữ mà sửa mình đi thì vừa, mà dọn đường để rồi sau này, may ra....chứ cứ như bây giờ thì... cũng hơi khó. Chưa muốn sửa mà bị bà chị bắt sửa nên lắm lúc cũng hơi bực mình. Tương truyền rằng ngài Huyền Trang được Đức Quán Thế Âm Bồ Tát truyền cho bài Tâm Kinh trên con đường thiên nan vạn nan từ Trường An sang Tây Trúc. Mỗi khi gặp nghịch cảnh, gặp chuyên bực mình, ngài vẫn im lặng quán tưởng về cái thâm diệu của bài kinh chưa đầy ba trăm chữ đó mà rồi mọi chuyện đâu vào đấy cả. Kinh

thỉnh về đến Trường An an toàn không tốn đồng nào cho các cửa hàng bảo tiêu. Còn tôi, những lúc bí, những lúc kẹt trong các bài toán mà kiến thức thu thập được ở nhà trường không giúp giải quyết được, bực mình, cũng học đòi bậc thánh mà dở đến cái trang có bài Tâm Kinh trong quyển sách nhỏ của một người bạn cho tôi đã khá lâu, mà vẫn còn mới toanh.

Mà cái anh bạn tôi kể cũng tội nghiệp. Tánh hào phóng, khôn ngoan, học lực vững vàng, hồi trước tiền bạc cũng dư dả. Thời thanh niên thường đã ôm chí lớn, nhất là cái loại chí lớn thường được đem ra chia sẻ với các bạn đồng chí trong những buổi nhậu không đếm chai. Qua đây, lòng có vẻ như nguội lạnh với chuyện bay nhảy, không hiểu loạng quạng ra sao mà rồi thì vợ chồng bỏ nhau. Hai thằng con trai, một đứa đang ở tù bên Texas, một đứa đang mạnh tiến trên đường trở thành một triệu phú ở Việt Nam. Hình như là con bạn tôi xông vào cái rừng tiền bể bạc hiện nay ở trong nước mà làm giàu một cách bất chính, như lời bạn tôi nói, nên cha con đâm ra khắc. Đứa con gái út - mà tôi nhớ là một đứa bé kháu khỉnh, má lúm đồng tiền, có đôi mắt thật to, ngày trước vẫn vô lấy bánh kẹo mà tôi đem cho rồi chạy luôn vào nhà quên mất hai tiếng cám ơn khiến mẹ nó phải gọi ra bắt nói cho được - đứa con gái út ấy, tuy chưa hề đọc đến câu *gió đã lên rồi cố sống đi**, mà một ngày đầu thu đầy gió cũng bỏ nhà ra đi để mà sống, như lời bạn tôi thuật lại. Không rõ sống thế nào mà mấy năm sau, cũng vào một ngày đầu thu đầy gió, người thiếu phụ ấy bồng một đứa con về, mạnh dạn gõ cửa mà xông vào cái tổ không lấy gì làm ấm lắm của bạn tôi. Cha con nhìn nhau. Phụ tử tình thâm, bạn tôi đỡ hộ cho con cái xắc plastic lỉnh kỉnh mấy thứ đồ chơi, chai đựng sữa, mấy hộp thức ăn của trẻ con, cuộn khăn giấy.

-" Mẹ có bồ mới rồi, không tiện. Mẹ bảo con về ở đây mà lo cho ba."

Lo? Ai lo cho ai đây! Cạy miệng, người thiếu phụ vừa đến tuổi thành niên ấy cũng nhất định không cho biết cha đứa bé ấy là ai. Con ai thì không biết, nhưng mà đằng nào thì cũng là cháu ngoại mình, bạn tôi nghĩ vậy cho nên cũng bắt chước Kim Trọng mà trở sâu làm khuây. Tuy cũng là đoàn tụ gia đình đấy, nhưng mà chuyến này có vẻ như hơi bất đắc dĩ, thành thử bạn tôi ruột héo xìu như bầu đứt dây khi nghĩ đến cái số phận hẩm hiu của các đấng sinh thành ở vào thời điểm này, địa điểm này. Buồn tình, bạn tôi đi tìm cái yên tĩnh của lòng trong một vài quyển kinh mà bạn tôi nói đã từng giúp cho *mọa hớt xì nẹc với cuộc đời*.

Một buổi chiều cách đây cũng đã mấy năm, mà hình như cũng vào cái tiết Đông chí lành lạnh này, một buổi chiều mưa lất phất phủ lấy thành phố San Francisco, tôi lò mò đến thăm bạn trong một khu ngoại ô nghèo. Con đường hơi dốc có ánh điện lù mù vàng kệch. Tuyệt không có mùi

thơm của khói củi tỏa ra từ lò sưởi mà người ta đốt để được thêm ấm cúng trong những căn nhà ở các khu sung túc hơn. Bạn tôi có già đi nhiều, tóc đã bạc hết. Chúng tôi ôn chuyện cũ nhiều hơn là bàn đến những dự phóng tương lai. Âu cũng là triệu chứng của tuổi tác. Lúc chia tay sau khi đã cạn hết hai ly vodka, nhập cảng từ một quốc gia cách đây không lâu đã từng tin tưởng ở học thuyết Mác-Lê, cho ấm người, ấm lòng, bạn tôi vào buồng trong, lấy quyển Tâm Kinh chìa cho tôi, giọng thản thiên:

-" Moa không phải là tác giả quyển sách này nên khỏi ký kiếc gì lôi thôi. Rảnh, đọc vài hàng cho vui. Nên lắm."

Quyển sách nhỏ cỡ loại sách bỏ túi, bìa màu hồng, mỏng dính, chỉ có mấy bài kệ, bài chú Đại Bi và bài Tâm Kinh, không có chú thích. Nhưng mà dù có chú thích đi nữa ,thì sau những buổi hiếm hoi tìm đến lý Bát Nhã mà mong gỡ một vài thế bí trong những ván cờ mà tôi đánh chơi với cuộc đời, tôi cũng không nghĩ ra một nước nào cho thật sáng cả. Kinh thì dạy rằng *ngũ uẩn giai không*, mà thân thể tôi thì đang chình ình ra đây, mà ngũ quan tôi thì đang sờ sờ ra đó! Nhìn đi nhìn lại, tôi phải tạm thời kết luận rằng *ngũ uẩn giai có*! Hằng cứ thế đã, hôm nào rảnh rỗi ra chùa học đạo với thầy X., may ra có khá thêm chút nào chăng. Tôi nghe nói những người đã ngộ, vẫn sinh hoạt bình thường mà xong rồi lại xem những sinh hoạt của mình như là không có, nghĩ rằng mình không hề có làm một chuyện gì cả. Còn tôi, uống một ly Pommard lâu năm, ngon quá, không những không hề nghĩ rằng mình không có uống chi cả, mà còn cố tận hưởng dư vị đậm đà, mà lại còn đòi thêm một ly nữa. Bà chị tôi nhắc tôi sửa mình, quả cũng có lý do.

Chưa hết. Báo hằng ngày, xem thì cứ xem, xong rồi thì một là cho vào thùng rác, hai là giữ lại cho các cơ sở không muốn phí của trời, để cho họ *recycle*. Tội gì mà phải để cho cái tâm nó nổi loạn. Ấy thế mà mấy hôm nay tôi lấy làm khó chịu vì trên mặt báo, đọc thấy vài đề nghị bỏ bớt, hoặc bỏ hết vũ khí hạch tâm - hay hạt nhân cũng được. Bởi gọi là gì thì chúng cũng có một sức tàn phá mãnh liệt. Khó chịu là vì một số người có trọng trách dìu nhân loại qua thế kỷ thứ hai mươi mốt, như ông Moses đưa bà con qua Hồng hải, hình như trí nhớ không được tốt cho lắm. Không lẽ họ không nhớ rằng thế chiến 1914-1918 đã từng được mệnh danh là trận chiến dùng để chấm dứt mọi cuộc xung đột sau này - *the war to end all wars*. Tàn tích của thế chiến thứ hai còn đầy rẫy đấy! Đáng lẽ họ cũng nên xem qua bộ Đông Chu để mà thấy rằng chư hầu cũng đã từng hội lại để ăn thề mà đổ cả cung tên giáo mác xuống sông. Nhưng từ đó đến nay, mấy ông láng giềng của nước mình ở phương bắc vẫn chịu khó tìm ra biết bao dịp mà giết nhau, điển hình là thời Tam Quốc, Ngũ Đại . Nghe đâu bộ Tôn

Ngô Binh Pháp hiện nay vẫn là một trong những quyển sách bán chạy nhất, thủy lục không quân các nước lớn và nhỏ đang chúi vào nghiên cứu phép dùng binh của hai ông tướng đời Chiên Quốc. Người ta vẫn chuẩn bị đánh nhau đấy chứ!

Vẫn biết bây giờ là gần hết năm, gần đến ngày đản sanh của Đức Chúa Giê-Su. Trong dịp trọng đại này ai lại không khỏi không nghĩ đến cái lý do khiến cho Đấng Cứu Thế giáng trần để vác một cái một cái thập tự giá nặng ngoài sức tưởng tượng của con người. Nhưng mà muốn bắt chước Ngài, muốn học đòi tấm lòng bác ái vô biên của Ngài thì thiếu chi cách mà phải đề nghị tài giảm binh bị vào tiết Nô-En . Vẫn biết, nói theo thuật ngữ của Kinh Dịch, mưu sự mà muốn thành, phải cho trúng tiết. Nhưng chẳng lẽ lo cho tương lai của loài người mà cũng phải chờ cho đến tháng 12 năm 1996 mới rục rịch!

Thành thử, trước những lời lẽ có vẻ thiết tha một của đám người mất ăn mất ngủ vì một nền hòa bình trường cửu trên quả đất ngày càng chật chội này, tôi vẫn có cái thói quen đặt một cái dấu hỏi cỡ trung bình (không lớn mà cũng không nhỏ). Bởi vì tôi nghĩ, mà tôi dám đem lịch sử của toàn thể nhân loại tự cổ chí kim ra làm chứng cho lời nói này, rằng kéo dài một khoảng thời gian trong đó con người tạm ngưng giết nhau là một cố gắng đáng yêu. Nhưng dựa vào một vài kế hoạch ngắn và dài hạn mà mong rằng loài người sẽ mãi mãi thương yêu nhau thì...ôi nhân loại!

-"Anh chưa làm được chi cho hòa bình thì anh cứ làm thinh đi để cho họ làm. Chuyện chi mà anh bực mình." Hôm qua vợ hiền của tôi vừa múc cho tôi một chén canh thịt xáo, vừa khuyên tôi như vậy. Không nhớ triết gia nào đã từng ghi nhận rằng nếu có một điều được phân phối đồng đều nhất cho mỗi người chúng ta, thì đó là lương tri. Tôi ngờ rằng câu nói đó không đúng hẳn khi đem ra áp dụng cho vợ chồng tôi. Vì có vẻ như vợ tôi giàu hơn tôi một chút ở cái điểm này. Và sau khi để lòng mình dịu xuống mà thưởng thức chén canh thịt xáo cho nó phải đạo làm chồng khi người vợ đã vì đấng trượng phu mà chăm chút đến cái ăn cái uống, như một người thành tâm với cái đẹp, dọn đầu óc cho tĩnh mà thưởng ngoạn một nghệ phẩm có giá trị, tôi nghiệm ra rằng thay vì luyện cho mình cái tánh biết đau lòng trước những điều trông thấy hàng ngày, ngay trước mắt ở đây, bây giờ chứ đừng nói chi đến trước hay sau cuộc bể dâu nào ở nơi khác, tôi vẫn để cho cái *chứng* chướng tai gai mắt nó hành hạ mình đến điều. Quả mình có *dở chứng*. Anh bạn cùng nghề với hai ông Biển Thước và Hoa Đà, coi lù khù vậy mà tinh quái thật.

Sáng hôm nay, thấy trời sang đông rồi mà vẫn như thu trong những bài thơ mà ngày xưa tôi từng chép vào vở học ở cái tuổi của chàng Đầu si

tình trong một chuyện ngắn nọ của Đỗ Tốn. Có sương, có gió, có lá vàng, có một chút lành lạnh, vừa đủ cho mình cần phải khoác thêm một cái áo ấm, tôi đã lang lang ngoài đường một mình, âm ư bài *valse* của Cung Tiến. Thiếu một đôi tà áo trên con đường vắng gần nhà, nhưng lòng vẫn rộn lên tiếng bước của những gót chân đã từng để lại chút dấu vết trong lòng, trong đời. Xa lắm rồi... cố nhân ơi ! Tôi không muốn hạ chữ *các* trước hai chữ *cố nhân*, bởi vì *các cố nhân ơi* nghe có vẻ sái tai. Nhưng thú thật hai chữ *cố nhân* đây thuộc số nhiều. Nếu đem được ngữ pháp tiếng Anh hoặc tiếng Pháp vào tiếng mình mà không sợ bị xem là lập dị, là mất gốc, tôi đã thêm một chữ S to tướng ở đằng sau. Định bụng đến chiều sẽ ghi lại, dưới một thể nào đó, sẽ gò vào một cái khuôn nào đó, những hình ảnh, xúc cảm rất lãng mạn, rất trữ tình đã gây cho tôi một ít bùi ngùi, khi dừng bước để châm lại một cái tẩu thuốc đã tắt ngấm. Nhưng mà tai quái thay, đến trưa thì trời nổi gió Santa Ana. Cái thứ gió nóng trái tiết này đã thổi bay cái trời thu trong tôi hồi sáng, lá vàng lá việc, thơ mộng biển dâu cả, mà mấy nàng cố nhân cũng lùi vào hậu trường cả. Bậc thiên tài họ Đỗ, gặp cái nóng thất thường này thì chỉ một bài Thu Hứng chắc cũng khó viết cho xong, nói chi đến tám bài bất hủ mà ông đã để lại trong nền văn chương của hơn một tỷ hai trăm triệu ông láng giềng phía Bắc ải Nam Quan, bây giờ có cái tên rất hòa hoãn là Hữu Nghị. Mình là hậu sinh đã dành, mà tài trời cho hay đất phú có hay không, cũng nên xét lại, đành tạm gác sang một bên cái dự phóng đó.

Không lẽ bây giờ lại bực mình với thời tiết. Thôi chứ, một phen khám tổng quát mà đã lòi ra đủ mọi thứ chứng mà nguyên nhân chỉ là ngày tháng chồng chất trên mớ tóc bạc. Không thắng bớt lại mà cứ gắt gỏng mãi với hiện tại thì chả mấy chốc mà phải tìm đến một môn đệ của Freud.

* *Le vent se lève, il faut tenter de vivre (Paul Valéry)*

gửi các bạn đọc mua báo dài hạn

Xin quí bạn tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **1/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 1 năm 1997**.

THƠ TRIỀU HOA ĐẠI

tháng giêng, hoa lá

hỏi thầm hoa tháng giêng
nó chi trong mắt nhớ
nắng bên hiên ngày cũ
đỏ môi má hồng ai

tháng giêng lá còn xanh
tình chia lìa mấy ngả
mênh mông đời dâu bể
mưa lất phất đường xưa

hoa, lá tháng giêng ơi
nhớ gì không tình cũ
áo vàng bay thuở nọ
đổi thay chi mấy màu

nỗi trăm năm

thương ta mấy nỗi trăm năm
nước về đê lụt
đạt lầm nỗi trơ
lòng thung
cạn tự bao giờ
nỗi oan khiên
đọi
nỗi bơ vơ
nhìn
vai lầm, xót ngọn
ngả nghiêng
trông ra cửa trước
xuân quen chửa về
ta đâu
hồn ở chốn quê
chồi non héo nụ
đường về quanh co.

viết và đọc: những nẻo đi về

Bùi Vĩnh Phúc

Viết là mã hóa. Viết là đưa vào mã qua dạng chữ tất cả những ước mơ, những tra vấn, những thiết tha, những gạn hỏi, những băn khoăn ray rứt dịu dàng của ta. Viết là đưa vào những dòng chữ cái đời sống văn hóa của kẻ viết chữ; từ đó, người đọc có thể đi vào và, trong những mức độ khác nhau, khám phá ra vũ trụ riêng tư của người viết. Một cách nào đó, viết có nghĩa là một nỗ lực nén tất cả đời sống tinh thần và vật chất, những hoa lá nắng mưa cây trái, những mùa màng thời tiết của đời sống mình, những trăng sao tinh tú của mộng ước mình... vào cái li ti của những mặt chữ. Giống như một Đấng Thượng Đế của thuyết "Nổ Lớn" (Big Bang) đã nén tất cả vũ trụ kỳ bí và nhiều màu sắc này vào trong một chất điểm không lớn hơn đầu một que tăm, ở những giây phút khởi đầu của vũ trụ, để rồi cho nó bùng nổ như những hình ảnh của một chiếc kính vạn hoa vào trong cái cảm và nhận thức của con người.

Vũ trụ mà chúng ta đang sống, với tất cả những kỳ bí ảo huyền sôi sục và linh động của nó, là một vũ trụ được con người cảm nhận và thức nhận–trong những giới hạn riêng của chính con người. Chữ viết cũng thế. Chúng mở ra những mã văn hóa. Mỗi người đọc văn mang theo với mình những chìa khóa riêng trong hành trình thám mã của chính mình. Văn bản, như thế, trở nên một trường ám ảnh, một trường thu hút, mà mỗi người đọc, trong thế giới kinh nghiệm và mộng mơ của chính hắn, cùng góp phần sáng tạo với nhà văn, nhà thơ.

Viết là tôn trọng sự tự do của kẻ khác, nói như J.P.Sartre. Viết cũng là mời gọi sự tự do đó. Sartre không muốn bàn về thơ. Cái viết, trong suy tư và nhận thức của ông, chỉ nhắm vào văn. Ông có cái lý của ông trong

những biện luận để trình bày thái độ và cung cách "dấn thân" của mình. Nhưng thật ra, việc viết như một sự tôn trọng tự do của kẻ khác, nếu áp dụng vào việc viết và đọc thơ, cũng không có gì khác. Nhất là vì chúng ta bây giờ không như Sartre ngày đó, bị giam hãm trong vai trò của mình như một người phải lên tiếng trả lời cho những tấn công và nghi ngờ của những trí thức cùng thời, cũng như không bị giam hãm trong những luận lý của một khung "dấn thân" mà nhà triết gia muốn bảo vệ. Thơ, thật ra, cũng đòi hỏi tự do và cũng mời gọi tự do nơi người đọc nó.

Đọc một bài thơ không hẳn chỉ là chuyện tìm vào tâm hồn của người làm thơ. Đọc một bài thơ, rất nhiều khi, là tìm vào tâm hồn của chính mình. Đọc một bài thơ là đi ngược trở về những "đường xưa lối cũ" trong ta, là sờ mó trở lại những vết thương cũ, cảm nhận lại tiếng máy đập của chính trái tim mình trong những bình minh mưa hay nắng ngày nào, là nhìn ngắm trở lại những phong cảnh, đất đai, vườn tược, đồng bằng, núi non mà một lần nào đó, trong đời, ta đã bắt tay từ giã. Đọc một bài thơ là nghe ngóng lại đời sống mình, bằng cách dò tìm vào trong những mặt chữ của tổ chức bài thơ những hang động thâm u dẫn ta giáp mặt với những ám ảnh thiết tha xa vắng. Cũng có khi, trên những mặt chữ, ta tìm thấy được những con hẻm nhỏ dẫn ta đi ngược trở về những ngõ thu phong, những trời xanh mây trắng và những lá đỏ hoa vàng đâu đó trong đời đã làm xao động lòng ta. Lúc ấy, ta sẽ cảm nhận lại được tiếng những bước chân khắc khoải của mình trong tiếng gió nhẹ của thời gian.

Đọc thơ là sáng tạo lại đời sống. Trước hết, đời sống của chính mình. Người làm thơ, qua cái mã của những hình ảnh và tư tưởng trong chữ viết của mình, tạo nên được những hồi quang từ những kinh nghiệm và những rung động của hắn trong đời. Người ấy, qua công việc đó, đã mã hóa những cảm xúc, những suy tư rung động, những tiếng khóc nụ cười của mình vào một tổ chức của chữ và nghĩa mà ta gọi là thơ. Nói tóm, người ấy đã mã hóa một mảnh sống của họ, của cá nhân họ như một con người văn hóa, vào trong bài thơ. Người đọc, khi bước vào bài thơ, không nhất thiết phải tìm ra được tất cả những mã mà người viết, trong lúc sáng tạo, đã để lại đâu đó trong bài thơ của mình, để có thể thật sự thưởng thức bài thơ ấy. Hành động viết và đọc đều đòi hỏi sự tự do. Nếu không có tự do, con người sẽ đọc trong bóng tối. Và trong bóng tối, người ta không thể thấy được những hồi quang của đời sống hay của chính lòng mình. Đọc là đọc với tự do. Công việc phê bình hệ tại cũng chính ở sự tự do đó. Chính tự do đã tạo ra diện mạo của tác phẩm, của tác giả, và của cả chính người

đọc. Nó cũng tạo nên màu sắc cho đời sống.

Người đọc thơ, để thưởng thức một bài thơ–hay đúng hơn, để hạnh phúc với một bài thơ–không nhất thiết phải tìm được hoặc có những mã văn hóa, trong vốn sống của mình, trùng khít với những mã đã được nhà thơ đặt để đâu đó trong bài thơ của hắn. Người đọc, thật ra, chỉ cần bắt được một vài mã căn bản, chính yếu của bài thơ, một vài tín hiệu chấp chới trong cái không gian bao la bát ngát của thơ, là có thể từ đó, với tự do của mình, bước vào để cảm nghiệm và thức nghiệm bài thơ. Một tác phẩm văn học được sáng tạo không hẳn chỉ trong ý thức của kẻ sáng tạo, mà, nhiều phần, còn là trong vô thức của hắn. Cũng thế, nó không chỉ được tiếp nhận với ý thức của người thưởng ngoạn, mà, chính yếu là, bằng và qua vô thức của người ấy–cái vô thức đã trở nên xương thịt của đời sống tinh thần hắn, đã trở nên dòng máu và hơi thở hắn, làm cho kẻ tiếp nhận trở nên một con người văn hóa trong những nghĩa mà nó có thể có. Người thưởng ngoạn, như thế, tiếp cận tác phẩm với toàn thể con người thịt xương cũng như con người mộng mơ, suy tư, ước muốn của mình.

Sự tiếp nhận vì thế, bây giờ, sẽ là một hiện tượng giao thoa. Ấy là lúc các trường ám ảnh, trường liên hệ, trường thu hút trong không gian tâm hồn của người đọc thơ giăng những sóng ngang sóng dọc vào cái không gian của người làm thơ (hay đúng hơn, vào cái không gian tâm hồn của người làm thơ khi hắn sáng tạo ra bài thơ ấy). Tùy vào độ rung của sóng, tùy vào số lượng sóng, cũng như tùy vào tính chất của sóng, mà người đọc thơ sẽ có một bài thơ riêng cho hắn ta. Hắn đọc thơ, cùng lúc, sáng tạo chung với người làm thơ một bài thơ mới. Và một bài thơ, như thế, không hẳn là *một bài thơ*. Nó sẽ là *bao nhiêu bài thơ* chưa được viết ra. Bởi lẽ, có bao nhiêu người đọc thơ là có thể có bấy nhiêu bài thơ mới. Những bài thơ ấy không hề giống nhau. Chúng không đứt cuống trong nguyên mẫu, nhưng trong tiến trình thẩm thức và sáng tạo của mỗi người đọc thơ, chúng có những khuôn mặt khác hẳn nhau. Số lượng những bài thơ phái sinh–những bài thơ được sinh nở như những sinh thể được tạo ra trong một môi trường có điều kiện tạo nên sự sống, là cái bài thơ tiên khởi của một người làm thơ nào đó–có thể tăng lên gấp nhiều lần. Bởi lẽ, không những là ta có những bài thơ khác nhau của mỗi người đọc thơ khi cùng đọc một bài thơ, mà ta còn có thể có cả những bài thơ khác nhau của mỗi người đọc thơ trong những lần đọc khác nhau trong cả cuộc sống hắn. Những kinh nghiệm mà hắn thu nhận được mỗi ngày trong cuộc

sống sẽ làm cho cái đọc của hắn trở nên khác đi. Và, như thế, hắn không đọc lại một bài thơ cũ. Hoặc có thể, cứ cho là hắn đọc lại một bài thơ cũ đi, nhưng cái bài thơ hắn đọc và cảm và sống với, bây giờ, không còn là cái bài thơ cũ mà ngày xưa, trong một lúc nào đó của cuộc sống, hắn đã từng đụng chạm vào. Bây giờ là một bài thơ khác, nhú lên như một búp hoa thẹn thò thơ ngây từ những kinh nghiệm xác thân cũng như tinh thần của hắn trong cuộc sống, từ những khát khao mộng mị, những trăn trở dày vò, những rã rời hân hoan hay những hưng phấn chìm đắm của riêng hắn trong ngũng ngày tháng sau lần tiếp xúc trước của hắn với bài thơ. Kẻ đọc thơ kia, hắn không còn là hắn của lần đọc thơ trước. Hắn đã thay đổi. Và một bài thơ mới ra đời.

Lý luận tiếp nhận văn học là một nửa của lý luận văn học. Một nửa rất quan trọng. Nếu lý luận văn học đã được nhìn nhận như một hệ thống, vào khoảng giao thời giữa thế kỷ XVIII và XIX, để nhận thức đời sống văn học cũng như đời sống con người, thì lý luận về tiếp nhận văn học chỉ mới ra đời trong khoảng gần năm mươi năm trở lại đây. Bàn về lý luận văn học, người ta thường chỉ nói đến khía cạnh sáng tác chứ ít hoặc không để ý gì đến một khía cạnh khác cũng không kém phần quan trọng của văn học là khía cạnh tiếp nhận. Trong lý luận tiếp nhận, vai trò của người đọc được coi trọng. Tùy vào quan niệm cũng như sự nhấn mạnh đến những khía cạnh đặc thù của việc tiếp nhận nơi những nhà lý luận văn học khác nhau (đa số là Nga và Mỹ) mà sự tự do của người đọc có thể được đề cao một cách tuyệt đối hay được trình bày, ít nhất, ở một giới hạn như là một yếu tố không thể bỏ qua của đời sống và giá trị của tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học, bây giờ, đối với nhiều nhà lý luận, được coi như *một quá trình*. Nó được sáng tạo bởi nhà văn , nhà thơ, nhưng sự sáng tạo ấy không hẳn là đã chấm dứt sau khi kẻ sáng tạo viết xong hàng chữ cuối của tác phẩm mình. Tác phẩm là một quá trình. Sự tồn tại của nó có thể được nhìn ngắm ở những dạng, những khía cạnh, hay những giai đoạn khác nhau: chủ ý của tác giả, sự tưởng tượng và những sức mạnh vô thức dẫn dắt kẻ sáng tạo trong khi thực hiện tác phẩm của mình, văn bản (một dạng mà trước đây người ta thường cho là thể hiện của sự hoàn tất tác phẩm), sự khách thể hóa ý định của tác giả trong một cấu trúc mang đầy mã, đầy tính ký hiệu, và sự cảm thụ của người thưởng ngoạn–như một con người văn hóa. Và con người văn hóa này cũng không tránh khỏi những chi phối giằng giật của vô thức tập thể mà trong đó hắn sống cùng, cũng như vô thức của chính hắn qua những kinh nghiệm xương thịt trong đời. Và vì tác

phẩm là một quá trình, như thế, ta có thể nói: khi nào còn người thưởng ngoạn thì bấy giờ tác phẩm cũng chưa hẳn là đã hoàn tất theo nghĩa mở rộng của nó. Nó còn tiếp tục được sáng tạo. Mỗi một cá nhân người đọc có thể làm mới tác phẩm, và, trong một nghĩa nào đó, tạo ra một tác phẩm khác so với nguyên bản. Cũng thế, mỗi một thế hệ, mỗi một thời đại có thể có cách thẩm định, đánh giá, tiếp nhận tác phẩm một cách khác nhau, theo cách cảm, cách nghĩ và theo xu thế của thời đại ấy.

Norman Holland, nhà lý luận và nghiên cứu văn học Mỹ, đã có một nhận xét sâu sắc khi cho rằng tiếp nhận là "quá trình cái tôi đem nội dung vô thức chuyển thành nội dung ý thức, và chính bởi thế, tác phẩm được nhìn nhận như sự biểu hiện và ghi dấu của sự sống cũng như cá tính của người đọc". Tác phẩm văn học, bây giờ, trở nên một cái cớ để mỗi kẻ thưởng ngoạn, với cá tính riêng của mình, giải thích nó, soi chiếu nó, và trong sự soi chiếu cũng như giải thích ấy, hắn tìm lại được chính bản thân mình.

Đọc thơ, cũng như đọc văn, như thế, không còn là đọc về người khác. Nó không phải là cái đọc về sự cảm nhận, suy nghĩ, rung động, tưởng tượng, ước mơ, ham muốn, thiết tha... của kẻ sáng tạo nữa. Có đấy, nhưng điều đó, bây giờ, chỉ là một hiện tượng nhiều phần có tính biểu kiến. Cái đọc bây giờ là để tìm lại chính mình, để phục chế con người mình, con người bị tan tác và mất hút, nhiều khi, trong những manh mún rối ren của đời sống hằng ngày, trong trò lắp ráp của đời sống này đã chia cắt tâm ý của chúng ta thành những linh kiện khác biệt trong những vai trò đầy những ngộ nhận của đời sống.

Đọc, bây giờ, là để đi tìm lại cái hồn của chúng ta sau những cơn thất tán, những nỗi thất tung, và sau những cuộc co kéo giằng giật với đời.

Chúng ta, mỗi người, trong sâu thẳm của lòng, hãy thử tìm đọc lại cho riêng mình một bài thơ cũ.❐

XII 1996

mật mã tình thương

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Ai đem mật mã của tình thương
Gửi khoảng trời thu dọng ráng chiều
Gửi chốn mông lung liên mạng mạng
Chứa đầy ảo ảnh ánh sao rơi.

Gửi những tinh hà đen đen tối
Không ánh mặt trời không lửa soi
Chúng sanh quờ quạng đi nghiêng ngả
Không một nụ cười, chẳng thấy nhau.

Gửi chốn biển sâu nguồn động chuyển
Các loài thủy tộc mới so sanh
Thân như sỏi đá như khô mộc
Chẳng một ánh nhìn...chỉ nuốt nhau

Gửi chốn trần gian đầy bụi bậm
Bụi hồng xen kẽ gây cách biệt
Khoảng cách hào ly xa ngàn dặm
Ngô ngã hoài hoài tâm nát tan

Vũ trụ mẩn mê cơn túy lúy
Lãng quên mật mã của tình thương
Quên rằng chỉ tại tâm gấp lại
Chẳng chịu mở ra đón ánh dương...

một cuốn thơ mới tìm lại được: Nguyễn văn Tường thi tập

Hoàng Liên

Trong hơn ba chục năm phục vụ trong các lãnh vực nội trị, quân sự và ngoại giao, ông Nguyễn Văn Tường (1824-1886) đã viết khá nhiều. Sau khi ông mất trong cảnh lưu đày, do tình hình chính trị nước ta dưới thời Pháp thuộc, những tác phẩm của ông không được công bố và cũng không được ai nhắc nhở đến. May mắn thay, các hàng cháu nội của ông là những cử nhân Hán học Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Hiệu và Nguyễn Văn Phùng đã dày công tìm tòi trong những Bộ, Viện ở kinh đô Huế và sưu tầm được một số tài liệu, văn thơ do ông soạn thảo. Theo đề tài, họ phân loại, sắp xếp thành từng quyển và lưu giữ cẩn thận tại từ đường ở làng An Cư, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị là quê hương của vị Phụ Chánh đại thần. Đó là những tập: Bắc Kỳ Tấu Nghị, Nam Kỳ Tấu Nghị, Tân Định Hòa Ước, Việt Trung Bang Giao, Thương Bạc Viện Phúc và 65 bài thơ.

Riêng tập Thương Bạc Viện Phúc, hiện nay không được hoàn toàn đầy đủ và chắc chắn 65 bài thơ còn lưu lại này không phải là toàn bộ thi phẩm của Nguyễn Văn Tường. Trừ một số ít bài làm tại kinh đô Huế, tập thơ này gồm những bài được sáng tác trong những năm ông đi quân thứ tại Bắc Kỳ. Chúng ta có nghe nói đến những bài thơ ông viết khi bị đày ra Côn Đảo. Cho nên, có thể đoán rằng ông có sáng tác thơ trong những trường hợp khác của cuộc đời đầy sóng gió của ông: khi bị tù tội, lúc bị phát vãng, qua Trung Hoa, vào Nam Kỳ và cả trong thời gian ở Tahiti nữa. Cũng vì lý do chính trị, những bài thơ ấy không được phổ biến và nay đã bị thất lạc. Dù sao, với 65 bài thơ còn lại, chúng ta cũng có thể, qua lời thơ, tìm hiểu con người của ông cùng những suy tư, hoài bão và hành động của ông.

Như chúng ta biết, nhà quân sự, nhà ngoại giao lỗi lạc ấy đã bị xuyên tạc vì ác ý của những người khác chính kiến trong một giai đoạn lịch sử phức tạp. Ngày nay, nhờ sử dụng những tài liệu mới được phát hiện, nhiều nhà nghiên cứu sử học, với tinh thần khách quan, đã đi sâu vào tình hình rối rắm của nước ta vào cuối thế kỷ trước để làm sáng tỏ chủ trương chống Pháp của triều đình Huế, tinh thần dân chúng và nêu rõ vai trò quyết định của Nguyễn Văn Tường trong các lãnh vực chính trị và ngoại giao. Do đó, họ cũng làm sáng tỏ lòng yêu nước sơn sắt của ông, điều mà chúng ta sẽ nhận thấy bàng bạc trong thi phẩm của ông. Qua bản dịch của Trần Đại Vinh và Vũ Đức Sao Biển, chúng ta hãy đọc những dòng thơ của một nhà nho hành động mà gia phả họ Nguyễn đã nhận xét là "việc kinh bang tế thế phát thành văn chương".

*

Ông là một nhà nho thấm nhuần tư tưởng trung quân ái quốc và sớm nhận lấy trách nhiệm của một kẻ sĩ lo trước thiên hạ và vui sau thiên hạ. Với thái độ nhập thế và có chí khí từ thuở thiếu thời, ông chỉ khiêm tốn mong được làm một cây xà nhỏ trong nhà:

Chẳng muốn so do chuyện ngắn dài
Sợ gì yếu ớt gió lung lay.
Có riêng gốc rễ hiên ngang đứng,
Xà nhỏ trong nhà cũng một cây.
(Cây nằm trong miếu)

Trong bài cây tùng ông cũng nói lên ước mơ ấy:

Tiết tháo ngang trời tự đắp vun,
Tàng cây che chở các chim muông.
Mai sau chưa nối nên rường cột,
Mưa móc ơn sâu được thấm nhuần.

Nhân ngày mùng một Tết Nguyên Đán Bính Tý, cung họa bài thơ của vua Tự Đức, ông hướng đến ngày thanh bình thạnh trị của đất nước và nhắc đến mối ưu tư của mình về tiền đồ của tổ quốc:

Tạo hóa mở thái tượng,
Bút vua ngụ lòng trời.
Tính toán sâu xa là mong đất nước thạnh trị.
Hành động chu đáo phải trông chờ khách có tài
Kẻ bề tôi nhỏ nhoi này thẹn vì xấu xa,
Tiết lớn thiếu mất tài kinh luân,
Trong phế phủ thường xuyên nung chí,
Say sưa trong lòng như dậy men,
Cơ trời sẽ chuyển dịch đến hồi thuận rồi gần xa như nhau.

Ông có những ưu tư của một bậc trọng thần nhận lấy trách nhiệm của mình trong một tình thế khó khăn của đất nước. Ngay trong thời gian giữ chức Tán Tương Quân Vụ ở Bắc Kỳ để tiễu trừ bọn thổ phỉ ở vùng biên giới Việt Hoa, khi mới đến Lạng Sơn, ông đã xác định nhiệm vụ của mình là lo cho dân chúng bị bọn giặc áp bức:

Tuy nhiên lòng chó sói,
Há để kề bên hông.
Bọn ta thẹn ngồi không
Kể nào đáng hưởng lộc
Nguyện cùng nhau lo toan
May dân khỏi bức bách.
(Lần đầu đến Lạng Sơn)

Việc quân Pháp chiếm Nam Kỳ là một vết thương nhức nhối khác cho đất nước. Cũng trong lần đến Lạng Sơn này, ông hy vọng dẹp được bọn thổ phỉ Tầu và quân xâm lăng Pháp:

Diệt hết lũ cừ khôi,
Khỏi ô uế hờ cõi.
Dẹp loài ranh khắc tộc,
Nam bắc cùng một mối.
(Lần đầu đến Lạng Sơn)

Ông vốn lạc quan. Có lúc ông nghĩ đến chiến thắng cuối cùng. Trong một bài họa thơ của viên Tri huyện An Dũng, ông hướng về một tương lai tươi sáng:

Bao giờ sông núi ghi công đó,
Chẳng phụ giang sơn mấy nỗi niềm.

Niềm tin tưởng của ông có căn bản thực tế. Khi đọc những bài tấu của ông về việc phòng thủ đất nước, vua Tự Đức châu phê: "Điều trần thảy đều thiết thực". Tại Bắc Kỳ, ông nhận rõ nỗi khốn khổ của dân chúng: Bốn thành cỏ lúa sờn kêu khóc Ông cũng tính toán binh lương để nuôi quân:

Xem xét năm được mùa
Nhìn lính cùng tâm đức.
Nếu lúa nhiều ắt xong
Lính ấy đánh tất thắng.

Một lần đóng quân ở Cao Bằng, ông nghiên cứu địa thế thiên nhiên, thành lũy phòng thủ và ước lượng tinh thần chiến đấu của binh sĩ:

Trông phía Bắc,chồng chất non cao,
Trời nhân thế núi dấy ba đào.
Đất liền Trung quốc chia ngăn trở

Dân lần Mán Nùng vác kiếm dao
Tăng thêm hiểm yếu là tây Mạc.
Dựng cờ kêu gọi ấy Trình hào,
Linh khí Tam Trung nay còn mất,
Tiếng suối màu non bóng nguyệt xao.

Đồng thời, ông ý thức những nỗi khó khăn và sợ mình không đủ tài năng gánh vác nhiệm vụ. Trong bài Bảy Lần Qua Xương Giang, ông nhận định:

Năm lần bảy lượt trấy sông Xương,
Cam chịu gian truân mấy dỗi đường,
Cứu hiểm chẳng rành tài sông nước,
Lái cầm chưa vững cột buồm rung.
Việc đời cuồn cuộn vời con nước,
Bế tắc lòng tôi dọng tợ sương.

Trong một bài thất ngôn tứ tuyệt gửi Bang biện quân vụ họ Vũ ông cũng nhắc lại mối ưu tư ấy với một giọng xót xa:

Lo nước chưa xong đầu đã bạc
Tranh thời chẳng được một trời xanh.
Không tài lại gặp lúc da sự,
Cành ngắn roi dài chỉ tự đau.

Sau năm năm lặn lội trên chiến trường miền Bắc và sau vụ Francis Garnier chiếm bốn thành ở Bắc Kỳ, cùng với Chánh sứ Lê Tuấn, ông vào Sài Gòn thương thuyết với Pháp. Ngồi trong thuyền của Pháp, ông nhớ lại những năm chinh chiến ở miền Bắc (Quân kỳ ải Bắc bao năm), nhận định rằng Pháp đang muốn dùng quân đội để gây áp lực và ngại rằng mình không đủ tài sức để đảm đương việc nước:

Không tài thẹn nỗi trọng vì,
Bình minh chỉ đọc trăm dòng thơ suông.

Ông lo âu, ước lượng những nỗi khó khăn của nhiệm vụ nhưng không tuyệt vọng như hoàng thân Trần Nguyên Đán đời Trần mạt. Trong tinh thần chiến bại và cầu an, nhân một chuyến đi thuyền (có lẽ từ kinh đô về nơi ẩn dật), Trần Nguyên Đán giãi bày tâm sự của mình:

Vạn quốc dân sinh phí đỉnh ngư,
Sóc Yên, Đông biện dĩ khâu khư.
Quy châu vị ổn giang hồ mộng,
Phân thủ ngư đăng chiếu cổ thư.
Trăm họ đau thương cá nước sôi,
Thăng Long gót giặc xéo nên đôi.
Thuyền về thao thức giang hồ mộng,

Sách cổ, đèn chài mượn bóng soi.
(Hoàng Liên tạm dịch)

Trần Nguyên Đán ghi nhận sự thắng bại của nước ta trước sức mạnh quân sự của Chiêm Thành và nỗi thống khổ của dân chúng trong chiến tranh. Nhưng trằn trọc không ngủ được trong khoang thuyền, ông chỉ biết nương ngọn đèn chài, đọc thơ cổ để giải sầu. Nguyễn Văn Tường cũng đọc thơ, nhưng không quên nhiệm vụ, chỉ sợ mình bất tài. Dù sao ông vẫn tin tưởng vào hành động của mình. Cũng trong chuyến đi vào Nam ấy, khi nhìn thấy Tháp Bà ở Nha Trang, ông hy vọng:

Lục tỉnh ngàn năm về nước cũ
Cõi bờ thu lại chuyến Tây hành.

Vào đến Gia Định, ông xót xa vì một phần đất nước đã lọt vào tay thực dân Pháp, khi ông viếng thăm sở thú Sài Gòn:

Vài chuồng thú lạ là tân vật,
Nửa khoảnh chim hoa khác cựu phong.
Đối cảnh đáng buồn ai thay chủ
Gặp người khó nói hết nguồn cơn.

Thơ ông thiết tha và chân thành nói lên tấm lòng sắc son của ông đối với đất nước và biểu lộ một tinh thần trách nhiệm rất cao.

*

Trong cuộc đời gian lao của mình, ông đi nhiều, hoạt động nhiều và tiếp xúc với nhiều hạng người nên có một vốn sống rất phong phú. Thơ ông, phần nào, đã phản ảnh cuộc sống của ông.

Ông đã dành 44 bài thơ để đề cập đến những hoạt động, cảm xúc và suy tư của mình trong quân ngũ. Những bài thơ này được viết ra giữa một vùng núi non trùng điệp của biên thùy Việt Hoa, nơi quan ải hay giữa rừng sâu đầy sơn lam chướng khí. Khi đóng quân ở Cao Bằng, nhìn ánh trăng xao xuyến trên mặt nước suối, ông mơ màng nghĩ đến "linh khí Tam Trung":

Linh khí Tam Trung nay còn mất,
Tiếng suối màu non bóng nguyệt xao.

Một lần khác, đóng quân ở Hà Dương , ông tả cảnh chiến địa:

Ngoái lại Hà dương vùng chiến địa
Bụi bay mù mịt phủ rừng sâu.

Với những câu hùng tráng, ông kể lại một hành trình gian nan:

Sớm đi từ thành Tuyên,
Trạm Vị Xuyên chiều tới.
Cây cao mây ven trời
Đá chắn thuyền trên suối

Thân chẳng nề gian lao.....
(Đi thuyền ngủ đêm ở Vị Xuyên)

Và đây là nỗi lòng của người chiến sĩ ngoài biên ải:

Gió sương giành giật biên cương khóa,
Gai góc hiểm thêm tế nguyệt qua.

Nhưng mang nặng trách nhiệm của một sĩ phu, ông phải vượt qua những nỗi khó khăn để hoàn thành sứ mệnh, nên không thể dong thuyền chu du Ngũ hồ như Phạm Lãi:

Lạng, Thái, Cao, Tuyên đường khó đi,
Mấy lần lặn lội qua mây ải,
Trong bụng có giáp binh, ai ca bài ca Phạm Lãi?

Thái độ dấn thân của ông thật dứt khoát:

Tóc mày vừa bạc nửa,
Kiếm bút há vứt đi!
.....
Nhiễu nhương nhiều biến cố,
Chớ học Tào vô vi.

Lẫn vào giữa những gian khổ và ưu tư của một quân nhân ngoài trận mạc, ông cũng có những phút cảm xúc nhớ đến gia đình, quê hương. Một đêm húy nhật vào tháng Chín, trong cảnh "quán khách đèn côi" và "ngủ mong thành mộng khôn thành mộng", ông viết:

Viễn khách cảm hoài cây trước gió
Huống bao năm tháng chiến trường đây.

Sau năm năm chinh chiến, ông ray rứt nhớ quê với giọng thơ cảm động mà hào hùng:

Một đi năm năm tròn,
Nhớ đau chín khúc ruột.
Gió ải lay cành trúc,
Đêm trăng bước lên cầu.
Sầu chẳng rời ải vắng,
Mộng thường lại cố hương,
Phong hầu ai lạc lối,
Đỉnh Viễn tóc pha sương.
(Quân trung thuật hoài)

Nhà thơ, trong hoàn cảnh tha hương, cũng nghĩ đến gia đình. Khi nhớ con gái lên năm tuổi ở kinh đô, ông muốn có con trai để cho người mẹ được an tâm. Nhưng ông sợ rằng sinh con trai thì con sẽ gặp những nỗi gian truân của một kẻ nam nhi:

Muốn sanh con trai yên lòng mẹ,

Chợt lo hồ thỉ bụi già đời.

Suốt đời vất vả vì công vụ, ông không mấy khi được an nhàn. Trong thơ ông - ít ra là trong những bài còn lưu lại - không có cảnh thả thuyền câu cá, hay cái thú "xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao", không có nếp sống nhàn nhã uống rượu trong hoa viên để ngâm thơ, ngắm trăng và chờ hoa nở. Ông chỉ có cơ hội bắt gặp, ngoài cửa ải, ánh trăng xao xuyến trên dòng suối, giữa rừng núi hoang vu. Ở chiến trường, trong khi "lửa chiến tranh thiêu rụi mấy xóm nghèo", vào tháng Chín giá rét, ông nâng chén rượu giải sầu và chỉ mong

Gió xuân nên đến sớm khắp nơi
Chớ chậm trễ ở những nơi heo lánh.

Một đêm lạnh lẽo, ngồi đọc sách, nghe từ xa vọng lại tiếng trống, tiếng ca, ông tự hỏi:

Nơi nào trỗi nhạc khách thung dung?

Rồi ông đưa hai hình ảnh tương phản giữa người ca sĩ (xinh tươi ca nữ tựa lan can) và người chiến sĩ đang chịu đựng gian khổ nơi rừng sâu nước độc (chinh phu mờ lam chướng). Và nghĩ đến nhiệm vụ của mình, ông mong rằng người ca nữ sẽ nói lên tâm sự của ông bằng cánh hát bài "nhập quan" hùng tráng:

Lời ca nếu giải lòng ngoài cuộc,
Bỏ khúc "tỳ bà", hát "nhập quan"
(Đêm nghe đánh trống ca, trình Thị sư họ Nguyễn)

Cả đến lúc vãn cảnh chùa, trong khung cảnh

Tám cõi mở ra qua lời kệ
Ngàn ban tịch lặng tiếng chuông vang

nhớ đến nỗi thống khổ của dân lành trong chiến tranh, ông đặt câu hỏi:

Linh đơn đâu cứu giúp con dân?

Câu hỏi ấy thể hiện cho tinh thần thực tiễn và mối lo âu cho hạnh phúc của dân chúng. Cho nên ông mơ đến ngày thanh bình của đất nước và, đến lúc ấy, ông sẽ cùng mọi người chuốc một chén rượu mừng:

Thanh bình thôn xóm bao giờ nhỉ,
Cùng rót kỳ anh tửu nhất bôi.
(Cùng Thống Đốc Hoàng Kế Viêm lên kỳ đài)

Cũng trong tinh thần ấy, những bài thơ xướng họa của ông không mang tính cách thù tạc phù phiếm mà chỉ đề cập đến tình hình chiến sự, tình hình chung của đất nước, và đôi khi tình bằng hữu thắm thiết giữa những người cùng chung nhiệm vụ:

Mượn đũa thẹn thùng không kẻ sách,
Thất cơ chuốc lỗi việc tuần tuyên

(Họa bài tặng lên đường của Nguyễn Công, nguyên Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên)

Công trạng thành Tuyên còn bia đó
Xin nhắn chư quân thử đến xem

(Gởi Tham tán Ông ích Khiêm và Tán lý Trần ở Sơn Tây)

Bao giờ sông núi ghi công trạng
Chẳng phụ non sông mấy nỗi niềm

(Họa thơ Tri Huyện An Dũng họ Bùi)

Lo nước chưa xong đầu đã bạc
Tranh thời chẳng được một trời xanh.

(Gửi Bang Biện quân sự họ Võ)

Mây nước khi nào về bến cũ
Hai ơn một cửa lại thêm tươi

(Gửi Tham Biện Nguyễn Tăng Doãn)

Ông có nhiệm vụ của một sĩ phu muốn đem tài trí giúp đời, của một nhà nho nhập thế. Hoạn lộ của ông cũng nhiều thăng trầm không kém bước đường làm quan gian nan của Nguyễn Công Trứ, nhưng khác với Uy Viễn tướng công, ông không nói đến công danh. Ông chỉ thường lo âu về nhiệm vụ, từ khi giữ một chức quan nhỏ cho đến khi được giao phó những trọng trách của triều đình.

Nhưng con người lao mình vào hành động ấy cũng là một nghệ sĩ. Ông tìm thấy những nét mỹ lệ trong thiên nhiên, trong cuộc sống. Ông mô tả hoa lá, núi rừng, khe suối, trời mây, trăng nước, biển rộng, sông dài và diễn đạt cảm xúc của mình trong những lời thơ rất đẹp, khi thiết tha, lúc hùng tráng. Ông họa bài Vịnh Cúc của Tuần Vũ Lạng Sơn họ Đặng:

Mai chưa báo sớ xuân,
Cúc đã nở trước giậu.
Sắc thắm khinh muôn hoa,
Hương thơm hơn mọi thức.
Nếu chẳng có ý tốt,
Sao được hoa muộn màng.
Chớ bảo gió ải lạnh,
Mà phụ lòng tìm hương.

Ông ghi nhận cảnh núi rừng nơi chiến địa Hà Dương với những hình ảnh rất đẹp:

Sương sớm che mờ, mây trong trẻo,
Nắng chiều hé lọt bóng cây thâu.

(Đóng quân ở Hà Dương)

Trong một bài hành, dưới ngòi bút của nhà thơ, cửa biển Tư Hiền ở Thừa

Thiên hiện ra rạng rỡ trong bóng chiều với mây, núi và vầng trăng non lung linh trên mặt nước. Cảnh tượng hùng vĩ ấy gợi lên trong lòng ông cái ước vọng được tung hoành trong trời đất:

Chiều xuống bên trời mây núi về,
Trăng non đầu ngọn bóng thuyền lay.
Thẹn vì không giúp tay chèo chống,
Ngàn dặm chim bằng cưỡi gió bay.

(Kính họa bài thơ Ngự chế chiều lễ Đoan Ngọ đi dạo ở cửa Từ Hiền)

Trong một trường hợp khác, ông hân hoan cảm nhận nếp sống thanh bình an lạc trên dòng sông đổ ra biển khi nhìn thấy những đoàn ghe chài lướt sóng trở về bến xa:

Trong sông tích tụ phù sa,
Một giòng thong thả tuôn ra biển ngoài
Sông êm chèo lướt sóng dài,
Bến xa ghe lướt chèo ai trở về
Trùng dương bát ngát bốn bề,
Muôn sông rồi cũng tụ về nơi đây.

(Cửa Từ Hiền)

Trong dịp tháp tùng vua dự lễ duyệt binh từ sông Hương đến núi Thúy Vân, ông đề cao khí thế hùng dũng của quân đội với ngôn ngữ của một thiên anh hùng ca:

Vua ban lệnh duyệt quân
Lính chen vai thích cánh.
Bến sông Hương buổi sáng,
Trước sau quân nối liền.
Chiều mở đập Thuận Trực
Trời mây nước nghiêng nghiêng.
Vạn mái chèo lướt sóng,
Ba quân thế oai hùng
Gió đưa thuyền nhẹ lướt,
Mặt nước im như gương
Gần đến núi Thúy Vân
Đứng hiên ngang chào đón
.....

(Hành Thúy Vân Sơn)

Như ta đã thấy, giữa rừng núi hoang vu, không uống rượu giải sầu, "chịu để chén không" trong một đêm đông giá buốt nơi biên tái, ông chỉ cầu cho gió xuân "đến sớm khắp nơi, đừng chậm trễ ở những nơi hẻo lánh", bởi vì "lửa chiến tranh đã thiêu rụi mấy xóm nghèo". Lòng rộng

mở, ông không mong xuân về cho riêng mình mà cho tất cả những nạn nhân chiến tranh nơi rừng sâu heo hút. Tấm lòng nhân ái ấy, ta còn gặp ở những bài thơ khác. Ông thương những kẻ ốm đau tàn tật và muốn nâng cao nếp sống của người dân:

Lòng đức vua không tự mãn.
Mọi người hết lòng giúp đỡ,
Dẹp phỉ là phận sự bầy tôi,
Nhanh chóng cấp tiền cho người ốm đau tàn tật.
Đời sống của dân làm sao được toại ý
(Mồng một tháng Giêng năm Ất Hợi)

Trước nếp sống xa hoa của một lớp người ở kinh đô, ông xót thương những kẻ nghèo khó khi nghe tiếng trẻ em khóc đòi cơm:

Chờ cơm, tiếng trẻ khóc như rươi.
Rạy rứt khôn nguôi phải bật cười.
Dạo mát nhìn lầu cao chót vót,
Nhiều đôi mắt ghét ngó không thôi.

Trong quân lữ, vẻ trong trắng cùaq hoa thủy tiên trong trướng của Thống Đốc Hoàng Kế Viêm gợi lên niềm nhớ quê hương và mối thông cảm với hoàn cảnh cô đơn của người chinh phụ ở hậu phương:

Từng giữ lòng trong trắng trải qua nơi bụi bặm
Cùng ta mang mối tình quê đến trại đồng quân
Thương người buộc mối tình khuê phòng bên bờ liễu.

Nhưng đẹp và cảm động hơn cả và tạo được không khí và hương vị Đường thi là bài thất ngôn tứ tuyệt nói lên nỗi ân hận của ông khi ông không thể lưu luyến tiễn đưa một người bạn lên đường vì chính ông cũng phải ra đi. Và trong lặng lẽ, chỉ có tiếng chim hót trong khóm cây đưa tiễn cả hai người:

Quân thúc quy trang, ngã hựu hành.
Bạch đầu chỉ vị biệt ly sinh.
Lâm kỳ tương tống nan tương biệt,
Vạn mộc tùng trung nhất điểu thanh.
Dịch:
Bạn gói hành trang, tôi lại đi,
Bạc đầu chỉ sống với biệt ly.
Đến khi đưa tiễn khôn từ tạ,
Trong khóm cây nào vọng tiếng chim.
(Tặng Bố Chánh Phạm Quan Thành về thăm bệnh cha mẹ)

*

Cuộc đời của Nguyễn Văn Tường liên hệ trực tiếp đến lịch sử nước

nhà từ hậu bán thế kỷ 19. Hình như ở đâu có những vấn đề khó giải quyết thì ông được phái đến. Cho nên ông đi nhiều, sống nhiều, chiến đấu và đau khổ cũng nhiều. Đối với một người sáng tác văn học, đó là những hành trang quý giá. Ông giàu nghị lực, có chí khí, có tinh thần thực tiễn và nhân bản. Ông thường lạc quan và tin tưởng vào hành động của mình. Vì vậy thơ ông không phù phiếm mà thiết thực - tuy vẫn đậm đà những nét thơ mộng - và phản ảnh phần nào những suy tư, hoài bão và cá tính của ông.

Nhận định tổng quát về thơ Nguyễn Văn Tường, tác giả Vũ Đức Sao Biển viết: "Điểm son đẹp nhất trong thơ ca Nguyễn Văn Tường chính là tấm lòng trung quân ái quốc... Cuộc đời của ông Nguyễn Văn Tường là cuộc đời của một nhà nho hành động. Thi ca của ông bộc lộ được một phần con người hành động đó. Ông đúng là cây tùng, cây bách trong triều đình nhà Nguyễn và trong phái chủ chiến, dù chỉ khiêm tốn nhận mình như một cây xà nhỏ..."

Nhưng con người suốt đời xả thân vì nước ấy, cho mãi đến những ngày cuối cùng của đời mình trong cảnh lưu đày nơi đất khách, vẫn mang trong lòng một niềm tâm sự u uất. Ông không muốn thanh minh và dành cho lịch sử phê phán ông (Phải chăng phó mặc ngàn sau luận). Nhưng các đồng chí của ông, như kịch tác gia Đào Tấn, hiểu ông và thương tiếc ông:

Kế nước đúng sai trang sử quyết,
Phương trời sống chết cánh hồng chao.

Và trong một bức thư gửi hoàng thân quốc thích, vua Hàm Nghi xác nhận những đóng góp của ông trong một giai đoạn khó khăn của lịch sử: "Nay đã có phụ chính huân thần Nguyễn khanh (Nguyễn Văn Tường) ở lại giảng giải, nghe đâu cũng được nhiều việc, mọi sự hơi yên ổn. Huân thần tâm sự như thế, cáng đáng như thế, thực rất lấy làm khổ tâm, nhân vật nước Nam ta từ xưa trung nghĩa cũng khó hơn được". (Tài liệu của Võ Xuân Đàn).❐

Tìm mua ngay tại các hiệu sách:

MARIE SẾN

tiểu thuyết của Phạm thị Hoài

Một nhận định dữ dội cay đắng về giới trí thức Việt Nam
Một bút pháp quyết liệt chưa từng thấy ở một nhà văn nữ
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim.

Bên chén mù sương

PHAN MINH KHÁNH

tặng Nghiêu Đề

Ta vẫn ngóng về trời Nam một lối
Nghe ngày qua gậy áo mỏng quê hương
Phố hoang mang những tâm tình chết vội
Đời chia tay mưa ướt mấy dặm đường

Người vẫn sống những âm thầm của đá
Mùa xanh xao rơi xuống buổi lầm than
Em phố cũ tội tình con vắt vả
Gót son phai đau vết xuốt co hàn

Người đã vượt ngàn xanh mù bọt sóng
Cho bạc đầu trong dâu biển phiêu linh
Ta vẫn ngóng áng mây Tần cõi Mẹ
Sông núi tân toan năm tháng vô tình

Đêm nơi đây đầy cỏ xanh tóc rối
Và thời gian nôn nả bóng phù du
Không còn ai mo trăng tròn trăng khuyết
Chỉ mình ta bơi mãi giữa sa mù

Có phải thâm tình như khói thuốc?
Thả khói đi rồi mắt vẫn cay
Có phải quê hương là rượu đắng?
Uống bỏng môi lòng vẫn không đầy...

Ngôn ngữ - ký ức và thi ca truyền khẩu Việt Nam

Võ Thu Tịnh

Về phương diện ngôn ngữ, có thể chia văn chương truyền khẩu thành hai loại: loại văn vần có hình thể cố định, như ca dao, dân ca... và loại văn xuôi có hình thể không cố định, như các truyện thần thoại, huyền thoại, cổ tích... - loại văn vần (thi ca), lời của ca dao, dân ca được lưu truyền nguyên văn, không thay đổi, đồng thời vì luôn luôn ngắn gọn và có nhiều vần, nên được tiếp nhận dễ dàng và được ghi khắc vào ký ức của người nghe một cách lâu dài. Còn ở văn xuôi (truyện kể), lời văn không cố định. Trong thần thoại, huyền thoại hay cổ tích, cùng một cốt chuyện như nhau, mà khi kể, mỗi người lại dùng lối văn riêng của mình, không ai giống ai. Khi nghe kể xong, người ta chỉ nhớ *cốt chuyện* mà thôi, chớ không mấy ai nhớ hết các lời văn xuôi mà người kể đã dùng.

Paul Valéry giải thích hiện tượng ấy như sau: *"Ngôn ngữ mà tôi vừa dùng để diễn đạt một ý đồ, một sự mong muốn, một mệnh lệnh, một ý kiến, một thỉnh cầu hay một giải đáp của tôi, các câu văn xuôi ấy, một khi vừa làm xong nhiệm vụ truyền đạt của chúng, tức khắc sẽ biến mất. Tôi đã thốt các câu văn xuôi ấy ra, là để cho chúng nó tiêu tan đi và dứt khoát biến nhập vào trong trí óc các anh... Nếu các anh đã hiểu được những lời tôi nói rồi, thì những lời ấy không còn cần thiết gì đối với các anh nữa, chúng đã biến vào tâm tư các anh, và để bù lại, các anh đã nhận được của tôi, dưới hình thức các tư tưởng và các ý thức liên hệ, những gì để các anh có thể phục nguyên lại ý nghĩa trong những lời văn xuôi mà tôi đã dùng, bằng những lời văn của chính các anh thốt ra, và những lời ấy có thể khác với những lời của tôi vừa nói đó ". (1)*

Nếu một câu chuyện quá dài, khó nhớ, dân gian ta thường xen vào ở mỗi đoạn chính của câu chuyện ấy một vài "câu thơ" ngắn để làm mốc,

nhờ đó về sau, người nghe có thể nhớ lại các diễn biến của cốt chuyện dễ dàng hơn. Chẳng hạn trong một cổ tích dài như chuyện Tấm Cám, ở mỗi sự việc chính đều có một vài "câu thơ" kèm theo, ví dụ như:

Đoạn đầu, Tấm nuôi cá bống của Phật cho:

Cái bống là cái bống bang !
Lên ăn cơm vàng, cơm bạc nhà ta.
Đừng ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.

Đoạn Tấm bị dì ghẻ giết, hóa ra chim hoàng oanh:

Giặt áo chồng tao,
Thì giặt cho sạch,
Phơi thì phơi bằng sào,
Chớ phơi hàng rào,
Rách áo chồng tao !

Đoạn gần cuối, Tấm lại bị giết, lần nầy Tấm hoá ra trái thị:

Hú trái thị rơi bị bà già,
Bà đem về nhà ngửi chớ không ăn !

Trong *Introduction à la poésie orale* (Nhập môn thi ca truyền khẩu), giáo sư Paul Zumthor nhận xét rằng: *"Người ta có thể ngờ rằng trong lịch sử đã không bao giờ có một nền văn hóa nào mà không có thi ca truyền khẩu"* (2).

Và Jean-Louis Joubert, trong *La Poésie* (Thi Ca), đã xác nhận thêm: *"Khi chưa có chữ viết, người ta phải cầu đến thi ca truyền khẩu để ghi lại và vĩnh cửu hóa những gì con người đã nói hay đã nghĩ. [...] Và lời nói bảo tồn lâu cũng bằng chữ viết, có khi lại còn lâu hơn chữ viết nữa."* (3)

Thi ca truyền khẩu là một "thuật nhớ" (mnémotechnique), là "ký ức" của những dân tộc không có chữ viết. Dân ta từ xưa cũng có câu:

Trăm năm bia đá vẫn mòn,
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ !"

Nhà thơ dùng *"chữ viết"*, khi sáng tác chỉ có một mình. Viết xong, còn có thì giờ sửa tới sửa lui. Tác phẩm "thơ chữ viết" là một sở hữu riêng của tác giả. Còn ở thơ truyền khẩu, dân gian khi sáng tác thường đối diện với nhiều người và phải ứng tác các câu ca dao, dân ca *tức khắc* và *ngay tại chỗ*. Nếu các câu ứng tác ấy được dân gian cho là hay, là đúng với tâm tình, ước vọng của mình, thì họ đem các câu ấy ra *lặp lại* (hay *đọc lại*) nguyên văn, không thay đổi, để đối đáp với nhau trong những dịp hò hát về sau.

Paul Zumthor cho rằng: *"Thơ truyền khẩu là một công trình "đọc lại" hơn là một công trình "sáng tạo"*. (4)

Tất nhiên, ở thi ca truyền khẩu Việt Nam, cũng như ở thi ca truyền

khẩu của bất cứ dân tộc nào, lúc đầu hẳn cũng phải có người "sáng tạo" ra, rồi dân gian về sau mới có mà " lặp lại" hay "đọc lại". Những người sáng tạo ra thơ truyền khẩu của dân ta là những người sinh sống ở nông thôn: cày ruộng, làm công, làm thợ... và đáng kể nhất là các hàn Nho. Hàn Nho là những nhà Nho nghèo (hàn) sinh ra ở thôn quê, lớn lên ở thôn quê. Chính họ là những người mà đời sống đã gắn liền với xóm làng, với bà con, láng giềng, thân thuộc chân lấm tay bùn, để chia xẻ, từ những nỗi khó khăn thường ngày, đến những lối suy cảm, những niềm vui buồn sâu xa của con người nông thôn Việt Nam. Những dịp hội hè, nhóm họp, hát xướng, họ đều có mặt. Chính họ là những người đã "gà" thơ cho trai, gái trong làng hát đối đáp với nhau, tức là đã dự một phần lớn và quan trọng vào công việc "sáng tác nguyên thủy". Những câu ý hay, lời đẹp của họ đã được truyền miệng từ anh trai cày đến chị thợ cấy, đem lại cho các nhà thơ bình dân vô danh khác bao nhiêu nguồn cảm hứng để sáng tác thêm. Chính Nguyễn Du lúc thiếu thời đã từng bao nhiêu năm đi hát phường vải, đã từng ứng tác câu hát, lời ca cho nam nữ thanh niên. Trong *Truyện Kiều*, ai biết được có bao nhiêu câu giống ca dao, hay có bao nhiêu câu Kiều ngày nay đã trở thành các câu ca dao?

Nhưng thường cũng có trường hợp, dân gian, trong khi lặp lại các câu đã được ứng tác từ trước, đã tự động sửa đổi đi ít nhiều. (Sửa đổi cũng có thể coi như một công trình "sáng tạo", nhưng ở phạm vi nhỏ hẹp hơn mà thôi). Sửa đi sửa lại nhiều lần như thế, đến khi lời thơ được xem như là hoàn hảo rồi, thì hình thể câu ca dao hay dân ca sẽ được cố định và được dân gian lưu truyền lâu dài, sâu rộng hơn. Thi ca truyền khẩu không phải là tư hữu của một cá nhân nào, mà là kết quả của sự cộng tác trong thời gian, trong không gian, giữa nhiều người trong dân chúng.

Thi ca truyền khẩu gồm có ca dao và dân ca... Song hai loại này khác nhau thế nào? Ca dao vốn là bài hát suông không có đệm tiếng nhạc, là những câu hát theo giọng điệu tự nhiên, lưu hành trong nông thôn để bày tỏ tình tự của dân gian. Còn dân ca là những bài hát theo một làn điệu nhất định, như hát xoan Phú-thọ, hát phường vải Nghệ Tĩnh, hát quan họ Bắc-ninh, hát bài chòi Bình-định, ca lý Nam phần... hay hò cấy lúa, giã gạo, chèo đò, kéo gỗ... phần lớn để vừa tỏ tâm tình, lại vừa giúp cho quên mệt nhọc trong khi lao tác. Dân ca có nhiều tiếng láy, tiếng đệm, hay tiếng hò, tiếng xô ở điệp khúc, để đưa hơi, đưa giọng cho dễ hát. Nếu gạn bỏ các tiếng láy, đệm, hò, xô ấy đi, thì những lời còn lại hình thể giống như những câu ca dao. Hay ngược lại. Chẳng hạn như câu *ca dao*:

Thương em cho mửa trái cau,
Giấu cha giấu mẹ, núp sau bóng đèn.

Nếu đem ra hò theo dân ca, điệu "hò hụi Kiên Giang" Nam phần, thì phải thêm các tiếng đệm, láy, hò, xô như sau:

Xô : (Hò hụi là là hụi hố khoan. Khoan hố khoan hố khoan ơ hò hụi).

Kể : (Là anh có) *thương em,*

Xô : (Là là khoan hố khoan, hố khoan ơ hò hụi).

Kể : *Cho nửa trái cau,*

Xô : (Là là khoan hố khoan, hố khoan ơ hò hụi.)

Kể : *Giấu cha giấu mẹ,*

Xô : (Là là khoan hố khoan, hố khoan ơ hò hụi).

Kể : *Núp sau bóng đèn.*

Hoặc mấy câu dân ca theo điệu "quan họ" Bắc Ninh dưới đây:

(Tình bằng có cái) *trống cơm,* (khen ai) *khéo vỗ* (ấy mấy vông) *nên vông* (ấy mấy vông nên vông),

Một bầy (tang tình) *con sít lội* (lội lội) *sông* (ấy mấy) *đi tìm.*

(Em nhớ) *thương ai* (đôi) *con mắt* (ấy mà) *lim dim,*

Một bầy (tang tình) *con nhện* (í ớ a, ấy mấy) *đi tìm* (đi tìm, ấy mấy) *giăng tơ".*

Gạn bỏ các tiếng láy, đệm, hò, thì có hình thể giống như ca dao:

Trống cơm khéo vỗ nên vông,
Một bầy con sít (a) lội sông đi tìm.
Thương ai con mắt lim dim,
Một bầy con nhện đi tìm giăng tơ...

Chú giải - (a) Con sít = loại chim sống trong ruộng nước, lông xanh, mỏ đỏ, hay ăn lúa.

Trên thực tế, ngày nay khi ghi lại một bài dân ca, người ta chỉ ghi các lời ca hình thể giống như một bài ca dao, không ghi các tiếng láy, tiếng đệm, tiếng hò, tiếng xô, v.v...

Vì nhà thơ dân gian phải ứng khẩu *tức khắc* và *ngay tại chỗ trước mặt mọi người*, nên không có thì giờ để suy nghĩ, tìm tòi những gì mới lạ hơn... mà chỉ có thể dựa vào những điều mình đã biết, đã nhớ, những gì đã có sẵn trong trí, trong tiềm thức, trong ký ức của mình. Đối tượng của thi ca truyền khẩu là dân chúng thôn quê, vì vậy những điều mà ca dao, dân ca nói lên còn phải bắt nguồn từ trong tâm tình, ý nghĩ, ước vọng chung của dân tộc Việt Nam, thì mới được dân gian cảm thông, tiếp nhận một cách dễ dàng. Những điều dân ca, ca dao nêu ra có tính cách như là những câu trả lời cho các câu hỏi mà dân gian đã từng tự đặt ra trong tiềm thức của họ.

Mà ứng khẩu hay ứng tác thì thường phải có "hứng". Từ xưa đến nay, từ đông sang tây, các nhà thơ đều cho rằng *"hứng"* là điều kiện cần thiết

để sáng tác thơ văn. "Hứng" thường có ba lối: Một là "thiên hứng", là đặc ân của trời phú cho một số ít người, bỗng nhiên thốt ra được những câu thơ rất hay mà chính tác giả cũng không ngờ được. Hai là hứng theo "thói quen", vì thói quen lâu ngày đã trở thành một "bản sinh thứ hai" của những người thuộc được nhiều câu ca dao, dân ca, và thường đi hò hát lâu năm ở nhiều nơi. Nhờ thuộc được nhiều câu ca dao, (một kho tàng thi liệu trong ký ức) nên khi ứng khẩu, có thể đem ra "lặp lại", ghép lại với nhau, sửa đổi ít nhiều, thế nào cho câu dưới vần được với câu trên, tạo thành một bài ca dao ngắn, vần nhịp chỉnh đốn, thích nghi với hoàn cảnh lúc đó. Ngày xưa, một trong những điều kiện để được nhận vào các nhóm "hát quan họ" hay các nhóm "hát phường vải" chẳng hạn, là phải "thuộc được nhiều câu ca dao hay dân ca" (5). Ba là lối "gợi hứng tại chỗ", như tự mình lắc lư đầu, gật gù, gõ nhịp... lẩm bẩm trong miệng, đi qua đi lại, vung tay vung chân... (chưa kể hút thuốc, ăn trầu, uống rượu...) để tự kích thích thần kinh, tưởng tượng, cảm xúc, khơi mở kho tàng thi liệu trong ký ức, khiến cho từng loạt câu thơ có thể xuất hiện tuông ra dễ dàng. (6)

Trong các cuộc hát hò ở thôn quê, thỉnh thoảng cũng có được một vài nhà thơ dân gian có "thiên hứng", còn đa số ứng tác bằng "thói quen", dùng trí nhớ lặp lại những câu đã thuộc để ghép thành bài. Hoặc dùng một kỹ thuật "gợi hứng tại chỗ" mệnh danh là *"thể hứng"*. Đó là lối dùng những câu mào đầu gọi là *"câu hứng"*, đưa ra một vài hình ảnh hay sự việc gì đó, để gây không khí hào hứng làm cho ta cảm thấy thích thú, rạo rực muốn ca hát lên, muốn buông ra những câu thơ, bài hát, tiếng hò... Và nhất là cũng để cho nhà thơ dân gian có thì giờ suy nghĩ, tìm tiếng bắt vần xuống các câu sau, mà diễn tả tình ý của mình.

Đặc điểm của thể hứng là nội dung những "câu hứng" mào đầu ấy không liên hệ gì với nội dung của bài ca dao hay dân ca. Tỉ dụ như ở các câu sau đây:

Chim xanh ăn trái ổi Tàu,
Xứng đôi cha mẹ gả, ham giàu làm chi?

Hay:

Sông sâu mà sẵn đò ngang,
Càng nhiều nhân ngãi càng mang oán thù !

Những hình ảnh, sự việc dẫn ra ở hai câu hứng, mào đầu: "chim ăn ổi", "sông sâu sẵn đò" không liên quan gì đến việc "xứng đôi cha mẹ gả", "nhiều nhân ngãi mang oán thù".

Ngoài việc giúp cho các nhà thơ dân gian được kích thích, được có thì giờ để tìm ý tìm lời, thì các "câu hứng" mào đầu còn có mục đích giúp cho họ lấy giọng, có được đà, mà can đảm đi vào đề, bày tỏ những ý nghĩ

riêng tư của mình ra. Theo lối xử sự giữa nam và nữ ngày xưa, nếu bắt đầu mà "tỏ tình" ra một cách quá đường đột, trắng trợn, thì có thể làm cho người nghe ngượng ngập, thẹn thùng.

Giả tỉ có trường hợp một cô gái muốn nói với người yêu rằng: *"Thương anh đứt ruột mà giả đò làm ngơ"* chẳng hạn. Cô ta đã có sẵn trong đầu "câu bát" (8 tiếng) ấy, bây giờ cần có một "câu lục" (6 tiếng) để dùng làm "câu hứng", mà tiếng chót có vần "ò" (để vần với tiếng *đò* ở câu bát), ghép với nhau cho thành một câu ca dao lục bát.

Cô gái ấy có thể:

a- Hoặc tự mình đặt ra một câu 6 chữ nào đó, chỉ cần tiếng chót có vần "ò" để ghép với "câu bát" ấy mà thôi, như:

Đêm khuya lặn lội thân cò,
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngơ".

Ý trong câu hứng của cô gái đặt ra: "đêm khuya lặn lội thân cò " không liên hệ gì với ý chính trong câu bát "thương đứt ruột mà giả đò làm ngơ".

b- Hoặc cô gái lấy lại nguyên một vài câu ca dao đã có sẵn, mà tiếng chót có vần "ò", như: "Chim chuyền bụi ớt líu lo", "Đường đi cách núi trở đò", "Đêm khuya gà gáy ó o "... Đem lắp mỗi câu ấy vào với "câu bát" thì sẽ thành nhiều câu ca dao giúp cho cô gái bày tỏ được tình ý của mình:

Chim chuyền bụi ớt líu lo,
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngơ.
...Đường đi cách núi trở đò,
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngơ.
...Đêm khuya gà gáy ó o,
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngơ....

Có những câu ca dao được dân gian đem ra dùng đi dùng lại, để làm "câu hứng" mào đầu, như:

Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say.
Em thương anh, cha mẹ chưa hay,
Như ngọn đèn giữa gió biết xoay phương nào?
... "Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say.
Anh hùng thước lụa trao tay,
Nước non một gánh với đây ai hay?
... "Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say.
Nợ nhà giàu trả hết lại vay,

Chớ nợ duyên chồng vợ, trả mấy ngàn ngày cho xong.

c- Hoặc cũng lấy một câu lục đã có sẵn, đem sửa vài tiếng chót cho có vần "ò", rồi ghép với "câu bát" ý chính của mình. Như lấy câu lục ở một bài đã có sẵn sau đây:

*Thò tay ngắt **ngọn rau ngâu,***
Thấy em còn nhỏ giữ trâu mà buồn.

Đổi "ngọn rau ngâu" thành "một ngọn ngò", cho có vần "ò":

*Thò tay ngắt **một ngọn ngò,***
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngơ.

Lắm khi thể hứng gồm có nhiều câu (chớ không phải chỉ một câu lục mà thôi), như:

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.
Em đây vốn thiệt chưa chồng,
Núi cao sông rộng, chưa biết gửi lòng nơi mô?"
... Dừa Bến Tre, ba đồng một trái,
Chuối Bến Tre, một nãi đồng ba.
Ai biểu anh tới đây, rồi lại đi xa,
Để em thương, em nhớ, em chờ, em đợi, nước mắt nhỏ sa vắn dài.
... Anh ngồi cầu Trường Tiền, ngó lên Phu Văn Lâu, dạ sầu bát ngát,
Ngó về Thương Bạc thì dạ héo gan hon,
Đoái nhìn phong cảnh nước non...
Bạn chờ qua, qua chờ bạn, biết bao nhiêu nỗi hao mòn thảm thương.

Thỉnh thoảng, cũng có những câu hứng mà vừa là câu phú (tả rõ), hay vừa là câu tỉ (so sánh), hay vừa là câu ẩn dụ (so sánh thật kín đáo), như:

-Vừa hứng vừa phú

Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu với mơ chua trên rừng.
Em ơi chua ngọt đã từng,
Non xanh nước biếc ta đừng quên nhau.

Hai câu đầu thể hứng, lại vừa tả rõ việc mò cua, hái mơ để nấu canh "mơ chua", rồi từ chữ "mơ chua" bắt quàng liên hệ xuống ý "chua ngọt" của cuộc tình giữa đôi lứa, ở hai câu sau.

- Vừa hứng vừa tỉ

Sông kia có lạ chi cầu,
Đấy đây có lạ gì nhau mà nhìn.

Câu hứng đưa ra hình ảnh "sông không lạ chi cầu" để liên hệ với ý ở câu dưới: cũng như " đây và đó có lạ chi nhau".

- Vừa hứng vừa ẩn dụ

Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say.
Lòng ta như chén rượu đầy,
Lời thề nhớ chén rượu này bạn ơi!"

Giữa ý của hai câu hứng và ý ở hai câu tiếp theo, có một liên hệ giây chuyền: liên hệ giữa hình tượng "rượu hồng đào" với "chén rượu đầy", "lời thề nhớ chén rượu nầy". Dư âm của ý "rượu chưa nhấm đã say" bàng bạc suốt bài, dẫn khởi đến "cuộc tình duyên mới gặp mà đã say mê", mà đã buông "lời thề chung thủy ngay tại đêm nay". Một ẩn dụ cấu trúc nhẹ nhàng mà tha thiết.

Đặc tính của những "câu hứng" là ý bâng quơ, rời rạc, không ăn nhập gì với nội dung bài dân ca hay bài ca dao. Đó là những ***"câu thơ vô nghĩa"*** so với toàn bài.

Trong "đồng ca" (bài hát trẻ em) cũng có những "câu thơ vô nghĩa", đó là những đoạn câu có vần, có nhịp điệu cho dễ nhớ, với mục đích vừa dạy từ ngữ vừa mua vui cho trẻ em. Như:

Trời mưa lâm dâm,
Cây trâm có trái,
Con gái có duyên,
Đồng tiền có lỗ,
Bánh nổ thì ngon,
Bánh đòn thì béo,
Cái kéo thợ may,
Cái cày làm ruộng...

Ở nước Pháp, vào các thế kỷ XII, XIII, cũng có một loại thơ gọi là "fatrasie" trong mỗi bài thơ, trừ câu đầu và câu chót, tất cả những câu khác đều bâng quơ, vô nghĩa. Vào cuối thế kỷ XIX, Paul Verlaine chủ trương "thơ trước hết là nhạc", câu thơ chỉ cần giàu âm hưởng, nhạc điệu, có khi bất chấp ý nghĩa, chẳng hạn như ở bài *Pantoum négligé*, 16 câu toàn là "vô nghĩa" (hay có một ý nghĩa mà không ai thấy được), xin trích 4 câu đầu, dịch ra tiếng Việt như sau:

Ba cái bánh pa-tê nhỏ, chiếc áo sơ-mi của tôi cháy.
Cha sở không thích ăn xương.
Cô em bạn dì tôi tóc vàng, tên là Ursule.
Chúng ta di cư sang Les Palaiseaux !" (7)

Gần đây, ở nước Anh cũng có phong trào thơ *"nonsense"* (vô nghĩa), với những câu nội dung chẳng ăn nhập vào đâu cả. - Pháp, cũng đã phát sinh khuynh hướng chủ trương thơ chỉ cốt ở ngữ thuật (jeu du langage) hơn là ý nghĩa, lời thơ có nghĩa hay vô nghĩa cũng không quan trọng gì.

Đến mức Paul Valéry phải nhắc đi nhắc lại rằng: *"Một thi nhân không có trách vụ cảm thấy trạng thái nên thơ điều đó là một việc riêng tư của anh. Mà trách vụ của thi nhân là tạo ra cái trạng thái nên thơ ấy nơi những người khác.* (8)

Nhưng, bản thể các "câu hứng vô nghĩa" trong ca dao ta có phần khác hơn. Trước khi vào đề, dân gian ta dùng những "câu hứng" gợi lên những hình tượng, sự việc, tình ý rút ra từ thiên nhiên xung quanh họ, từ cuộc sống hằng ngày của chính họ, từ ký ức chung của dân tộc Việt Nam, nên đã gây được những tiếng vang dội sâu rộng trong tiềm thức của người nghe, gây được trong tâm tư người nghe một cảm giác thích thú, một sự biểu đồng tình tha thiết để sẵn sàng tiếp nhận sự truyền đạt một cách dễ dàng. Các "câu hứng" là những tiếng nhạc đạo trước khi đàn, là bài hát rao tuồng để mở màn trong một tuồng hát bộ ngày xưa, là một tập quán trong việc ứng xử "lịch sự" lâu đời của xã hội Việt Nam. Khác hẳn với các câu "thơ vô nghĩa" Tây phương, các "câu hứng" của dân ta dù có giá trị nghệ thuật, tâm lý, xã hội thế nào, cũng vẫn không tách ra khỏi cái nhu cầu đóng góp, chuẩn bị cho trách vụ chính yếu của nhà thơ là truyền đạt tình ý cho những người đang nghe.

Phương thức truyền đạt tình ý của "thơ viết" và của "thơ truyền khẩu" có phần khác nhau. Các thi nhân "thơ viết" phải theo phương thức *ngữ pháp hóa* ngôn từ, còn các nhà "thơ truyền khẩu" lại theo phương thức *kịch trường hóa* ngôn từ. Nhà thơ "chữ viết" có thì giờ nhiều, nên thường cặm cụi gò dũa câu văn theo ngữ pháp bác học qui tắc chật hẹp, khó khăn, còn nhà thơ "truyền khẩu" phải ứng tác tức khắc và ngay tại chỗ, trước quần chúng: họ vừa là tác giả, vừa là người diễn xướng, vừa là kịch nhân, trọn quyền linh động tận dụng mọi nghệ thuật ngôn từ của môn kịch. Mà kịch trường ở đây chính là sân khấu đại qui mô của cuộc sống xã hội hiện hữu hằng ngày của dân gian ta. Do đó, nghệ thuật thi ca truyền khẩu rất phong phú, linh động, luôn luôn buông túng theo các biến chuyển của xã hội, mà đổi mới không ngừng.

Giáo sư Paul Zumthor đã kết luận: *"Chính vì các lẽ ấy, nên thi ca truyền khẩu thường bao gồm nhiều qui tắc và phức tạp hơn thi ca sáng tác bằng chữ viết: ở những xã hội mà tập tục truyền khẩu chiếm ưu thế, thì thi ca truyền khẩu có một nghệ thuật điêu luyện hơn phần đông các tác phẩm sáng tác bằng văn tự."* (9)

Nhưng đừng quên rằng nghệ thuật thi ca truyền khẩu vốn là nghệ thuật của "ngôn ngữ-ký ức". Và muốn cho người nghe ghi nhớ dễ dàng và bền lâu vào ký ức, thì các câu thơ truyền khẩu phải phù hợp với:

- *nhịp vận động* của thân hình con người,
- phải vang lên những *âm hưởng* của tiếng nói con người,
- phải dùng tưởng tượng con người mà nhìn *hình tượng*, dùng lý trí con người mà thấy được sự chuyển ý của *văn ảnh* cô đọng, dẫn khởi.

Như vậy, "ngôn ngữ-ký ức" đòi hỏi trong các bài ca dao, dân ca một cấu trúc xây dựng trên ba yếu tố : **nhịp điệu, âm hưởng và hình tượng, văn ảnh**. Vấn đề được đặt ra ở đây là ngôn ngữ Việt Nam chúng ta có cung cấp cho thi ca truyền khẩu (ca dao, dân ca) đầy đủ các yếu tố đặc thù ấy không? Nếu có thì đến mức độ nào?

Về **nhịp điệu** trong thi ca truyền khẩu, Jean-Louis Joubert, giáo sư đại học Sorbonne tại Paris, trong tác phẩm *La Poésie*, có giảng rõ: *"Cấu trúc thi ca truyền khẩu đã bắt chước theo các điệu bộ nhịp nhàng của thân hình, lối ngâm dần từng tiếng thích hợp với sự hô hấp. Những phương thức đơn giản, trong đó điệu bộ và ngôn ngữ chồng chất lên nhau (từng loạt các câu cân bằng và mất cân bằng, điệp ngữ và đối ngẫu, đối xứng và xen kẽ, song song và bắt vần, v.v...) tạo điều kiện dễ dàng cho sự ghi nhớ và bảo đảm sự biểu đồng tình của cử tọa, đồng thời cho phép sáng tạo, bằng ngữ thuật, những tạp diễn vô hạn định. Sự hội nhập điệu bộ và thân hình vào thi ca vẫn tiếp diễn dù là khi người ta rời xa lối truyền khẩu. Chính sự hội nhập này đã cấu tạo nên* ***nhịp điệu****, nhờ đó thơ được nổi bật hơn các công trình tạo tác khác bằng chữ viết.* (10)

Sự hội nhập ngôn ngữ thi ca truyền khẩu với điệu bộ của thân hình con người, được thể hiện trong ngôn ngữ Việt qua sự vận dụng những **tiếng kép đôi** và **lối xen kẻ nhiều tiếng kép đôi** với nhau. Ngôn ngữ Việt vốn có rất nhiều tiếng kép đôi, là những tiếng gồm có hai tiếng ghép lại: hoặc 2 tiếng đều có nghĩa, như: *rụng rời, nóng nực, ngày tháng, mờ mờ, nhẹ nhẹ...*, hoặc 1 tiếng có nghĩa với 1 tiếng vô nghĩa, như: *lạnh lẽo, buồn bã, ngại ngùng* (lẽo, bã, ngùng: là những tiếng vô nghĩa), hoặc 2 tiếng đều vô nghĩa, như: *thong dong, khắc khoải, tồng ngồng, lôi thôi,* v.v...

Dân ta có khuynh hướng dùng những rất nhiều tiếng kép đôi thay cho những tiếng đơn đồng nghĩa, để cho câu nói được nhịp nhàng, cân đối. Thay vì nói "ao thu lạnh" chẳng hạn, thì người ta lại thích nói "ao thu lạnh lẽo"; đáng lẽ chỉ nói "gặp nhau vui lắm " thì lại thích nói "gặp nhau vui vẻ lắm". Thay vì nói "đi chậm" thì lại thích nói "đi chậm chạp". Các tiếng "lạnh, vui, chậm" có nghĩa, các tiếng "lẽo, vẻ, chạp" là những tiếng vô nghĩa, chỉ thêm vào nghe cho nhịp nhàng, êm tai thôi. Các câu thơ Việt được nhịp nhàng cân đối là do dân gian đem những tiếng kép đôi xen kẽ lại với nhau, để tạo thành hai vế đối xứng nhau, như:

Nhân duyên tháng đợi năm chờ,
Ngồi buồn làm một bài thơ không chồng.

Hai tiếng kép đôi "năm tháng" và "đợi chờ" xen kẽ nhau thành: *"tháng đợi / năm chờ"*.

Hơn nhau tấm áo, manh quần,
Thả ra mình trần, ai cũng như ai.

Hai tiếng kép đôi "tấm manh", "áo quần" xen kẽ nhau thành: "tấm áo / manh quần".

Gẫm xem thế sự thăng trầm,
Xưa ông mặt trắng, nay thằng mặt trơn.

Ba tiếng kép đôi "xưa nay", "ông thằng" và "trắng trơn" xen kẽ nhau thành: *" Xưa ông mặt trắng / nay thằng mặt trơn"*

Sông Ngân há để bắt cầu,
Trai thương vợ cũ, gái sầu chồng xưa.

Bốn tiếng kép đôi "trai gái", "thương sầu", "vợ chồng" và "cũ xưa" xen kẽ thành hai vế đối xứng: *"Trai thương vợ cũ / gái sầu chồng xưa"*...

Như thế, dùng tiếng kép đôi và xen kẽ các tiếng kép đôi là phương thức căn bản để xây dựng *nhịp điệu* trong thơ truyền khẩu Việt Nam. Các nhà thơ "chữ viết" nối tiếng nước ta, trước đây, cũng thường vận dụng các tiếng kép đôi này. Chẳng hạn như trong *Đoạn Trường Tân Thanh*, đoạn "Kiều đi Thanh Minh" (câu 43 đến câu 142), Nguyễn Du đã dùng trên 30 *tiếng kép đôi* (nô nức, dập dìu, ngổn ngang, tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, sè sè, đầu đầu, xôn xao, mong manh, đâm đâm, đau đớn, mòn mỏi, phôi pha, gặp gỡ, lâm râm, nhỏ to, mê mẩn, tần ngần, ủ dột, vắn dài, nặng nề, ào ào, rành rành, hiển hiện, lai láng, bồi hồi, dùng dằng, gần gần, con con,...) và mười mấy *lối xen kẽ các tiếng kép đôi* thành những tiếng kép bốn, phân ra làm hai vế đối xứng nhau:

_ "Trâm bình", "gãy rơi" > *Thì đà trâm gãy, bình rơi bao giờ.*

_ "Thỏ ác", "lặn tà" > *Trải bao thỏ lặn, ác tà.*

_ "Ngựa xe", "áo quần", "nước nen" > *Ngựa xe như nước, áo quần như nen.*

_ "Thoi vàng", "tro tiền", "vó giấy", "rắc bay" > *Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.*

_ "Ngày xanh", "má hồng", "mòn mỏi", "phôi pha" > *Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha...*

Văn chương Đông phương chúng ta thiên nhiều về sự đối xứng, nhưng trong thi văn Pháp, "*sự đối xứng hay đối ngẫu... là một khái niệm mới xuất hiện gần đây, mà tu-từ học cổ-điển không hề lưu tâm đến. Khi Malherbe dịch các bài thơ trong Thánh Kinh (Psaumes), hình như ông không nhận*

thấy rằng căn bản thi ca Thánh Kinh đã xây dựng trên những đối ngẫu, và trong bản dịch sang Pháp văn, ông không hề tìm cách phục nguyên lại các lối đối ngẫu ấy." (11)

Các văn thi sĩ Pháp cũng không hay dùng đến lối đối ngẫu trong các tác phẩm, và trong lý luận văn học của họ cũng không bàn cập đến vấn đề ấy. Tuy vậy, dân gian Pháp vẫn theo lối đối ngẫu mà sáng tạo ra nhiều câu ca dao, tục ngữ cân đối, như: "Loin des yeux, loin du coeur" (xa mặt, cách lòng), "Après la pluie, le beau temps" (hết mưa, lại nắng), "Tel père, tel fils" (cha nào, con nấy), "Oeil pour oeil, dent pour dent" (ăn miếng, trả miếng), "La parole est d'argent, le silence d'or" (lời nói là bạc, im lặng là vàng)... Như thế, là vì dân gian Pháp (cũng như dân gian Việt hay bất cứ sắc dân nào khác trên thế giới) bao giờ cũng theo qui luật tự nhiên chung của con người về nhịp thở và về nhịp cử động thân hình, mà cấu tạo ra những câu nhịp nhàng, đối xứng, để cho *dễ nói, dễ thuộc, dễ nhớ.*

Âm hưởng, ở thi ca truyền khẩu Việt Nam, luôn luôn được gắn liền với *nhịp điệu*. Âm hưởng ở đây chỉ chung tiếng nói, lời nói của con người Việt Nam, một tiếng nói có *âm vận* và *âm thanh* thật phong phú.

Âm vận chỉ những tiếng có vần với nhau. Hai tiếng vần với nhau trước hết phải có một *âm căn bản* như nhau (âm căn bản là những âm *chưa có dấu giọng*), rồi nếu thêm dấu giọng thì ta sẽ có:*Vần bằng* là những tiếng có dấu huyền và tiếng không dấu vần với nhau, tỉ dụ như "mơ" vần với "mờ", với "cờ", với "tơ" (cùng một âm căn bản "ơ"); "tài" vần với "mai", với "đài" (cùng một âm căn bản "ai"); "thương" vần với "lường", với "chương" (cùng một âm căn bản "ương")... *Vần trắc* là những tiếng có dấu sắc, dấu ngã, dấu hỏi, dấu nặng vần với nhau, tỉ dụ như "có" vần với "thỏ", với "mõ", với "họ" (cùng một âm căn bản "o"); "cáng" vần với "hảng", với "lãng", với "trạng" (cùng một âm căn bản "ang"), v.v... Về vị trí của vần trong câu, ta có hai loại: *Cước vận* (cước = chân), là những vần gieo vào các tiếng ở cuối câu, và *yêu vận* (yêu = lưng), là những vần gieo vào tiếng ở lưng chừng câu. Âm vận cũng là **một loại điệp ngữ** lặp lại nhiều lần các âm căn bản cùng một thanh.

Đặc điểm của ca dao Việt là vừa có cước vận vừa có yêu vận. Ca dao Tàu chỉ có cước vận, không có yêu vận, như ở bài ca dao Tịnh Nữ trong Quốc phong, (Kinh Thi) dưới đây:

Tịnh nữ kỳ thù,
Sĩ ngã vu thành ngu.
Ái nhi bất kiến,
Tao thủ trì trù.

(Dịch: Cô gái dịu dàng xinh đẹp, đợi ta ở góc thành. Yêu mà không được gặp, Ta xoa đầu băn khoăn).

So với bài ca dao Việt sau đây:

Chồng gì anh, vợ gì tôi ?
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây !
Mỗi người một nợ cầm tay,
Ngày xưa nợ vợ, ngày nay nợ chồng.

Ta thấy bài ca dao Tàu 4 câu chỉ có 3 tiếng cước vận mà thôi: "thù", "ngu" và "trù" ở cuối các câu 1, 2 và 4. Còn bài ca dao Việt cũng 4 câu mà có đến 5 tiếng bắt vần: Cước vận: "đây" vần với "tay". Yêu vận: "tôi" vần với "đời", "tay" vần với "nay".

Trái lại, chúng tôi nhận thấy có nhiều yêu vận trong "thơ truyền khẩu" của dân Mạ (Thượng Việt ở Cao nguyên Trung phần) và dân Lào, [mà theo Bình Nguyên Lộc, tác giả *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Nam*, đó là những sắc dân vốn cùng một tông Malaya với chúng ta. (12)] Ví dụ ở bài thơ bình dân Lào sau đây:

Xa thú, xa gio, mư xay kậu,
Khạ pha chậu khổ kao tam nan.
Pên ni than xúp ma tè koòn,
Vậu tè boòn pang Khun Bu Rôm.

(Dịch: Chắp tay lên trán kính cẩn thưa: Kẻ tôi tớ nầy xin kể lại sau đây, theo cổ tích từ đời xưa truyền lại về đoạn vua Khun Bu Rôm).

Bốn câu mà có đến 6 tiếng yêu vận: "kậu" vần với "chậu"; "nan" vần với "than"; "koòn" vần với "boòn".

Và ở bài ca dao Mạ:

Oi puu' taany mang,
Oi pang taany ngai,
Oi đờ-rai taany ngai bii mhoo...

(Dịch thoát: Chăn "puu' " dệt ban tối, chăn "pang" dệt ban ngày, chăn "đờ-rai" dệt ngày lẫn đêm).

Bốn câu có đến 6 tiếng yêu vận: "mang" vần với "pang"; "ngai" vần với "đờ-rai", "ngai".

Có người cho rằng âm vận hiện nay trong thi ca truyền khẩu Việt Nam là kết quả của sự hòa nhập giữa cước vận Tàu với yêu vận Lào, Mạ... Nói một cách chính xác hơn nữa, (vẫn theo Bình Nguyên Lộc) Việt Nam vốn cùng chung một tông Malaya với Lào, Mạ, nên tất nhiên đã có sẵn yêu vận, về sau chịu ảnh hưởng văn hóa Tàu, nên chúng ta thu nhận thêm cước vận (tỷ lệ 1 cước vận / 2 hoặc 3 yêu vận) để tạo ra các thể lục bát, song thất lục bát ngày nay.

Nhìn chung, "điệp ngữ" của âm vận đã hòa nhập với "đối xứng" của nhịp điệu, khiến cho ngôn ngữ Việt Nam trong thi ca truyền khẩu nghe du dương, êm tai, giàu nhạc tính. Mà nhạc tính, theo định nghĩa nguyên thủy trong văn học Tây phương là bản thể của thi ca: *"Thơ là nhạc của tâm hồn"* (Voltaire), *"Thơ là tham vọng của ngôn từ muốn chứa đựng cho được nhiều ý hơn, pha trộn với nhiều nhạc hơn, mà ngôn ngữ thông thường không chứa đựng và không thể chứa đựng được"* (Valéry) (13).

Âm thanh chỉ chung các giọng dài, giọng ngắn của tiếng Việt. Tiếng Việt có nhiều dấu, phân thành hai loại. *Tiếng bằng*, giọng êm dịu, có thể kéo dài ra được, như những tiếng không có dấu và những tiếng có dấu huyền. *Tiếng trắc*, giọng ngắn ngủn, không đọc dài ra được, như những tiếng có chữ c, ch, p, t đứng ở cuối tiếng và những tiếng có dấu sắc, nặng, hỏi, ngã. Trong những tiếng bằng và tiếng trắc, tiếng nào cũng có thứ tiếng bổng và tiếng chìm. Tiếng bổng trong tiếng bằng là những tiếng *thượng bình thanh*, không có dấu; tiếng chìm trong tiếng bằng là tiếng *hạ bình thanh*, có dấu huyền. Tiếng bổng trong tiếng trắc là những tiếng có dấu sắc và dấu ngã, tiếng chìm là những tiếng có dấu hỏi và dấu nặng. Những tiếng bằng, trắc ở ca dao thường dùng để ngắt đoạn trong câu, nhấn mạnh vào các nhịp điệu.

Thể thơ là hậu quả của sự hòa nhập giữa nhịp điệu, âm thanh và âm vận. Chính cách ngắt câu, ngắt đoạn (nhịp điệu), cách đặt và đổi chỗ các tiếng trắc, tiếng bằng vào tiếng chót của mỗi đoạn câu (âm thanh) và cách gieo yêu vận hay cước vận vào những vị trí nào trong toàn bài (âm vận), đã quyết định cấu trúc của các "thể thơ" trong thi ca truyền khẩu dân ta. Các nhà văn học thường phân thi ca truyền khẩu ra thành ba thể: *thể nói lối* (những câu từ 2 đến 5, 6 tiếng), *thể lục bát chính thức* (cứ 1 câu lục 6 tiếng và một câu bát 8 tiếng đi cặp với nhau) và *thể song thất lục bát chính thức* (gồm có hai câu thất, mỗi câu 7 tiếng và hai câu lục bát).

Luật thơ do các nhà Nho ngày xưa đã căn cứ vào những câu thơ lục bát hay song thất lục bát đã thành hình mà đặt ra luật thơ với nhiều qui lệ, song chính yếu ta nhận thấy có:

1- Về *tiết tấu* (cách ngắt đoạn trong câu): mỗi câu có ba hay 4 đoạn, mỗi đoạn có 2 hay 3 tiếng, qui định như sau: câu thất 3/2/2, (khác với các câu thất trong thơ Tàu 2/2/3); câu lục 2/2/2, câu bát 2/2/2/2. Trong mỗi câu, những tiếng chót các đoạn phải lần lượt trắc rồi bằng, hay bằng rồi trắc, một qui luật mà Hoài Thanh gọi là "luật đối thanh" (*Thi nhân Việt Nam*, 1942) theo biểu đồ sau đây:

Thể lục bát

Câu lục	0 B / 0 T / 0 B
Câu bát	0 B / 0 T / 0 B1 / 0 B2

Thể song thất lục bát

Câu thất 1	0 0 T /	0 B /	0 T
Câu thất 2	0 0 B /	0 T /	0 B
Câu lục	0 B /	0 T /	0 B
Câu bát	0 B /	0 T /	0 B1 / 0 B2

Chú thích : 0 = tiếng không bắt buộc trắc hay bằng; 0 B1 / 0 B2 = hễ B1 thanh bằng bổng, không có dấu, thì B2 thanh bằng chìm, có dấu huyền, và ngược lại.

Xin lưu ý - "Luật đổi thanh" ấy cũng không khỏi có một vài biến dạng, ngoại lệ:

a- Biến dạng: - đoạn cuối các câu bát, theo đúng "luật đổi thanh" phải là 0 B, nhưng lại là 0 B1 / 0 B2. Vì sao? Theo thiển ý chúng tôi, thì hai đoạn 0 B1 / 0 B2 nầy có thể coi như là *một đoạn có tiếng chót thanh bằng*, nhưng tiếng chót thanh bằng ấy được kéo dài ra để chấm dứt câu và chấm dứt theo hai thuật kết câu như sau:

- Hoặc ngân kết, kéo dài thanh bằng ra qua một (vài) tiếng thanh bằng khác, để kết câu theo công thức (B B B), ví dụ:

Người khôn, ai chẳng nâng niu,
Hoa thơm, ai chẳng chắt chiu (B) *trên* (B) *cành* (B)
... Hát câu đẹp cốm, tươi hồng,
Hát câu nên vợ, nên chồng (B) *cò* (B) *ơi* (B)

- Hoặc láy kết, đưa giọng lên cao láy qua *một tiếng trắc*, rồi trở lại thanh bằng để kết câu theo công thức (B T B):

Con cò trắng toát như bông,
Muốn nghe hát đúm, mà không (B) *chịu* (T) *vào* (B)
... Ước gì em biến nên chum,
Anh biển nên nước, ta đùm (B) *lấy* (T) *nhau* (B).

Ngân kết theo công thức (B B B): *"chiu trên cành"*, *"chồng cò ơi"*; **láy kết** theo công thức (B T B): *"không chịu vào"*, *"đùm lấy nhau"*, là những thuật kết câu, kết bài thường dùng trong cổ nhạc, trong dân ca chúng ta.

Như thế, các tiếng chót ở hai đoạn cuối các câu bát, nếu tiếng trước thanh bằng (B1) không dấu, thì bắt buộc tiếng sau (B2) phải thanh bằng có dấu huyền, và ngược lại. Đó cũng là một hình thức "đổi thanh" song mức độ nhẹ hơn: vẫn ở trong thanh bằng, mà đổi từ thanh bằng bổng xuống thanh bằng chìm, hay ngược lại từ thanh bằng chìm lên thanh bằng bổng.

b- Ngoại lệ:*Tiếng chót của đoạn đầu trong câu thất* (song thất lục bát), theo "luật đối thanh" phải là tiếng trắc, nhưng nếu hai câu bảy đặt thành 2 câu sóng nhau, (hoặc đối, hoặc không đối), thì có thể là một tiếng thanh bằng, như ở các bài dưới đây:

Của của trời (B) *ai chăm* (B) *thì được* (T)
Việc việc đời (B) *ai trước* (T) *thì hơn* (B)
Cứ gì (B) *ăn trắng* (T) *mặc trơn* (B)
Làm người (B) *gánh vác* (T) *giang sơn* (B1) *mới là* (B2).
... Trái lòn hon (B) *trong tròn* (B) *ngoài méo* (T)
Anh nhớ em (B) *ruột héo* (T) *gan xàu* (B)
Đó đây (B) *cách trở* (T) *vì dâu* (B)
Trách sao (B) *con tạo* (T) *cợ cầu* (B1) *đa đoan* (B2).

2- Về cách gieo vần, thi ca truyền khẩu ta theo như trong các biểu đồ dưới đây:

Thể lục bát

Câu lục 0 B 0 T 0 B (cvb)
Câu bát 0 B 0 T 0 B1 (yvb) 0 B2 (cvb)

Thể song thất lục bát

Câu thất 1 0 0 T 0 B 0 T (cvt)
Câu thất 2 0 0 B 0 T (yvt) 0 B (cvb)
Câu lục 0 B 0 T 0 B (cvb)
Câu bát 0 B 0 T 0 B1 (yvb) 0 B2 (cvb)

Chú thích - (cvb) = cước vận bằng; (cvt) = cước vận trắc; (yvb) = yêu vận bằng; (yvt) = yêu vận trắc.

Bài ca dao hay dân ca nào cấu trúc đúng y như thế thì gọi là "lục bát chính thức" hay "song thất lục bát chính thức". Còn bài nào tuy cách ngắt đoạn trong câu và cách gieo vần đúng luật, nhưng số tiếng trong mỗi đoạn không đúng với số tiếng luật thơ qui định, thì gọi là "lục bát biến thức", như:

Nói lời / anh chẳng / giữ lấy lời (7 tiếng/)
Nay anh đang tâm / phụ bạc / để tiếng đời / cười chê. (11 tiếng)

(Câu lục đáng lẽ 6 tiếng thì lại 7 tiếng, câu bát đáng lẽ 8 tiếng thì lại 11 tiếng)

Hay gọi là "song thất lục bát biến thức", như:

Ới anh ơi / có xa / thì xa cho mất (9 tiếng)
Có lại gần / thì thành thất / thành gia (8 tiếng)
Em khuyên anh / đừng lại lại / qua qua (8 tiếng)
Một mai / thầy mẹ em biết / đánh la / tội tình.(10 tiếng)

(Đáng lẽ 7 tiếng, mà câu thất một lại 9 tiếng, câu thất hai lại 8 tiếng, câu lục đáng lẽ 6 tiếng thì lại 8 tiếng, câu bát đáng lẽ 8 tiếng thì lại 10 tiếng)

Bùi Kỷ, trong *Quốc Văn Cụ Thể*, có nhận xét rằng: *"Lục bát là lối văn riêng của ta mà Tàu không có. Phát nguyên bởi những câu ca dao, phương ngôn, ngạn ngữ đời cổ, kỳ thủy mỗi câu hoặc 4 chữ, hoặc 5, hoặc 6...chữ, không nhất định, dần dần dựa vào êm tai,đọc ra thuận miệng, thành ra một thứ âm điệu... cứ câu 6 tiếng tiếp theo luôn câu 8 tiếng, cho nên gọi là lục bát"*. (14)

Theo chủ trương nầy (các câu thể "nói lối" nguyên thủy đã theo thời gian chuyển hóa dần dần thành ra các thể "lục bát" và thể "song thất lục bát"), chúng tôi xin đưa ra một giả thiết về lai lịch của ca dao, theo một quá trình chuyển hóa tưởng tượng, như sau:

- Chuyển hóa từ "nói lối" thành ra "lục bát"

Lấy một bài ca dao thể "nói lối" 4 câu dưới đây:

1- Bâng khuâng, bát ngát,
2- Em hát hữu tình.
3- Căn duyên trời định,
4- Hai đứa mình gặp nhau.

Nếu ghép câu 1 với câu 2 lại với nhau và bỏ hai tiếng "bát ngát", ta có một "câu lục", ghép câu 3 và câu 4 lại, ta có một "câu bát", cả hai câu lục và bát hợp lại thành một cặp "lục bát biến thức":

Bâng khuâng em hát hữu tình,
Căn duyên trời định hai đứa mình gặp nhau.

- Chuyển hóa từ "nói lối" thành ra "song thất lục bát"

Lấy một bài ca dao gồm có sáu câu (4 câu nói lối và 2 câu lục bát) sau đây:

1- Gió hiu hiu,
2- Chín chiều ruột thắt,
3- Nhìn sao bên bắc,
4- Nước mắt chảy bên đông.
5- Ai xuôi chi vợ vợ, chồng chồng,
6- Không biết đây với đó giây tơ hồng có xe?

Nếu ghép câu 1 và câu 2 với nhau, ta có câu thất thứ nhất, ghép câu 3 và câu 4 với nhau, ta có câu thất thứ nhì. Hợp lại với câu 5 và câu 6 là hai câu "lục bát", ta sẽ có bài "song thất lục bát biến thức":

Gió hiu hiu, chín chiều ruột thắt,
Nhìn sao bên bắc, nước mắt chảy bên đông.
Ai xuôi chi vợ vợ, chồng chồng,

chúc mừng năm mới

tạp chí Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác trong số báo này kính chúc quý độc giả và văn hữu một năm Đinh Sửu gặp nhiều may mắn và dồi dào sức khỏe.

châu văn thọ ● nguyễn mộng giác ● mai kim ngọc nguyễn xuân hoàng ● thạch hãn ● võ thắng tiết nguyễn minh đức ● thụy khuê ● nguyễn khắc phú ngu yên ● võ phiến ● trúc chi ● triều hoa đại ● bùi vĩnh phúc ● nghiêm xuân hồng ● hoàng liên ● phan minh khánh ● võ thu tịnh ● phan ni tấn ● vương thúy lệ ● phạm tú minh ● nguyễn văn thế ● đoàn xuân kiên ● trần mộng tú ● nguyễn văn sâm ● khoa hữu ● kinh dương vương ● trần minh hiền ● võ đình ● định nguyên ● trần diệu hằng ● nguyễn đăng bảo lộc ● du tử lê ● hoàng nga ● trần hồng châu ● ngự thuyết ● hồ minh dũng ● nguyễn thúc đượng ● thận nhiên ● lệ hằng ● diễm âu ● hoàng xuân sơn ● đỗ quang nghĩa ● lê minh hà ● hoàng khởi phong phùng nguyễn ● sương mai ● trần thị diệu tâm ● hoàng huyền thanh ● hoàng bích đào ● nguyễn quốc trụ ● y chi

Văn Học

số 129&130 ● tháng 1&2 .1997

VĂN HỌC	4	thư tòa soạn
VÕ PHIẾN	5	văn chương
TRÚC CHI	9	gần hết năm, ghi vội
TRIỀU HOA ĐẠI	15	*tháng giêng, hoa lá*
BÙI VĨNH PHÚC	16	viết và đọc, những nẻo đi về
NGHIÊM XUÂN HỒNG	21	*mật mã tình thương*
HOÀNG LIÊN	22	nguyễn văn tường thi tập
PHAN MINH KHÁNH	33	*bên chén mù sương*
VÕ THU TỊNH	34	ngôn ngữ, ký ức & thi ca truyền khẩu việt nam
PHAN NI TẤN	61	*bình minh, xuân*
VƯƠNG THÚY LỆ	61	*chiều*
PHẠM TÚ MINH	62	chữ i và y
NGUYỄN VĂN THẾ		trong chính tả
ĐOÀN XUÂN KIÊN		tiếng việt
TRẦN MỘNG TÚ	75	*trái cam và tình yêu*
NGUYỄN VĂN SÂM	76	thơ tuồng
KHOA HỮU	88	*sự im lặng của cát bụi*
KINH DƯƠNG VƯƠNG	93	chiên lạc
TRẦN MINH HIỀN	102	*luân hồi*
VÕ ĐÌNH	103	hoặc
ĐỊNH NGUYÊN	108	*thơ tôi*

tranh bìa của họa sĩ rừng

Không biết đây với đó đây tơ hồng có xe?

Hoặc từ bài ca dao 6 câu sau đây:

1- Dãy dọc tòa ngang,
2- Giàu sang có số.
3- Kim Long Nam Phổ,
4- Nước đổ về Sình.
5- Như đôi lứa mình chút nghĩa ba sinh,
6- Có làm răng đi nữa cũng không dứt tình bỏ nhau!.

Nếu ghép câu 1 với câu 2 thành câu thất thứ nhất, ghép câu 3 với câu 4 thành câu thất thứ nhì, hợp lại với câu 5 và câu 6, ta có bài thể song thất lục bát biến thức:

Dãy dọc tòa ngang, giàu sang có số.
Kim Long Nam Phổ, nước đổ về Sình.
Như đôi lứa mình chút nghĩa ba sinh,
Có làm răng đi nữa cũng không dứt tình bỏ nhau!.

- Chuyển hóa từ "nói lối" thành ra "thất thất bát"

Trong khi tham khảo một số sách sưu tập về ca dao như *Văn nghệ dân gian QuảngNam ĐàNẵng* của Nguyễn Văn Bốn, *Tục ngữ Ca dao* của Lê Gia, *Dân ca Kiên Giang* của Lưu Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang, *Việt Nam văn học bình dân* của Nguyễn Trúc Phượng... chúng tôi thấy có trên 100 bài ca dao, mỗi bài gồm có hai câu thất (7 tiếng) và một câu bát (8 tiếng) mà chúng tôi gọi là "thất thất bát", theo cấu trúc bài sau đây:

Thiếp xa chàng, hái dâu quên giỏ, (7 tiếng)
Chàng xa thiếp, cắt cỏ quên liềm, (7 tiếng)
Xuống sông gánh nước hũ chìm giống trôi. (8 tiếng)

Cũng theo giả thiết trên, lấy bài thể "nói lối" 6 câu sau đây:

1- Canh hãy còn khuya,
2- Đường về thăm thẳm.
3- Đôi ta xứng lắm,
4- Như kép với đào.
5- Hát chơi cho giải muộn,
6- Lẽ nào làm ngơ.

Nếu ghép câu 1 và 2, thành câu thất thứ nhất, ghép hai câu 3 và 4, thành câu thất thứ nhì, rồi ghép hai câu 5 và 6 thành câu bát, ta sẽ có một bài thể "thất thất bát" biến thức như sau:

Canh hãy còn khuya, đường về thăm thẳm,
Đôi ta xứng lắm như kép với đào.
Hát chơi cho giải muộn, lẽ nào làm ngơ.

Và dưới đây, chúng tôi xin trích một số câu ca dao thể "thất thất bát"

biến thức, để quí vị độc giả rộng đường nhận xét:

1-Tôi đi ngang nhà má,
2-Cái tay tôi xá, cái cẳng tôi quì.
3- Lòng thương con má, sá gì thân tôi !
... 1-Thương chi mà bạn thương vô cớ,
2- Nhớ chi mà bạn nhớ bao đồng.
3-Trai đà có vợ, gái đã có chồng mà bạn thương.
... 1- Kết phứt đi, đày duyên, đó nợ,
2- Kết phức đi, đày vợ, đó chồng.
3- Dù ông Trời chưa định, ông Tơ Hồng cũng chưa.
..1- Xa làm chi mà xa quanh, xa quất,
2- Xa làm chi mà xa tối, xa tức, xa vội, xa vàng,
3- Không cho thiếp thở chàng than đôi lời.
... 1- Khổ chi phận em, cha chả là cam phận khổ
2- Lên non đốn củi, dụng chỗ đốn rồi,
3- Xuống sông gánh nước, dụng chỗ cát bồi khe khô.

Trước đây, trong khi sưu tầm, cũng có lần gặp một vài bài ca dao gồm có 3 câu như thế, chúng tôi cứ tưởng là người biên soạn chép sai, hay nhà in sắp chữ xuống hàng không đúng. Về sau vì nhận thấy số ca dao "thất thất bát" gặp được cũng khá nhiều, và do những nhà văn học biên soạn khác nhau, nên chúng tôi đặt thành vấn đề, mà sưu tầm sâu rộng hơn, và tự hỏi có phải đây là một *thể trung gian* giữa thể "lục bát" và thể "song thất lục bát" chăng? Và vì sao những sách sưu tầm cũ hơn, như *Tục ngữ - Phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc, *Thanh Hóa quan phong* của Vương Duy Trinh chẳng hạn, hay ở một số sách tham khảo về thi ca bình dân gần đây, không thấy ghi các câu ca dao thể "thất thất bát" nầy? Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ vì ngày trước, ca dao miền Bắc đã tiến đến mức độ cao hơn miền Nam rất nhiều, truyện Kiều được phổ biến sâu rộng trong đám bình dân, phong trào dân ca trong các hội hè được thịnh hành đã lâu, nên những câu ca dao "thất thất bát" đã phải nhường chỗ cho những câu ca dao thể "lục bát" và "song thất lục bát" bác học hoá, là các thể được coi như mẫu mực phải theo. Còn các nhà biên soạn gần đây, có lẽ cho những câu thể "thất thất bát" nầy không đúng mẫu mực, không vào luật thơ nào cả, nên không tuyển trích lại chăng? Cũng xin lưu ý rằng những câu ca dao "thất thất bát" mà chúng tôi đã sưu tầm được cho đến nay, hầu hết đều xuất xứ ở miền Trung và miền Nam, cho nên khi bỏ vần, các nhà thơ dân gian không chú trọng đến phụ âm cuối tiếng, như "vàng" vần với tiếng "than", hay lẫn lộn các âm căn bản cuối tiếng, như "liềm" vần với "chìm", v. v...

Các nhà Nho đã căn cứ vào các bài "lục bát" và "song thất lục bát" đã có giá trị nghệ thuật mức độ cao, để làm ra các "luật thơ" như vừa thấy trên đây, mà hiện nay đang còn được giảng dạy ở các lớp văn khoa. Nhưng khi nhìn lại một cách bao quát các thể thơ truyền khẩu, từ thể gọi là biến thức đến thể gọi là chính thức, chúng tôi tự hỏi có thể có được một "luật thơ" nào khác đơn giản hơn các luật thơ do các nhà Nho làm ra, để chi phối chung tất cả các bài thi ca truyền khẩu của ta không? Năm 1942, trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh và Hoài Chân đã nhận thấy có một luật thơ mà các tác giả gọi là "luật đối thanh: *"Luật **đổi thanh** rất tự nhiên trong thơ Việt vẫn chi phối hết thảy các thể thơ"*. Với lời ký chú thêm: *"Hễ câu thơ chia làm hai, ba hay bốn đoạn, những chữ cuối các đoạn phải lần lượt bằng rồi trắc, hay trắc rồi bằng"*. (15) Từ đó, chúng tôi để tâm kiểm chứng thì thấy phần lớn các bài "thơ mới" (mà chúng tôi đã có dịp đọc qua) đã cấu trúc đúng theo luật ấy. Chẳng hạn như mấy câu ở bài *Kỹ nữ* của Xuân Diệu:

Khách ngồi lại (T) *cùng em* (B) *trong chốc nữa* (T),
Vội vàng chi (B) *trăng sáng lắm* (T) *khách ơi* (B)!
Đêm nay rằm (B) *yến tiệc* (T) *sáng trên trời* (B),
Khách không ở (T) *lòng em* (B) *cô độc quá* (T).
Khách ngồi lại (T) *cùng em* (B) *đây gối lả* (T)
Tay em đây (B) *mời khách* (T) *ngả đầu say* (B)...

Cũng như mấy câu ở bài *Nhớ rừng* của Thế Lữ:

Gặm một mối (T) *căm hờn* (B) *trong cũi sắt* (T),
Ta nằm dài (B), *trông ngày tháng* (T) *dần qua* (B).
Khinh lũ người kia (B) *ngạo mạn* (T), *ngẩn ngơ* (B),
Giương mắt bé (T) *giễu oai linh* (B) *rừng thẳm* (T).

Mấy câu ở bài *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư:

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ (B) *thổn thức* (T)
Em không nghe (B) *rạo rực* (T)
Hình ảnh (T) *kẻ chinh phu* (B)
Trong lòng (B) *người cô phụ* (T)
Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu (B) *xào xạc* (T)
Con nai vàng (B) *ngơ ngác* (T)
Đạp trên lá (T) *vàng khô* (B).

Chúng tôi cũng có dịp kiểm chứng thêm các bài hát nói thời xưa, như mấy câu của Nguyễn Công Trứ:

Vòng trời đất (T) *dọc ngang* (B) *ngang dọc* (T)

Nợ tang bồng (B) *vay trả* (T) *trả vay* (B)
Chí làm trai (B) *nam bắc* (T) *đông tây* (B)
Cho phỉ sức (T) *vẫy vùng* (B) *trong bốn bể* (T)...

Cũng như mấy câu của Cao Bá Quát:

Ba vạn (T) *sáu nghìn ngày* (B) *là mấy* (T)
Cảnh phù du (B) *trông thấy* (T) *cũng nực cười* (B)
Thôi công đâu (B) *chuốc lấy* (T) *sự đời* (B)
Tiêu khiển (B) *một vài chung* (B) *liều láo* (T)...

Nhất là, chúng tôi cố ý tìm xem "luật đối thanh" nầy có chi phối thi ca truyền khẩu không? Từ mấy câu thể "nói lối" của đồng dao:

Chập (T) *chàm vòng* (B)
Chị có chồng (B) *em ở góa* (T)
Chị ăn cá (T) *em mút xương* (B)
Chị nằm giường (B) *em nằm đất* (T)
Chị ăn mật (T) *em liếm vc* (B)
Chị ăn chè (B) *em liếm bát* (T)
Chị coi hát (T) *em vỗ tay* (B)
Chị ăn mày (B) *em xách bị* (T)
Chị làm đĩ (T) *em thu tiền* (B)...

Đến mấy câu ca dao "lục bát biến thể":

Nhiều nơi (B) *phú quý* (T) *em cũng chẳng màng* (B)
Em quyết chờ (B) *cho được* (T) *nghĩa đá vàng* (B1) *sánh đôi* (B2)

Mấy câu thể "song thất lục bát biến thể":

Trúc phải (T) *xa mai* (B) *thì hoài trúc lứa* (T)
Trúc hỏi mai rằng (B) *đã có nơi mô nương tựa* (T) *hay chưa* (B)
Có nơi mô (B) *nương tựa* (T) *khi nắng khi mưa* (B),
Hay còn ôm duyên (B) *để đó* (T), *đi sớm về trưa* (B1) *một mình* (B2)

Cho đến mấy câu thể "thất thất bát" :

Niên kỷ (T) *cũng đồng* (B) *niên kỷ* (T)
Phu thê (B) *cũng phỉ* (T) *phu thê* (B)
Muốn gá duyên (B) *chồng vợ* (T) *chỉ sợ em chê* (B1) *anh nghèo* (B2).

Chúng tôi nhận thấy rằng trừ một vài ngoại lệ, nhìn chung ***"luật đổi thanh"*** *cũng chi phối phần lớn các bài thơ truyền khẩu* của dân ta. Riêng về các thể gọi là "biến thức", lối ngắt đoạn trong câu đòi hỏi phải phù hợp với ý nghĩa, với tình tự của dân gian, nên có đoạn dài, đoạn ngắn khác nhau, tùy theo sự cảm xúc của nhà thơ, nhờ đó thi phẩm được sống động, tình ý được buông túng, lời thơ được hồn nhiên hơn.

Hình tượng và văn ảnh là thành tố không kém phần quan trọng

trong cấu trúc thi ca truyền khẩu. Ngôn ngữ Việt Nam lại là một ngôn ngữ vận dụng rất nhiều hình tượng và văn ảnh trong các câu chuyện thường ngày giữa dân gian với nhau, như: theo đòi "bút nghiên", tình "chăn gối", tay "dao búa ", bọn "đầu trâu mặt ngựa", thân "bồ liễu", kiếp "giang hồ", nợ "núi sông", lời "trăng hoa", cuộc "bể dâu", đời "mưa gió", "sửa túi nâng khăn", "cò bay thẳng cánh", "treo dầu heo bán thịt chó", "ăn cháo đá bát", "gảy đàn lỗ tai trâu"... Hình tượng và văn ảnh tạo ra những xúc cảm mãnh liệt tối đa, để những cảm giác ấy sẽ dẫn khởi tâm tư người nghe đến những vấn đề cao rộng hơn, những vấn đề liên hệ đến thân phận của con người, đến hoài vọng nghìn năm của cả một dân tộc. Ngôn ngữ Việt đã đưa vào thơ truyền khẩu rất nhiều hình tượng, văn ảnh, kể từ lối tỉ dụ, hoán dụ thông thường nhất, lấy sự vật nầy so sánh hay thay thế cho sự vật khác (tỉ: so sánh; hoán: đổi, thế), như ở câu:

Khi nên, tay kiếm, tay cờ,
Không nên thì cũng chẳng nhờ cậy ai!

"Tay" là một bộ phận thay thế cho toàn thể là "con người". "Tay kiếm, tay cờ" thay thế cho "con người có uy quyền, chức phận".

Cha còn gót đỏ như son,
Cha chết gót mẹ, gót con đen sì.

"Gót đỏ, gót đen" là lấy hậu quả của cuộc đời sung sướng, cuộc đời khổ sở.

Cho đến lối *ẩn dụ* là một tỉ dụ khó nhận thấy (ẩn: che đậy) dùng cách ghép các hình tượng so sánh để *hội nhập lại thành một văn ảnh.*

"Mua kim đi chọn lưỡi câu,
"Mua bí chọn bầu, có đáng không anh ?"

Mua lưỡi câu để may, mua giống bầu để trồng bí! Qua ẩn dụ nầy, người nghe ngầm hiểu rằng người con gái dụng ý chê người con trai đã lầm lẫn trong khi đi chọn lựa lứa đôi.

Có phần khác với "hình tượng", "văn ảnh, theo André Breton, là một sáng tạo của trí óc thuần túy. Văn ảnh không thể phát sinh từ một sự so sánh giữa hai sự vật tương tự, mà từ một sự đưa hai thực tại xa cách nhau đến gần sát lại với nhau. Mối liên hệ giữa hai thực tại càng xa cách, càng chính xác, thì văn ảnh càng mãnh liệt... càng có nhiều cường lực xúc cảm, càng có nhiều thực chất thi vị hơn " (16)

Chẳng hạn như ở bài ca dao sau đây:

Rú rừng thì có hươu mang,
Khe suối thì có măng giang,
Đò dọc thì có đò ngang,
Chợ búa thì có mụ bán hàng.

Bao giờ anh gặp được nàng,
Rú rừng trả lại cho hươu mang,
Khe suối trả lại cho măng giang,
Đò dọc trả lại cho đò ngang,
Chợ búa trả lại cho mụ bán hàng.
Ai mô rồi trả nấy,
Thiếp với chàng duyên lại xe duyên.

Sự vật chính muốn trình bày không thấy nói rõ ra. Người nghe, người đọc phải suy đoán để hiểu. Nhưng mỗi người có thể suy đoán một cách khác nhau. Riêng phần chúng tôi, thì xin hiểu những câu nầy như sau: Trước khi gặp nhau, trong sinh hoạt mưu sinh hằng ngày, trai cũng như gái đã có bao nhiêu dịp được gặp gỡ nhau trong rừng, dưới suối, trên một chuyến đò, giữa một phiên chợ..., và đã có bao nhiêu mối tình ngắn ngủi, thoáng qua. Những hình ảnh song đôi "hươu mang, măng giang", "đò dọc, đò ngang", "chợ búa, mụ bán hàng" và các môi trường "rừng rú, khe suối, đò đưa, chợ búa", hội nhập lại thành bao nhiêu hình tượng nói lên các cuộc dan díu ngắn ngủi ấy. Nhưng hôm nay, chàng trai và cô gái gặp nhau được, quyết tình xây dựng lâu dài, thì *"ai mô rồi trả nấy"*, chấm dứt với những mối tình bốc đồng, thoáng qua ngày xưa. Các hình ảnh "hươu mang trả lại cho rú rừng, măng giang trả lại cho khe suối", đò giọc trả lại đò ngang, chợ búa trả lại mụ bàn hàng, hai tiếng trả lại được lặp tới lặp lui để nhấn mạnh vào ý định muốn thanh toán tình cảm với quá khứ một cách sòng phẳng và dứt khoát. Toàn bài là một văn ảnh giúp cho chàng trai hay cô gái kia có thể trình bày với nhau một cách *kín đáo* về điều kiện tiên quyết trước khi lấy nhau là "cả đôi bên phải đoạn tuyệt với tất cả các mối tình nhăng nhít của mình trong dĩ vãng". Đó là điều, mà ở thời xưa, giữa trai gái mới quen nhau, khó mà có thể nói trắng trợn ra được.

Và ta có thể hiểu thế nào qua mấy câu dưới đây ?

Đố ai biết lúa mấy cây,
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng?
Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây?"

Sự liên hệ giữa các thực tại trong mấy câu nầy vừa phức tạp vừa xa cách nhau làm cho người nghe, mỗi người có thể hiểu một cách, như: "Trời sinh ra gió thì phải thổi, cũng như Trời sinh ra con người thì phải yêu thương. Lá rụng là hậu quả của gió thổi, cũng như đau khổ, mất mát là hậu quả của tình yêu! Khuyên được loài người đừng yêu thương, cũng giống như đếm số cây lúa, đếm khúc sông, đếm từng mây, quét sạch lá trong rừng, là những điều không thể làm được. Mà đố ai làm được, thì tôi

sẽ bảo những kẻ yêu thương ở đời nầy đừng đau khổ nữa!" Nhưng cũng có người hiểu câu ca dao nầy một cách khác hơn: "Gió thổi làm cho lá phải rụng cũng như miệng tiếng người đời đã làm cho bao nhiêu tình yêu phải bị lung lay. Đố ai ngăn chận được miệng tiếng người đời! Đó là việc khó làm được (cũng như như đếm lúa, đếm khúc sông, đếm tầng mây, hay quét sạch lá rừng). Miệng tiếng người đời tất nhiên không ngăn chận được... vậy cứ mặc cho gió rung gió thổi, làm xao xuyến, lung lay... song (hiểu ngầm rằng) "rung sao cho chuyển lòng anh với nàng!"

Ở một bài ca dao khác mà nhiều người đã biết:

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.
Bao giờ anh cưới được nàng,
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Đừng rửa lông mày, chết cá ao anh".

Về hai câu chót, người nghe có thể suy đoán khác nhau: Có người cho rằng "lông mày cô gái sắc lắm có thể đâm chết cá của mình, cho nên chàng trai mới bảo cô gái đừng rửa ở hồ ấy". Nói như thế để ngụ ý khen mắt cô gái đẹp, sắc bén, tình tứ lắm... Mà cũng có người cho rằng hình ảnh cô gái rửa lông mày cho phép ta nghĩ là cô ấy khóc. Khóc, nước mắt ràn rụa, nên đến rửa lông mày tại hồ nầy. Vì sao mới lấy chồng mà khóc? Nếu khóc vì nhớ cha mẹ, nhớ gia đình, thì chàng trai đến an ủi, nựng dỗ, sao lại cấm đoán? Có phải là cô ta khóc vì nhớ ai khác không? Nói trắng ra, chàng trai mượn hình ảnh nầy để nói với cô gái rằng: "Anh cưới em về nưng niu như thế, thì em đừng nhớ thương những tình cũ nghĩa xưa mà than lén khóc thầm, làm cho chết cả lòng anh", (chết cá ao anh).

Thật ra, một thi phẩm không bao giờ chỉ có một ý nghĩa đơn độc, mà thường có nhiều ngụ ý ẩn dụ khác nhau. Văn hào Pháp, Paul Valéry, đã từng cảnh cáo rằng: *"Đây là một sai lầm phản lại tính chất của thơ, đến có thể giết chết thơ đi, khi ta khẳng định rằng mỗi một thi phẩm chỉ tương ứng với một ý nghĩa đúng thật, độc nhất và phù hợp hay đồng nhất với một ý tưởng của tác giả mà thôi"* (17)

"Ẩn dụ" là một đặc tính cố hữu của dân tộc ta. Ngày xưa, dân gian ít khi nói rõ ràng (trắng trợn) tình cảm, ý nghĩ của mình ra, trái gái tỏ tình với nhau cũng chỉ nói gần, nói xa, dùng những hình ảnh so sánh, hoán dụ, nhất là "ẩn dụ" mà thôi. Nói như thế, ai muốn hiểu thế nào thì hiểu. Tôn trọng sự tự do suy luận của người nghe. Nếu hiểu đúng với tâm sự mình

thì đó thật là "tri âm tri kỷ", như Bá Nha và Chung Tử Kỳ ngày xưa! Còn không, thì cũng chỉ vì không có duyên nợ với nhau thôi, có tiếc cho lắm cũng chẳng biết làm sao!

Tóm lại, ở đây tính chất thi ca của ca dao và dân ca Việt chỉ được phơi bày dưới một khía cạnh nhỏ của ngôn ngữ học, khía cạnh của một "ngôn ngữ- ký ức". Chỉ dưới một khía cạnh nhỏ ấy thôi, cũng đủ cho chúng ta nhận chân được gia tài "giàu sang" mà ông cha chúng đã lưu lại cho con cháu: một kho vô tận của những tiếng kép đôi, với ngữ thuật xen kẻ kép đôi thành những câu thơ cân đối nhịp nhàng, hội nhập với bao nhiêu âm vận, âm thanh dồi dào, quyến rủ, đây **nhạc tính, bản thể cố hữu của thi ca.**

Cũng đủ cho ta thấy ông cha ta từ xưa đã biết vận dụng những "câu hứng", những câu khai mào, rao bản, những "câu thơ vô nghĩa" mà một số nhà thơ Tây phương, trước thực tại bế tắc trong thi đàn hiện nay của họ, đã phải lên tiếng thú nhận rằng: *" Sự vô-nghĩa đã trở thành một trong những* ***phương sách cứu vãn ưu tiên cho thi ca hiện đại"*** (18).

Và cũng đủ cho chúng ta nhận chân điểm đặc sắc của ngôn ngữ Việt là rất "giàu sang" không những về hình tượng, mà còn về văn ảnh, mà theo một nhà phê bình Pháp, *"văn ảnh có khuynh hướng trở thành một* ***dấu hiệu đặc trưng của thi ca hiện đại"***. (19)

Nếu cho rằng thi ca truyền khẩu Việt Nam vốn có bản chất thơ và ít nhiều tính chất hiện đại, tưởng không phải là một khẳng định thậm xưng.

Sở dĩ thi ca truyền khẩu của ta có được giá trị gì nghệ thuật, văn hóa đáng kể, phần nào cũng nhờ tập quán "hát, hò" cố hữu của dân tộc Việt Nam để bày tỏ tình ý của mình mà ứng xử trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cũng như ngoài xã hội. Ông cha chúng ta ngồi buồn cũng hát, ru con cũng hát, dỗ con chơi cũng hát, trai gái chọc ghẹo nhau cũng hát, tỏ tình giao duyên với nhau cũng hát, thương yêu nhau cũng hát, nhớ nhung, giận dỗi, buồn rầu, thất vọng... cũng hát, làm ruộng cũng hát, giả gạo cũng hát, chèo đò cũng hát, cúng lễ, lên đồng cũng hát, đánh bài (chòi) cũng hát, cuối cùng đưa đám ma ra nghĩa địa cũng hát.

Thậm chí, (cũng vào thời xưa), thiên hạ chửi rủa mắng mỏ nhau, cũng thành câu có vần có điệu như là hát. Cho nên thói quen hò hát, các ý thức vần điệu nhịp nhàng đã thành như một bản tính tự nhiên của con người Việt nam từ ngàn xưa:

" Đố ai nằm võng không đưa,

" Ru em không hát âu ơ đôi lời ?"

CHÚ THíCH

(1)- Paul Valéry, Propos sur la Poésie, 1927, (repris dans Variété) cité par Jean Louis Joubert, dans La poésie, Armand Colin, Paris 1992, trang 53: (Le langage dont je viens de me servir, qui vient d'exprimer mon dessein, mon désir, mon commandement, mon opinion, ma demande ou ma réponse, ce langage qui a rempli son office, s'évanouit à peine arrivé. Je l'ai émis pour qu'il périsse, pour qu'il se transforme irrévocablement en vous.... Si vous avez compris mes paroles, mes paroles mêmes ne vous sont plus rien; elles ont disparu de vos esprits, cependant que vous possédez leur contre-partie, vous possédez, sous forme d'idées et de relations, de quoi restituer la signification de ces propos, sous une forme qui peut être différente).

(2)- Paul Zumthor, Introduction à la poésie orale , Paris, Seuil, 1983, trang 59 (On peut douter qu'il exista jamais dans l'histoire une culture dépourvue de poésie orale).

(3)- Jean-Louis Joubert, La poésie , Paris, Armand Colin, 1992, trang 13: (Quand l'écriture n'existe pas, on a recours à la poésie pour fixer et pérenniser ce que disent ou pensent les hommes... L'oralité conserve aussi bien, parfois mieux que l'écriture... Etant un langage-mémoire, elle suscite une forme qui protège, conserve et transmet).

(4) Paul Zumthor, Introduction à la poésie orale s.d.d., trang 80 (Le fonctionnement de la mémoire collective détermine le mode de structuration poétique. Le poème y apparaút "relecture" plutôt que "création")

(5)- Nguyễn Trúc Phượng, Việt Nam Văn Học Bình Dân, Khai Trí, Saigon 1970, Xuân Thu tái bản, Cali, H.K., năm ?, trang 101.

(6)- Jean-Louis Joubert, La poésie, s.d.d., Inspiration, trang 29.

(7)- Paul Verlaine, Jadis et naguère "Pantoum négligé", 1884: "Trois petits pâtés, ma chemise brýle./ Monsieur le curé n'aime pas les os./ Ma cousine est blonde, elle a nom Ursule./ Que n'émigrons-nous vers les Palaiseaux!"

(8)- Paul Valéry, Poésie et pensée abstraite, 1939, repris dans Variété, cité par J.L. Joubert in La poésie, s.d.d., trang 54 (Un poète... n'a pas pour fonction de ressentir l'état poétique: ceci est une affaire privée. Il a pour fonction de le créer chez les autres).

(9)- Paul Zumthor, Introduction à la poésie orale , s.d.d., trang 80-81 (Pour cette raison même, la poésie orale comporte généralement plus de règles, et plus complexe, que l'écrite: dans les sociétés à forte prédominance orale, elle constitue souvent un art beaucoup plus élaboré que la plupart des produits de notre écriture).

(10)- Jean-Louis Joubert, La poésie, s.d.d., trang 14: (La composition se calque sur les rythmes du corps; la scansion épouse la respiration. Des procédés simples où le gestuel et le linguistique se superposent - séries de balancements et

de contre-balancements, de répétitons et d'antithèses, de symétries et d'inversions, de parallélismes et d'assonances, etc... - facilitent le travail de la mémorisation et assurent la connivence de l'auditoire, en même temps qu'ils permettent la création par la jeu de variations à l'infini. Cette inscription de la poésie dans les gestes et le corps perdure même lorsqu'on s'éloigne de l'oralité. C'est elle qui fonde le rythme, par quoi la poésie se distingue d'autres formes de langage).

(11)- Joubert Jean-Louis, La poésie, s.đ.d., trang 110: (Le parallélisme est une notion récente qui n'intéresse guère la rhétorique classique. Quand Malherbe traduit les Psaumes, il semble ne pas voir que la poésie biblique se fonde sur parallélismes et il ne cherche guère à les restituer en français).

(12)- Bình-Nguyên Lộc, Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, Xuân Thu, Saigon, 1971, tái bản CA. Hoa kỳ, năm ?, Chi Âu, chi Lạc, trang 307-319.

(13)- Paul Valéry, Passage de Verlaine, 1921, in Variété (La poésie est l'ambition d'un discours qui soit chargé de plus de sens et mêlé de plus de musique que le langage ordinaire n'en porte et n'en peut porter).

(14)- Bùi Kỷ, Quốc văn cụ thể , Hà Nội, năm 1932, trang 25.

(15)- Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, 1942, Nhà xb Hànội tái bản, 1988, trang 41, bị chú số 1 cùng trang.

(16)- Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., trang 45, 46: (C'est dans le Premier manifeste qu'André Breton propose une définition de l'image, reprise d'ailleurs de Pierre Reverdy: "L'image est une création pure de l'esprit. Elle ne peut naûtre d'une comparaison mais du rapprochement de deux réalités éloignées. Plus le rapport de deux réalités seront lointaines et justes, plus l'image sera forte... - plus elle aura de puissance émotive et de réalité poétique).

(17)- Paul Valéry, Commentaire des "Charmes", 1929 (repris dans Variété).cité par Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., trang 52: (C'est une erreur contraire à la nature de la poésie, et qui lui serait même mortelle, que de prétendre qu'à tout poème correspond un sens véritable unique, et conforme ou identique à quelque pensée de l'auteur).

(18)- Joubert Jean-Louis, La poésie, s.đ.d., Poésie et révolution, trang 58 (Le non-sens est devenu l'un des recours privilégiés de la poésie contemporaine).

(19)- Joubert Jean-Louis, La poésie, s.đ.d., trang 45 (L'image tend à devenir signe distinctif de la poésie moderne).

Đọc và cổ động
tạp chí Văn Học

bình minh, xuân
PHAN NI TẤN

mọc lên một cội bình minh
tia vàng rực rỡ sáng hình hài tôi
ngày vui nhớ nụ em cười
đôi tay rộng lượng đón trời ban sơ
đàn mùa xuân đẹp như thơ
nở ra xanh biếc trên tờ lộc non
tôi đi lên phía tâm hồn
bình minh xuân cũng phập phồng bước ra
tôi đi về phía quê nhà
gặp em chờ dưới gốc ca dao hiền.

Chiều
VƯƠNG THÚY LỆ

"Thu là chiều của năm
Chiều là thu của ngày"
Em là thu của người
Chiều của mộng mơ
Nên em đến miên-man
Em đi vội vàng
Khi nắng tắt
Nên em buồn se-sắt
Em sáng lung linh
Khi lá rơi
Em là thu của đời.

Chữ i và y trong chính tả tiếng Việt

Phạm Tú Minh, Nguyễn văn Thế, Đoàn Xuân Kiên

I

Chính tả tiếng Việt ở cuối thế kỉ XX đang còn một số khá lớn những vấn đề cần giải quyết nhưng lại bị bỏ lửng quá lâu. Công luận thỉnh thoảng vẫn thường lên tiếng yêu cầu đặt lại vấn đề sửa đổi cách viết sao cho "hợp lí", "đúng chính tả truyền thống". Một trong số những vấn đề đã tốn hao khá nhiều giấy mực là vấn đề chính tả của chữ **i** và **y**. Ngược lại quá khứ có thể thấy là vấn đề này đã được đặt ra từ rất sớm, ít ra là từ thời Hội nghị Khảo cứu Viễn đông năm 1902. Tại hội nghị này, một Uỷ ban xét về việc sửa đổi chữ quốc ngữ đã lên một danh sách các đề nghị sửa đổi đệ trình lên phủ Toàn quyền lúc bấy giờ. Một trong những đề nghị của Uỷ ban này là: nên trở lại nguyên tắc chính tả do Alexandre de Rhodes đưa ra, nghĩa là không nên tùy tiện đổi **i** thành **y** trong một số trường hợp. Chẳng hạn theo nguyên tắc của de Rhodes thì lối viết *ky, ly ,my* không có lí do chính đáng so với lối viết *mi , ki , li*. Từ đó đến nay đã gần tròn thế kỉ. Cũng kể từ dạo đó đến những thập niên đầu thế kỉ XX, vấn đề này càng trở nên rối loạn vì hiện tượng tùy tiện trên sách báo và trong giáo dục nhà trường. Đã có nhiều bậc thức giả đặt vấn đề chính tả này ra để lưu ý giới hữu trách (chính quyền, nhà trường và giới truyền thông) về một vấn đề nhỏ nhưng phức tạp. Đáng tiếc là suốt mấy mươi năm nay, sự đáp ứng trong học giới và ngoài công luận thường rất dè dặt, lơ là. Trong bài viết này, chúng tôi xin nối điệu các tác giả đi trước mà xem xét lại vấn đề chính tả chữ **i** và **y** (1). Nhân đó chúng tôi đề nghị một cách giải quyết cho vấn đề dạy chính tả này do chúng tôi áp dụng nhất quán trong khi soạn tài liệu dạy tiếng Việt trong bộ sách giáo khoa *Học Kĩ Đọc Đúng* (2) dành cho trẻ mới bắt đầu học đọc, do nhà Zwijsen sắp ấn hành tại Hoà Lan.

2

Cách viết i và y trước nay

Trước hết, thiết tưởng cũng cần nêu lên đây một nét chính của nguyên tắc chính tả tiếng Việt là nguyên tắc kí âm, nghĩa là phát âm làm sao thì viết ra như thế, và mỗi âm được biểu thị bằng một kí hiệu (chữ cái). Lí thuyết thì như thế; nhưng trên thực tế thì chính tả tiếng Việt hiện nay vẫn có những điểm không sát hợp với phát âm. Trong số những hiện tượng chữ viết đi lạc khỏi hệ thống chính tả có trường hợp chữ **i** và **y**. Xưa nay, hai chữ cái này dùng để ghi lại cùng một nguyên âm / i / : *dì , luỵ*. Ngoài ra, hai chữ cái này cũng dùng để ghi hai bán âm, tức là một âm phụ để khép âm tiết lại. Bán âm này viết là **i** hay **y** là tuỳ theo nguyên âm trước đó ngắn hay dài: sau nguyên âm dài thì bán âm này viết là 'i' (chẳng hạn: *hai, phơi*), và sau nguyên âm ngắn sẽ viết là 'y' (chẳng hạn: *may, cây*). Dưới đây chúng ta sẽ duyệt lại cách viết của **i** và **y** trong ba vai trò: nguyên âm và bán âm của âm chính dài và của âm chính ngắn.

Căn cứ vào một số văn bản rải rác từ thế kỉ XVII về sau này, có thể nói là lối viết chữ **i** và **y** đã trải qua một số những thay đổi kể từ khi chữ quốc ngữ ra đời đến nay đã hơn ba trăm năm.

1. Thế kỉ XVII:

Năm 1651 đánh dấu sự ra đời của bộ từ điển *Dictionarium Annamiticum-Lusitanum et Latinum* (thường gọi là Từ điển Việt-Bồ-La) của Alexandre de Rhodes. Bộ từ điển này có in kèm một phần "Báo Cáo Vắn Tắt Về Tiếng An Nam Hay Đông Kinh". Đây chính là bản văn về ngữ pháp tiếng Việt đầu tiên được viết bằng chữ quốc ngữ nay còn giữ được. Trong mục viết về chữ **i** , tác giả viết: "I, chúng tôi chỉ sử dụng **i** nguyên âm, bởi vì tất cả công dụng của **i** phụ âm được thực hiện tốt hơn bằng chữ **g** , vả lại **i** nguyên âm sử dụng như chúng ta; tuy nhiên, để tránh sự lẫn lộn, chúng tôi chỉ dùng **i** nguyên âm ở giữa và cuối tiếng: ở giữa tiếng, thí dụ *biết*, scire (hiểu biết), và ở cuối tiếng, thí dụ *bí* , cucurbita Indica (quả bí); nhưng cần ghi nhận rằng chúng tôi sẽ dùng **y** ở cuối từ khi nào nó làm thành nhị trùng âm mà vẫn tách biệt, thí dụ *ếy* , ille (cái ấy), còn khi chúng tôi viết với **i** nguyên âm thì đó là dấu hiệu vẫn không tách biệt, thí dụ *ai*, quis (ai); chúng tôi không dùng hai chấm ở trên các nguyên âm để tránh sự gia tăng quá nhiều dấu hiệu; cần lưu ý một lần cho xong là **i** ở cuối từ sau một nguyên âm khác thì không làm thành một vần khác tách biệt, còn khi viết với **y** Hi lạp thì bấy giờ vẫn bị tách biệt, thí dụ *cai* , superior (cao hơn, bề trên), *cây*, arbor (cây cối). Cũng ở đâu tiếng, nhất là trước một

nguyên âm khác, thì chúng tôi dùng **y** Hi lạp, nhưng đừng ai cho đó là phụ âm, thí dụ *yêó*, debilis (yếu đuối), *yả*, cacare (ỉa, phóng uế)."(3)

Đại ý của đoạn văn trên là đưa ra bốn nguyên tắc viết chữ **i** và **y** ghi trong Bảng 1 dưới đây:

(a) chữ i dùng để ghi nguyên âm của âm tiết, có thể là nguyên âm đơn / i / hay nguyên âm đôi / ie / : *bí* , *biết*;
(b) khi là bán âm thì i được viết sau nguyên âm thường: *cai*;
(c) chữ cái y dùng để ghi nguyên âm / i / đứng đầu âm tiết: *yếu* , *yả* (iả);
(d) chữ y bán âm đi sau nguyên âm ngắn: *cày*, *dy*.

Bảng 1

Các từ có âm / i / trong phần từ điển đã được viết theo nguyên tắc chính tả này. Chúng tôi sẽ trích dẫn các mục từ trong bộ từ điển, xếp lại theo thứ tự bốn nguyên tắc vừa nêu, làm thí dụ dẫn chứng:

(a) *i* (áo), *í, bí, gì, kinh kì, lí, gia giảm, chiêm, chiếc, biếu, huỷ báng, huỷ cưới, huyện=huiện, uy nghi quả, quí, quì, huiện* (huyện),*huiệt* (huyệt), *quiền* (quyền), *quiển* (quyển) *sách*;
(b) *bói, xơi, ngôi, nuôi, ủi, uoi* (voi),;
(c) *yếm, yểm, yên, yến* (yến) *sào, yêu, yếu, yểu;*
(d) *rày, rảy, thay, nấy, dứùt dey* (dây), *lêy, lếy*,

Nếu nhận những nguyên tắc trên đây do A. de Rhodes đưa ra là mẫu mực của thời kì này, thì cũng cần ghi nhận hiện tượng là có thể có những lối viết khác cùng tồn tại nhưng đã không được đa số dùng theo. Chẳng hạn, nguyên tắc (a) trong văn kiện của Gaspar d'Amaral (1632) có chỗ viết hơi khác: *nghyã* (nghĩa) *an xã, thuyền thuỉ* (thuyền thuỷ); nguyên tắc (b) trong văn bản của D'Amaral nói trên và của Văn Tín, Bento Thiện (1659) được viết dưới dạng: *blờy* (trời), *mlờy* (lời) *lại* (lại), *tôy* (tôi), *mười hay* (mười hai), *lạy* (lại)... Những sai biệt như thế không phải là nhiều. *Từ điển Việt-Bồ La* của de Rhodes có lẽ đã nhanh chóng trở thành sách tham khảo của những người muốn dùng chữ quốc ngữ thời ấy, và những qui tắc chính tả do ông thiết định sớm trở thành chuẩn mực cho mọi người. Tuy vậy, có một điểm không nhất quán trong nguyên tắc (a) đối với lối viết âm / i / có chúm môi: *uiê* (huiện) = *uyê* (huyện), và *ui* (quỉ) =*uy* (tuy). Điểm lúng túng này sẽ dẫn theo những sai biệt trong những thời kì sau này.

2. Thế kỉ XVIII:

Chúng tôi hiện chưa đủ tài liệu để nói đầy đủ về giai đoạn này. Tuy

nhiên, theo một tư liệu có được là những phóng ảnh năm trang trong bộ từ điển *Dictionarium Anamatico-Latinum* của cố Pigneau de Béhaine soạn năm 1777 (4), có thể hình dung diện mạo của chính tả hai chữ i và y giai đoạn này tương đối ổn định. Sau đây là các từ nhặt ra từ năm trang hiếm hoi đó và xếp theo bốn nguyên tắc trên kia: (a) *thì, thỉ, tiết, rao truyền*; (b) *ai, ái, người* ; (d) *áy náy, ấy, vậy*. (Chúng tôi không có thí dụ nào về nguyên tắc (c) qua mấy trương phóng ảnh hiếm hoi nọ.)

Tài liệu vừa dẫn có trích lục lại một thí dụ cho thấy vẫn còn hiện tượng nước đôi khi viết âm / i / chúm môi : (lấy làm) *quí*, (làm) *nguy* .

3. Thế kỉ XIX:

Bộ từ điển *Dictionarium Anamitico-Latinum* (Nam Việt Dương Hợp Tự Vị) của A. J. L Taberd in tại Serampore năm 1838. Đại để, bộ từ điển này vẫn theo bốn nguyên tắc chính tả nêu ở trên : (a) *hi, kị , khi, lí =lý, mĩ, quí, chịu, ủu, điều, huyền*, (b) *nói, ngợi, trái, cửi;* (c) *ý, yả*(ỉa), *yếm, ym* (im); (d) *bay, khảy, mày, gậy*...

Đến Taberd thì khuynh hướng dễ dãi giữa **i** và **y** nguyên âm đã tăng thêm: **y** của nguyên tắc (c) nay thay cho **i** khi đứng một mình [thuộc nguyên tắc (a) của thế kỉ XVII], và thay thế **i** trong một số trường hợp khác ở giữa âm tiết mà không có lí do. Nguyên tắc (a) thời de Rhodes nay đã bị xáo trộn.

Sự dùng lẫn lộn giữa **i** và **y** càng tăng dần về sau. Bộ *Dictionnaire Annamite Francais* của Legrand de la Liraye (1874) theo lối viết **i** và **y** như Taberd; hơn thế, ông còn cho *im =ym, kỳ dị, kỷ tị, tự kỉ, kĩ càng, bệnh lị, lý lẽ*... Có thể nói là sự hỗn loạn bắt đầu từ sự phá vỡ tính nhất quán của nguyên tắc (a) trước tiên. Khuynh ướng đó kéo dài về sau, qua Theurel khi soạn *Tự Vị An Nam- La Tinh* (Ninh Phú, 1877). Tác giả này đã theo đúng những lối viết không nhất quán tìm thấy ở hai bộ Taberd và de la Liraye.

Huình Tịnh Của xuất bản hai tập *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị* (1895-96), ông đã kế thừa một sự phá vỡ nguyên tắc (a), cho nên ông có *huỷ* nhưng lại có *huịch, huiên, huyện, huình, kí = ký, kì = kỳ, lí =lý, lý, khuia, khuình, khuyết, quiên = quyên, quiển =quyển, quít, quyết*.

Khi J. F. M Génibrel soạn *Dictionnaire Annamite-Francais* (Saigon,1898) thì nguyên tắc (a) và (c) đã trở nên khó phân biệt so với thời de Rhodes. Trang 330-331 cho thấy rõ sự nhập nhằng này khi ông cho **i** và **y** vừa có thể đứng đầu âm tiết vừa đứng giữa: *ích, ịch, iếp* (cá muối), *iệp = yểm, im =ym, quí, chuyển, khuyến*. Hoặc giả, mục từ K gồm toàn *i* nhưng đến mục L thì có cả *i* lẫn *y* : *lì, lị, lí =ly, lí =lý*. Các mục từ

khác cũng thế, không có sự phân định nào rõ rệt giữa **i** và **y** như ở nguyên tắc (a): *huyên = huiên, huy, huích, khuy, khuía, khuinh=khuynh, nguích, nguít, nguy, nguyên, quình, quyên, quyết*...

Những trích dẫn ở cuối đoạn trên cho thấy có sự chập lẫn cách dùng giữa **i** và **y** trong các mục từ H, KH khi viết các âm chúm môi *ui = uy* và *uiê=uyê*, nhưng lại không có tình trạng như thế ở các mục Q và T. Một điểm đáng chú ý nữa là âm / i / chúm môi kèm theo âm cuối / O / thì chỉ có một từ viết với **y** : *khuynh*, ngoại giả chỉ có *huình, quình*. Những trường hợp khác thì dùng *ui =uy* : *huy, khuy, quít,huích, huyên =huiên, tuỳ*. Từ những bất nhất như thế của nhà làm từ điển đến thói quen tuỳ tiện của người sử dụng ngôn ngữ chỉ là một bước ngắn...

4. Thế kỉ XX:

Trước tiên là chính tả trong hai bộ từ điển có uy tín hàng đầu, đã có ảnh hưởng lớn đối với chính tả tiếng Việt hiện đại: bộ *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà nội, 1931) và *Hán Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh (Huế, 1931).

Khi biên soạn *Hán Việt Từ Điển*, Đào Duy Anh tỏ ra rất có ý thức tìm đặt "tiêu chuẩn và căn cứ cho Quốc văn", nghĩa là có cả tiêu chuẩn chính tả cho nó. Về mặt chính tả, tác giả đã áp dụng bốn nguyên tắc cho i và y ra sao ? Có thể nói là ông theo đúng các lối viết theo nguyên tắc (b), (c) và (d) như trước kia. Riêng với nguyên tắc (a) thì có thể rút ra một số quy tắc mà ông đề ra rất nhất quán: **y** theo sau các âm đầu / h /, / k /, / l /, /m/, / t / và khi có chúm môi: *hy, kỷ, lý, mỹ, tỵ, huy, huyễn, luyến, nguyệt*... Trừ một ngoại lệ: *quí*. Quy tắc chính tả này sẽ có ảnh hưởng rất mạnh về sau này, bởi vì số lượng từ khởi đầu với *h, k, l, m, t* và những từ có / i / chúm môi chiếm khối lượng khá lớn.

Bộ *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức đã không theo các quy tắc chính tả trong Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh. Mặc dù ra cùng thời, bộ Khai Trí Tiến Đức đi con đường khác hẳn. Các tác giả ra công điển chế khá nhiều về bốn nguyên tắc chính tả đặt ra từ thời de Rhodes. Nguyên tắc (a) đã được áp dụng chặt chẽ với **i** , trừ một số trường hợp: trước hết là với âm đầu / k / và không có âm phụ cuối, đều nhất loạt viết với **y** : *ky, kỷ, kỳ, kỷ, kỹ, kỵ*. Sau nữa là âm / i / chúm môi đều viết với uy : *huy, huỳnh, khuynh, nguýt, quỳnh*. Chỉ có một ngoại lệ là *ui* khi viết với *q*: *quí, quít*. Nguyên tắc (c) của de Rhodes nay đã tỏ ra không còn xác đáng nữa, vì cả **i** và **y** đều đứng đầu âm tiết: *ỉa, ích, ỉm, ỉu, y, ỷ, ỳ,yêu, yểu*. Nguyên tắc (b) và (d) thì không có khác biệt gì so với thời de Rhodes.

Nhìn chung, nguyên tắc chính tả của **i** và **y** trong bộ tự điển Khai Trí

Tiên Đức khá nhất quán. Có thể nói là bộ tự điển này đã giữ sát nguyên tắc chính tả (a), (b) và (d) đối với trường hợp **i** và **y** . Số lượng các từ ra ngoài nguyên tắc không nhiều nếu so với các bộ từ điển soạn ở thế kỉ trước. Tuy thế, một vài sai biệt nhỏ như ở mục từ K sẽ vẫn tạo điều kiện cho những kẽ hở lớn về nguyên tắc về sau này. Bộ *Việt Nam Tự Điển* và *Hán Việt Từ Điển* là hai bộ từ điển giá trị, được công luận dùng nhiều; một đạo đã được Bộ Giáo dục miền Nam công khai chỉ thị nhà trường dùng làm từ điển tiêu chuẩn để dạy chính tả. Do vậy ảnh hưởng của chúng sẽ rất sâu rộng đối với sự phân tán quan điểm về chính tả tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX.

Tiếp nối khuynh hướng muốn chỉnh đốn chính tả, Gustave Hue ấn hành bộ *Tự điển Việt-Hoa-Pháp* (Quy nhơn,1934). Lời tựa sách có đề cập vài nét về nguyên tắc chính tả về chữ i và y như sau: "Hai chữ y và i hình như chỉ một âm, nửa nguyên âm hay nguyên âm tuỳ trường hợp và việc dùng hai chữ này tách biệt thì không có lí cớ nghiêm chỉnh. Do đó, để duy trì truyền thống thì chúng tôi giữ chính tả cổ xưa." Phần từ điển cho thấy rõ tác giả giữ sát nguyên tắc (a) khi viết i ở cuối âm tiết: *hi, ki, li, mĩ, quí, tị*. Chính tả "truyền thống, cổ xưa" nhắc đến trong lời tựa là nói về những nguyên tắc từ thế kỉ XVII. Điều đáng nói ở đây là xu thế muốn điển chế lại những hiện tượng bất nhất gây ra trong thế kỉ trước. Ở điểm này, Gustave Hue gặp gỡ quan điểm của Hội Khai Trí Tiến Đức.

Sau 1954, hai miền Nam Bắc đều có những công trình từ điển mới, có những hoạt động nhằm tiến đến chính sách về ngôn ngữ nói chung và chính tả nói riêng. Do vậy mà có những Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ tại Sài Gòn (1956) và Hội Nghị Cải Tiến Chữ Quốc Ngữ tại Hà Nội (1959). Cả hai hội nghị ở hai đầu đất nước đều lên những danh sách đề nghị sửa đổi chính tả. Những đề nghị sửa đổi ở cả hai miền thật ra cũng không vượt xa hơn những đề nghị của Uỷ Ban Cải Cách Chữ Quốc Ngữ (1902) về tính cách tiên phong của chúng, mà chỉ là những thôi thúc hợp lẽ của thời đại mà thôi. Nhưng tất cả đều chỉ là những bản đề nghị không được công chúng và chính quyền lắng nghe, vì "tình hình chưa thuận tiện" (!), nên chóng rơi vào quên lãng.

Có vài công trình nghiên cứu ở hai miền có liên quan trực tiếp đến vấn đề chính tả, nổi bật là các bộ *Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị* của Lê Ngọc Trụ (Sài Gòn, 1959), *Từ Điển Chính Tả Phổ Thông* của Viện Văn Học (Hà Nội, 1963). *Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị* giữ các nguyên tắc chính tả (b) và (d) khi **i** và **y** là bán âm ở cuối âm tiết. Nhưng ông bất nhất trong nguyên tắc (a) khi vừa dùng **i** lại vừa dùng **y** là nguyên âm: *i, dĩ, lí, lĩ, mĩ, nĩ, phĩ, sĩ, tỉ, tị, vĩ, xỉ, xỉ – ỷ, kỷ, lý, mỹ, tỵ* . Có thể nói là về mặt chính tả chữ i và y thì

Lê Ngọc Trụ không phân minh nên đã tự mâu thuẫn với chính mình: cùng một khuôn âm mà ông viết hai cách khác nhau: *lý, vĩ* ; thậm chí cùng một chữ Hán Việt chỉ cái mũi, ông viết tỵ (tr. V) và *tị* (tr. XIX). Tác giả cũng lúng túng khi dùng nguyên tắc (c), nên ông vừa có *í* lại vừa có *ý* . Chính tả của **i** và **y** trong quyển tự vị này là một bước lùi so với *Việt Nam Tự Điển*.

Trong vòng hai mươi năm chia cắt, hai miền Nam Bắc đều có nhiều từ điển mới ra. Tuy nhiên, không có bộ nào được soạn ra theo một phương pháp chặt chẽ về cách chọn mục từ, chọn giải nghĩa, và phương pháp chính tả. Chỉ riêng về phương pháp làm từ điển thôi đã cho thấy hiện tượng dẫm chân tại chỗ nếu không nói là những bước lùi so với bộ từ điển Khai Trí Tiến Đức. Đối với cách viết **i** và **y** thì lại càng bất nhất. Nói cho đúng thì riêng trong Nam, thời gian này, cũng đã có những cố gắng bứt phá thói quen tuỳ tiện về chính tả. Những nỗ lực này bắt đầu tại một số giảng đường đại học, một số nhà soạn sách giáo khoa có ý thức ngôn ngữ, và một số nhà văn hoá và báo chí có quan tâm đến chính tả tiếng Việt. Trong số các học giả có ý thức kiên trì về vấn đề chính tả ở trong Nam có Hoàng Xuân Hãn, Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, và Trần Ngọc Ninh. (5) Các vị đã làm một cố gắng can đảm là dứt khoát khôi phục nguyên tắc (a) cho chính tả **i** và **y** trong chừng mức mà chính tả tiếng Việt hiện đại chuẩn nhận. Trên các trang sách của các tác giả này không hề thấy sự lẫn lộn thường gặp lúc bấy giờ. Trên báo chí thì chỉ có kí giả Nguyễn Hữu Ngư là triệt để hơn cả: ông dứt khoát bỏ nguyên tắc (c) mà xem **i** ở đầu hay ở giữa âm tiết đều có giá trị ngang nhau; đối với nguyên tắc (a) cũng thế, ông xem âm **i** là kí hiệu duy nhất, dù chúm môi hay không. Nguyên lối viết bút hiệu đã thể hiện rõ quan điểm chính tả của ông về vấn đề này: *Nguiễn Ngu Í* . (5) Ông là một trường hợp duy nhất trong làng báo Việt Nam trước nay đã làm được việc như thế. Tiếc thay, những cố gắng của ông không đủ để tạo nên một phong trào lớn rộng nếu không nói là ít nhiều còn bị dư luận hẹp hòi cho là lập dị. Theo sự tìm tòi chưa đầy đủ của chúng tôi thì bốn học giả nêu trên cũng chưa hề minh nhiên bàn về quan điểm chính tả của các vị.

Sau 1975, một công trình làm từ điển tiếng Việt do Viện Ngôn Ngữ chủ quản đã tạo một bước tiến rõ rệt về các mặt của phương pháp từ điển ngôn ngữ: số lượng các mục từ và các từ và ngữ phái sinh, cách định nghĩa, chú thích, thí dụ. Về mặt chính tả thì ban chủ biên nêu rõ là họ theo đúng các Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt trong các sách giáo khoa, được ban hành theo Quyết định số 240/QĐ Ngày 5.3.1984 của Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục. "Nguyên âm **i** cuối âm tiết được viết thống nhất bằng **-I** (viết *hi, ki, li, mi, ti*, thay cho *hy, ky, ly, my, ty*), trừ

-uy (/ -wi /) vẫn viết **-uy** (*luy, tuy...*) để giữ sự thống nhất với với *uyên, uyết, uyt.*" (6) Trong tình trạng chính tả tiếng Việt hiện nay thì đây là một bước cải tiến hợp lí, nên tránh được tối đa những bất nhất về phương pháp chính tả. Vì đây chính là nguyên tắc (a) trong chính tả của chữ i và y mà đã từ quá lâu phải chịu những xáo trộn do ảnh hưởng của những pho từ điển soạn rải rác từ sau de Rhodes.

Tóm lại, chính tả của **i** và **y** đã trải qua tình trạng bất nhất suốt một thời kì dài kể từ sau de Rhodes. Mặc dù đã có nhiều đề nghị sửa đổi từ 1902 đến nay, tình trạng vẫn không ngã ngũ.

Tại sao có tình trạng bất nhất về chính tả của *i* và *y* ?

Chính tả của **i** và **y** không được nhất quán vì nhiều lí do xuất phát từ cả hai phía: người sử dụng và các giới hữu trách trong xã hội. Dưới đây là một bảng kê các nguyên do đã được thức giả trực tiếp hay gian tiếp nêu lên trong các cuộc bàn luận về vấn đề này:

1. Các nhà chế tác hệ thống chữ quốc ngữ:

Chữ quốc ngữ ra đời vì là một công cụ truyền giảng của các giáo sĩ phương tây. Trong lúc sử dụng, họ đã không tránh khỏi việc dựa vào chính tả tiếng nước họ để ghi tiếng Việt. Một thí dụ:người Pháp không đọc *c* / k / trước nguyên âm hẹp *e, ê, i* nên phải dùng *k* trước các nguyên âm này. Cũng thế, khi de Rhodes viết *ía, iếu, iên* theo như nguyên tắc (a) chẳng hạn, các bạn đồng sự của ông vốn tinh thông tiếng Latin có thể đọc là *'jả'*, *'jếu'*, *'jên'*, vì **i** ở đầu âm tiết có thể đọc là **'j'** trong tiếng Latin. Vì lẽ đó, ông dùng **y** trong trường hợp này [và trở thành nguyên tắc (c)] để tránh lầm lẫn. Nhưng tiện lợi này chỉ dành cho các vị giáo sĩ phương Tây mà thôi, vì người Việt không có sự lầm lẫn đó: *iê* không bao giờ có thể đọc là *'jê'* cả. Sự cẩn thận của thời de Rhodes trở thành một phiền toái cho người Việt ngày nay, vì họ đã thấy viết *ía, iếu, iên* là không quen mắt, và do vậy là không hợp lí !

Trường hợp viết **i** có chúm môi trong các chữ *huỷ, quỹ, tuỳ, thuý* cũng có những nguyên do từ người sáng chế ra chữ quốc ngữ. De Rhodes có viết *huiện, quiển*. Có thể suy từ nguyên tắc (a) đó mà viết *huỉ, quĩ, tuì, thuí* được lắm chứ ! Nhưng vào thời đó đã chấp nhận **i** bán âm đứng cuối âm tiết (nguyên tắc (b)) nên phải đổi sang **y** : *huỷ* .(7) Sự bất nhất này như thế là đã kéo dài từ thời de Rhodes, mà nguyên do chỉ là vì thiếu dứt khoát trong việc chọn kí hiệu dành cho nguyên âm / i / và một cho bán âm / i /

.

Một số tác giả trước đây thường lấy Alexandre de Rhodes làm mẫu mực về chính tả **i** và **y**. Thật ra, những phân tích trên đã cho thấy chính thời de Rhodes đã không nhất quán trong bốn nguyên tắc chính tả được đúc kết trong Từ điển Việt-Bồ-La.

2. Sự bất nhất của các nhà từ điển:

Những sự bất nhất buổi đầu như đã thấy trong từ điển de Rhodes có thể tránh được về sau, nếu như các nhà làm từ điển sau de Rhodes biết điển chế hoá các nguyên tắc chính tả thời trước để lại. Tình hình lại hoàn toàn trái ngược: như phần trên đã phân tích, càng về sau, các nhà làm từ điển trong hội truyền giáo phương tây đã chỉ làm rối loạn thêm các nguyên tắc do de Rhodes đề ra, nhất là nguyên tắc (a) càng về sau càng bất nhất.

3. Thói quen tuỳ tiện của người sử dụng:

Đòi hỏi các vị thừa sai phải chính xác về mặt chính tả tiếng Việt thì kể ra cũng quá đáng. Nhưng nhà nước, giới trí thức, nhà trường và giới truyền thông Việt Nam trước đây đã không làm tròn trách nhiệm của mình cho việc giữ gìn tiếng Việt được tinh xác. Tất cả đều hành xử theo lề thói tuỳ tiện, dễ dãi, và không hề băn khoăn về hệ quả của thái độ tắc trách của mình. Một thí dụ điển hình: Bộ Giáo Dục miền nam chỉ thị rõ là chính tả tiếng Việt cần căn cứ vào *Việt Nam Tự Điển* của hội Khai Trí Tiến Đức. Thực tế thì trường sư phạm, nhà trường phổ thông đều không cần quan tâm đến lối viết chữ **i** và **y** ở trong bộ từ điển đó ra sao để mà theo. Từ rất lâu, Trần Trọng Kim và các cộng sự của ông đã rất ý thức điều này khi soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt vào đầu thế kỉ này. Các vị viết trong một lời dặn thầy cô giáo như thế này: " Chữ y gọi là **y** dài là có ý lấy hình chữ viết dài và âm đọc cũng dài bằng hai chữ **i** thường (?), tuy vậy lúc đọc cũng gọi là *i* mà thôi. Chữ **y** dài thường hay dùng lẫn với chữ **i** ngắn, không lấy gì làm nhất định, như *lí* thường hay viết là *lý*, *mĩ* viết là *mỹ*." (8)

4. Không có chính sách ngôn ngữ hợp lí:

Trách nhiệm này thuộc về nhà nước. Với chức năng điều giải và tạo điều kiện cho sinh hoạt văn hoá-giáo dục được phát triển, đáng ra các chính quyền nối tiếp nhau phải có trách nhiệm thực hiện những đề nghị của các giới chuyên môn liên quan đến vấn đề sửa đổi chính tả hoặc cải tiến chữ quốc ngữ. Thiếu một chính sách ngôn ngữ hữu hiệu cho nên chính quyền nào đó có thể tổ chức một đại hội lớn lao để "thống nhất ngôn ngữ" nhưng đã tránh né việc thống nhất thật sự. Kết cục là những đợt sửa đổi chính tả chữ quốc ngữ đều không thành. Một thời kì dài như

thế chỉ còn đọng lại mấy công phu của vài cá nhân đi tiên phong, nhưng đã không hề được công luận dành cho sự chú ý và hỗ trợ cần thiết để đẩy nhanh việc điển chế hoá chính tả tiếng Việt.

Một vài đề nghị

Hiện nay, ở thời điểm cuối thế kỉ này, cách chính tả hai chữ i và y đã có những khuynh hướng khác biệt nhau về chi tiết đối với nguyên tắc (a). Sách báo tiếng Việt trong nước và hải ngoại đều cho thấy tính cách bất nhất khi viết nguyên âm / i /. Người sử dụng chỉ lặp lại một tập quán chính tả đã quen thuộc với mình, nên chỉ có hiện tượng tồn tại song đôi các lối viết như: *sĩ / sỹ, tị* (nạn)/ *tỵ* (nạn), *mĩ / mỹ, kí / ký*... Ngoại trừ sự khác biệt này, có thể nói là cách viết chính tả chữ i và y hiện nay có hệ thống mạch lạc trong chính nó. Bảng 2 dưới đây phác lại hệ thống đó, dựa trên mối quan hệ ngữ âm và mặt chữ; qua đó có thể nhận ra những mối quan hệ ngữ âm trong hệ thống, và từ đó có thể định đoạt cách viết i hay y cho phù hợp với hệ thống:

Âm / i / là âm chính	1 phần âm chính của âm tiết ——— >	viết I
	2 tổ hợp âm / ie / ở đầu âm tiết (âm tiết có *yê* ở đầu)	– > viết Y
	3 đứng trong tổ hợp âm chúm môi / u / – (âm tiết có tổ hợp *uy* và *uyê*)	
Âm / i / là bán âm (ở cuối âm tiết)	4 đứng sau nguyên âm thường/dài ——>	viết I
	5 đứng sau nguyên âm ngắn ——>	viết Y

Bảng 2

Để đưa hệ thống mô tả ở Bảng trên vào việc thực hành chính tả cách viết hai chữ **i** và **y**, có thể cụ thể hoá thành những quy tắc như được ghi trong Bảng 3 dưới đây:

Chỉ viết **Y** trong những trường hợp sau đây:
(1) khi tổ hợp âm / ie / ở đầu một tiếng. Ví dụ: *yên , yêu , yết.*
(2) trong các tổ hợp âm chúm môi / ui / và / uie / (viết là uy, uyê, uya.)
Ví dụ: *uy, chuyện, khuya, nguy , tuy* ..(9)
(3) ở sau âm ngắn của / / [tức là sau chữ *a* nhưng đọc nhanh]
và âm ngắn của / / [tức là chữ *ă*]. Ví dụ: *cay, dày, may, cảy, đảy, mảy* .

Chỉ viết **i** trong những trường hợp sau đây:
(4) khi âm / i / là nguyên âm, hay là phần âm chính của âm tiết.
Ví dụ: *ỉ, bí, chìm, hí, kìm, lì, lính, sĩ, tị, vì, vình.* (10)
(5) khi âm / i / là bán âm, đứng sau phần âm chính dọc bình thường, để khép âm tiết. Ví dụ: *ngùi, đói, người, cửi, hời, trai.*

Bảng 3

Năm quy tắc trên là đúc kết từ những điểm đã được dùng làm phương châm chính tả trong khi soạn từ điển, được dùng trong sách báo, và được giảng dạy trong nhà trường.

Những quy tắc trên có còn trung thành hay đã vượt bỏ bốn nguyên tắc chính tả thời de Rhodes ? Câu trả lời là: Có. Hơn thế nữa, năm quy tắc trên đây đã tập đại thành từ những kinh nghiệm điển chế các nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ qua bao đời để cho bốn nguyên tắc kia thêm hợp lí hơn, nhất quán hơn. Một điểm lợi trên thực tế là năm quy tắc nêu trên đã loại bỏ được rất nhiều những trường hợp ngoại lệ mà bốn nguyên tắc cũ tạo ra. Duyệt lại năm quy tắc trên, chúng ta có thể "hợp lí hoá" những trường hợp trước kia bị xem là lạc ra khỏi quy tắc:

Quy tắc 1 loại bỏ được những trường hợp trước đây có người muốn triệt để dùng **i** trong tổ hợp âm / ie / ; chẳng hạn: *iêu dấu, iếu kém, niêm iết*... Tất nhiên là nếu giữ được đúng nguyên tắc một âm một kí hiệu thì phải như thế. Nhưng hiện tình chính tả tiếng Việt chưa chấp nhận xu hướng này.

Quy tắc 2 loại khỏi chính tả tiếng Việt những kiểu áp dụng chính tả nay đã không còn được chấp nhận dù cho chúng có thể đúng nguyên tắc kí âm: *huiện, quiển, huỉ hoại, ma quỉ, thuí kiều, thuí nga*... Quy tắc này có thể giải toả những lúng túng thường gặp trước đây khi chúng ta tách âm / ui / (viết là *uy*) trong âm tiết có âm đầu / k / (viết là *q*) khỏi hệ thống.

Quy tắc 3 và *quy tắc 5* không gây ra những tranh luận nào về vai trò của **i** và **y** bán âm.

Quy tắc 4 là mục tiêu của nhiều tranh luận từ xưa nay. Những quy tắc khác đã giúp cho quy tắc này trở nên rõ ràng hơn. Với quy tắc 4 thì ta đã có chuẩn mực để giải quyết những trường hợp chữ **i** và **y** đơn lập thành một âm tiết. Số lượng âm tiết có *i* đơn lập là sáu từ: (âm) *i*, (âm) *ỉ*, (âm) *ĩ*, (đi) *ị*, (đằng) *í*, (đứng) *ì* . Khi chấp nhận chuẩn là **i** như thế thì những từ dùng **y** đứng một mình có thể xem là ngoại lệ, và số lượng của chúng không nhiều lắm: *y , ý , ỷ* . Cả ba đều là những từ Hán Việt, và mục từ này không có các tiếng có giọng huyền, nặng và ngã. Cũng trong khuôn khổ quy tắc này, cần nhắc đến một ngoại lệ khác: (giặt) *gya*. Tổng cộng chỉ có

bốn từ ngoại lệ.

Bảng đối chiếu dưới đây có thể giúp nhận ra khuôn dạng của nguyên tắc chính tả chữ **i** và **y** như đã ghi trong *Từ điển Việt-Bồ-La* so với hiện nay.

Tiếng Việt thế kỉ XVII	**Tiếng Việt hiện đại**
(a) phần chính của âm tiết	quy tắc (4) , và (2)
(b) bán âm với nguyên âm dài	quy tắc (5)
(c) đứng đầu âm tiết	quy tắc (1)
(d) bán âm với nguyên âm ngắn	quy tắc (3)

Bảng 4

3

Những phân tích trên đây nhằm mục đích duyệt lại một vấn đề nhỏ nhưng lại khá phức tạp. Vấn đề chính tả một nguyên âm không phải là chuyện lớn. Nhưng vấn đề đã trở thành phức tạp ngay từ thế kỉ XVII vì có một số lẫn lộn giữa các âm vị khác nhau (trong trường hợp chúng ta đang bàn đây thì là giữa nguyên âm / i / và một bán âm hẹp ở cuối âm tiết), hoặc là dùng nhiều kí hiệu khác nhau để ghi một âm vị (trong trường hợp này là hai chữ cái dùng để ghi một âm / i /, và cũng hai chữ cái ấy để ghi bán âm trong hai hoàn cảnh khác nhau. Đầu mối của sự rắc rối là từ đấy. Cứ sự thường thì không thể giải quyết thật ổn thoả vấn đề chập lẫn như thế chỉ bằng những giải pháp cục bộ. Trên lí thuyết, có thể giải quyết vấn đề **i** và **y** qua giải pháp triệt để nhất và lí tưởng nhất, dựa trên nguyên lí 'một âm hiệu có một kí hiệu tương ứng'. Nhưng đấy lại là giải pháp bất khả, vì ngôn ngữ là một công cụ xã hội, và đời sống của nó tuỳ thuộc vào sự ý thức và chấp nhận của xã hội. Những đề án cải tổ chữ quốc ngữ hoặc "thống nhất ngôn ngữ" cần quan tâm đến thói quen của xã hội để giúp điều chỉnh mà không gây nên những xáo trộn đối với xã hội.

Những Quy Định về chính tả tiếng Việt năm 1980 và năm 1984 là những quy định tương đối ổn thoả nhất sau một thời thử nghiệm dài lâu. Những thay đổi đề ra trong các bản Quy Định vừa nhắc ở trên đã thừa nhận một nhu cầu cần sửa đổi vừa phải để chính tả được nhất quán hơn. Quy Định chính tả như thế chính là sự công nhận một công phu tập thể, công nhận những giá trị của quan điểm chính tả mà *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức và một số học giả đã bền bỉ mở đường trước đây. Đấy là thành quả mà thế kỉ XX đã dành cho chữ quốc ngữ, sau khi đã trải một quá trình tích luỹ kinh nghiệm lâu dài. Chuyện còn lại bây giờ là sự tiếp nối về thế hệ mai sau.❐

CHÚ THÍCH

(1) Lm Nguyễn Khắc Xuyên đã nhiều lần xem xét vấn đề này qua các bài viết của ông. Xem: Nguyễn Khắc Xuyên, 'Chung quanh vấn đề thành lập chữ quốc ngữ' in *Văn hoá nguyệt san* số 39 (1959), tr. 167-177 và số 48 (1960), tr. 1-14, *'Nguồn gốc hai chữ i và y trong quốc âm'* in *Văn hoá nguyệt san* số 61 (1961) tr. 519-526, và gần đây nhất là bài *'Về i hay y trong chính tả Việt ngữ'* in Văn học (California) số 75 (th.7.1992), tr.3-13. Chúng tôi cũng lạm bàn vấn đề này và cũng thử nêu ra những nguyên tắc điển chế chính tả chữ i và y trong bài viết ' Chữ quốc ngữ qua những biến dâu' in trong *Thế Kỷ 21* số 30 (th.10.91), tr. 69-78.

(2) Phạm Tú Minh, Nguyễn Văn Thế & Đoàn Xuân Kiên, *Học Kĩ Đọc Đúng*. Tilburg: Zwijsen.(sắp in)

(3) Alexandre de Rhodes, *Từ điển An Nam-Lusitan-La tinh*. [tức là Từ điển Việt-Bồ-La](Bản dịch của Viện Khoa Học Xã Hội th/ph HCM). Sài Gòn: Nxb. KHXH, 1991, tr 7

(4) Xem: Trần Nghĩa,'Một bộ từ điển Việt-La tinh viết tay vào cuối thế kỷ XVIII vừa sưu tầm được' in *Nghiên cứu Hán Nôm* của Viện Nghiên Cứu Hán Nôm Hà Nội (1984), tr. 126-136 + bốn trang phóng ảnh.

(5) Xem: Hoàng Xuân Hãn: *Bích Câu Kì Ngộ*. Huế: Nxb. Đại Học, 1964 và các bài in trong tạp chí *Sử Địa* tại Sài Gòn thập niên 1960 và 1970; Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, *Khảo Luận về Ngữ Pháp Việt Nam*. Huế: Nxb. Đại Học, 1963; Trần Ngọc Ninh, *Đức Phật Giữa Chúng Ta*. Sài Gòn: Nxb. Lá Bối, 1972; *Nguiễn Ngu í, Sống Và Viết*... Sài Gòn: Ngèi Xanh, 1965

(6) Viện Ngôn Ngữ Học, *Từ Điển Tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb KHXH, 1988, tr:10.

(7) Giả thử vào thế kỉ XVII hoặc sau đó, nguyên âm / i / và bán âm / i / được quy định bằng những kí hiệu chữ viết khác nhau thì tình hình sẽ rất khác, và vấn đề chính tả này đã không còn nhiêu khê như hiện nay.

(8) Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận, *Quốc Văn Giáo Khoa Thư*. Lớp Đồng Ấu.(Bản in lần thứ mười tám). Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp, 1935, tr. 8.

(9) Trong ngữ học Việt Nam, âm / k / được kí hiệu bằng ba chữ cái tuỳ theo trường hợp: *c, k, q*. Chữ *q* chỉ dùng khi có chúm môi mà thôi. Vả chăng, *q* không bao giờ đứng một mình cả, mà luôn kèm với *u*. Do vậy, đã có quan niệm cho rằng phụ âm đầu trong trường hợp / k / chúm môi phải là *qu*. Lập luận này sẽ dẫn đến hệ quả là những từ *quý, quýt* sẽ viết là *quí, quít* vì âm / i / nay là nguyên âm đứng làm phần âm chính của âm tiết. Nhưng cách phân tích âm tiết như thế tự mâu thuẫn: trước hết, phần âm chính của âm tiết là tổ hợp âm chúm môi /ui/ chứ không phải là /i/, và phụ âm đầu chỉ là /k/; vì thế, nếu tổ hợp này đã xuất hiện đều trong các kết hợp khác như trong *quyết, quyền*, thì không thể có ngoại lệ là *quí* được. Sau nữa, không thể lấy cớ là trong các ngôn ngữ Ấn Âu có *qu* để cho rằng phụ âm đầu là âm chúm môi, vì chúm là thuộc về phần âm chính của âm tiết.

trái cam và tình yêu

TRẦN MỘNG TÚ

Ông Trời hôn lên trái cam
đặt tên cho trái cam là Sunkist

Anh hôn em
anh gọi tên em là Tình Yêu

Thấy không anh
Trời cũng như mình
khi yêu gọi tên nhau rất lạ

Có đôi lúc Trời bỏ đi với lá
Trái cam buồn uong mãi màu xanh
Ôi! nếu mà em phải xa anh
Sầu sẽ rụng trăm trái cam héo úa

Trời về tỏ tình da cam ửng đỏ
Giống như em khi được ở bên anh.

(10) Tuy vậy, trong khi chúng ta viết *y thị ỷ lại* thì sự thiên vị trong tâm lí ngôn ngữ đã dẫn đến thói quen viết *âm i, âm ĩ, đi ỉa* theo đúng nguyên tắc âm vị học. Khuynh hướng viết các từ Hán Việt có âm / i / với chữ y làm âm chính có thể tìm thấy trong các tiếng đứng đầu âm tiết: *y, ý*; hoặc các từ có phụ âm đầu là *h, k, l, m, q, t*. Nhưng về mặt ngữ âm, không có lí do gì để tách số từ vựng Hán Việt ra theo quy tắc chính tả khác với những quy tắc chung.

Thổ-tuồng, một thể loại văn chương đặc biệt của miền nam, nay đã mất.

Nguyễn Văn Sâm

Hai thập niên cuối thế kỷ trước và hai thập niên đầu thế kỷ nầy, trong Nam kỳ lục tỉnh, vùng đất đang có những thay đổi lớn lao về hành chánh, giáo dục, các nhà văn lục châu thường đem tác phẩm cổ bằng chữ nôm ra sửa đổi, thêm thắt rồi in lại bằng chữ quốc ngữ để phục vụ nhu cầu rất cấp thiết của sách vở trong giai đoạn lớn mạnh của chữ viết mới trong vùng đất mới. Cụm từ *soạn lại bổn cũ*, hay *bổn cũ soạn lại* phát xuất từ đây. Ngày nay ý nghĩa đó đã thay đổi, hàm ý diễu cợt về sự lập lại chuyện cũ, không có gì mới, nhưng thật ra thời đó những chữ nầy mang nghĩa rất tích cực. Trước hết, phần nhiều các bổn cũ đang nằm trong tủ sách xưa ít người biết đến vì hoặc vì số lượng ấn bản quá ít, hoặc được viết bằng một thứ chữ ít người thông thạo, dễ đọc lầm, khiến vừa mất ý hay vừa sai nghĩa chánh. Người soạn lại bổn cũ, vừa làm công việc *phiên âm* (hay dịch thẳng từ bản Hán văn) vừa làm việc *chải chuốt, trao tria*, sửa cho thành vần điệu xuôi câu cú. Nếu cần thêm thắt một vài câu để cho rõ ý, người sửa lại bổn cũ không nề hà gì mà không hạ bút.

Sửa lại hay thêm thắt trên một bản văn lúc bấy giờ là công việc bình thường của những người có lòng yêu mến các vốn cổ của dân tộc. Đối với họ, công việc nầy bất quá như một người đứng trước cảnh trí của một

khu vườn đã thành khoảnh, thấy rằng cần phải thêm, bớt cây kia cây nọ ở chỗ nầy chỗ khác hay cần phải tỉa xén bớt cành hoặc vun đường gốc của những cây gần cây xa. Sự việc nầy không mảy may mang sắc thái chiếm đoạt công người làm công mình mà chỉ nhằm đem đến cho đời thêm một chút vui đẹp bằng những công lao mà mình có thể đóng góp được.

Trong quá khứ, tác phẩm Việt bị sửa chữa, thêm thắt như vậy quá nhiều. Đối với từng tác phẩm, chúng ta chưa có điều kiện để biết sự sửa đổi, thêm thắt là bao nhiêu. Các công trình của học giả đi tìm bản gốc Đoạn Trường Tân Thanh, Lục Vân Tiên, Song Tinh Bất Dạ, Chinh Phụ Ngâm... đáng ca tụng nhưng phải còn thật nhiều thời gian nữa mới hi vọng tiếp cận được phần nào chân trang nguyên tác. Vì vậy để cho dễ dàng việc nghiên cứu về giá trị những nhà văn và tác phẩm đính dáng đến chuyện *bổn cũ soạn lại*, chúng tôi đề nghị tạm coi công lao về nội dung và hình thức của tác phẩm ở trong tình trạng *bổn cũ soạn lại* thuộc về người sửa lại bổn cũ nếu tác giả không thể nào còn có thể truy cứu được. Chỉ có giai đoạn cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 mới có sự miễn trừ nầy thôi, các thời khác không ở trong trường hợp nầy vì không đủ các yếu tố đặc biệt tương tự.

Tại sao sửa lại bổn cũ?

Nhu cầu cấp thiết của hoàn cảnh đất mới, chữ mới. Người di dân hay gốc di dân ở đây chưa đủ thời gian chuẩn bị cho một tinh thần sáng tác và lòng tự tin về cốt truyện do mình sáng tác. Tinh thần tồn cổ và phục cổ khiến nhà văn mang cảm thức tự ti để phần nào đưa đến thái độ tôn trọng và đề cao những gì do tiền nhân để lại. Dùng bổn cũ là tôn trọng tư tưởng của người xưa, sửa lại bổn cũ là hoàn chỉnh vốn liếng văn chương có sẵn theo những đòi hỏi của thời đại với những thay đổi về từ ngữ hay cụm từ không còn phù hợp. Vì vậy thay vì bỏ quên đi tác phẩm không ăn khách họ sửa lại đôi chút, nếu cần thì thêm thắt đôi chút. Các ***truyện-thơ*** -- tác phẩm dài, kể một câu chuyện, viết bằng thơ, phần nhiều là lục bát --- được phiên âm trong Nam thời nầy phần nhiều nằm trong tình trạng đó, bị/được sửa đổi nhiều ít, và không ai thất mất đây là việc làm trái nguyên tác, ăn cắp văn như quan điểm chúng ta có ngày hôm nay...

Công lao phổ biến truyện thơ nôm vào trong quảng đại quần chúng là nhờ những người nầy, công lao đẩy chữ quốc ngữ vào tình trạng không thể nghi ngờ thế giá cũng nhờ những người nầy. Đó là việc làm của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Đinh Thái Sơn *dit* Phát Toán, Huỳnh Kim Danh, Phụng Hoàng San, Trần Phong Sắc, Đặng Lễ Nghi, J. Viết....

và nhiều người nữa mà ít được biết tên như: Bồng Dinh, Thanh Phong, Đặng Thanh Kim, P. Phước, Đặng Thiên Kim, Nguyễn Ngọc Xuân.... Thế nhưng có một công lao ít người biết đến là việc sửa lại bốn cũ đã vô tình tạo thêm sự hoàn chỉnh cần thiết cho con đường hình thành của một thể loại văn chương mới vốn phôi thai vào hậu bán thế kỷ 19 trong Nam, đó là thể loại **thò-tuồng**. Chúng tôi chưa thấy danh từ nào thật sự tiện lợi hơn nên xin tạm đưa ra từ nầy vì trong quá khứ nó không có tên hay đã được gọi bằng những tên rất mơ hồ của những thể loại tương tự với nó như **truyện, diễn ca, thò.**

Thò-tuồng là một hình thức tổng hợp của hai thể loại dùng cho một tác phẩm dài có nhiều tình tiết khi nền văn học của nước ta đã ở vào thời thật vững vàng. Sự nhàm chán của tình trạng đơn điệu trong việc đọc một *truyện thơ dài* đã được nhà văn thời nầy giải trừ bằng cách pha thêm các hình thức nói *(viết* 曰), hát nam (*văn* 挽), hát khách (*loạn* 亂), than thở *(thán* 嘆)... của *hát bội*. Tác phẩm được sửa lại giờ đây nhờ đó vừa có hình thức truyện thơ vừa mang những thành tố đặc biệt của tuồng hát bội với những thay đổi cách nói và thêm sự ra bộ nếu người nói thơ có khả năng làm những công việc nầy. Bởi vậy người nói thơ đồng thời tạo cho người nghe thơ những nhân tố để hình dung ra câu chuyện và thấy như mình đang xem trình diễn trên sân khấu với sự than thở, nói năng, xưng tên, hát hò, diễn tả nội tâm cũng như những điều suy nghĩ của nhân vật .... Điều đặc biệt là trong vùng đất mới của miền Nam khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, sinh hoạt đọc thơ có tính cách trình diễn đại chúng do một người đọc trôi chảy chữ nôm hay quốc ngữ vừa đọc vừa thay đổi giọng điệu để phù hợp với mỗi cách nói và từng vai trò của nhân vật. Thính chúng trở thành khán giả. Khoảng trống nhỏ vừa bằng chiếc chiếu ở nhà trên trở thành rạp hát di động, miễn phí. Cuộc họp mặt khi mặt trời vừa lặn không đơn thuần là nghỉ ngơi hay trốn tránh sự lẻ loi khó khăn của cuộc sống mà còn là một hình thức thưởng thức văn nghệ, văn nghệ nói thơ, ca hát và trình diễn, mặc dầu hai thứ sau nầy đang ở trong tình trạng thật là đơn giản và sơ khai. Người nói thơ vừa mua vui bà con chung quanh vừa mua vui cho chính mình bằng cách kiện toàn lần tài nghệ điển tả ngôn ngữ sao cho đi gần với nghệ thuật trình diễn. Sinh hoạt *nói thơ* như vậy khác hẳn với sự *đọc thơ* có tính cách thưởng thức cá nhơn chìm sâu vào sự im lặng đọc thầm vốn là truyền thống thưởng thức thi ca từ lâu đời.

Vì điều kiện cung cầu, người nói thơ thường thường được sự nể vì, chiều đãi của xóm giềng làng nước. Anh ta tuợng trưng cho một gánh hát thu nhỏ đến tận cùng: đào, kép, bầu, hề, nhưng, kẻ kể truyện.... đều dồn vào một người. Đó là sự biến thể để phù hợp hoàn cảnh sống lẻ loi xa cách của những lưu dân đến khai thác các vùng đất mới chinh phục được mà độ vài chục năm trước đó thôi chưa ai từng đặt chun đến. Đó là sự thích ứng với hoàn cảnh xã hội và thể hiện vai trò phục vụ thực tế của văn chương.

Hiện nay chúng ta chỉ mới tìm thấy lại được một vài tác phẩm viết theo thể loại **thơ-tuồng.** Không nhiều, nhưng cũng đủ nhận chân sự có mặt vững vàng của nó vào thời gian xuất hiện. Các quyển nầy có thứ in bằng chữ nôm, có thứ in bằng quốc ngữ, tất cả đều bắt đầu bằng mấy chục câu thơ, rồi những yếu tố của hát bội gặp lúc thuận tiện mới chen lẫn vào, thường bắt đầu bằng nói hay *nói lối* (tán). Trong các bản quốc ngữ, khi gặp câu *soạn lại bổn cũ có phụ thêm nam khách* ta hiểu ngay rằng người soạn lại đã viết thêm phần hát bội. Có khi chỉ thấy mấy chữ *bổn cũ soạn lại,* trong trường hợp nầy chúng ta không biết được người soạn lại chỉ sửa chữa câu cú vần điệu, thêm bớt cho rõ nghĩa rõ ý các câu thơ vì phần hát bội **đã có sẵn trong bản nôm**, hay ông đã viết thêm phần văn chương có tính cách trình diễn nầy.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu vài trường hợp **thơ tuồng.**

1. Văn Doan Diễn Ca: 文 緣 演 歌 .

Chúng ta có một bản nôm và hai bản quốc ngữ.

Bản Nôm: Bộ thư mục đồ sộ về tài nguyên hán nôm rất đáng được hoan nghinh mới xuất bản gần đây ở quê nhà do sự hợp tác văn hóa Việt-Pháp là "*Di San Hán Nôm Việt Nam*", (Hà Nội, 1993, tập 3, trang 534, ở số thứ tự 4172) có mách một quyển chữ Nôm viết tay 82 trang ký hiệu AB. 280, do Ban Hán Nôm quản lý, tựa đề là *Văn Doan* Diễn *Hí* 文 緣 演 戲 . Chúng tôi chưa có điều kiện để có được bản sao của quyển nầy nên không biết đây là **thơ-tuồng** hay chỉ là tuồng hát bội.

Xin ghi lại phần tóm lược theo *"Di San Hán Nôm Việt Nam".*

"Vở **tuồng** diễn sự tích Văn Duyên (Doan): Văn Duyên tên thật là Lía, người Qui Nhơn (Bình Định), mồ côi cha từ nhỏ, rất thương mẹ, hay bắt trộm gà, vịt mang về cho mẹ. Mẹ Lía không đồng tình, răn dạy con nhiều lần, đem Lía giao cho thầy học, nhưng Lía bỏ học. Sau, Lía cùng

với Hồ và Nhẫn, vào rừng lập hội anh hùng hảo hớn, thường cướp của kẻ giàu chia cho người nghèo".

Cần nói thêm là nội dung theo sự mách trên ở đại thể phù hợp với nội dung của hai bản ***quốc ngữ thơ-tuồng*** hiện còn chứa ở Thư Viện Quốc Gia Pháp mà chúng tôi nhắc sau đây.

Bản quốc ngữ : Có hai bản in.

Bản đầu, *Văn Doan Diễn Ca* 文 緣 演 歌 , in lần thứ nhứt năm 1896, ký tên người làm công việc viết theo bổn cũ, *sửa lại xuôi câu xuôi vần* là Nguyễn Hữu Thoại, sách dầy 100 trang, in tại Saigon, nhà in Rey, Curiol & Cie. Quyển nầy, hai năm sau, 1898, được in lại nguyên dạng, không sửa chữa gì cả, tám năm sau nữa, năm 1906, in lần thứ ba cũng thế, chỉ có cái tên Nguyễn Hữu Thoại lần nầy được thay bằng tên Hoàng-Tịnh Paulus-Của và in tại một nhà in khác. Xin nhắc lại, trong ba lần in số trang vẫn là 100 và không thay đổi gì bên trong. Từ đấy về sau, cho tới nay gần một thế kỷ trôi qua, chúng tôi chưa thấy lần in nào khác nữa bản quốc ngữ *Văn Doan Diễn Ca* nầy của Huỳnh Tịnh Của .

Bản thứ nhì, *Thơ Văn Doan*, 書 文 緣 in lần thứ nhứt, năm 1916, người làm việc bổn cũ soạn lại cho bản nầy là Nguyễn Đăng Hưởng. Ông gây cho chúng ta một chút bối rối vì ngoài mấy chữ thiệu *"bổn cũ soạn lại"* ông còn thêm *"traduit par"* mà ai cũng hiểu là phiên âm từ bản nôm ra quốc ngữ bởi...Trong trường hợp nầy không thể hiểu *traduit par* là dịch từ chữ Hán ra quốc ngữ vì chuyện Văn Doan là chuyện hoàn toàn Việt Nam. Soạn lại là làm công việc sửa chữa thêm thắc, so với bản gốc phải khác hoặc ít hoặc nhiều. Phiên âm hay phiên dịch là công tác có sao ghi lại như vậy giống theo bản gốc --- trừ trường hợp nhầm không cố ý -- nhưng với hình thái văn tự khác, nhất là việc phiên từ Nôm ra quốc ngữ thì càng phải tuân theo từng chữ một. *Bổn cũ soạn lại do...* vì vậy không thể nào là *traduit par* .... trừ phi người ta chấp nhận nguyên tắc đặc biệt của giai đoạn nầy là khi phiên âm (phiên dịch) thì *có toàn quyền soạn lại chút đỉnh (!).*

Hai bản Hoàng-Tịnh Paulus-Của và Nguyễn Văn Hưởng giống nhau đến 90 phần trăm. Chỗ khác nhau về phần **nói thỏ** (xuống) không phải nằm trong các chi tiết mà ở những chữ làm cho câu thơ rõ nghĩa hơn, xuôi vần hơn. Khác biệt nhiều nằm ở chỗ phần hát bội nghĩa là chỗ nói (*viết*), nói lối (*tán*), hát khách (*loạn*), hát nam (*vần*) của hai bản in, bởi vì phần nầy người sửa lại đã dùng tối đa kiến thức thẩm mỹ văn chương và kinh sử của mình. Nói cách khác, sự sáng tác ở đây đã góp phần thật nhiều. Về ý,

trên tổng thể, giống nhau toàn vẹn, nhưng trên chi tiết ngôn từ có khác, tuy rằng giá trị nghệ thuật không có gì sai biệt mấy. Khác văn từ không quan trọng lắm vì bản văn không thay đổi nhiều về mặt ý tưởng, bất quá như là những dị bản trong quá trình xuất hiện của một tác phẩm mà thôi. Nhắc lại, cả hai quyển quốc ngữ đều là *thơ-tuồng với các phần hát bội được thêm vô những chỗ nhứt định*, điều nầy khiến cho chúng tôi có lý do để tin rằng bản nôm *Văn Doan Diễn Hí* mà *Di Sản Hán Nôm* mách là một tác phẩm viết ở dạng **thơ-tuồng**. (Bạn nào có nôm bản cho chúng tôi xin bản sao để kiểm chứng suy luận trên thì rất cảm ơn.)

2. *Trương Ngáo Truyện* 張僥傳.

Chúng ta có một bản Nôm và một bản quốc ngữ.

Bản Nôm: *Trương Ngáo Truyện* 張僥傳, bản tân san năm mậu dần (1878), khắc tại Quảng Đông Phật Trấn 廣東佛鎮, Thạnh Nam tiền tàng bản 盛南錢藏版. Bản nầy chữ nôm khắc rõ nét, đẹp sắc xảo, ít sai lỗi khắc, hầu như không sai lỗi chánh tả, gồm 21 tờ, 41 trang chữ, mỗi trang 10 dòng, mỗi dòng 18 chữ. Tên bản nôm nầy không thấy *Di Sản Hán Nôm Việt Nam* liệt kê. Đây là *tuồng hát bội thuần túy* không có chen lẫn những đoạn thơ để thành một **thơ-tuồng** như theo định nghĩa của chúng ta.

Bản quốc ngữ : *Thơ Trương Ngáo* 書張僥, bổn cũ dọn lại par La Maison J. Viết, in tại Imprimerie F.H.Schneider, tháng Septembre 1914. In lần thứ nhứt, giá ba cắc. Đây là một **thơ-tuồng** đúng nghĩa với nhiều phần nói lối, hát nam, văn v.v... Phần tuồng đã được sửa chữa từ bản Nôm nên rõ ràng và văn chương hơn, phần thơ xen vào rất hiệp vận và không có những từ vô nghĩa đưa đẩy như *vậy, vay, mà, rằng, mà rằng, vân vi*.... Thực hiện quyển *Thơ(?) Trương Ngáo* 書(?)張僥 nầy và các công trình tương tự, ông chủ nhà J.Viết quả đã làm việc rất ích lợi cho văn hóa nước nhà. Trong trường hợp thơ Trương Ngáo, dạng thơ-tuồng sinh ra từ tuồng, đó là một trường hợp đặc biệt, trên cơ bản, thơ-tuồng sinh ra từ truyện-thơ.

3. *Trương Ngộ diễn ca* 張悟演歌

Chúng ta hiện tại cũng có một bản nôm và một bản quốc ngữ.

Bản Nôm: Trương Ngộ Diễn Ca 張悟演歌, do một người hiệu là Minh Chương 明章號 đính chánh, phát hành tại Chợ Lớn, Xóm Dầu Phọng (Phụng DuLý), Quảng Thạnh Nam 廣盛南 phát hành, tàng bản tại Trung Quốc, Phật Trấn, hiệu Thiên Bửu Lâu 天寶樓. Bản nầy gồm 40 tờ, 79 trang, mỗi trang 9 dòng, khắc theo cách của

tuồng hát bội nghĩa là chữ lớn chữ nhỏ tùy trường hợp, chữ lớn là các lời nói chính, chữ nhỏ cho tiếng đưa đẩy đầu câu cuối câu và các lời tán, điệu cột.... Bản nầy tân san năm quý mùi (1883). Bộ *Di San Hán Nôm* cũng không thấy nhắc đến quyển *Trương Ngộ Diễn Ca* 張悟演歌 nôm, mặc dầu bản nầy hiện lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Pháp.

Đặc biệt đây là một bản **thơ-tuồng nôm** với phần nói thơ và những thành tố của hát bội và những đòi hỏi của nó sau nầy như *khôi hài trong ngôn từ* (cách nói chuyện và chữ dùng của trò Lỗ, so sánh với cách nói của nhân vật Giả Ngu trong tuồng *San Hậu*) cũng như *khôi hài trong hành vi* của một vài nhân vật (con Tọa đấy bình bằng mục đồng).

Điều đáng chú ý là ở hai quyển trên, những phần **nói thơ** như là lời *của tác giả* để mô tả sự kiện xảy ra. Đó là lời của người kể truyện trong kịch cổ điển tây phương, ở quyển nầy, phần nói thơ được quy cho nhân vật và bắt đầu bằng hai chữ *thốt thôi*. *(Thốt thôi mụ Tiện nói rằng, đến mùa làm ruộng muốn phòng đỡ tay)*. Đây là điều bất hợp lý mà những quyển khác không có khiến cho ta dễ đi đến kết luận rằng **thơ-tuồng** Trương Ngộ là quyển -- hay là một trong những quyển-- xuất hiện sớm nhứt trong loại nầy.

Bản quốc ngữ: chúng ta chỉ có một bản quốc ngữ.

Trương Ngộ điển ca 張悟演歌, in lần thứ nhì, tháng *Mai*, năm 1913, giá bốn cắc, do Nguyễn Năng Thừa dịch ra quốc ngữ, in tại nhà in F.H. Schneider. Đây là bản phiên âm theo sát bản nôm, không sửa chữa nhiều, trừ những chữ nôm quá mắc người đọc không hiểu nghĩa hay cách đọc bèn lựa chữ khác dễ hiểu hơn thay vào. Sự thay đổi nầy nhiều trường hợp làm hại sự chính xác và cái hay của nguyên tác trong việc sử dụng những chữ của thế kỷ vừa qua về những sinh hoạt ở thôn quê. Các đoạn *hát bội* trong *bản quốc ngữ* cũng vậy, theo sát bản nôm gần như hoàn toàn. Vì bản nôm đã là **thơ-tuồng** nên ông Nguyễn Năng Thừa chỉ làm công việc phiên âm thôi. Sự phiên âm nào cũng giúp đỡ ít nhiều cho người đi sau về mặt nầy hay mặt khác.

4. *Lang Châu toàn truyện* 郎朱全傳

Hiện giờ chưa thấy bản nôm nào, *Di San Hán Nôm* cũng không mách được gì hơn về tác phẩm nầy.

Bản quốc ngữ: Đây chỉ nhắc đến bản thường thấy nhứt.

Lang Châu Toàn Truyện 郎朱全傳, do Huỳnh Tịnh Của sửa theo bản cũ. In lần thứ hai, năm 1905 tại Sàigòn nhà in Commerciale Ménard & Rey. Cũng như các trường hợp trước ta không thể biết Huỳnh

Tịnh Của thêm phần tuồng nầy hay người nào đó đã làm công việc nầy trước đó bằng chữ nôm và Huỳnh Tịnh Của chỉ sửa lại bản cũ và dịch ra chữ quốc ngữ. Phần **tuồng** trong **truyện-thơ** nầy quá sơ lược, chỉ có một vài phần *văn* (hát nam) và *nói lời* (tán), rất ít phần *loan* (hát khách) là phần đặc trưng của tuồng hát bội. Sự đóng góp của người **tạo nên yếu tố tuồng** trong tác phẩm nầy tương đối không được nhiều.

5. *Thơ Trần Đại Lang*

Cũng giống như trường hợp trên, ta không thấy bản nôm **thơ-tuồng** Trần Đại Lang. Bản quốc ngữ của nhà J. Viết in lần thứ nhì năm 1915, có những đoạn hát bội trong đó, đầu không phong phú như trong các **thơ tuồng** khác.

6. *Chiêu Quân Cống Hồ.*

Bản nôm: Bộ *Di Sản Hán Nôm Việt Nam* cho biết hiện ta có bốn bản in nôm về đề tài Chiêu Quân.Tất cả đều là **truyện-thơ.** Hai bản Chiêu *Quân Cống Hồ Thơ* 昭君貢胡書 , do Duy Minh thị 惟明氏 soạn, in năm ất hợi (1875), và Minh Chương thị 明章氏 đính chánh, trùng san năm ất dậu (1885) đều in ở Phật Trấn 佛鎮 , Quảng Đông, một do Cận Văn Đường khắc ván và một do nhà Thiên Bửu Lâu 天寶樓 tàng bản. Hai bản *Chiêu Quân Tân Truyện* và *Chiêu Quân Cống Hồ Tân Truyện* gần đây, in năm Khải Định nhâm tuất (1922) do Nguyễn Tiến Khang hiệu Thanh Tùng biên soạn. Bản Minh Chương thị 明章氏 -- hiện lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Pháp, ký số B.121 Vietnamien --- có nhiều tính cách văn chương nhứt. Truyện gồm 68 trang, mỗi trang in theo hàng dọc 12 cặp thơ lục bát với cách viết chữ nôm rõ ràng dễ đọc.

Bản quốc ngữ: Chiêu Quân Cống Hồ có rất nhiều bản *thơ* quốc ngữ.

Bản thơ của ông Đặng Lễ Nghi dầy 27 trang, in năm 1917, *soạn lại bổn cũ*, in tại Imprimerie de l'Union, có giá trị nhứt. Hình thức *thơ-tuồng* do Maison J. Viết trước đó, *soạn lại bổn cũ có thêm hát nam và hát khách*, xuất bản tại Sàigòn năm 1913 là bản duy nhứt thuộc thể loại nầy.

Có thể còn nhiều tác phẩm được viết dưới dạng thơ tuồng nữa nhưng ngày nay chúng ta chưa có khả năng sưu tầm đầy đủ. Việc gom góp lại càng nhiều càng tốt các tác phẩm viết bằng thể loại đặc biệt nầy để khảo sát tường tận hơn là công chuyện cấp thiết của những nhà nghiên cứu văn học, nhứt là những ai muốn đề tâm tìm hiểu mảng văn hóa miền cận Nam.

Để bạn đọc thưởng thức và làm quen với **thơ-tuồng** chúng tôi xin trích đoạn sau đây trong *Thơ Vân Đoan*, bản của Huỳnh Tịnh Của:

Xuống: *(tức người kể truyện)*

Nói thôi cùng mẹ một lời,
Con toan lo việc ở đời lập thân.
Con đà chịu lỗi muôn phần,
Cúi đầu lạy mẹ xin đừng than van.
Cút cui mẹ ở Hàng-lang,
Thế gian khinh dễ xóm làng cười chê.
Con xin đưa ngựa cho thuê,
Mẹ thì bán quán dựa kề Hàng-lang.
Thốt thôi thằng Lía ra đàng,
Hỏi ai muốn ngựa, tôi dàn đưa đi.
Dịp đâu may mắn quá kỳ,
Khách thương đâu bổng tối thì quá đông.
Lía hỏi cậu muốn ngựa không,
Dặng cho tôi thắng cho ròng cậu đi.
Ngựa tôi hồng tía thiếu chi,
Kim than, kim bạch, ô chùy cũng hay.
Còn hai con ngựa tốt thay,
Kìa thiên lý mã, nọ rày lý vân.
Muốn thì tiền trước trao thân,
Dặng tôi thắng ngựa cho cần cậu đi.
Khách rằng tao chẳng nài chi,
Tao đưa tiền thì thắng ngựa cho mau.
Lấy tiền đi một hồi lâu,
Vừa người vừa ngựa mất đâu chẳng còn.

Chàng Lía

Tán:

Hảo dã chơn hảo dã, chí hoan thị chí hoan. *Xinh a*, âu là ta nơi điếu đạo bôn mang, vọng lâm trung trực khứ a.

hát khách :

Sách mã hoang mang tẩu như phi,
Uất khúc na từ lộ hiểm nguy.

Xuống:

Các cậu đội đã mỏi mê,
Hỏi thăm hàng xóm nó thì trốn đâu.
Thằng Lía trốn một hồi lâu,
Thấy vắng các cậu chạy âu về nhà.

Chàng Lía

tán :

Âu là sách thần mà bôn ba, vọng gia trung trục tấn *a.*

hát khách :

Mục khán đông tây quan tứ lộ,
Trùng chiêm nam bắc nhậm bôn ba.

Xuống:

Canh hai Lía về tới nhà,
Mụ Lía xem thấy vậy mà hỏi con.
Dưa khách còn hết hết còn,
Ít nhiều khá nói sao con trở về?
Lía bèn thưa hết mọi bề,
Tôi đi đưa ngựa, người chê kẻ cười.
Tôi xin đi khóa theo người,
Ngõ nên danh phận ở đời mới sang.
Lạy mẹ ở lại Hàng-lang,
Cho tôi đi khóa tràng an mới đành.

Mẹ Lía

tán:

con! Hữu khứ hữu khứ, vật hành vật hành. Nay con muốn ứng cử khoa thi, con đi làm sao cho rồi, *a con!* Mẹ thời tuổi quá bảy mươi, con mới hai tám việc đời còn thừa; *có phải a:* nắng mưa ấm lạnh biết nhờ vào đâu, *a con.* Có phải sách thánh nhơn, người có nói rằng: *phụ mẫu tồn bất kha viễn du,* chăng con?

Xuống:

Thảo xưa là Mẫn tử Khiên,
Sách còn chép để lưu truyền hậu lai.
Con đi bỏ mẹ cho ai,
Con đành lỗi đạo làm trai rõ ràng.
Đói no mẹ ở Hàng-lang,
Mẹ dầu có thác biết toan lẽ nào.

Mẹ Lía

tán :

Thôi con cũng biết chữ mà, mẹ phải nói lại cho con nghe : trong sách thánh nhơn người có nói rằng: *dưỡng nhi đãi lão, tích cốc phòng cơ,* thì là làm sao a con?

Chàng Lía:

tán:

Dám thưa mẹ, xưa Cam-la thập nhị vi thừa tướng, còn Khuông-tử bát thập vi công hầu, có phải a, sách xưa rồi dấu đời sau; hậu giác học đời tiên giác, mới đặng cho; thưa mẹ cho con đi học nào. *Nhơn đồng kim cổ, thế sự vô nan;* mẫu tử an tại thảo trang, cho ấu tử kinh sư đối bước.

hát nam :

Đối bước mẫu thân an tại,

mẹ ôi,

kẻo tấm lòng khoăn khoái đôi con.

Làm người phải biết thiệt hơn,

thảo thân đốc báo, muôi ơn lo đền.

tán:

Như nay mẹ tôi can thì cũng phải, nhưng mà *tử sanh hữu mạng, phú quí cũng tại thiên.*

hát nam :

Đoái xem xa chốn gia trang,

phút đâu lố thấy trường an hầu gần.

Xuống:

Mầng rày đã tới trường an,
Phố phường trà rượu bánh hàng thiếu chi.
Uống ăn thôi đã ly bì,
Cuộc vui còn có thiếu gì nữa đâu.
Có quan Chưởng Nhuận đi chầu,
Lía đà xem thấy trước sau tỏ tường.
Tiền hô hậu ủng chật đường,
Gươm vàng náp bạc rỡ ràng oai nghi.
Lía bèn đứng nép chẳng đi,
Dốc lòng chờ đợi vậy thì đã lâu.
Một hồi thấy những quân hầu,
Xe đưa quan lớn bái chầu trở ra.
Lía bèn làm bộ lân la,
Bẩm cùng thầy đội, tỏ qua sự mình.
Rằng tôi ở phủ Diên-ninh,
Chuyên công đèn sách thật tình ba đông.
Văn chương võ nghệ xảo thông,
Mồ côi bộ ngộ cậy cùng ông thương.

Dầu đuôi tự sự dám tuồng,
Nhờ ông rộng lượng bẩm chuồng quan trên.

Thầy Đội:

Thằng kia, tao hỏi: chó nể phụ mẫu trụ hà thôn quán, tác hà sanh lý mà hay, a con?

Xuống:

Lạy ông tôi dám bày ngay,
Cha tôi thác rày ở phủ Qui Nhơn.
Mẹ tôi tuổi đã thất tuần,
Tôi là trò khó xuất thân cơ hàn.
Trước là nhờ lượng nhà quan,
Sau nhờ thầy đội bảo toàn tấm thân.
Thầy đội nghe nói thương thầm,
Khá khen thằng Lía mười phần khôn ngoan.
Mầy ở rằng phủ Qui Nhơn,
Cũng đồng một xứ một làng cùng tao.
Để tao vào trước bẩm trao.....

Thỏ-tuồng xuất phát từ thơ nhưng mang thêm hình thức trình diễn của hát bội nên có giá trị cả hai mặt văn chương và xã hội. Nó vừa cập nhật hóa mảng thơ bình dân cũ về mặt ngôn ngữ vừa đem sự thoi thóp của hát bội, đang có đời sống cung đình vào sinh hoạt văn nghệ trình diễn của những người thật sự cần đến thoại kịch và hí kịch cho đời sống vật chất. Nó giúp cho những người khai phá mảng đất mới của miền nam vào những năm giao đầu của thế kỷ 19 và 20 vững được tinh thần sống tiếp nối cuộc đời khó khăn khi đặt bước chân lên vùng trinh nguyên hoang địa. Nó trừ được bớt đi phần nào sự đơn lẻ chán chường của người mới trên vùng đất mới. Và dĩ nhiên khi cuộc sống thay đổi với những sự phát triển của kinh tế, giao thông, và các sinh hoạt vật chất khác.... **thỏ-tuồng** không còn thích hợp nữa, nó đi vào lãng quên từ từ của nhân thế và người viết lách. Kể từ sau thập niên 20 của thế kỷ nầy ta hình như không còn thấy **thỏ-tuồng** nào nữa. Sự có mặt của **Thỏ-tuồng** giống như vai trò và sự có mặt của những bản nhạc thành công cách đây một phần tư thế kỷ trong đời sống di tản hiện tại. Chúng ta ai cũng có ít nhiều những bản nhạc nầy trong lòng và thấy rằng mình có nhu cầu để nghe, để nhớ.

Nhưng trong tương lai, chưa chắc nhu cầu đó tồn tại....

sự yên lặng của cát bụi

KHOA HỮU

Ta cuối sông nghe nước tả oán
người đầu non như đá điên rồ
chim mỏi cánh dặm đường bóng bạn
khói chiều trông tháng thốt tờ thư.
Khoa Hữu

Ta thức trọn những đêm kinh giấc
đêm ơi, dao phủ hành hình người
ngày lên, mặt trời không có thật
những dấu chàm xâm những vết vôi.

Tháng hạ trong thịt xương ngấm độc
bước hưng vong điểm mặt đa vàng
lại một nửa lưu tù rừng bắc
nửa còn theo sóng vượt biển nam.

Dọc mùa thu oan hồn xác lá
tro bụi bay khói ám vầng trăng
đường tên mới, ta, người cũng lạ
lời dáo gươm dậy cõi đất bằng.

Đêm đông bịt mắt đi chân đất
áo da người thay áo cỏ may
trong toa tối tầu rung tiếng thép
túi đeo, dây thắt kẻ đi dày.

Mùa xuân soi đời mình thấy bóng
ta nhặt giùm ta sợi tóc sâu
vết đạn xuyên vết thù đã nám
hẹn kiếp nào tìm thấy lại nhau?

Trái tim ta nghĩa trang đồng đội
đẫm bước chân lịch sử vô tình
hai lần chết giật mình tra hỏi
hai mươi năm mồ mả không xanh.

Trí nhớ ta những giờ báo tử
súng trường, áo trận máu còn loang
chết, chết trẻ chưa lần cưới vợ
vội vàng không kịp thấy mặt con.

Bông hoa dại bám bè củi mục
giữa dòng trong vắt hố bom sâu
mảnh khăn thấm vết thương chưa bạc
người trước đi để dấu người sau.

Chiếc nón sắt quên đời lăn lóc
lỗ đạn tròn khoét vết đau thương
người lính sau theo người lính trước
đất vô danh cây cỏ vô hồn.

Chất ngất đời hai vai trận mạc
bặt tin nhà, nhầu nát thư xanh
lính đã mỏi mong lời vuốt mắt
gió mây tan chút ước lưu tình.

Lên Creck, Snoul chiều vĩnh biệt
Xác tăng, thép súng cháy thành than
xuống Ba Thu đạn còn, người hết
tiếp máu ta rửa rạch chiến trường.

Trăm họ trăm dân nhà tứ xứ
dạn tri âm súng kết bạn đời
rượu nghĩa khí mềm môi sinh tử
giận nuốt vào nén để cầm hơi.

Một mẹ của con chung tất cả
quà quê hương nhận dưới chiến hào
dúa con lính gác đêm chưa ngủ
nghìn dúa nằm thao thức vì sao...

Mưa nắng mấy mùa thân đá đập
trăng viễn phương giục nhớ quê nhà
khuya rọn giấc ngâm câu lục bát
khẽ chập chờn như những hình ma.

Khói bếp Long Sơn, nước Vàm Cỏ
áo trận phơi đại đội trở về
bụi Trảng Bàng lửa trời An Hạ
gió đồng chưa khô áo lại đi.

Chẳng thích thân không nhà không cửa
mỗi đêm đào một hố trú chân
chén rượu nhạt ly cà phê chợ
hiếm đôi giờ cho trạm nghỉ quân.

Pháo lấp Khe Sanh, cắt đường Chín
những hung tin không kịp báo về
gió hạ Lào cuốn cờ tưởng niệm
đá Trường Sơn đứng sững như mê.

Nào Huyên, nào Long người đi trước
này Tín, này Nhâm anh về sau
những cái chết buồn không nói được
hồn ơi tra khảo những đêm đau.

Cây súng trận trả về hậu cứ
phòng xác Tổng Y Viện lạnh nằm
tấm ảnh bóc từ quân bạ cũ
dán lên tường hẹn chuyến lại thăm.

Người đi tủi giấc mơ kinh sử
một hồn trăng treo bóng giang đầu
gió Sài gòn tăng mùi thế sự
nửa đời ta đắm nước sông sâu.

Ngày đi hiến máu cho An Lộc
lính cũ đâu còn, lính mới quen
vào đất chết buồn vui cũng hết
bước chân ta cày xới đất lên.

Đàn quạ đói kêu trời độc địa
lũ chó hoang tha miếng mồi người
dứa chết ba ngày mắt vẫn mở
dứa sống ba tuần thịt đã ôi.

Vận mệnh đùa ta giả như thật
sỏi đá tan xóa dấu sinh tồn
khi sống ở vàng da xanh mật
lúc thác về nấm đất nhà chung.

Ba năm sau - một ngày giải giáp
ba năm em cũng đoạn tang chồng
đèn hiu hắt bóng về trên vách
đứa con đầu biết hỏi ba không?

Ba năm mẹ già hơn vóc vạc
trở gió trời nghe bước con về
rừng thay mẹ canh mồ lưu lạc
chớp bể mưa nguồn lấy lòng che.

Người lính trận bỏ tình đi mất
bỏ trăm năm khối tụ mây thành
lòng nghĩa trang tiếc thương đã nhạt
cả vòm trời như áo nửa manh.

Đất ấy của ta, ta còn hiểu
đồng đội của ta, ta còn đau
giấy mực đời chép ra, ví thiếu
lấy da này viết để ta nhau..

chiên lạc

kinh dương vương

Tôi là con đầu trong một gia đình có đông con. Nên dầu là con trai, tôi làm việc giỏi giang y như con gái. Cha mẹ tôi không bắt buộc tôi vẫn tự nguyện làm việc siêng năng, vui vẻ, coi đó là bổn phận tự nhiên của một đứa con trong gia đình. Lúc ấy gia đình tôi từ quê đi lên thành phố, ở trong một xóm đạo Công giáo.

Gia đình tôi không phải là tín đồ - như phần đông trong xóm đạo - mà cũng không theo đạo nào cả. Chúng tôi thờ cúng ông bà, nhưng trong nhà không có bàn thờ với lư đồng bóng lộn hay một hình thức thờ cúng giản dị nào. Chỉ đến ngày đám giỗ mới thấy mẹ tôi làm mâm cơm bày lên bàn với bát nhang làm bằng lon sữa bò, cúng xong dẹp đi ngay. Cha tôi thường nói: "Chỉ cốt ở lòng mình thôi, con ạ."

Tôi hỏi:

- Vậy ba theo đạo gì hả ba?

- Đạo làm người. Ông nói một cách nghiêm trang. Giữ cho đúng đạo đã là khó lắm rồi.

Lúc đó tôi chưa hiểu ý người. Nhưng hình như tôi lờ mờ nhận ra cái "đạo làm người" của cha tôi qua cách sống của ông.

Thoạt tiên, khi cha tôi quyết định dời nhà đến "xóm đạo" thì nhiều người cản không nên. Họ nói rằng mình là người "lương", có ông có bà, có tổ tiên, làm sao sống với bọn quên ông bà tổ tiên đó được. Nhưng cha tôi chỉ cười hồn nhiên vẫn giữ ý người. Rồi khi gia đình tôi mới đến ở nơi "xóm đạo", chúng tôi lại bắt gặp những cái nhìn đầy xa lạ, hoài nghi của những người có đạo trong xóm. Riêng tôi với bọn trẻ cùng lứa tuổi thì tình hình khá hơn. Những đứa trẻ chúng tôi dễ thân nhau vì trong tâm trí chưa có những hàng rào thành kiến - sau này tôi biết, đó thật là điều tệ hạI - nên sau vài tuần là tôi có bạn.

Mỗi sáng chúa nhật, dân xóm đạo đi lễ nhà thờ nhỏ trong vùng. Tôi thấy cha tôi ăn mặc tử tế, ra đứng trước nhà chào hỏi họ với nét mặt bình thản và nụ cười tươi tắn, chân thành. Ông sống bình thường, tham gia những công tác xã hội, đưa những ý kiến xây dựng thẳng thắn cải tiến tình trạng sinh hoạt trong xóm: bắt một cây cầu, đắp lại một khúc đường, lấp một ao nước tù đọng . . . Thời gian đó kéo dài không rõ bao lâu, chỉ biết rằng sau đó thì cha tôi quen với mọi người trong xóm, từ ông cụ già cho tới đứa bé con, nhất là lũ nhỏ, chúng rất thương mến ông, có lẽ vì chúng hãnh diện được kêu đúng tên ông trong những lần chào hỏi và chúng được cha tôi đáp lễ một cách vui vẻ, đầy khích lệ. Tôi thấy mọi người cũng vui vẻ khi gặp ông và họ không ngần ngại bày tỏ thiện cảm với gia đình tôi -một gia đình ngoại đạo-. Có lần đứa em nhỏ của tôi bị đau nặng sắp chết. Bác sĩ bảo phải chuyền máu cho em mà bệnh viện không có máu và trong gia đình không ai có loại máu em cần. Tin đó được loan truyền nhanh trong xóm, lập tức có hàng chục người đến bệnh viện tình nguyện hiến máu. Nhờ đó em tôi thoát chết. Sau nghĩa cử đó, gia đình tôi sống bình thường như những gia đình có đạo khác, nếu không muốn nói là được thương mến, ngay đối với những người có định kiến nặng nề nhất.

Những ngày Chúa nhật, khi rảnh rỗi công việc tôi thường xin phép cha tôi theo các bạn nhỏ trong xóm đi lễ nhà thờ. Tôi luôn luôn đi nhà thờ lớn dù có hơi xa nhà. Nơi đó tôi bị quyến rũ ngay từ giây phút đầu tiên. Một cảm giác ngây ngất vô cùng thanh thoát khi tôi bước qua vòm cửa nhà thờ hình vòng cung. Tôi bị choáng ngợp bởi ánh sáng huyền ảo tỏa ra từ các cửa kính vẽ hình những vị thánh màu sắc tươi vui. Hai hàng cột cẩm thạch cao vút lên đến trần làm thành những vòm, nét cong rủ xuống, bao bọc một cách dịu dàng các tín hữu đang quì hay đứng vòng tay hướng mắt về phía tận cùng của nhà thờ. Nơi đó, trong ánh sáng chan hoà của các giá nến, tượng đức Ky-Tô ốm giơ xương - tạc bằng cẩm thạch trắng - nổi bật lên trên chiếc thánh giá bằng gỗ gụ đánh xi bóng loáng. Lần đầu tiên, hình ảnh Ngài đang chịu nhục hình, đầu quàng vòng gai gục xuống vai, thân thể hầu như trần truồng khiến tôi rúng động cảm xúc. Tôi chưa hiểu vì cớ gì Ngài phải chịu đau đớn như vậy, nhưng chỉ riêng hình ảnh một con người chịu cảnh đó cho đến chết đã khiến cho trái tim thơ dại của tôi thắt lại. Nước mắt tôi chảy ra ràn rụa. Giọng cầu kinh từ hàng trăm chiếc miệng âm vang nhịp nhàng theo một tiết điệu lạ tai. Tôi có cảm tưởng, dù là họ đã nói lên thành tiếng mà thực ra họ không nghĩ là họ đã làm như thế. Vẻ nhũn nhặn trong sự chừng mực ở những âm cao nhất không gây cho tôi một cảm giác ái ngại, và khi họ trầm xuống thì lời thì

thầm hầu như tắt hẳn, nhưng họ không lo âu là Chúa không nghe đến nỗi lòng của họ, dường như họ không muốn thốt ra thành lời nữa, họ chỉ nghĩ trong lòng mà thôi và Chúa không bỏ qua lời nào.

Đường nét của kiến trúc, màu sắc của trang trí, ánh sáng chan hòa, giọng kinh cầu hoà với tiếng phong cầm trầm bổng, hình ảnh đau thương của chúa Ky-Tô, tất cả ngần ấy thứ hoà hợp, gieo vào tâm hồn ngây thơ của tôi một ấn tượng mới mẻ, cao khiết, khiến lòng tôi nhẹ nhàng, thanh thoát, như trong cơn mệt mỏi tột độ của thân xác, tôi tìm được một chỗ tựa lưng êm ái trên nệm nhung. Từ đó, dù chưa phải là một tín đồ chính thức của Ngài, tôi như một con chiên ngoan đạo với những buổi đi xem lễ đều đặn, thành kính vào những buổi sáng chúa nhật. Có lần tôi nài nỉ cha tôi cho tôi theo đạo. Cha tôi nói:

- Con chỉ cần tin Ngài. Con đi nhà thờ với lòng tin của con, thế là đủ rồi. Ngài biết con tin Ngài. Cần gì con phải theo đạo.

Tôi chưa hiểu hết ý nghĩa lời nói của cha tôi. Thảng hoặc tôi nghĩ, nếu không theo đạo thì chắc chắn Chúa không nhận mình là con cái của Ngài. Nhưng tôi vẫn vâng lời cha tôi với chút lòng hoài nghi. Tôi vẫn đều đặn đến nhà thờ để được thấy màu sắc, ánh sáng, hình ảnh Chúa đau khổ trên thánh giá, nghe giọng kinh cầu và tiếng phong cầm, tưởng tượng thấy các thiên thần nhỏ trắng toát bay lượn trên các nóc vòm và để thưởng thức cảm giác thanh thoát lâng lâng của tâm hồn tôi - hơn là nghe lời giảng của cha xứ - và hướng trái tim về Đức Ky-Tô, người đàn ông mà tôi nghe nói là đã chịu chết đau đớn vì tình yêu đối với con người.

Nhà tôi rất nghèo, hầu như làm bữa nào có ăn bữa đó. Cha tôi bị bệnh nặng, vừa từ vùng kháng chiến ra sau hiệp định 1954. Là một cựu công chức Pháp, nhưng ông không trở lại làm việc cho chính phủ thời ấy mà ông nói là "bọn liếm gót giày thực dân, ăn bơ thừa sữa cặn". Ông mở một quán bán thức ăn kiếm sống. Mẹ tôi thì mua gánh bán bưng đầu chợ cuối chợ. Ngoài giờ đến trường, tôi bận rộn phụ giúp cha mẹ không lúc nào rảnh. Từ bốn năm giờ sáng tôi thức dậy học bài với chiếc đèn trứng vịt, xong đem các món hàng vặt ra chợ cho mẹ rồi về, giúp cha tôi sửa soạn gian hàng ở nhà: dọn dẹp bàn ghế khách đã làm bừa bộn đêm trước, lau nhà, rửa chén bát, làm gà, làm vịt. . .

Vào dịp lễ giáng sinh năm đó tôi lên mười tuổi. Nhà trường cho nghỉ trước mấy hôm. Các bạn tôi trong xóm đạo nôn nao sửa soạn đón mừng đêm Chúa Hài Đồng ra đời. Tôi cũng nôn nao không kém. Đối với

tôi Chúa Hài Đồng là một người bạn nhỏ tuyệt diệu và cái đêm chú bé ấy ra đời là một đêm linh thiêng bao trùm lên ánh sáng huyền diệu dây bí mật. Nếu đời sống thơ ấu của tôi có đôi khi buồn khổ thì nhờ cái đêm kỳ diệu đó, nhờ làn ánh sáng tỏa ra từ thân thể chú-bé-Chúa đó sẽ làm cho tươi sáng lên. Vừa cảm động sung sướng, vừa hồi hộp chờ đợi giây phút hiển linh, lòng tôi như một cửa sổ mở chờ đợi làn hương lạ. Ở nhà các bạn tôi có bày cây giáng sinh với những quả cầu xanh, đỏ, vàng óng, lóng lánh, những gói quà cột dây vải hồng. Ở góc nhà là hang đá, tượng Chúa Hài Đồng nằm trên máng cỏ, tượng Đức Mẹ, ông Giô-sép, ba ông bác sĩ, các vị thánh và những con chiên bé xíu. Tất cả đều được sơn màu sắc rất đẹp. Tôi ao ước những món quà đó biết bao, nhưng nhà tôi nghèo quá, cha mẹ tôi không có tiền để mua cho tôi những món ấy. Nhưng tôi nghĩ:"mình phải làm một cái gì ra vẻ để đón mừng Chúa Hài Đồng chứ. Cứ giản dị như thế này thì hẳn chú-bé-Chúa sẽ buồn mình lắm". Thế là sau công việc, tôi thức đêm vót tre làm một cái đèn ngôi sao với sự giúp đỡ của cha tôi. Người cho tôi mấy cắc mua giấy màu dán. Tôi có hoa tay nên tôi vẽ lại bằng mực tím không khó hình ảnh Chúa Hài Đồng nằm trong máng cỏ - từ tấm thiếp người bạn thân cho tôi - lên vòng tròn mặt đèn. Tôi thắp bên trong một ngọn nến trắng nhỏ rồi sung sướng đem treo trước cửa nhà. Cũng nhờ khéo tay, tôi lấy đất sét ngoài đồng nặn tượng Chúa Hài Đồng, Đức Mẹ, các Thánh . . ., lấy rơm làm máng cỏ. Tôi đặt tượng Chúa Hài Đồng nằm trên ổ rơm có đắp một miếng vải cắt ra từ chiếc khăn cũ, vì nghĩ rằng để chú-bé-Chúa trần truồng hẳn chú sẽ bị lạnh. Xong tôi đi bộ lên núi bẻ một nhánh thông nhỏ - một ngọn thông thì đúng hơn - đem về làm cây giáng sinh. Cây giáng sinh của tôi không có đèn, giấy kim tuyến, trái cầu lóng lánh hay những gói quà. Trên những lá thông xanh mướt tôi cắt những giấy màu vụn nối lại thành những dây dài và quấn chung quanh. Cha tôi nhìn tôi làm. Tôi chạy đến bên người nắm tay hỏi:

- Ba thấy con làm đẹp không ba?

- Đẹp lắm. Con trai ba khéo tay lắm. Cha vuốt tóc tôi, nét mặt đăm chiêu.

Tối đến, tôi thắp trong hang đá một cây nến. Mặc dù ánh sáng tỏa ra lung linh, bóng những tượng đất nhảy múa, nhưng sao trông hang đá của tôi lạnh lẽo, nghèo nàn quá. Tôi lo sợ không biết Chúa Hài Đồng có được hài lòng không. Tất cả các tượng đều có một màu xám buồn của đất chưa khô, màu rơm úa cũng không vui gì hơn. Tôi lại níu lấy tay cha tôi kéo tới trước hang đá, rơm rớm nước mắt nói:

- Hang đá của con nghèo quá ba ơi! Chúa Hài Đồng có về với con không hả ba?

Cha tôi ngồi thụp xuống bên tôi và nói:

- Hang đá của con đúng y như hang mà cách đây hai ngàn năm Chúa Hài Đồng đã sinh ra, con ạ. Ngài sinh ra trong cảnh nghèo nàn, lạnh lẽo y như vậy.

Tôi vui lên ngay và nhìn lại hang đá của mình, tôi thấy hang đá của tôi có vẻ giống với hình ảnh các họa sĩ vẽ hơn là những hang đá sáng choang, rực rỡ ở nhà các bạn. Tôi thấy cha tôi nói đúng. Hang đá của tôi thật nghèo hèn rách rưới, lạnh lẽo cô đơn. Như sao lòng tôi bùi ngùi khi nghĩ rằng Chúa Hài Đồng đã ra đời trong hoàn cảnh nghèo nàn như thế! Tuy vậy tôi cảm thấy được an ủi, ít ra là tôi đã cố gắng hết sức mình để làm lễ vật mọn đón mừng Chúa Hài Đồng. Tôi thầm mong rằng Chúa biết cho nỗi lòng thầm kín của tôi đối với Ngài. "Chẳng phải con có thể làm hơn thế nữa mà con không làm", tôi nguyện với Ngài như vậy.

Cha tôi cho phép tôi đi dự lễ nửa đêm. Tôi lo quá về nỗi tôi không có một bộ đồ cho ra hồn để ra mắt Ngài ở nhà thờ lớn trong dịp trọng đại này. Tôi chỉ có một cái áo sơ mi ngắn tay màu xanh thợ thuyền đã bạc, mặc ngắn cũn cỡn, rách vài chỗ mà mẹ tôi may cho từ trước ngày khai trường năm ngoái. Năm ấy, lệnh của nhà trường học sinh phải mặc áo trắng, quần ngắn xanh. Nhưng mẹ tôi cố gắng lắm chỉ có thể mua đủ vải xanh - gọi là vải xi ta - để may cho tôi một bộ đồ. Tôi hỏi mẹ tôi:

- Mẹ ơi, màu này đâu phải màu trắng?

- Màu này cũng thuộc về màu trắng đó con. Giọng mẹ tôi ngập ngừng. Màu này cũng phải giặt bằng xà bông như màu trắng vậy.

Mẹ tôi không nhìn tôi, cắm cúi may, trả lời. Tôi vui lên ngay:

- Vậy há mẹ, áo con giặt bằng xà bông à? Nó thuộc về màu trắng à?

Thế là tôi đinh ninh mặc bộ đồ màu xanh đi học, lòng đinh ninh là nó "cũng thuộc về màu trắng" vì nó "cũng được giặt với xà bông". Các bạn tôi xầm xì rằng tôi mặc áo màu xanh, nhưng tôi cãi lại y như lời mẹ tôi nói, tôi cả quyết đến nỗi chúng cũng đâm ra hoài nghi. Nhưng cô giáo của tôi không thể nghe xuôi luận điệu kỳ quái của tôi được. Cô đã gọi riêng và nói cho tôi biết là tôi sai. Cô giảng cho tôi biết sự khác nhau của các màu sắc và mỗi màu có một tính chất riêng của nó chứ không liên quan gì đến việc giặt xà bông hay không. Tôi khóc, nhưng tôi vẫn tin lời mẹ tôi nói là đúng. Mẹ tôi rất thương tôi và không bao giờ nói dối tôi. . . Nhưng biết rõ hoàn cảnh gia đình tôi, cô cho phép tôi được mặc bộ đồ màu xanh đi học. Cả ông Đốc cũng vậy, "màu trắng-của-tôi" là ngoại lệ. Ông Đốc rất nể cha tôi, vì cha tôi là một "ông Phán chống Tây". Ông Đốc thừa sức cho tôi một hay nhiều cái áo trắng nhưng ông không làm, ông sợ mất lòng cha tôi.

Từ đó đến nay, mẹ tôi không có tiền để may cho tôi cái áo nào khác, cho nên cái áo màu xanh-giống-trắng vẫn là cái áo khá nhất của tôi. Tôi đành mặc đi lễ nửa đêm vậy.

Dịp lễ giáng sinh, trong xóm tôi mọi người vui chơi thỏa thích. Tôi thấy hình như người ta để lòng đón mừng Chúa Hài Đồng thì ít, mà nhân đó để được ăn, được uống rượu, để bày các trò vui chơi nhiều hơn. Gian hàng nhỏ nhà tôi khách ra vào tấp nập. Họ uống nhiều, ăn nhiều hơn ngày thường, nói là để đón mừng ngày Chúa ra đời. Riêng gia đình tôi thì được một đêm mệt hơn. Tôi vừa làm việc vừa đoán chừng thời gian đã trôi đến đâu rồi, đến giờ lễ nửa đêm chưa, lòng như lửa đốt chỉ sợ trễ không được dự lễ. Lúc xắt thịt tôi cứa vào tay chảy máu. Lúc rửa chén bát, lóng cóng làm bể một cái dĩa. Tôi mong cho khách ra về hết để tôi đi, nhưng sao họ cứ ăn mãi, uống mãi trong lúc lòng tôi nôn nao như khi nghe tiếng trống giục của đám hát ở đình làng. Đúng lúc ấy, cha tôi mặc mày nhem nhuốc mồ hôi, mặc cái tạp dề cáu bẩn đến bên tôi nói:

- Thôi để cho ba má lo, con sửa soạn đi dự lễ.

- Cảm ơn ba má. Tôi nói và phóng ra sàn nước rửa vội tay chân, mặt mũi, thay áo quần.

Khi tôi ra đường trời đã khuya lắm rồi. Tuy nhiên đường phố hãy còn nhiều người rong chơi. Các cậu trai ăn mặc bảnh bao chạy xe đạp lượn sát các cô gái mặc áo dài sặc sỡ. Họ cười lên đắc chí khi các cô tỏ vẻ hoảng sợ. Trời lạnh, nhưng tôi thấy thoải mái vô cùng. Trời xanh trong thăm thẳm. Lấp lánh sao. Không khí đêm nay như có rắc hương thơm của muôn hoa, như được lọc. Tôi vừa đi vừa chạy, nhẹ nhàng, như bay.

Từ nhà tôi đến nhà thờ lớn xa hơn hai cây số đường dốc. Tôi đến nơi, mồ hôi thấm ướt áo. Tôi quên hết cả mệt nhọc khi hình ảnh ngôi nhà thờ to lớn sừng sững, rực rỡ hiện ra trước mắt tôi. Trước sân người ta dựng một cây giáng sinh bằng cả một cây thông cao. Một ngôi sao báo sáng trắng có ba tia sáng vàng nổi bật lên giữa các màu sắc lộng lẫy. Các giây đèn đủ màu xen kẽ với những lá cờ đuôi nhọn từ ngọn cây chạy về các góc sân làm thành một chóp nhọn, chớp tắt liên tục. Đó là cây giáng sinh vĩ đại mà tôi thấy lần đầu tiên trong đời, nhiều đèn màu, nhiều gói quà nhất. Tôi như lạc hồn vào trong từng cành lá của cây giáng sinh. Chung quanh sân rộng lát gạch hoa, từng dọc cờ bay phất phới.

Sân đã vắng hẳn, chỉ còn vài đôi trai gái đi dạo. Tôi vội chạy băng qua sân vào nhà thờ. Tôi muốn được mau vào chiêm ngưỡng Chúa ở nơi uy nghiêm nhất mà tôi nghĩ rằng Ngài hài lòng để ngự về. Nhưng bước

chân tôi khựng lại ở ngưỡng cửa, toàn thân tôi chợt run lên, lạnh toát, trước khung cảnh cao sang tột bực mà người ta đã tạo ra để tiếp đón sinh nhật Ngài. Tôi chưa hề tưởng rượng ra nổi thiên đường như thế nào, nhưng tôi chắc rằng thiên đường cũng chỉ đẹp như cái quang cảnh trong nhà thờ trước mắt tôi lúc ấy mà thôi. Trong đó tôi thấy Đức Cha đang làm lễ, các con chiên qùi, bên trên đầu họ dường như có hào quang. Từ đứa bé con đến người lớn, tất cả đều mặc áo quần tươm tất, sạch sẽ, toàn một màu trắng tinh khiết. Tôi hít thở bầu không khí thơm tho, thấm nhuần ơn phước đó bay toả ra ngoài. Tôi đứng nhìn sững sờ, không dám cử động. Rồi tôi nhận ra cũng đã qùi gối xuống sân lúc nào không biết. Tôi cũng cúi đầu xuống, chấp tay lên ngực, tưởng tượng ra hình ảnh Chúa Hài Đồng...

Một hoạt cảnh về sự giáng sinh của Ngài diễn ra. Một lúc tôi ngẫng lên và bị thu hút bởi làn sáng toả ra từ tượng Chúa trên bàn thờ, bởi tiếng nhạc phong cầm vừa trỗi lên. Tôi muốn tiến về phiá ấy để được gần Ngài mà tôi tin là đang ngự trên ấy. Ở đây xa quá, ngoài ngưỡng cửa nhà thờ, làm sao Ngài trông thấy tôi được. Nhưng tôi không dám nhúc nhích nữa bước . Bầu không khí quá trang nghiêm làm cho tôi hầu như khiếp sợ. Tôi sợ rằng, bất cứ cử động dầu nhỏ nhặt nào của tôi cũng sẽ làm tan vỡ nó đi như khi chọc tay vào chiếc bong bóng xà bông tức thì nó tan biến cùng với thế giới chiếu dọi trong đó với ánh ngũ sắc. Nhưng lòng ước muốn của tôi mãnh liệt đến nỗi hai đầu gối tôi bắt đầu xê dịch mà tôi không hay. Tay chấp trên ngực, mắt nhìn tượng Chúa, tôi đi bằng gối, men theo cửa hông, tiến về chính điện. Tôi không biết ngoài hành lang nhà thờ có những gã đàn ông đang đi lại đã chú ý đến tôi. Không rõ thời gian trôi qua bao lâu, tôi lần đi cho đến khi chỉ còn cách vài hàng ghế nữa là ngang với bục giảng. Tôi sung sướng và tôi khóc. Chúa kia rồi. Ngài nằm trong máng cỏ một cách sang cả. Tôi cúi đầu thấp xuống hơn nữa để ngưỡng vọng Người. Trên bục cao, ban hợp xướng đứng sắp hai hàng chuẩn bị hát thánh ca. Những cô gái trạc bằng tuổi tôi, đẹp dịu dàng. Tóc mượt cài hoa, đội vương miện, mắt sáng long lanh, nhưng mơ màng, đang hiền hoà nhìn xuống đám đông. Các cô mặc toàn trắng, phủ che lấp cả chân. Trên vai có đôi cánh trắng như thiên thần. Tiếng phong cầm trỗi lên rồi tiếng hát bắt đầu. Cất cao. Những âm thanh trong vắt thoát ra từ những nụ môi tròn đỏ thắm. Tôi tưởng như thấy được trước mắt những chuỗi âm thanh sáng như ngọc lưu ly uốn lượn, bay lững lờ trong vòm cung giáo đường. Những thiên thần nhỏ đón lấy quàng vào người. Những chuỗi ngọc âm thanh lóng lánh ngân vang từ những nụ môi nhỏ cứ tiếp tục thoát ra mãi đầy cả giáo đường. Một vài chuỗi nhẹ nhàng len lén bay ra cửa, lướt trong không sáng như những đường sao. Rồi bầu trời xanh hé mở, tiếng hát nhẹ lách

mình, bay vào cõi thiên đường. Tâm hồn tôi cũng chơi vơi theo tiếng hát. Cả hồn và xác tôi như tan hoà làm một trong ánh sáng màu sắc, âm thanh, trong tình yêu bao la của tôi dành để dâng tặng Chúa Hài Đồng.

Chợt tôi giật nẩy người, choàng tỉnh. Một bàn tay hộ pháp chộp lấy cổ áo tôi, túm thật chặt. Mạnh mẽ nhưng hết sức yên lặng, gã đàn ông lôi tôi đứng lên, kéo tôi xuống những bậc thềm bên hông giáo đường như bắt một kẻ phạm tội. Tôi chưa hết bàng hoàng nghe một giọng nói nhỏ nhưng lạnh lùng và cương quyết:

-Áo quần cháu bẩn thỉu thế này mà đám đến trước mặt Chúa à? Về thay áo quần mới.

Ông ta đẩy tôi đi nhè nhẹ, nhưng quá sợ hãi và xúc động tôi ngã chúi nhũi xuống đất, mũi tôi dập, chảy máu. Ông ta bước tới, có lẽ định đỡ tôi dậy nhưng tôi vội lồm cồm đứng lên, tay ôm mũi rần rụa máu, kinh hoàng đâm đầu chạy. Không kịp quay đầu nhìn lại, đầu là tôi muốn hết sức được nhìn lần chót làn ánh sáng dịu dàng đang toả ra từ các cửa hông giáo đường. Tôi vừa chạy, vừa khóc trong đêm giáng sinh giá buốt với nỗi đau đớn cùng cực, như có ai cào vào trái tim tôi, bứt lìa và xé nát nó ra. Nỗi đau đớn dày vò tưởng như tôi không còn chịu đựng được nữa, nhưng cũng không biết làm gì khác hơn là khóc sướt mướt:

- Chúa ơi! Con khổ lắm! Con khổ lắm! Chẳng phải là xưa kia Chúa sinh ra nơi máng cỏ, trong đêm đông lạnh mà không có một mảnh vải che thân sao? Hình vẽ của các họa sĩ là sai sao? Rồi khi Chúa chết trên thập tự cũng thế, Chúa hầu như là trần truồng chỉ có một miếng vải quấn ngang nhười? Vậy nay sao con có mặt áo quần hẳn hoi - dù là áo quần con cũ, rách- mà người ta không cho con đến thờ lạy Chúa? Sao người ta xua đuổi con? Chúa ơi! Tại sao?.

Tôi nghĩ thế mà nước mắt tuôn ra không dứt. Về đến nhà, tôi lạnh hẳn như không bước nổi nữa. Tôi không còn cảm thấy một chút hơi ấm nào còn sót lại trong tim tôi.

Cả nhà tôi đã ngủ, nhưng cửa còn khép hờ. Tôi vào nhà nhẹ nhàng, chợt một luồng hơi ấm bất ngờ ập đến khi tôi nhìn về phía máng cỏ đang tỏa sáng một cây nến mới. Ai đã thay nến cho máng cỏ của tôi. Tôi thầm hỏi. Hẳn là cha tôi, tôi nghĩ, vì chỉ có cha tôi, với một tâm hồn đa cảm và tế nhị mới làm những việc như thế. Tôi ngồi sà xuống trước hang đá nhỏ của tôi, cảm thấy lòng mình ấm lại. Ở đây Chúa Hài Đồng màu xám đất bùn, màu rơm cũng không rực rỡ, ánh nến nhỏ nhoi khiêm nhượng, Chúa trong khung cảnh nghèo hèn này gần gũi với tôi hơn. Đúng ra, tôi không nên đến giáo đường lớn. Chúa ở đó là Chúa của những người

giàu, họ có áo quần đẹp và thơm tho. Tôi ân hận là tôi đã không nghĩ ra điều đó. Tôi nhớ lại lời mắng mỏ nhục nhã của gã đàn ông có bổn phận bảo vệ buổi lễ. Tôi nghĩ "giữa hang đá nghèo nàn của tôi với giáo đường nguy nga kia hẳn Ngài sẽ không chọn nơi đây. Nơi đây nhỏ quá, không có chỗ cho Ngài ngự về, vậy thì tôi đâu còn được Ngài biết đến nữa, Chúa bỏ rơi tôi rồi". Nỗi đau khổ nghĩ rằng mình bị Chúa bỏ rơi khiến tôi không dằn được cơn nức nở.

Một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên vai tôi. Tôi quay lại. Cha tôi. Người đến sau lưng tôi từ lúc nào. Tôi ngã vào lòng người khóc nấc lên ...Ôm chặt lấy tôi, cha tôi áp má người vào má tôi âu yếm hỏi:

- Vì sao con khóc?

- Người ta đuổi con, ba ơi! Tôi nói trong cơn tức tưởi. Người ta đuổi không cho con đến thờ lạy Chúa. Người ta nói con ăn mặc dơ dáy, rách rưới.

Im lặng một lúc lâu, tôi ngước lên nhìn người. Mặt cha tôi buồn rười rượi. Hai mắt người long lanh ngấn lệ, nhưng ông quay đi. Thấy thế tôi ôm lấy người, hỏi:

- Phải ba thắp thêm nến cho hang đá của con không?

- Ừ, ba đã thay nến cho con. Ông vuốt vuốt đầu tôi. Ba còn thức chờ con về, đâu đã ngủ.

Giọng ông bình thản như nói với chính mình. Ông vẫn tiếp tục ve vuốt lưng tôi một cách âu yếm.

- Con xin đi xem lễ thì ba để con đi, cho con vui lòng. Giọng cha tôi thiết tha. Lẽ ra ba không nên làm như vậy... Ở nhà, con cũng đã có Chúa rồi. Chúa ở khắp nơi, con à. Ngài ở ngay trong chính lòng con.

Lời nói của cha tôi êm ái, vỗ về làm lòng tôi dịu lại. Tuy tôi chưa hiểu hết lời người nói, nhưng tôi tin ông. Cha tôi còn ôm tôi hồi lâu, vỗ vỗ vào lưng tôi y như ru em bé vậy. Và chỉ một lúc sau, sự đau khổ của tôi như tan biến hẳn cùng với cơn buồn ngủ vừa đến. Cha tôi bồng tôi lên giường nằm cạnh ông. Tôi thiếp ngủ trong khi cây nến nơi hang đá nhỏ của tôi vẫn còn tiếp tục cháy trong quạnh hiu.

Những lễ giáng sinh kế tiếp tôi không dám đến nhà thờ nữa -nhất là ngôi nhà thờ lớn - tôi cứ nghĩ rằng nơi đó dành cho những người giàu, còn tôi nghèo nên tôi chỉ được đón mừng, thờ lạy Chúa nghèo ở nhà mình thôi. Và nghèo thật là một cái tội đối với Ngài.

Sau này lớn lên, có dịp đọc lời Ngài, tôi mới hay Ngài có nói, rằng Ngài chẳng xét đoán ai theo bề ngoài mà Ngài nhìn thẳng vào lòng người ấy và không phải hễ ai thờ lạy Ngài mà được nhận vào nước Ngài, duy chỉ

luân hồi
TRẦN MINH HIỀN

Kiếp trước anh đã sướng rồi
Cho nên kiếp này phải khổ
Kiếp sau làm sao biết được
Em cười môi mắt ngây thơ

Anh lo quả báo nhãn tiền
Thương em đến chừng có thể
Đông dài xám ngắt thiên nhiên
Cuộc đời nghiệp chướng phu thê

Anh ném hòn sỏi xuống hồ
Từng vòng sóng xao động mãi
Cười người anh chẳng cười lâu
Sợ mai bị người cười lại

Dòng sông đi qua thành phố
Chở bao giọt nước đầu nguồn
Kiếp sau anh là nước nhỏ
Chảy buồn trong xứ yêu thương...

những ai làm theo lời Ngài mới khiến Ngài hài lòng...và những ai nhân danh Ngài mà không sống vì, và không thương yêu anh em mình là những tiên tri giả. Đọc xong tôi khóc. Tôi khóc vì sung sướng. Từ cái đêm giáng sinh xa xôi nọ đến nay đã ngoài ba mươi năm rồi. Cha tôi đã chết. Trong tuổi trưởng thành, sau khi đã sống, đã đau khổ tôi mới hiểu những lời cha tôi nói với tôi đêm ấy. Tôi biết rằng chỉ có một người đáng cho tôi trao gởi trái tim, đó chính là Đức Giê-Su -bằng cách dâng hiến trái tim mình cho anh em đồng loại- và chỉ có một ngôi nhà thờ thực sự và duy nhất, đó chính là trái tim của mỗi chúng ta, trong đó có hình ảnh Ngài. Ngoài ra không có một ngôi nhà thờ nào nữa dù cho nó có nguy nga, tráng lệ đến đâu. ❐

"Hoặc"

Võ Đình

Năm đó, Nghi bước quá tuổi bốn mươi. Anh thường nghe nói *tứ thập nhi bất hoặc*, bốn mươi tuổi rồi thì không nghi hoặc gì nữa. Nghi hiểu rằng *hoặc* đây có nghĩa là chưa nhất quyết, là còn hoang mang, lúng túng trên đường đời. Không biết hiểu thế có phải không, Nghi chỉ yên trí như vậy. Nghe nói *tứ thập nhi bất hoặc*, nhưng quá bốn mươi rồi anh vẫn còn "hoặc" quá xá. Anh "hoặc" công việc anh làm hằng ngày. Anh "hoặc" vợ, "hoặc" con, "hoặc" hàng xóm láng giềng. Nghi "hoặc" cả chính mình. Anh "hoặc" cả đất trời.

Ấy vậy mà có một chuyện anh không "hoặc". Đó là cái phòng trống. Đúng thế, cái phòng trống. Trong hai mươi năm trời, từ ngày anh còn đi học, rồi đỗ đạt, đi làm, rồi lấy vợ sinh con, Nghi đã từng ở phòng thuê, ở chung cư, ở nhà riêng. Ở đâu, anh cũng cảm thấy nơi ăn chốn ở quá chật hẹp, tù túng. Thế giới bên ngoài, anh cũng không ưa. Phố phường, hàng quán, người qua kẻ lại, xe cộ, rác rưởi, bụi khói, anh khó chịu lắm. Về nhà thì bàn ghế, giường tủ và một vạn thứ lỉnh kỉnh khác, chúng làm khổ anh. Chúng nó tranh giành không gian của anh. Chúng nó hít thở không khí của anh. Anh lấn cấn, ngứa ngáy, bứt rứt. Một hôm, trong trí anh bỗng hiện ra một cái phòng. Một cái phòng trống, không có gì trong ấy cả. Bốn bức tường, trần và sàn nhà. Một cửa sổ, không màn, không sáo. Cửa sổ nhìn ra khoảng trời trống trải. Nghi tưởng tượng anh đứng trong cái phòng ấy: Anh hết ngứa ngáy, bứt rứt, anh thấy nhẹ nhõm cả người. Anh lâng lâng. Từ hôm đó trở đi, Nghi tơ tưởng ngày đêm về cái phòng trống ấy. Anh ước ao một ngày anh sẽ ở trong một ngôi nhà và sẽ để dành ra được một căn phòng. Anh sẽ không để bất cứ gì trong cái phòng ấy cả. Anh sẽ để nó trống không.

Cái phòng trống không đó là điều duy nhất Nghi không "hoặc".

Anh biết rằng anh muốn có một căn phòng trống không trong nhà. Và anh tin rằng cái phòng trống đó sẽ làm lắng xuống những con sóng cứ thôi thúc mãi lòng anh.

*

Một hôm, tan sở, trên đường về, Nghi dừng xe lại khi đèn đỏ ở một ngả tư. Bên phải xe anh là một chiếc xe mui trần. Một thiếu phụ khoảng băm lăm, bốn mươi. Nước da trắng ngần, tóc bới cao, bờ vai nà nuột. Người đàn bà nhìn thấy anh, thoáng mỉm cười. Nghi ngây ngất.

Tối đó, đang đánh răng, Nghi bỗng ngưng tay, nhìn mình trong gương. Anh nhớ lại người đàn bà xa lạ. Anh nhớ đôi môi đầy. Màu son đỏ cam óng lên, làm mái tóc đen càng thêm đen. Hai xe cách nhau xa thế mà Nghi thấy được những chiếc răng nhỏ. Đôi môi hé mở, ươn ướt. Những chiếc răng nhỏ lộ ra, long lanh. Đèn xanh, anh không hay. Chỉ khi nghe còi xe thúc giục sau lưng, Nghi mới rồ ga phóng tới. Anh liếc qua: chiếc xe mui trần đã mất tăm. Người đàn bà đó, chỉ thấy mặt trong chốc lát, Nghi nhớ hoài.

*

Năm Nghi năm mươi tuổi, anh có địa vị nghề nghiệp hết sức vững vàng. Lương cao cho phép anh mua một căn nhà bề thế hơn. Nhà mới tậu được có đến năm phòng ngủ. Trần phòng khách cao gần ba mươi bộ. Toàn nhà lót sàn gỗ sồi vàng óng, bóng loáng. Các phòng tắm đều có bồn nước xoáy. Nhà dưới có thể chứa hàng trăm người, rất tiện cho những buổi "họp mặt" đông đảo. Sau nhà, có hồ bơi. Sau hồ bơi là cả một khu rừng nhỏ ba phần tư mẫu. Ở vùng đó quả thật tất đất là tất vàng. Ai thấy cũng tấm tắc. Người ta nói tuổi năm mươi là tuổi "biết mệnh trời". Nghi không biết mệnh trời ra sao, chỉ thấy rằng trời thương anh. Anh có đủ cả. Chỉ còn thiếu cái phòng trống. Năm Nghi năm mươi tuổi, anh quyết tâm có cho được cái phòng trống ấy.

.....

Căn phòng để dành cho khách phương xa - *guest's room* - có đủ tiện nghi, ở tuốt mãi cuối hành lang, trên lầu.

Nghi nói với vợ:

-Để căn phòng ấy trống nhé.

Vợ nói:

- Thì vẫn trống đấy. Có gì đâu!

Nghi gắt:

- Có gì đâu ! Có giường, có tủ, có bàn ghế, có cả TV, VCR, hầm bà lằng!...

Vợ anh phân trần:

- Thì *guest's room* đó. Phải có đủ cho khách chứ!

Nghi thấy mình vô lý. Anh dịu giọng:

- Biết rồi, nhưng thôi, chẳng ghét với ghiết làm gì. Tôi muốn để cái phòng ấy trống không vậy. Dẹp ra hết nhé!

Vợ Nghi im lặng, chị thấy dạo này chồng hay trở chứng. Tóc anh đã bạc nhiều, rụng nhiều. Chuyện chăn gối, ít đi. Uống rượu lại nhiều hơn. Chị biết chồng loay hoay trăn trở với một nỗi ray rứt nào đó. Chị biết chồng ăn nên làm ra, nhưng trong lòng vẫn hoang mang quay quắt. Bên trong, Nghi không phải là người đàn ông đĩnh đạc, tự tín, có người cho là cao ngạo, mà gia đình, bà con, bạn bè đồng nghiệp thường thấy. Chị biết đủ thứ về chồng, nhưng điều cần biết thì chị lại không biết. Cái phòng trống, chẳng hạn. Chị không biết tại sao Nghi lại khăng khăng có cho được cái phòng trống.Thật ra, chị có biết cũng chẳng ích gì.

*

Căn phòng vốn là *guest's room* - để dành cho khách phương xa tá túc - có cửa sổ nhìn xuống khu rừng thưa sau nhà. Nghi cho dọn tất cả ra hết. Căn phòng trống không: Không giường tủ, không bàn ghế, không TV, điện thoại, không tranh ảnh, sách báo. Hoàn toàn trống không. Vợ nói: lạnh lẽo quá. Nghi không nói trái ý vợ. Ngày ngày đi làm về, anh thay quần áo ở nhà, rồi vô phòng ấy, khóa trái cửa lại. Vợ hỏi: Anh làm gì trong đó? Nghi cười cười: Ngồi chơi.

"Ngồi chơi" chỉ là một cách nói, cho xong chuyện. Trong căn phòng trống, Nghi một mình, có gì mà chơi! Vậy mà anh thích. Ngày ngày, đi làm về, Nghi để ra chừng nửa tiếng, bốn lăm phút cho đôi ba việc lặt vặt trong nhà, rồi anh rút lên lầu. Ngồi trên căn phòng trống không, anh nhẹ nhõm hẳn ra. Suốt ngày đầu óc anh nặng nề rối rắm với bao nhiêu thứ phiền toái. Những thứ chẳng có gì ghê gớm, nhưng phiền. Một chuyến đi công tác khó khăn phải thu xếp. Những trục trặc với cô thư ký mới chưa quen việc. Những lấn cấn trong liên hệ với vài anh chị đồng nghiệp. Cái xe, mới thế, đắt thế, mà cứ bệnh này bệnh nọ lắt nhắt hoài. Rồi những phiền hà trong gia đình. Oái, vợ con thì thôi, kể ra không hết. Chuyện lớn, chuyện nhỏ, chuyện vừa, chuyện sức khoẻ, chuyện học hành, chuyện tình cảm, chuyện tiền nong.....

"Nội vụ" là vậy, còn ngoại vụ nữa. Tết nhất, giỗ kỵ, đám hỏi, đám cưới, tiệc tùng lễ lạc liên miên. Đã sinh con sinh cái thì lại có những vụ Cúng Mụ, Đầy Tháng, Thôi Nôi. Rồi sinh nhật hằng năm. Dạo sau này lại có thêm một trò vui mới, khá tốn kém thì giờ và tiền bạc, là lễ kỷ niệm năm cưới - *wedding anniversary* - và lễ họp mặt hàng năm của các cựu học sinh *"để cùng nhau nhớ lại mái trường cũ thân thương"*... Làm công

dân xứ xở người ta rồi, đã "nhập giang" rồi thì phải "tùy khúc". Lại có thêm dịp ăn nhậu, quà cáp, hát hò ngâm nga, văn nghệ văn gừng. Nói cho ngay, vợ chồng Nghi cũng không hẳn là người say mê "hội hè đình đám" cho lắm, nhưng dẫu dù hai anh chị đã có giảm thiểu tối đa, những đòi hỏi thuộc loại này cũng xoay cho họ chóng cả mặt.

Đầu óc Nghi đã rối rắm với bao nhiêu thứ phiền toái, thân xác anh cũng không thanh thản gì hơn. Cứ nghĩ đến những gì chui vào miệng anh mỗi ngày mà Nghi rùng mình. Thân xác anh là thế giới riêng tư của anh. Tưởng đâu đã là riêng tư thì anh có đủ thẩm quyền và khả năng để điều động và kiểm soát nó. Đâu được! Thân xác của anh, cũng như đầu óc của anh, nó chỉ biết trơ mắt ra mà chịu trận. Thịt xương anh, tim phổi anh, ruột già ruột non anh, chúng có phản đối, anh cũng chịu thôi. Anh có nghề nghiệp quá vững vàng, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ quá đầy đủ, lo gì. Ngày xưa, ông bà ta bảo "đói ăn rau, đau uống thuốc". Đói mấy mà làm một cái xì-tếch tươi rói là xong. Còn đau? Thầy, thuốc, khối ra đấy.

Ấy vậy mà Nghi lại thích rút lên lầu, "ngồi chơi" một mình trong căn phòng trống không. Anh công nhận rằng cái hình ảnh thình lình hiện ra trong trí anh năm xưa - hình ảnh căn phòng trống không - không phải là một hiện tượng vô cớ, vô bổ. Thuở còn đi học, anh từng có dịp làm quen -sơ sài thôi - với tâm lý học. Hình ảnh cái phòng trống không đó phải chăng trồi lên trong trí anh từ một đáy sâu âm u huyền bí nào của vô thức? Ngờ vậy thôi, Nghi không tìm hiểu. Anh chỉ biết rằng anh đã nảy ra cái ý muốn có căn phòng trống ấy, và ngày nay, đến tuổi "tri thiên mệnh", anh có được nó trong nhà. Và ngày ngày, anh được vô ngồi trong căn phòng ấy.

Cứ bước vô phòng là anh cảm thấy sảng khoái ngay. Tất cả những ghét bẩn mốc meo được cần quét, được nạo sạch ra khỏi đầu óc anh. Và thân xác anh hốt nhiên nhẹ nhõn hẳn. Nghi từng biết thế nào là uống thuốc xổ. Nhưng thuốc xổ, nó cũng làm cho thân xác mệt nhừ ra. Yếu xìu. Đằng này, căn phòng trống chỉ làm cho anh có cảm giác cả người anh được tống tháo trơn tru sạch sẽ, nhẹ hẳng lên. Mà lại thấy sảng khoái, tươi mát, thật hay.

Nghi "ngồi chơi" trong căn phòng trống ấy được đâu vài hôm thì có chuyện.

*

Mới bước vào, anh nhận ra ngay. Tuy ngạc nhiên, Nghi không hốt hoảng: Anh có cảm tưởng anh chờ đợi giây phút đó đã từ lâu. Mười năm hơn trôi qua, anh vẫn nhớ đến người đàn bà xa lạ nọ. Người đàn bà lái

chiếc xe mui trần, dừng lại ở một ngã tư đèn đỏ. Mái tóc đen nhánh, bờ vai nà nuột. Những chiếc răng nhỏ long lanh giữa đôi môi ươn ướt. Có khi, chẳng những chỉ nhớ lại những hình ảnh đó mà thôi, anh còn buông lung trí tưởng tượng đi xa hơn vào các chi tiết khác, tọc mạch hơn, rạch ròi hơn. Cứ thế, trong nhiều năm tháng, người đàn bà xa lạ không còn xa lạ đối với Nghi nữa.

Anh không biết tên nàng, anh không biết nàng nhà ở đâu, chồng con, nghề ngỗng thế nào, nhưng anh lại biết quá rõ về đôi điều khác rất riêng tư về nàng. Anh gần gũi từ sợi tóc trên đầu nàng cho đến cái móng ngón chân út. (Nàng có đôi bắp chân thon dài, mu bàn chân đầy tròn, lòng bàn chân ưỡn cong lên, chiếc gót nhỏ mượt mà; chỉ có ngón út chân trái, có lẽ bị dập hư mới đây thôi, là bầm đen . . .) Anh biết đến, và mê say cả những đường nhăn nhỏ lăn tăn trên làn da bụng dưới, đáng ra thật mịn màng của nàng. Anh ngây ngất hít thở hương thơm tỏa ra từ toàn thân nàng . . . Cả cái gân xanh trên cổ nàng, cái đường gân phập phồng, phập phồng. . . Có lúc anh đã suýt nhay mạnh đến đứt để cho máu nàng phọt ra có vòi!. . .

Hôm ấy, bước vào cái phòng trống, anh nhận ra người đàn bà ngay. Nàng ngồi bệt trên sàn nhà, một góc phòng, váy xếch lên tận đùi, hai chân dài duỗi thẳng. Hai chân mang vớ ni-lông mỏng màu khói hương và giày cao gót đen. Trong ánh chiều, mái tóc dày xõa xuống, che khuất nửa mặt, chỉ để lộ miệng và cằm. Đôi môi đầy tô son đỏ cam hé mở. Nghi thở gấp. Anh quì xuống ở một góc phòng, đối diện người đàn bà. Anh ngồi như vậy thật lâu.

Nghi ngồi yên nhìn người đàn bà trong khi nàng vẫn giữ thế ngồi cũ, mái tóc trước trán che nửa khuôn mặt.

Có tiếng chân người bước khẽ bên ngoài hành lang. Thằng con trai gọi bố xuống nhà dùng cơm. Nghi nói: *Xuống ngay*! Người đàn bà ngồi im lìm. Lâu hơn nữa, bóng tối đã lan ra, đầy căn phòng. Nghi ngước mắt: bên ngoài cửa sổ trời đã sẫm tối; một vài vì sao nhấp nháy trên xa . . . Anh nhìn qua góc phòng kia: người đàn bà chỉ còn là một bóng đen mơ hồ. Nghi khẽ đứng dậy. Anh đứng im hồi lâu, rồi anh lại lặng lẽ ngồi xuống. Một lúc sau, anh lại đứng lên. Anh ngửi thấy mùi hương thoáng nhẹ mà nồng nàn thoảng qua từ phía người đàn bà. Anh thở dài, ngây ngất. Anh đưa tay với lấy cái công-tắc. Anh tần ngần, tần ngần. Rồi anh bật đèn. Ánh sáng tràn ngập, Nghi nhìn quanh.

Chỉ có một mình anh trong căn phòng trống trải.

Chỉ một mình anh. ❐

thơ tôi

ĐỊNH NGUYÊN

1.
Thơ tôi chôn ở đồi say
Bên rừng hoa dại, dưới cây ngô đồng
Tôi nằm khuất suốt mùa Đông
Tỉnh ra thơ ấy nở bông hoa vàng

2.
Thơ tôi giấu chỗ muộn màng
Trên cây bông bưởi cạnh giàn tơ quay
Tơ vàng quyện ngón tay ai
Mê tơ thơ bỗng hao gầy hơn xưa.

3.
Thơ tôi cất ở giọt mưa
Ngủ trên suối tóc buồn như thu tàn
Ngũ ngôn tan nát hồ cầm
Nghe trong lục bát thì thầm mưa đi.

4.
Thơ tôi liệm mộ tình si
Men ghềnh đá dại, qua khe suối khờ
Chết rồi nằm ngủ còn mơ
Thấy em xõa tóc ngồi chờ trăng qua.

5.
Thơ tôi tự tử ngân hà
Khăn sô nguyệt khuyết, bó hoa cầu vồng
Em về khóc một dòng sông
Thơ trôi ra biển một dòng thơ trôi

6.
Thơ tôi ngủ ngọn đỉnh trời
Mua nguồn chớp bể tơi bời mặc ai
Hoa vàng một động thiên thai
Tiếc nàng tiên nữ theo ai về trần.

7.
Thơ tôi lịm giữa mùa xuân
Ngẩn ngơ xác bướm, tần ngần phấn ong
Môi em mật, má em hồng
Môi hôn kỷ niệm đủ nồng vết thương.

8.
Thơ tôi đổ xuống biển Đông
Giang đầu cá lặn, cuối dòng chim sa
Neo thuyền nốc rượu quỳnh hoa
Ôm trăng một giấc ngọc ngà yêu em.

9.
Thơ tôi bày giữa thảo nguyên
Trên lầu Hoàng Hạc, dưới thuyền Cổ Thi
Khúc tình ríu rít chim ri
Xênh này hạc nội, phách kia mây trời.

10.
Thơ tôi cắn giữa môi người
Thơ điêu, môi đối cho lời thề xưa
Xót thương một giọt lệ thừa
Vỡ tan chén ngọc đong vừa nhân duyên.

trí huệ, mỹ huệ

Trần Diệu Hằng

Cho đến khi rời khỏi hành lang căn biệt thự xinh đẹp nằm vắt vẻo trên một ngọn đồi ngó ra vùng vịnh San Francisco ấy, tôi vẫn không hiểu cuộc đời hai chị em tôi đã trở thành một kể từ lúc nào. Kể từ buổi chiều vàng vọt ở một tỉnh duyên hải miền Trung nước Việt, hay kể từ lúc không giờ, không còn phân cách ngày và đêm trên một vùng mù sương ven biển Thái Bình? Có phải bên một giòng suối cạn hai chúng tôi đã được tái sinh, để rồi sau đó, vùng vẫy trong lòng khối nước mênh mông của đại dương, thân xác tôi có lúc như thoáng chết đi cho một tiềm năng nào đó trong em gái tôi bắt đầu sự sống? Cùng lúc với sự việc cuộc đời chị em tôi đã như là một, nghịch lý thay, giữa chúng tôi dường như hạt giống chiến tranh lại bắt đầu nẩy mầm. Thành thật mà nói, chúng tôi cũng có được vài năm phù du chung sống với nhau trong nền hoà bình của thời thơ dại. Rồi thì cuộc tranh chấp giữa chúng tôi bắt đầu, không hiểu chính từ sự tái sinh hay từ nỗi mất mát, từ nỗi chết hay từ tình yêu?

Câu chuyện thật ra khá dài dòng, lắm khi khó tin là có thật. Trước khi vào chuyện, tôi phải báo động và phân trần cùng bạn đọc, rằng chuyện của tôi có thể bị gián đoạn, bị cắt ngang không báo trước, người kể chuyện có thể bị tráo đổi đột ngột. Vì thế, làm ơn lắng nghe tiếng nói của tôi cho thật kỹ nhé, bởi tôi, một lúc nào đấy, có thể là em gái tôi. Hãy nhớ là Mỹ Huệ sinh ra đời sau tôi mười tám tháng hai mươi ba ngày bốn giờ ba mươi phút sáu giây. Cắt một lát thời gian hai mươi mốt năm về trước, tưởng tượng như bạn đang rà rà ống kính quay phim theo giòng suối cạn khô trơ lòng cát ấy thì thấy ngay sự khác biệt: hai em bé gái cùng tựa tựa nhau ở đôi mắt to đen, sống mũi gọn nhỏ, và mái tóc bum bê dài chấm tai, nhưng nước da Trí Huệ có phần đậm mầu hơn, thân thể mảnh mai và dắn dỏi hơn. Trí Huệ không khóc, đôi mắt mở to nhìn sững vào ống kính trông như

một dấu hỏi chưa có câu trả lời. Gò má Mỹ Huệ thì nhem nhếch nước mắt lẫn đất cát, đôi mắt lạc thần, bàn tay bé nhỏ bấu chặt vạt áo mẹ như cố níu lấy sự sống. Người đàn bà tóc tai rũ rượi, quần áo xốc xếch đang cố thu hết sức tàn quỳ xụp xuống vái lạy bốn phương như một người mất trí. Không rõ bà ta đang vái lạy Thượng đế hay van xin những kẻ chạy loạn qua đường. Cách họ ngót chừng năm chục thước phía bìa rừng là xác một người đàn ông nằm xấp, đầu bị bắn văng đâu mất một mảnh. Người đàn bà không ngớt lập đi lập lại lời cầu khẩn, "Xin cứu giùm hai đứa con tôi. Làm ơn cứu giùm hai đứa con tôi. Xin cho hai cháu đi cùng, phần tôi sẽ ở lại đây canh xác chồng tôi..." Một chiếc xe Jeep quân đội chầm chậm trờ tới, băng trước chỉ có hai người đàn ông mặc quân phục nhếch nhác không phù hiệu cấp bậc, trông như quần áo đi mượn hoặc mới lột được từ một xác chết nào đó. Băng sau không có người, chỉ thấy toàn tủ lạnh, ti-vi, đồng hồ, quạt máy, nồi cơm điện... chất cao ngổn ngộn. Đôi mắt người đàn bà chợt loé sáng lên tia hy vọng. Thân xác rũ liệt của bà ta bỗng nhiên như được truyền một luồng sinh lực mới. Bà nhào đến bám vào thành xe. "Xin cứu giùm hai đứa con tôi. Làm ơn cứu giùm hai đứa con tôi...." Người đàn ông ngồi bên cạnh tài xế giơ chân đạp cho bà mẹ một cú vào ngực. Bà ngã bắn về phía sau, mặt chúi nhủi xuống cát, nằm đè lên Mỹ Huệ vốn không hề phút giây nào buông lơi vạt áo mẹ. Khi ấy Trí Huệ đang cố bò lết về phía xác người đàn ông bị bắn văng mất nửa đầu, cất tiếng khào khào kêu gọi, "Cha, cha ơi ..." Tiếng cô bé ngay sau đó mất hút vào trong tiếng nổ ngắn gọn vang lên từ họng một khẩu súng lục. Viên đạn bay sướt qua đầu người đàn ông vừa xô bà mẹ và Mỹ Huệ khỏi xe. "Dừng lại, không tao bắn vỡ sọ," một người đàn ông khác mặc thường phục xuất hiện bên hông xe tự lúc nào; trong tay lăm lăm một khẩu rouleau lòng ngắn. Kít. Chiếc xe Jeep đứng sựng lại. "Cả hai đứa mày. Xuống," người cầm súng nói ngắn gọn. Hai người đàn ông giơ hai tay lên đầu, rúi rúi bước khỏi xe. "Đứng gần vào nhau. Rồi. Thằng này dọn hết đồ đạc khỏi xe, còn mày quì xuống sát bên phía bánh xe này. Đừng quên là súng của tao sẵn sàng nổ bất cứ lúc nào nếu chúng mày trái lệnh." Khi những món đồ đã theo nhau xuống hết mặt đường, người đàn ông đang cầm súng uy hiếp vòng tay trái nổ máy chiếc Jeep, nhanh nhẹn ngồi vào trước tay lái nhưng mũi súng vẫn hướng về hai người đàn ông kia, miệng nhếch mép cười lạnh lùng khinh bạc, "Lát nữa thì bọn mày tha hồ khuân những đồ ăn cướp này về thành phố."

Thoáng chốc Trí Huệ được xốc lên như một chú gà con. Bánh xe lăn tới ít thước nữa, đến lượt Mỹ Huệ được túm cổ áo đặt nằm nhoài trên ghế sau. Bà mẹ đờ dẫn đứng lại bên đường, đôi mắt thất thần, chết sững không

biết phải làm gì lúc này, nhưng người đàn ông ngoắc ngoắc họng súng ra dấu cho bà theo lên. Chiếc xe chồm tới, tách khỏi mặt đường nhựa, vượt qua lòng suối cạn, lăn bánh trên đoạn đường đất đỏ bụi mờ, bỏ lại hai người đàn ông ngồi phệt xuống giữa đống đồ đạc ngổn ngang. Trước mặt và sau lưng họ, đoàn người tỵ nạn thất thểu rã rời vẫn đang lẳng lặng lê bước trên con đường đi tìm đất sống.

"Đất liền kìa rồi," xung quanh chúng tôi người ta kêu lên như thế. Nhưng rồi không ai kịp vui mừng cả. Một đợt sóng cao ngất phủ chụp xuống đầu chúng tôi. Con thuyền mỏng manh bể tan thành những mảnh vụn. Tôi chìm lỉm vào một vùng tối đen đặc, có lẽ là nơi chốn của sự chết. Giữa nỗi kinh hoàng khủng khiếp ấy, lời dặn dò của chị Trí chợt bật lên trong đầu tôi sáng loé như một que diêm: "Em nhớ nín hơi, đạp chân cho trồi lên mặt nước, giống hồi mình tắm ở mé sông đó..." Và rồi tôi đã trồi lên khỏi mặt nước, trồi lên khỏi nỗi chết. Và rồi tôi đã nghe được tiếng Trí Huệ gọi vang vang trên mặt sóng. "Mỹ...Huệ..." "Em đây," tôi cố sức hét lên nhưng một bụm nước mặn chát ào vào miệng khiến tôi ngưng bặt. Trí Huệ đã nhìn thấy tôi. Chị xoải tay bơi vội tới. Chị bơi giỏi như một con rái cá. Tôi không hiểu sao chị thừa hưởng được cái tài nghệ ấy của cha mà tôi thì không. Cũng có thể bởi vì chị sống trước tôi gần hai năm tuổi đời.

Trí Huệ bảo tôi thả nổi cho nhẹ bớt, còn chị một tay nắm cổ áo tôi một tay rẽ nước mà bơi. Được một lúc, chúng tôi chậm dần. Tôi muốn khóc, muốn gọi mẹ mà không dám cất tiếng. Có thể bà cũng đang bơi đến gần? Hay chúng tôi sắp tới bờ? Không rõ. Chỉ thấy trong một thoáng chốc nào đó, dường như chị Trí thật khoẻ, chị kéo tôi băng băng về phía trước, rồi sau đó là một sự hụt hẫng đột ngột khiến toàn thân tôi chìm lỉm xuống làn nước mặn. Tôi cuống cuồng quơ quào, bơi được vài sải tay. Trước khi bàn chân đụng vào mặt cát dưới lòng biển, tôi cảm thấy rõ ràng cổ chân mình bị bàn tay lạnh buốt của Trí Huệ nắm lấy. Tôi rùng mình. Một luồng khí lạnh đi suốt qua châu thân lên tới óc. Tôi mừng rỡ nghe được tiếng nói quen thuộc của Trí Huệ. Sau đó, một tảng đen kịt phủ up xuống.

Kể từ phút ấy, chị đã là em, sống đã là chết; Trí Huệ, Mỹ Huệ trở thành hai kẻ lưu vong trong thân xác và linh hồn của nhau.

Cái tin con bà Gia Hội làm phóng viên biên soạn tin tức cho đài phát thanh NPAR loan truyền rất nhanh trong cộng đồng người Việt sống quanh vùng Mapleland. Cộng đồng vốn nhỏ bé nhưng người ta biết nhau khá rõ nhờ đặc tính thích khoe con của một số các bà mẹ. Thật ra, không riêng gì

vùng Mapleland, một người không có óc quan sát bén nhậy lắm cũng có thể nhận ra rằng trong khá nhiều buổi tiệc-tùng-tiếp-tân-họp-mặt-gặp-gỡ của cộng đồng người Việt ở mọi nơi, đề tài của các bà thường xoay quanh câu chuyện thành đạt của con cái, đặc biệt là chuyện lọt vào đại học y hay dược. Nghề phóng viên tin tức, theo sự phẩm định của những vị này, đáng lẽ không được coi là danh giá cho lắm so với tước hiệu bác sĩ, dược sĩ, hoặc nha sĩ nhưng vì Mỹ Huệ xinh đẹp nổi tiếng trong cộng đồng và vì sự xuất hiện của một thiếu nữ Việt Nam trong ngành truyền thông của nước Mỹ vẫn còn rất hiếm hoi nên bù qua sớt lại, tin này vẫn được coi là nóng bỏng. Một yếu tố khác nữa là bà Gia Hội không chỉ nổi tiếng về tính thích khoe con. Người ta nói bà coi Mỹ Huệ như thần thánh.

Mỹ Huệ. Có lẽ chẳng cần tới một bà mẹ không ngừng nói về con mình như bà Gia Hội, cái tên Mỹ Huệ đã đủ là một đề tài bàn tán khá sôi nổi cho những người Việt sống trong vùng. Dư luận về cô luôn luôn hai chiều trái ngược. Vài chàng trai mê mẩn tôn thờ cô như nữ thần Venus. Một số chàng khác thì bảo cô lang chạ với đủ loại đàn ông. Vài người chắc lưỡi khen cô hát hay múa giỏi, văn chương thi phú đủ vẻ tài nghề. Kẻ lại bảo cô chỉ thuộc loại văn nghệ làm duyên làm dáng. Về phía các bà các cô thì cũng vậy. Người thì nể vì khâm phục, ước sao được giống cô đôi phần, kẻ lại ghét cô cay đắng, ghét đào đất đổ đi. Vài bà trầm trồ Mỹ Huệ viết tiếng Mỹ cũng tài mà tiếng Việt cũng hay, mấy vị khác thì lại bảo cô chỉ là thứ vong bản mất gốc.

Bỏ qua dư luận bâng quơ vô căn cứ phía ngoài, đến gần thế giới riêng tư của Mỹ Huệ hơn bằng cách gặp một số những người đã từng giao tiếp với cô khá lâu, kẻ có ý tò mò muốn tìm hiểu cũng sẽ chỉ càng thêm rối rắm. Một số cô giáo, thầy giáo của Mỹ Huệ ngày còn ở bậc trung học cho rằng cô là một học sinh rất đỗi lạ lùng. Rất nhiều khi Mỹ Huệ tỏ ra thông minh sắc sảo, vượt bực hơn người, nhưng cũng không thiếu những lúc người ta chỉ thấy ở cô một trí lực trung bình, chẳng có gì đáng kể. Khi gửi học sinh đại diện trường đi dự thi cấp quận, tiểu bang, hay toàn quốc, người ta phân vân về quyết định chọn Mỹ Huệ bởi cô là một học sinh xuất sắc nhưng rất bất thường. Một bà thầy nghĩ là Mỹ Huệ có thể bị một chứng bệnh nào đó về óc não, nhất định khuyến cáo mẹ Mỹ Huệ đưa cô đi khám bệnh, thử máu, chiếu quang tuyến lung tung đủ kiểu. Người ta chẳng tìm thấy một dấu hiệu lạ lùng nào trong thân thể cô cả. Không có mạch máu nào nghẽn, không có van tim nào hở, không bướu dữ, không bướu lành. Cô có một thân thể thiếu nữ hoàn toàn bình thường, khoẻ mạnh. Tóc cô ngày càng đen, da cô ngày càng trắng, môi cô ngày càng tươi hồng. So với những thiếu nữ xinh đẹp đếm không kể xiết ở quốc gia

hai trăm triệu dân này, nhan sắc của Mỹ Huệ cũng chẳng thể nổi bật hơn ai, nhưng gọi cô là một con búp bê Á châu kiêu diễm thì cũng không ai phản đối, ngay cả những kẻ không mấy ưa gì cô. Mỹ Huệ không có bạn gái thân. Những thiếu nữ Việt Nam học cùng trường cho rằng cô có tính khí bất thường. Họ giao du với cô một cách dè dặt và xa cách. Ở những lớp trung học đệ nhất cấp, người ta còn thấy Mỹ Huệ cặp kè với vài cô bạn tóc vàng, tóc nâu, lên những lớp mười, mười một, mười hai, cô lủi thủi một mình. Không thiếu những bạn trai cùng trường mời cô đi chơi, nhưng rồi anh nào cũng lảng sớm. Vài anh tiết lộ rằng có những lúc họ tưởng đã sắp được mùi mẫn với cô đến nơi đến chốn thì cô lại đột ngột sắc sảo lạnh lẽo như một tảng băng; đôi mắt cô phát ra một thứ quyền lực nào đó khiến anh chàng hùng hổ nhất cũng đành bỏ dở ý định.

Mỹ Huệ vẫn tiếp tục sống với mẹ trong những năm cô theo học ngành báo chí tại một đại học gần nhà. Năm hai mươi mốt tuổi, cô đột ngột lấy chồng. Năm hai mươi hai tuổi, cô đột nhiên ly dị. Chồng cô là một anh chàng Việt Nam khá điển trai, đàn hay hát giỏi, phiêu bạt đâu từ tiểu bang Washington về vùng Mapleland. Anh nhất định không chịu hé răng tiết lộ điều gì về cuộc sống vợ chồng với Mỹ Huệ. Cũng chỉ hơn một năm sau, người chồng cũ của Mỹ Huệ lấy vợ khác, một thiếu nữ đẹp thùy mị, đơn giản. Sau đó, cặp này nhoà biến vào trong biển người của thành phố San Francisco, không mấy khi thấy họ xuất hiện trong cộng đồng người Việt. Cuộc hôn nhân ngắn ngủi không để lại cho Mỹ Huệ một đứa con nào. Cô trở về sống với mẹ. Bà Gia Hội làm chủ một tiệm bán vải trong khu thương mại của người Việt. Bà khoe tất cả mọi chuyện về Mỹ Huệ, trừ chuyện Huệ ly dị chồng. Đối với bà Gia Hội, Mỹ Huệ đã tượng trưng cho tất cả những gì bà không thể đạt tới trong đời.

Mỹ Huệ. Chị nghĩ rằng đã đến lúc chị cần có một cuộc nói chuyện dài với em. *Đã đến lúc ư? Lúc nào chị chẳng ở trong em ? Có bao giờ em nguyên vẹn là em đâu mà chị còn phải rào trước đón sau làm chi nữa?* Chị không muốn em có giọng điệu cay đắng như thế đối với chị. Chúng ta không thể đối thoại nếu em còn tiếp tục có thái độ đó. *Thôi được. Em lắng nghe chị đây Trí Huệ. Chị muốn nói chuyện gì? Lại than phiền về em nữa, phải không?* Không phải là chị than phiền, nhưng chị muốn biết tại sao em cứ cố tình làm khác đi những điều chúng ta đã đồng ý thực hiện. Chị đã không thích đi dự buổi văn nghệ Ngày Nhớ Cố Đô đó nhưng chỉ vì chiều ý em mà chị phải theo cùng. Chị đã dặn em rằng người ta có mời lên trình diễn thì hát bài Thoả Nỗi Nhớ Mong dân ca Bắc, hay ngâm thơ bài Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác, tại sao phút cuối em lại bảo quên hết chẳng

nhớ bài thơ nào, rồi lại õng ẹo hát bài The Best for Last? Em tưởng như thế là hay lắm sao? Người ta sẽ cười cô là rởm đời. Tùy nơi tuỳ chỗ mà biểu diễn chứ. Lại còn cái vụ quần áo nữa. Chị không hiểu tại sao em có thể chọn một cái váy ngắn cũn cỡn như thế cho dịp đó. *Tại sao à? Tại em thích khoe cặp giò dài của em. Tại vì em là một người Mỹ có toàn quyền tự do làm theo ý mình miễn là không động chạm đến ai cả.* Đừng có trả lời chị kiểu cà rỡn đó. *Chị không thích à? Thì em cho chị một câu trả lời khác vậy. Em chọn bài hát đó, chiếc váy đó vì em thích nổi hơn tất cả mọi người. Vì em muốn cho họ biết rằng em đa năng đa diện. Em thích là cực điểm của sự chú ý. Em thích ở giữa trung tâm của ánh đèn. Rồi sao?* Thôi được, Mỹ Huệ, nếu em thích sự biểu diễn, chị cũng bằng lòng cho em sống với nó một thời gian, cho đến khi em chán nản và nhận ra giới hạn thảm hại của thân xác mình, nhưng chị chỉ yêu cầu em, hãy từ bỏ trò biểu diễn với văn chương. Ngưng sáng tác đi. Chị em mình làm phóng viên biên soạn tin tức cho NAPR như thế cũng đủ sống thoải mái rồi. Em chỉ có thể chọn một trò chơi thôi. Ngoài giờ làm việc, chị hứa là sẽ đi với em đến bất cứ nơi nào em muốn, biểu diễn tất cả những gì em thích, em sẽ là ngôi sao sáng trong mọi bữa tiệc, mọi buổi họp mặt. như thế được không em, em sẽ hạnh phúc hơn, phải không em? *Chị nói sao? Chị không ghen tức với em đấy chứ? Chị không bằng lòng chuyện em chen chân vào vùng cấm kỵ của chị à? Chị tưởng chỉ có chị mới có sự suy nghĩ? Thật là tức cười. Chị cố tình phủ nhận giá trị của em trong khi người ta trầm trồ nức nở trước những điều em viết. Nhìn này. Tạp chí Quê Nhà đăng bài của em. Tờ báo của nhóm Cố Hương đăng bài của em. Toà soạn còn có cả một bài riêng để ca tụng em là cây bút trẻ đi lại được giữa biên giới của hai ngôn ngữ. Quả thật, em không ngờ là chị lại tầm thường đến độ ghen tức với em như vậy. Chị không xứng đáng là chị của em.* Mỹ Huệ, em cứ nói cho đã nư giận đi. Rồi em cũng sẽ hiểu chị vẫn là chị của em như bao giờ. Em viết về cái nhân vật nữ xinh đẹp như hoàng hậu, đi đâu cũng được cả tá đàn ông săn đón theo đuổi ấy mãi mà chưa chán ư? Rồi lại cố bầy vẽ trang trí cái Tôi ấy bằng một chút tình dục bệnh hoạn cho có vẻ đặc biệt khác người. Em vẫn còn đang loanh quanh định nghĩa cái Tôi Tôi, nào em đã hiểu đâu là cái Tôi Viết. Chị chính là cái Tôi Viết của em. Chị nằm ở đây, sâu thẳm trong em luôn chờ đợi em trở về. *Ngưng. Chị ngưng lại ngay đó đi. Đừng đàn áp tôi bằng mớ danh từ rỗng tuếch của chị. Cũng đừng quên rằng sáng tác ấy chẳng phải của riêng tôi. Chị cũng có phần nữa chứ. Tôi làm quen với cõi viết ấy qua chị cơ mà.* Nhưng em đã cố tình đi chệch con đường chị đã vẽ ra. Cũng như tất cả mọi chuyện nhỏ nhặt khác trong đời sống hàng ngày, em luôn luôn chống lại chị, bằng cách

này, cách khác. Em vừa yêu mến vừa chối bỏ chị. Em vừa muốn là một tài danh lừng lẫy của cộng đồng người Việt vừa muốn bài bác nó. Em vừa muốn xông xáo vào giòng sinh hoạt của người Mỹ đa số vừa phẫn nộ vì hàng rào ngăn cách vô hình dựng nên từ cái nhìn nghi ngờ ném về phía kẻ lạ mặt, kẻ khác. Rốt cuộc, em đã biến Trí Huệ-Mỹ Huệ thành một thứ quái thai của thời đại và của hai nền văn hoá. *Thôi thôi. Chị thật là một mối nhức đầu kinh niên. Tôi phải ra khỏi đây. Tôi phải ra khỏi căn phòng này. Tôi phải ra khỏi sự trùm lấp của chị.*

Sau ngày Mỹ Huệ trở thành phóng viên đài NAPR được chừng một năm, các bà mẹ trong vùng Mapleland lại làm giầu thêm cho hãng điện thoại vì câu chuyện khoe con của bà Gia Hội. Thật ra họ không chỉ nói về Mỹ Huệ. Thường là bà Gia Hội khơi mào, các bà kia cảm thấy rất ư là thiếu công bằng nếu không nói về con mình. Thế là mọi tin tức về những buổi ra trường vào trường, mọi sự thành đạt, mọi chuyện nhà cao cửa rộng, lương bổng mấy chục mấy trăm ngàn, giải thưởng xuất sắc này tác phẩm cò con nọ cũng đều tuần tự theo nhau chui vào đường giây điện thoại hết. Ở vùng khác, có người còn cho rằng điện thoại hay nói chuyện trực tiếp chưa đủ, người ta phải đăng báo chúc mừng sự thành đạt của nhau, thậm chí in cả sách tường thuật gia phả nhà mình nhân dịp con cái lấy chồng lấy vợ. Dường như đấy là một nỗ lực biến mình thành kẻ được nhìn thấy, dường như sự mất tăm là một nỗi đe dọa thường trực trong tâm trí của khá nhiều người. Tận trong thâm tâm, không phải bà Gia Hội chỉ muốn khoe về Mỹ Huệ không thôi, bà còn muốn nhân cơ hội chuyện trò ấy, để ý tìm một chàng rể khác cho cô con gái xinh đẹp và tài giỏi có một không hai của bà, điều kiện tiên quyết là phải giỏi hơn chàng rể cũ.

Lần này thì bà Gia Hội có lý do chính đáng hơn nhiều. Mỹ Huệ được mời làm xướng ngôn viên đài truyền hình địa phương; cô bước thêm một bậc nữa trên nấc thang danh vọng của sự được nhìn thấy. Ở Mỹ lâu, ngay cả các bà mẹ khá cổ hủ cũng dần nhận ra rằng một tài tử hay cầu thủ nổi tiếng có thể được trọng vọng hơn cả Tổng thống. Mỹ Huệ tuy chưa phải là tài tử nhưng sự việc cô sẽ xuất hiện trước ống kính truyền hình, được theo dõi bởi hàng trăm ngàn cặp mắt người dân nước Mỹ không thể coi là một sự việc tầm thường. Thành quả này đã khiến bà Gia Hội trong lòng nở hoa. Bà nói không biết chán, kể lại từng chi tiết chuyện Mỹ Huệ được phỏng vấn như thế nào, thông minh xuất sắc ra sao. Đa số các bà mẹ nghe chuyện thì đành chào thua, phải nhìn nhận rằng con bà Gia Hội đúng là tinh hoa của nòi giống rồng tiên. Có bà già đã ngoài bẩy mươi lại cho rằng Mỹ Huệ chỉ giỏi giang khi ông Thần Gió phơ phất ghé qua. Bà khác lại

bảo không phải đâu, tại mả tổ tiên nhà họ Vũ đến ngày cực phát. Riêng với một người bạn thân nhất, bà Gia Hội tiết lộ rằng bà có một người con gái khác chết trên đường vượt biển, cô này là chị của Mỹ Huệ, từ nhỏ vốn đã cực kỳ thông minh hơn người, bà tin rằng hồn cô luôn vương vấn theo phù hộ mẹ và em gái.

Mỹ Huệ, em không thể giấu được chị điều gì đâu. Chị chỉ đi ngao du có vài giờ mà em đã lẻn đến căn biệt thự đó. *Em không việc gì phải giấu chị, em có quyền sống những giờ khắc của riêng em.* Nhưng chúng ta là một. *Không. Chúng ta không là một. Chúng ta chưa bao giờ là một. Chị là Trí Huệ và tôi là Mỹ Huệ. Thân xác này của riêng Mỹ Huệ, người đàn bà tự do tạo dựng quyền lực cho mình từ sự chiêm ngưỡng của kẻ khác phái. Chị chỉ là một linh hồn ở đậu trong tôi.* Em thật tức cười. Em là kẻ có quyền hay là nạn nhân? *Nạn nhân là những người đàn bà cúi đầu chịu đựng trong gông cùm và thành kiến của xã hội, những người đàn bà không tài năng không vũ khí. Họ không phải là tôi. Chẳng bao giờ có thể là tôi.* Vũ khí của em chính là chị. Không có chị. em không phải là Mỹ Huệ, nữ phóng viên tài ba của đài truyền hình KPSF. Chị bảo vệ, giữ gìn và hướng dẫn em. Chị là ngọn đuốc soi đường, là ánh sáng trí tuệ của em suốt hai mươi năm rộng rã. Em làm gì có đời sống nếu không có chị? *Chị nói sao? Chính chị mới không có đời sống. Chị chỉ là một bóng ma. Chị làm gì có hơi thở? Chị làm gì có thân xác? Phải nói chị không hề hiện hữu nếu không có tôi.* Thế à? Mỹ Huệ, ai đã cứu em ở biển Đông? Ai đã rời sự sống và cho em hơi thở? Chị đã phải hai lần đời đổi cùng trong một chuyến đổi dời. Trong chuyến hải hành vạn dặm của chúng ta, chị đã phải di tản khỏi thân xác mình để hoà nhập trong em, bởi chị biết em cần chị. *Không. Không phải chị đã hy sinh cho tôi. Chị chiếm hữu tôi thì đúng hơn. Chị đã lợi dụng thân xác tôi để kinh qua những cảm giác mà một linh hồn không thể có được. Tại sao tôi không thể sống được với chồng, chị biết chứ? Chị tràn ngập trong tôi ở cái giây phút đáng lẽ tôi đã đạt tới sự khoái cảm. Chị rình rập tôi từ hơi thở, từ lời ăn tiếng nói.* Chứ không phải vì em khao khát một cái gì lóng lánh, rực rỡ hơn đời sống với Đính à? Mỹ Huệ, chị phải sống qua từng mảnh nhỏ trong đời sống em để có thể bảo vệ em. Chị yêu em. Chị yêu cái thân thể đàn bà mềm dịu dung chứa của em, cái thân thể mà chị đã bị tước đoạt mất trong cuộc đổi dời. Chị cần em cũng như em cần chị. Hãy nghe chị. Chúng ta không thể trở thành những trò chơi, và cũng không thể là những nạn nhân nằm ở cuối đường. Hãy đi với chị. Chúng ta ngao du qua mọi lằn ranh của sự khác biệt, của nỗi lạc lõng, của sự ngậm ngùi. Đi với chị tới một cõi Quê Nhà Trong Trí Tưởng.

Chị Trí, viễn ảnh chị phác hoạ thật mơ hồ, em có cảm tưởng chính chị cũng chưa rõ đâu là nơi chốn chị muốn kiếm tìm. Ngược lại, nơi em muốn tới rất huy hoàng, một sự huy hoàng đo đếm được. Hãy từ bỏ cái thế giới tối tăm mù mịt không thấy bến bờ đó của chị và đến vui chơi bên em, thực tế và hợp lý hơn biết bao. Ô Mỹ Huệ! Em quên rằng vẻ đẹp được soi rọi bởi ánh sáng, nhưng có bao giờ ánh sáng được soi rọi bởi vẻ đẹp đâu em? *Thôi thôi chúng ta cãi mãi cũng chỉ mòn hơi. Chị có niềm kiêu hãnh của trí tuệ và em có trong tay quyền lực của lạc thú. Chúng ta phải rời nhau thôi.* Nhưng...phải xa em chị lại thêm một lần mất trọng lượng. Giữa biển Đông chị đã phải vĩnh viễn từ giã thân xác mình khi không còn sức lực để cân bằng sức hút của trái đất trên cơ thể cộng thêm sức mạnh khủng khiếp của sóng cuồng nộ ném thân xác chị vào hố thẳm tối đen của cái chết. Em hẳn biết rằng khi con người hai chân không còn đứng bằng trên mặt đất được thì ta chẳng còn "thuộc về" đâu nữa. Mặt đất, Quê Nhà, Nơi Sinh Trưởng đều bị cách lìa. Lịch Sử và Trí Nhớ trở thành những tờ lịch mỗi ngày mỗi ố vàng rời rụng theo tháng năm. Người đánh mất tất cả những "thuộc về" trở thành những kẻ không tên gọi. Chị đã mất trọng lượng, nghĩa là mất hết những ràng buộc với mặt đất và con người. Nhưng bù lại, chị có được một khả năng vô cùng linh diệu. Từ phút giây bị tước đoạt trọng lượng, chị lập tức có thể bay đến bất kỳ nơi nào theo ý muốn. Chị cũng có thể vượt qua những giới hạn của tốc độ, của hàng tỷ năm ánh sáng. Tiền kiếp người phụ nữ trải dài trước mắt chị như những căn nhà có treo bảng ghi rõ số đường. Chuyện đi lại giữa những biên giới, vốn là thứ người đời thèm khát, đối với chị chỉ cần một cái phất tay. Chị đã muốn truyền đạt cho em cái khả năng linh diệu ấy bằng tâm thức, để đổi lại, chị chỉ xin em một chốn "thuộc về". Chị không muốn lãng đãng trong khoảng không gian và thời gian tưởng như vô tận. Phải chăng chốn thuộc về gần gũi nhất với giọt sống sau cùng của chị chính là em, người chia chung với chị một phần máu thịt xương da? người cùng bước chung với chị trong một khoảng đường định mệnh? Ôi Mỹ Huệ, sao em đành lòng oán hận và hiểu lầm chị? Sao em đành đoạn quay lưng với bóng mình?

Mỹ Huệ làm việc cho đài truyền hình KPSF được chừng hai năm thì dư luận bắt đầu bàn tán về phẩm chất đi xuống của phần tin tức do cô thực hiện. Một số người cho rằng cô thiếu hẳn sự linh động và cá tính riêng biệt đã có trước đây. Nụ cười của cô vẫn tươi đẹp nhưng giả tạo. Ánh mắt vô hồn không còn chan chứa niềm u uẩn Đông phương. Phần tin tức cô biên soạn nhạt nhẽo, chỉ vừa đạt tiêu chuẩn, không còn nét sắc sảo lôi cuốn ngày nào. Một số người khác lại cho rằng sự thay đổi không phải ở cô, mà

chính ở khán thính giả. Nhìn mãi một khuôn mặt, nghe mãi một giọng nói người ta cũng chán. Cô như một thứ trái cây miền nhiệt đới đã qua mùa, không còn được ưa chuộng như buổi đầu mới xuất hiện. Người nói thế này, kẻ nói thế khác, nhưng tựu chung, người ta đều tiên đoán rằng không lâu, cô sẽ bị đẩy lùi vào sự quên lãng. Tuy nhiên, một vài nhân viên làm việc lâu năm dưới quyền ông giám đốc chương trình lại mập mờ ám chỉ rằng Mỹ Huệ là người yêu bé nhỏ của vị xếp lớn này, chưa chắc đã bị thay thế một cách dễ dàng. Những nhân viên cũng còn xầm xì bàn tán về sự tranh chấp coi mòi khá căng thẳng giữa những nhân vật chóp bu trong đài, chưa biết mèo nào sẽ cắn mỉu nào, ai sẽ văng ra và ai sẽ ở lại.

Hôm ấy là một ngày thứ bẩy rất đẹp trời của mùa hè phía nam nước Mỹ. Nắng ấm áp vừa đủ tô thắm những cánh hoa đủ mầu rực rỡ nổi bật bên những thảm cỏ xanh cắt khéo bởi tay người. Mỹ Huệ ngồi sửa soạn trước bàn phấn trong phòng riêng của cô tại một căn chung cư thuộc khu vực khá sang trọng trong thành phố. Cô đã trang điểm xong, và đã đẹp lắm rồi, nhưng vẫn tần mần giơ tấm gương nhỏ lên săm soi lại đuôi mắt. Cô muốn rình mò săn đuổi sự xuất hiện đầu tiên của những nếp gấp tháng năm. Cô đã tìm, đang tìm, và vẫn tìm mỗi lần điểm phấn tô son. Chưa. Lần này cô vẫn chưa tìm thấy nếp gấp nào cả. Một phụ nữ Á Đông ba mươi mốt tuổi vẫng bóng nếp nhăn, cô lững thững đi đằng sau năm tháng. Trông cô chỉ độ chừng hai mươi lăm. Dường như có một vết chì nhỏ hơi chệch ra ngoài đường cong của viền mắt, cô lấy bút tỉ mỉ tô lại. Dường như một làn son hồng nhạt hơn chút nữa sẽ làm tăng vẻ gợi cảm của làn môi; cô lục lọi tìm kiếm một mầu lý tưởng chiếc hộp chứa hàng chục cây son đắt tiền. Cô muốn soi thấy bóng nhan sắc lộng lẫy Đông phương trong tròng mắt mầu xanh ngọc bích của người tình.

Mỹ Huệ hy vọng Rick sẽ ngỏ lời cầu hôn với cô trong buổi hẹn hôm nay. Lấy được Rick, địa vị của cô trong đài KPSF sẽ vững chắc hơn biết bao. Cô sẽ là nữ chủ nhân mới của căn biệt thự xinh đẹp với những khuôn cửa sổ ôm tròn phòng ngủ bằng kính trong suốt nhìn ra mặt biển vùng vịnh San Francisco. Liên tưởng đến lúc Rick thầm thì bên tai cô những điều chàng thích làm với cô ngay bên cạnh những khuôn cửa không cần che đậy ấy khiến cô cảm thấy máu nóng dồn lên hai bên gò má. Mỹ Huệ đứng lên mở cánh cửa tủ áo thênh thang, lấy ra một bộ mầu trắng, ngắm nghía vài giây trước khi quyết định mặc thử. Bộ đồ ngủ bằng lụa sa tanh mầu hồng phấn rơi tuột xuống mặt thảm phơi bầy thân thể cô lồ lộ trước gương. Cô liếm ướt đôi môi đã vốn ướt rượt, những ngón tay cô nâng lấy khuôn mặt kiều diễm của mình, vuốt xuống cần cổ nuột nà, âu yếm bóp nhẹ bầu ngực hừng hực lửa, xuống vùng bụng săn chắc, lướt qua khoảng

tối ở giữa và chạm dần lại trên cặp đùi thon dài. Cô mê man nhìn bóng mình trong gương. đắm đuối với thân thể mình và rót sự đắm đuối ấy vào đôi mắt tưởng tượng của người tình. Thần trí cô chưa bao giờ cảm thấy thoả mãn sung sướng hơn. Trong gương kia phản chiếu một thân xác Mỹ Huệ tươi đẹp có thật, thuộc về riêng cô và đầy hứa hẹn tương lai. Cô oằn oại, đê mê thêm vài phút rồi thong thả khoác bộ y phục mầu trắng lên người. Chiếc áo bằng hàng vải dệt sợi thưa mềm dịu, mỏng manh lộ rõ mầu da thịt khoác ơ hờ bên ngoài một chiếc nịt ngực cùng mầu trắng, chiếc quần lưng thun ôm sát vòng eo ống rộng phấp phới. Kiểu thời trang này dành cho cuộc đi chơi biển hôm nay thì thật là tuyệt vời. Cô mỉm cười hài lòng với bóng mình trong gương. Đột nhiên, một làn gió uà vào từ khung cửa sổ gần đấy khiến cô rùng mình ớn lạnh. Rồi tiếng gọi khẽ nghe như từ một cõi nào xa thẳm mà lại rất gần gũi vọng tới bên tai cô: tiếng gọi vọng lại từ bên kia của tấm gương, "Mỹ Huệ... Mỹ Huệ..." Rồi bên cạnh khuôn mặt mỹ miều trong gương kia, cùng ló lên từ cái cần cổ nuột nà ấy, là một chiếc đầu thứ hai, một khuôn mặt thứ hai, không kém phần kiều diễm, chỉ khác ở làn da nhờn nhợt xanh xao. Chiếc miệng của khuôn mặt hao hao giống Mỹ Huệ thứ hai ấy mấp máy tạo thành những thanh âm xa vắng vọng lại từ bên kia gương, "Em đừng đi. Mỹ Huệ. Đừng đi. Người ta sẽ gạt bỏ em như gạt bỏ một quân cờ không còn cần thiết. Nghe chị. Đừng đi." Mỹ Huệ đứng chết trân trong nỗi khủng khiếp cùng cực. Rồi cô vùng ré lên, vung tay đập vào khuôn mặt nhợt nhạt trong gương. Tấm gương nứt rạn một đường dọc xẻ đôi bóng người trong gương từ cổ trở xuống. Khuôn mặt nhợt nhạt còn lưu lại một thoáng giây rồi mờ hẳn như lùi xa vào chiều không gian bên kia. Mỹ Huệ gục mặt vào lòng bàn tay khóc nức nở. Từ cổ tay bên trái, không rõ tự phút nào, đã hằn một vết cắt nhỏ. Từ chỗ cắt tuôn ra hai giòng chất lỏng lạ lùng, một giòng đỏ thẫm, đặc quánh; giòng kia hồng lợt như máu pha. Trên cành cây ngoài cửa sổ, một con chim bồ câu bay tới đậu im lìm.

Cuối cùng thì cuộc chiến giữa hai chị em tôi cũng chấm dứt, hai mươi năm sau ngày cuộc chiến tranh Nam Bắc dứt điểm, một cuộc chiến đã từng kéo dài trên miền đất chúng tôi chào đời và cũng là mầm mống của cả nỗi chết lẫn sự tái sinh trong cuộc đời chúng tôi. Phải nhận rằng sau chừng ấy năm sống chung trong cùng một thân xác, tôi vẫn không thể chiếm hữu được Mỹ Huệ. Tôi đã không thể buộc em đi theo con đường tâm trí tôi đã vạch ra, dù tôi đã nồng nhiệt biết bao trong sự tin tưởng rằng con đường ấy là nơi phải tới. Tôi nắm trong tay những mảnh vụn của quá khứ quê nhà, của đớn đau đòi đoạn; tôi cũng nắm trong tay cả mũi nhọn

tâm trí cần thiết cho người phụ nữ trong một xã hội chủ về đo đếm sự thành công. Có phải tôi đã gào thét đòi tái sinh trong thân thể tươi đẹp tràn đầy nhựa sống ấy? Hay tôi đã trao cho em gái mình một mớ hành trang rối rắm đến độ cô không biết sử dụng chúng ra sao? Có phải chúng tôi đã may mắn được lớn lên trên một miền đất tự do mà cơ hội dành cho người phụ nữ quá tràn đầy so với quê nhà nơi chôn nhau cắt rốn? Hay rồi chúng tôi vẫn là những kẻ bước bên lề, ngao du trong tiếng cười cay đắng của kẻ thấy trước mặt mình dất ngàn dặm thẳm?

Dẫu thế nào thì chúng tôi cũng vẫn là những kẻ không hạnh phúc. Phải chăng sự tái sinh đã trở thành vô nghĩa khi chúng tôi không tìm thấy tình yêu? Và sự thiếu vắng bóng dáng những đứa trẻ, ôi phải chăng vì thế mà cuộc chiến tranh giữa chúng tôi cứ âm ỉ hoài. Thật là một vòng luẩn quẩn tức cười. Tôi giúp cho Mỹ Huệ đạt tới mức danh vọng nàng muốn để chấm dứt cuộc tranh chấp giữa chị và em, nhưng tới đó rồi thì Mỹ Huệ nhất định hy sinh những đứa trẻ cho sự nghiệp của nàng, rồi vì thiếu vắng bóng dáng những đứa trẻ, chúng tôi lại cứ thế mài miệt đôi co...

Tôi không nhìn sự việc như một nỗi thất bại của mình. Tôi không nhìn nhận Mỹ Huệ của tôi cuối cùng cũng vẫn là một nạn nhân. Khi kéo Mỹ Huệ quay về nơi chúng tôi đã hoà nhập cuộc đời mười lăm năm về trước, tôi thủ thỉ bên tai nàng rằng tôi sẽ đưa em đi xuyên suốt quá khứ trở về lịch sử của miền đất cố hương. Trong cái không gian vô tận và thời gian đã bị triệt hủy ấy, chúng tôi sẽ gặp lại người chị tiền kiếp tên Tâm Huệ. Chỉ có Tâm Huệ mới hoá giải được cuộc tranh chấp ròng rã bao năm.

Dư luận vùng Bắc tiểu bang California có một thời gian sôi nổi lên vì tin cô phóng viên Trina người Mỹ gốc Việt của đài truyền hình KPSF đã mất tích sau một chuyến du hành trên biển với hai người đàn ông vốn là những nhân vật có quyền hành trong đài. Chuyện trở thành một đề tài rùng rợn sốt dẻo vì Tony, một trong hai người đàn ông nhất định khai với cảnh sát rằng ông Rick, giám đốc đài KPSF đã đẩy cô Trina xuống biển sau một cuộc cãi vã dữ dội giữa hai người, bắt nguồn từ việc Rick muốn Trina ngưng xuất hiện trong phần phóng sự tin tức. Rick ngược lại, khai rằng chính Tony đã ném Trina xuống biển để ngăn chặn việc cô định tố giác Tony có dính dáng với một tổ chức buôn bán ma túy. Điều lạ lùng là chu vi vùng vịnh biển ấy không lớn lao gì nhưng người ta không cách chi tìm thấy thi thể của Trina. Nhiều ngày trôi qua vẫn không thấy xác nàng dạt vào bờ. Một vụ tố giác giết người không bằng chứng đành phải xếp xó mớ hồ sơ.

Người trong vùng nói đến vụ mất tích của Trina như một bí ẩn không

mưa
NGUYỄN ĐĂNG BẢO LỘC

giọt mưa
rơi
giọt mưa trời
giọt
mưa mưa xuống
giọt
đời tha hương
giọt tha hương
khói nhớ thương
cháy
trong hơi thở
tan
trong hồn sầu
giọt sa
gục mặt cúi đầu
giọt sâu ngày tháng
nát nhầu ăn năn
tường trắng lặng câm...

lời giải thích. Được một thời gian rồi tất cả lại cũng trôi vào sự lãng quên. Trong thời đại tin tức người ta có biết bao nhiêu chuyện khác để nghe và đọc! Chỉ tội nghiệp bà mẹ khốn khổ Gia Hội bán lại cửa hàng, vào chùa quy y để ngày đêm cầu nguyện cho linh hồn hai đứa con gái phiêu bạt đâu đó ở hai đầu ranh giới biển Thái bình.

Người kể chuyện Trí Huệ Mỹ Huệ may mắn được biết ở một tỉnh nhỏ thuộc vùng duyên hải miền Trung nước Việt, có vợ chồng chài lưới kia tuy cơm không đủ ăn áo không đủ mặc nhưng thương yêu nhau hết đỗi; sau ba năm chung sống, người vợ mang thai mười hai tháng (tục gọi là chửa trâu) sinh hạ được một bé gái mặt sáng như trăng rằm. Mẹ đặt tên em là Tâm Huệ. Thật ra cũng chẳng ai cần biết về chuyện này cả, một sự việc bình thường xảy ra đến lần thứ hàng tỉ tỉ trên trái đất.❐

ai đi truyền gene nhớ ấy cho ta

DU TỬ LÊ

.....
và, chiếc lá trả xanh về cho đất
ta trả ta về thơ ấu đêm / em
hồn đơn /biếc búp đau/ mà chẳng thể
tự bào phân (như Thượng đế khi buồn)
.....
và, vũ trụ trả sương về phía tối
ta trả ta về hạt lệ em / rơi
vai nào cũng giăng ngang lời khấn, nguyện
chỉ riêng ta tự biết: - đủ rồi
.....
và, tay biển trả sông về với suối
ta trả ta về nơi khởi sự tình yêu
giếng tinh khiết (tưởng nguồn thiêng bất tận)
đã thịt xương hữu hạn: chia, lìa
.....
và, ký ức trả thơm về ngọn nhớ
ta trả ta về chỗ kín, em / nâu
ngay tự thuở thiên đàng chưa tiếng khóc
ai đi truyền gene nhớ ấy cho ta
.....
và, buổi sáng chia chỗ ngồi với nắng
kiến ăn nhạm nhỏ nốt nửa thiên thần
sâu /tiền kiếp/ con chim nào hót thảm
hôm nay ta hào hển cả linh hồn.

ngồi trên con vực mùa xuân

Hoàng Nga

Gửi Hà, người bạn học trăm năm.

Nàng có chút da chút thịt, nhưng ngực mỏng, quần áo phải chọn lựa kỹ mới thấy đường cong của mông. Chàng ôm nàng bằng vòng tay ngang lưng. Cái eo nhỏ xíu. Một lát sau, bàn tay chàng đang mơn man lưng nàng qua lớp áo lụa, rớt đúng vào vị trí cái khóa sợi dây kéo trên cổ áo nàng. Nàng nhột nhạt, ngọ ngoạy liên hồi.

Hôm trước, trong điện thoại, nàng rầu rĩ nói với chàng:

- Em sang thăm anh lần này là để chia tay.

Phải chia tay nhau thôi, dù trên nghĩa đen, mười ngàn cây số là đủ chia cách, đủ cho bốn bàn tay không gần nhau. Nàng bảo:

- Đi lễ, không dám ngước mặt nhìn Chúa, tối cầu nguyện, không dám xin một lời tha tội.

Chàng lỳ lợm:

- Hai đứa ở hai đầu trái đất, chỉ yêu nhau khơi khơi, có làm gì nên tội đâu.

Nàng chép miệng:

- "Bác" bảo, tư tưởng phát sinh ra hành động. Bây giờ không, mai mốt sẽ có.

- "Bác" chết queo rồi nhỏ ơi.

Nàng thở dài:

- Nhưng đâu gì đi nữa thì em cũng sẽ chia tay với anh.

Chàng liều:

- Ừ, sang đây, rồi chia tay.

Chàng quen với nàng ba, bốn năm về trước, trong một buổi tiệc cưới của người bạn chàng. Nàng là em họ người bạn ấy. Hai người quen nhau danh chính ngôn thuận trước mặt bá quan văn võ, dưới đèn đuốc sáng choang, chung quanh có hàng chục cái máy quay phim, lẫn máy chụp

hình đang thi nhau chớp lóe lên xoành xoạch. Nàng đi với chồng. Còn chàng đi với vợ. Bốn người ngồi đối diện nhau trên chiếc bàn đầy dẫy thức ăn, nước uống.

Lúc đầu chàng không để ý đến nàng. Chàng thường có ác cảm với đám cưới, cũng như với đàn bà ăn diện, nên hờ hững rớt mắt chung quanh chỗ mình ngồi. Nhưng đến lúc cô dâu chú rể lại bàn của chàng, nghe nàng cười, chúc lành một câu rất ý nhị duyên dáng, chàng mới đưa mắt xem ai là tác giả của câu chúc ấy. Và khi mắt chàng chạm phải một khoảng vai để trần, bờ vai thon, tròn trịa, cái cổ hơi cao trang sức bằng một sợi dây nhung đen có đính mấy hạt kim cương lấp lánh, chàng hơi ngẩn ngơ. Nàng không đẹp nhưng miệng cười tươi tắn, và dáng dấp có vẻ mệnh phụ quý phái. Chàng không tin nàng có thể "sáng tác" được những câu chúc dễ thương ấy, nên khá chú ý đến nàng lúc bà chị dâu của nàng bảo:

- Lát nữa cô phải ngâm một bài thơ đấy nhé!

Chàng vẫn nghĩ, đàn bà ưa trau chuốc, ăn diện thường chỉ thích bề ngoài, còn đầu óc thì rỗng tuếch, do đó đã vô cùng ngạc nhiên với mẩu đối thoại của hai người đàn bà:

- Em thuộc toàn thơ thất tình, làm sao ngâm cho đám cưới được.

- Có ai bảo cô lấy thơ người ta ra ngâm đâu. Ngâm thơ của cô đấy!

Tiếng cười trong vắt của nàng vang lên dòn dã:

- Thơ không độc giả mà chị bảo ngâm to lên, thì thà chị tuyên bố với khách là đã hết giờ, yêu cầu mọi người giải tán để trả chỗ lại cho nhà hàng.

Bà chị dâu nàng cãi lại:

- Thơ của cô dễ thương.

-...Ối giời!

- Tôi đọc thử một câu nhé...

Nàng vội vàng xua tay, la lên:

- Chị định murder em đấy à? Âm mưu giết người là phạm điều răn của Chúa!

Nàng hay đem điều răn ra... dọa mọi người. Có lần chàng đùa:

- Đọc kỹ Kinh Thánh chưa nhỏ, Chúa bảo love is eternal đấy nhé. Tình yêu là bất diệt, nhỏ ạ.

Lập tức chàng nghe giọng nàng dỗi hờn bên kia đường dây:

- Anh chỉ giỏi xuyên tạc. Đó là tình yêu thiên thượng, và tình yêu thánh sạch, chứ Chúa đâu có khen ngợi cái tình yêu phạm tội này.

Nàng hay tỏ ra tiếc chuyến đi lần trước của nàng. Cái chuyến đi định mệnh khiến hai người gần lại với nhau. Nàng cằn nhằn:

- Tại sao cái xe của ông ấy lại hư ngay ngày em đến đây để phải nhờ anh làm tài xế đi đón em nhỉ?

Chàng diễu:

- Tối hôm ấy anh đến nhà nó, đổ mấy lít nước lã vào bình xăng, và đâm thủng bốn cái bánh xe của nó mà nó không biết đấy thôi.

Chàng nhớ là nàng đã nhận ra chàng ngay khi còn ở trong phòng chờ lấy hành lý. Nàng vẫy tay chào ông anh họ và bà chị dâu, rồi cười với chàng. Nụ cười tươi tắn choáng ngợp, như một viên đạn hãm thanh, bắn trúng ngay trái tim chàng. Hay nói một cách "đông phương" hơn, là chàng bị bồi thêm một chưởng càn khôn đại nả di tâm pháp, vì ngay hôm đám cưới ông anh họ của nàng, chàng đã trúng độc dược, tâm thần đã rối loạn, diện mạo đã không còn được bình thường. Và lần ấy, khi... kẻ giết người tiến tới bắt tay chàng, chàng tưởng mình đã quỵ xuống ngay trên chỗ đứng. Chàng nhớ là nàng đã để yên tay mình trong tay... nạn nhân rất lâu. Nàng có đôi bàn tay không đẹp, với nhiều nếp gấp trên những khớp xương, nhưng mỏng mảnh, mềm dịu, và rất dễ bị đẫm mồ hôi những lúc xúc động. Chàng cúi mặt xuống, chạm môi vào vành tai nàng rồi dịu dàng mơn man bàn tay nàng đang đặt vòng quanh cổ chàng ấm áp. Chàng rên lên:

- Anh chết mất nhỏ ơi.

Chết. Chết. Ai yêu đương cũng đòi chết! Thi sĩ tiền chiến nào đó viết "yêu đương còn có ông trời cứu". Nàng không tin ông trời có thể cứu được nàng khi nàng yêu chàng, nên nàng hay đem ngày phán xét ra nhắc chừng chàng.

- Chết, gặp Chúa, bị Chúa phán xét, cùng lắm là bị đẩy xuống hỏa ngục!

Có lần nào đó chàng bảo với nàng như thế. Và chàng tiếp, vẫn bằng cái giọng lỳ lợm cố hữu:

- Nhưng còn sống, còn chưa bị kêu ra trình diện trước tòa án của Chúa, thì anh cứ yêu nhỏ cái đã.

Nàng bảo chàng:

- Không biết yêu nhau để làm gì nhỉ.

Chàng cười:

- Yêu nhau mà để làm gì thì yêu... làm gì?

Nàng thở dài:

- Lẽ ra đàng nào cũng phạm điều răn thì thà em yêu một ông linh mục, một ông mục sư đã có vợ, hay một ông thầy chùa chắc đỡ cực lòng hơn yêu anh. Yêu nhằm trái cấm, không dám với tay hái.

Chàng trả lời, giọng ngang ngược:

- Nhưng nhỏ yêu anh thì nhỏ biết chắc là được anh yêu lại. Yêu anh một vốn bốn lời.

Nàng bĩu môi:

- Yêu anh, chỉ có bưu điện và sở điện thoại lời thôi.

Mỗi tháng chàng điện thoại cho nàng một lần vào đầu tháng, và nàng gọi lại, giữa tháng. Số điện thoại của sở. Cả nàng lẫn chàng đều có đi làm ca đêm. Lúc đầu chàng gọi cho nàng, bảo để giúp cho nàng đỡ buồn ngủ. Sau này nàng nói:

- Em mắc mưu anh. Em sa bẫy... Tây độc. Em bị lừa như nhà nước lừa sĩ quan đi học tập cải tạo, nói ba ngày rồi giam luôn mười năm. Em bị trói như con cọp trong sách giáo khoa bị anh nông dân dùng trí khôn của loài người trói vào gốc cây.

Và nàng bảo:

- Anh gian hùng. Anh tà ma ngoại đạo.

Chàng cười:

- Nhưng em tiếp tay cho kẻ gian hùng. Em giúp anh... phạm tội. Em trả lời thư anh, em gọi điện thoại lại cho anh.

Nàng nói:

- Tại em... lịch sự.

- Anh mang ơn cái lịch sự của em trăm ngàn lần, nhỏ ơi.

*

Nàng ngọ ngoạy đầu rồi ngước lên, miệng há ra ngáp ngáp, như con cá ngáp không khí. Chàng thì thầm:

- Anh yêu nhỏ quá, nhỏ ạ.

Đấy là lần đầu tiên nàng nghe chính miệng chàng thốt ra cái câu tỏ tình cổ điển ấy. Nàng nhớ có lần trò chuyện bá láp với mấy người bạn gái đồng lứa về cái đề tài muôn thuở là tình yêu, một người đã phát biểu:

- Hồi mới lớn, đứa nào cũng hồi hộp không biết đến bao giờ thì mình mới được nghe một lời tỏ tình. Tôi nghĩ chắc chắn có rất nhiều đứa con gái trong đám tụi mình đã vẽ vời, hay tưởng tượng ra những khung cảnh thơ mộng, và cả những nhân vật sẽ thốt lên cái lời quan trọng ấy với mình. Nhưng mà có lẽ là đến hơn một nửa đàn bà Việt Nam, ở bên này cũng như bên kia, mãi đến khi không còn được những cơ hội xưng tên với người khác phái, hết còn được nghe người ta gọi mình là "nhỏ", là "bé", và nhất là khi chính mình môi đã biết dối cho lời rồi; thì cái câu "anh yêu em" mới lọt tới tai một cách... nhàm chán. Tôi không biết mấy bồ ra sao, chứ riêng tôi thì chỉ được nghe câu này lần đầu tiên vào lúc quyết định chia tay với người yêu, và sau này, "nhân dịp" cãi nhau với chồng. Nghe như nghe một điệp khúc, một câu nói đầu môi chót lưỡi, một lời phân

bua, minh oan cho ông ấy trong những trường hợp rắc rối, chẳng có chút ý nghĩa hay chút thơ mộng nào cả...

Người khác phụ họa:

- Nói cho đúng ra là khi còn trẻ, ở vào cái tuổi mười sáu, mười bảy, thì mình đâu có muốn nghe hay nhận được một lá thư với cái mệnh đề "dễ sợ" như vậy. Nếu có, bảo đảm tác giả bức thư sẽ bị dán cho cái nhãn cải lương Hồ Quảng liền...

Nàng đứng im, đờ đẫn người, rồi úp mặt vào vai chàng. Người bạn nàng nói, mười sáu tuổi, không dám nghe câu yêu đương. Hai mươi tuổi, không dám nghĩ đến chuyện ngoại tình. Nàng thở dài. Bây giờ nàng đang hơn ba mươi, đang ngoại tình, và đang nghe cái câu nói classic ấy bên tai mà run lên trong vòng tay của chàng! Câu nói như thấm vào tận cốt tủy nàng. Lời nói không mất tiền mua. Nói ngọt lọt tới xương. Giọng chàng như đường phèn, như mật ong, rờn rợn bên cổ, bên tai, bên má nàng. Nàng kêu lên. Chúa ơi, cứu con! Chàng lại thầm thì:

- Trước sau gì Chúa cũng đã ghi tên em và anh vào sổ đen của Chúa rồi.

Nàng nhúc nhích, nhúc nhích, rồi cố đẩy chàng ra:

- Em không muốn sa hỏa ngục.

Chàng bật cười:

- Đừng lo. Chắc chắn là Chúa sẽ phạt em ít hơn anh.

Nàng nhăn mặt:

- Tại sao?

Chàng lại dụi đầu vào tóc nàng:

- Về đọc lại Kinh Thánh đi nhỏ ơi. Chúa bảo, do not desire another man' s wife. Kinh Thánh tiếng Việt cũng ghi rõ ràng là, chớ tơ tưởng vợ người. Chúa đâu có nói gì đến chuyện woman in love mà nhỏ sợ.

Nàng gỡ bàn tay chàng hí hoáy trên sợi dây kéo:

- Em vượt mười ngàn cây số sang đây là để chấm dứt quan hệ với anh.

Chàng ậm ừ:

- Thì anh đang nghe nhỏ nói đây.

Nàng nghiêm mặt:

- Nhưng... Ê, ê, biết tội xâm phạm thân thể người khác là bị bao nhiêu năm tù không?

Chàng dừng tay ở eo nàng, phía bên trong lớp áo lụa, ngước mặt lên, nhìn nàng, mỉm cười bằng cái nụ cười kỳ cục nhưng dễ thương chưa từng thấy trên đời:

- Đâu có ai bắt gặp mà sợ!

Nàng uốn éo:

- Mười tiếng đồng hồ trên máy bay...

Chàng cắt ngang:

- Anh bảo đảm là khi ngồi trên máy bay, đầu óc nhỏ đã hết khả năng làm việc, vì đã bị phân tán ra hàng triệu mảnh. Nhỏ đâu có muốn chia tay với anh, phải không?

Nàng cãi:

- Sao không?

Chàng hôn lên môi nàng cái nhẹ:

- Nếu có, nhỏ chỉ cần không trả lời thư anh, và khi anh gọi thì cúp máy, hoặc nghỉ sở...

Nàng thở dài. Chàng thừa thông minh để hiểu lòng nàng. Ngọ ngoạy chọc phá nàng một hồi, thấy mặt nàng sầu não quá, chàng buông tay ra khỏi eo nàng, gài dây kéo lại cho nàng như cũ. Rồi chàng ôm mặt nàng lên bằng hai bàn tay mình, nhìn nàng dịu dàng:

- Anh xin lỗi.

Tự dưng nàng muốn bật khóc. Hai người yêu nhau, mà không bao giờ sợ mất nhau. Vì cả hai cùng biết mất nhau là rũ sạch. Là sẽ chẳng còn chút hối hận hay mặc cảm tội lỗi nào trong lòng, nhưng đồng thời cũng sẽ không bao giờ còn được nghe con tim mình rung lên những cảm xúc chân thành, những hồi hộp đợi chờ mà ngày đã càng trở nên hiếm hoi, vì tuổi tác chồng chất, vì điều kiện sống ở xứ người... Nàng run khẽ lên. Chỉ cần nghĩ đến mất nhau là đã thấy khủng khiếp rồi. Chao ơi. Mường tượng sẽ không bao giờ còn nhận được những lá thư ngắn, với lời lẽ thật dễ thương, êm ái như thơ, dí dỏm như những câu nói đùa của chàng. Mường tượng sẽ không bao giờ có thể đọc lại những bức thư với những câu văn không có chủ từ... Mường tượng như thế. Như thế, thì cuộc đời nàng sẽ trống rỗng biết bao nhiêu. Ngày tháng chung quanh nàng chỉ còn là những kéo dài, lê thê, mỏi mệt.

Nàng chớp mắt. Trong đáy mắt nàng, chàng như có thể nhìn thấy lại được cả hàng vạn điều đã đánh mất phía sau lưng, khi rời khỏi quê nhà. Tà áo dài lụa trắng. Những vòng bánh xe. Nhánh phượng vĩ lưng trời... Giọng nàng run run như sắp khóc:

- Một con người bình thường thì có chất "con" và "người". Em muốn kết hợp cả hai thứ để có thể tự hãnh diện mình là một con người, mà không chỉ là "con". Nên em luôn luôn lo sợ điều mình đang làm, mình đang nghĩ, chỉ thể hiện cái chất "con" xấu xa, hèn hạ...

Chàng áp bàn tay mình lên má nàng, rồi mơn man bằng lưng bàn tay một cách nhẹ nhàng, cẩn trọng:

- Nhỏ ạ, không phải chỉ mình nhỏ, mà anh cũng không muốn sống theo cái bản năng thấp hèn của một con thú, của cái chất "con" như nhỏ

nói. Nhưng anh nghĩ, anh với nhỏ, dường như có chung một tần số, có chung một sự rung động. Những điều anh nói với nhỏ, những điều nhỏ nói với anh, là những điều mà cả hai đều không thể xẻ chia với người phối ngẫu của mình. Cho dù đó chỉ là những điều vụn vặt tầm thường trong cuộc sống hàng ngày. Như khi nhỏ đọc được một câu thơ hay, anh nhìn thấy được một sắc màu vàng sậm của buổi chiều cuối mùa thu... Nhỏ và anh có thể nói với nhau về những rung động ấy mà không ngượng ngập, hay không sợ sẽ phải nghe một câu trả lời không có chút gì thơ mộng... Anh luôn luôn cám ơn đời cho anh cái cơ hội có nhỏ. May mà có em đời còn dễ thương, nhỏ ơi.

Nàng âu sầu:

- Làm sao em không hiểu được điều ấy. Nhưng nhiều lúc lương tâm bị cắn rứt, đâm buồn quá anh ạ.

Chàng đùa cho nàng nhẹ lòng:

- Mai anh dẫn em đi nha sĩ, nhổ quách mấy cái răng ấy đi nhé!

Và chàng lại ôm nàng vào vòng tay rắn chắc của mình, đọc thơ Du Tử Lê cho nàng nghe:

- Hỡi nhỏ buồn như một con sâu. Buồn như con kiến, buồn mưa mau. Buồn như chiếc lá, buồn như bướm, Bướm ốm o và em ốm o... Nhỏ ơi, nhỏ buồn, thì anh cũng buồn như nhỏ. Nhưng nhỏ thử nghĩ đi, bước vào cái tuổi bốn mươi mà anh còn có được một tình yêu như thời mới lớn, còn nghe được những cảm xúc dịu dàng, dễ thương ở trong anh như những ngày mới tập làm thơ, ra sao thì ra, anh cũng sẽ cứ mặc kệ cuộc đời. Sẽ cứ yêu nhỏ cho dù nhỏ có đòi chia tay, đòi bỏ anh như thế nào đi nữa...

Giọt nước mắt nàng cố giữ yên trong tròng mắt, khẽ rưng rưng trên bờ mi, rồi đổ xuống nhạt nhòa trên má. Nàng gọi thầm tên mình, như sợ chính nàng sẽ không còn có thể hiện hữu nữa, mà loãng tan mất vào hư không. Rồi nàng gọi Chúa ơi, trước khi úp mặt xuống bờ vai chàng. Bên tai nàng nghe văng vẳng tiếng hát xôn xao của người ca sĩ, phát ra từ chiếc máy thu thanh trong góc phòng. Hãy ngồi xuống đây trên con vực này, ngó xuống thương đau... Chàng xoa nhẹ lưng nàng. Hãy ngồi xuống đây, hãy ngồi xuống đây...Nàng có cảm tưởng như mình đang lao xuống từ một con vực nào đó, chìm hẳn vào trong tiếng hát, và nụ hôn chàng cháy bỏng trên môi...❐

buổi chiều góc cạnh

TRẦN HỒNG CHÂU

Một buổi chiều góc cạnh xù xì
Tôi hay ai đó?
Người tiền sử trần truồng Thượng đế
Người giả tưởng thiên niên kỷ 03
Mới ra lò kỹ nghệ gene đa sắc tố
Thằng người 5 mặt 16 tay?

Tôi nghe lớn dần
Căng phồng từng thớ thịt biếng nhác
Cùng cánh đêm mãn khai
Hoa quỳnh đua việt giã
Mình gồng theo thời gian tím lilas

Lớn dần hay không lớn?
Bằng tím nâu dòng suối coca mười năm hãm tài
Bằng hamburger Thái sơn sỏi đá thần sầu
Chặn ngang thực quản đầu bò ngoan cố

Tôi trôi theo biển đời cười khóc
Giữa phố phường lì lợm gầm gừ
Đô thị gồ ghề
Gai góc
Nóng nung tái mặt
Lạnh đông cháy người!

Trôi hay không trôi
Giữa song song lằn đường vàng trắng khó dăm dăm
Lằn đường, lane đường
Mù mịt tít mù
Chạy mút mùa như đời cải tạo không án lệnh
Chạy phân minh nhị nguyên
Như đường ranh tư bản đẫy chết...vẫn sống nhăn răng

Như đường ranh vô sản tiến nhanh tiến mạnh về...
thiên đường mù
Trôi hay không trôi
Giữa đám đông quan chức miền hùng biện
tam thập lục sú quân hải ngoại
Giữa đám đông đàn bà phấn trát kim cương và
hợm hĩnh đầy mình giàu sổi
Giữa sân khấu tạp lục đường phố
Bolsa. Nhìn xa
Động. Xuyên mình thế kỷ
Bon sà
Bon chen
Khẩu phật tâm xà
Tôi yêu đường phố này vô cùng!
Tôi ghét đường phố này vô cùng!

Cuối thế kỷ rồi
Phất phơ dòng đời
Thân không thuộc về ai
Hồn chẳng bám vào đâu
Nỗi nhớ quẫn quại cò thất tinh miền châu thổ
Một mình
Một mình!

Ngã tư Magnolia
Magnolia? Mặc lan?
Mộc lan? Trà mi?
Em xuống mau
Từ trời xanh thẳm
Từ cánh hạc vàng

Mặc lan, Magnolia!
Tôi cùng đường rồi
Hết chốn chạy
Em xuống mau
Cho mình theo ghé!

mùa xuân đang về

Ngụ Thuyết

Trong lá thư cuối cùng, dòng cuối cùng, Liên viết: " Mùa thu đã về. Anh lên chơi một chuyến đi! Em của anh" Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần mấy dòng chữ đó và cố đoán cho ra đằng sau những nét mềm mại, thân yêu và quen thuộc ấy, Liên muốn nói gì. Lẽ dĩ nhiên Liên muốn tôi lên chơi, nhưng lời mời lần này có vẻ ngắn ngủi quá! Âu yếm hay hờ hững? Nồng nàn hay lạnh nhạt? Xa nhau lâu ngày thật khó biết lòng nhau. Đắn đo mãi, cuối cùng tôi quyết định đi.

Chuyến bay thật dài. Tôi ngủ chập chờn nhiều lần, và cứ mỗi lần choàng tỉnh, ý nghĩ của tôi lại quay về với những dòng chữ cuối của lá thư–em của anh–anh lên chơi–thu về...Tôi biết Liên thích mùa thu, hồi còn ở Việt Nam, có làm thơ ca tụng, thương nhớ, mỗi lúc thu đi, thu về. Những bài thơ học trò đầy mộng mơ. Tôi nói em đổi đề tài đi. Thu hoài đâm nhàm. Liên bảo nhằm sao được. Mùa thu luôn luôn mang lại nhiều cảm hứng cho em và cho cả những nhà thơ đông tây, kim cổ. Tôi hỏi tại sao. Liên đáp nửa đùa nửa thật rằng anh không phải là thi sĩ, nói ra anh cũng không hiểu. Đại khái chúng tôi vẫn đùa nhau như thế. Tôi hình dung khuôn mặt của Liên và vẫn còn nhớ mỗi lần nhắc đến hai chữ " thu về ", Liên nhìn xa mơ màng một chút, rồi quay sang tôi, hạ đôi hàng lông mi dài xuống và cười vu vơ để lộ chiếc răng khểnh bên trái. Tôi trêu Liên em làm thơ mùa thu không hiểu có hay hay không, nhưng làm duyên thì rất có hạng. Nhưng mà, còn nữa, tại sao em lại nói " thu về ". Làm như thể em là bạn thân của mùa thu và thu đã bỏ em đi nay hồi tâm trở về với em như về chốn cũ của nó.

Hai chữ " chốn cũ " lại xui tôi nhớ trong nhiều bức thư Liên thường nhắc đến những xóm Chợ Cống, Đất Mới, Hàng Me, những con đường Ngự Viên, Chùa Bà, những vùng ven sông Hương như đường Huyền Trân, miền Bầu Vá, Nguyệt Biều, Kim Long, Vỹ Dạ...và cuối cùng là ngôi nhà

ngày xưa của Liên vào mùa này mái ngói rêu phong từng đám, tường vôi ẩm ướt loang lổ dưới những cơn mưa dầm kéo dài. Nhưng anh cũng biết đó chớ, cũng có những ngày tạnh ráo, buổi chiều sương mù dâng lên nhiều, che lấp những bụi chè tàu, những hàng giậu bông cẩn, những hàng rào tre, hóp, và có khi sương lên nhiều trộn lẫn với khói cơm chiều, che kín những mái tranh, mái ngói, nhìn không thấy nhà hàng xóm. Những lời lẽ nghe có vẻ tỉnh bơ mô tả những cảnh nơi quê hương tiêu điều, ảm đạm, nhưng, tôi biết, Liên đã gởi gắm vào đó rất nhiều thương nhớ. Tôi cũng biết tình cảm của Liên đối với tôi đậm đà hơn cái vẻ bề ngoài nhiều. Tội nghiệp, Liên đi đã lâu, bà con, bạn bè của Liên nay cũng mỗi người một ngả, ngôi nhà đã đổi chủ. Hay đã bị dở đem đi nơi khác, đã bị sử dụng làm trạm xá, làm phòng đọc sách, làm nhà bưu điện của phường khóm? Trải qua bao nhiêu biến đổi, cái chốn cũ đó chắc chắn khác hẳn rồi, Liên nếu có về sẽ còn tìm được gì? Thế thì nay mùa thu cũ về đâu hả Liên, hay cứ cho nó về với em tại thành phố Sioux City nơi em đang sống, nơi anh sắp lên thăm? Em đã thích ứng với môi trường mới nơi đây chưa, tôi ngẫm nghĩ.

Nhưng mà này Liên, đâu phải chỉ mùa thu mới về. Hè cũng về chứ, về với tuổi học trò. Và xuân cũng về với tuổi trẻ và tình yêu. Có phải không Liên, mùa thu, mùa hè, mùa xuân đều trở về. Chỉ có mùa đông không về. Mùa đông đến rồi đi.

Những ý nghĩ đó luẩn quẩn trong đầu tôi cùng với tiếng máy bay ù ù và tiếng thở đều đều của người đàn bà to béo ngồi ghế bên cạnh.

*

Tôi đi bằng máy bay từ Cali đến Minnesota, một tiểu bang miền bắc nước Mỹ, trước khi đáp một chiếc máy bay chong chóng nhỏ khác để đến Sioux City, một thành phố khuất nẻo không có phi trường cho máy bay phản lực. Ngồi bên cửa sổ nhiều lúc tôi có thể nhìn thấy toàn cảnh dưới kia. Chiếc phi cơ vượt qua nhiều tiểu bang, qua những vùng nắng mênh mông trùm lên vạn vật, những vùng mây trắng kết thành một lớp dày dặt che kín mặt đất tách riêng chiếc máy bay một mình lồng lộng ở trên trời cao, qua những vùng mây mỏng lưa thưa cho thấy những cánh đồng bao la như biển...rồi bay qua trùng điệp núi tuyết ngọn nọ tiếp ngọn kia như không bao giờ hết. Tuyết! Nghĩa là mùa đông đã đến? Tôi đã trễ hẹn? Tôi mong nơi Liên ở vẫn còn mùa thu như Liên mô tả trong thư: "... Mùa thu về. Có một con đường rất đẹp, rất yên tĩnh, vắng vẻ em thường đi bộ tập thể dục một mình trên đó những buổi sáng chủ nhật. Một con đường khác có cây cầu gỗ em vẫn lái xe đi làm qua lại mỗi ngày hai lần cũng đẹp không kém. Cây cối hai bên, những ngọn cây phía dưới thung lũng, và cả

rừng cây ở tận chân trời, tất cả vẫn còn giữ lại một ít lá xanh chen lẫn trong lá vàng, lá hồng, lá đỏ. Màu sắc đua nhau rực rỡ. Này anh, nếu anh không lên kịp, lá sẽ rụng hết, chỉ còn trơ cành chịu trận với tuyết giá mùa đông. Không khéo mùa đông sắp đến rồi. "

Vâng, những giấc ngủ chập chờn trên chuyến máy bay dài đã đưa đầu óc tôi đi lang thang mãi. Lát nữa đây sẽ gặp lại Liên...Em bây giờ ra sao nhỉ? Hẳn em phải khác xưa nhiều. Xa nhau hơn bảy năm rồi. Những tấm ảnh Liên gởi càng ngày càng xinh đẹp và sang trọng ra. Những dòng chữ mềm mại thân yêu ấy càng ngày càng bớt nắn nót. Một bức thư Liên viết cho tôi bằng computer. Tôi tỏ ý không hoan nghênh, và Liên trở lại viết tay. Nhìn nét chữ của Liên tôi mới hình dung được những ngón tay dài thon thon có những sợi lông măng cầm cây bút, bàn tay kia có đeo chiếc nhẫn " nghịch ngợm " nơi ngón trỏ giữ lấy tờ giấy, đầu hơi nghiêng cho mớ tóc đổ xuống một bên làm thành cái rèm che bớt khuôn mặt, và đôi mắt to chăm chú nhìn xuống lá thư đang viết, hai hàng mi dài thỉnh thoảng chớp chớp xao động...

*

Máy bay đáp xuống phi trường Minneapolis St. Paul vào khoảng 3 giờ chiều, giờ địa phương. Trước đó, trên phi cơ, hành khách đã được thông báo thời tiết nơi đây khá lạnh, dưới 12 độ F. Tôi chưa tiếp xúc với cái lạnh đó. Những lối đi kín bưng nối liền phi cơ với tòa nhà ga phi cảng, và tiếp theo là những dãy hành lang dài ấm áp và đầy ánh đèn đã đưa tôi đi ngang qua mấy chục cái cổng "đến và đi ". Cuối cùng là một cổng nhỏ dành cho hành khách đi Sioux City. Lần này, ra khỏi cổng, hành khách phải đi bộ ngoài trời độ 100 thước để đến chiếc máy bay chong chóng nhỏ đang nằm chờ sẵn. Cái lạnh ập tới đột ngột, kẻ rảo bước, kẻ chạy lúp xúp, run lập cập, thở ra khói. Cũng may, lên máy bay là được sưởi ấm ngay. Chỉ độ năm phút sau khi hành khách lên đủ, máy bay cất cánh, hướng về nam. Bên ngoài, càng lúc trời càng xanh, nắng càng đẹp. Hơn một tiếng sau, máy bay đáp xuống một phi trường nhỏ. Tôi nhận ra Liên ngay, đang đứng chờ dưới mái hiên của nhà ga. Bên cạnh Liên là một thanh niên cao lớn, xinh trai, trông giống như người Nhật hay Đại Hàn. Liên giới thiệu anh ta là Dave, bạn học cũ của Liên. Chúng tôi bắt tay nhau.

*

– Chắc chắn anh đói bụng rồi. Mình kiếm cái gì ăn, xong về khách sạn. - đây không có món ăn Việt Nam ngon như bên Cali của anh đâu. Dave, đem anh Phong đi ăn đâu hả?

Dave không trả lời, chỉ nhún vai. Tôi hơi khó chịu không hiểu anh chàng này muốn gì. Hay đó chỉ là một thói quen chăng. Tôi đã gặp một

vài thanh niên Việt Nam sống trên đất Mỹ này biểu lộ sự đồng tình bằng cái nhún vai hoặc búng ngón tay. Nhưng cũng có người nhún vai để tỏ ý phản đối. Rắc rối quá! Tôi buột miệng nói một câu mà tôi không định nói:

– Tôi ăn trên máy bay còn no.

Dave cười cười đáp:

– Nhưng tôi đói. Và đã định *eat out* chiều nay với Liz và *you*. À...ầm, nếu *you* còn no thì Liz và tôi...

Liên vội nói chen vào:

– No hay đói cũng phải đi ăn với em. Dave ngồi ghế sau đi. Anh Phong là khách, ngồi cạnh tài xế. Để em tiện chỉ phố xá ở đây cho anh biết.

Nhìn kỹ Liên tôi bàng hoàng. Liên của tôi đó hả? Không còn là cô bé ngày nào. Trước mặt tôi là một thiếu nữ đẹp lộng lẫy, bặt thiệp, kiểu cách. Đôi môi tô son màu tím nổi bật lên trên khuôn mặt trắng mượt mà, phơn phớt một chút phấn hồng trên hai gò má. Cặp mắt to và sâu dưới đôi chân mày kẽ đậm, sau hai hàng mi dài uốn cong. Vầng trán bên trên trông thanh thản, êm ả. Chiếc mũi lại cao khác hẳn ngày xưa nhưng không mang một nét sửa chữa nào, chắc là do nhiều năm tháng và phong thổ xứ này cấu tạo nên hoặc cũng có thể do trang điểm tinh vi. Chiếc cằm xinh xắn, thanh tú. Và mái tóc nữa chứ, mái tóc được uốn thành nhiều lọn buông thõng che nửa kín nửa hở cái cổ cao trắng muốt. Tôi cũng không quên kín đáo nhìn đôi bàn tay đặt hờ trên " vô lăng " với những ngón dài mà đầu ngón là những chiếc móng óng ánh kim nhũ. Trông Liên cao hẳn lên trong cái dáng dấp yểu điệu, trong chiếc áo choàng ôm lấy thân hình nẩy nở, mềm mại, chiếc áo choàng ngắn che đến đùi chừa lại đôi chân dài, thon, ẩn hiện dưới đôi vớ dài màu đen, mỏng dính, có những đường sọc nhỏ chạy từ trên xuống dưới.

Tiếng nói từ ghế sau vọng lên:

– Thành phố nhỏ như cái lỗ mũi này có gì đâu mà xem. Mai đi chỗ khác coi. *You* lắm chuyện quá!

– Ủa cái anh này! Thì cũng phải đi quanh mấy vòng cho anh Phong biết chứ. Em sẽ đưa anh đến vùng biên giới của ba tiểu bang. Anh bảo ở Việt Nam có vùng tam biên gần Pleiku hay Kontum gì đó, phải không anh? Biên giới Việt, Miên, Lào đó mà. - đất Mỹ này chuyện đó có nhiều lắm... nghĩa là có nhiều chỗ ba biên giới. Tí nữa mình tới nơi điểm gặp gỡ của ba tiểu bang South Dakota, Nebraska và Iowa, ở gần đây. À, anh này, cây cầu mình đang chạy qua nó băng ngang con sông Missouri. Con sông này nằm giữa tiểu bang Nebraska và Iowa.

Liên một tay cầm "vô-lăng", tay kia chỉ trỏ cảnh vật đang dàn trải ra ở hai bên đường, vui vẻ cười nói luôn miệng. Tôi nghe lơ đãng. Sông Missouri! Cái tên đó nhắc tới những bài học địa lý thế giới của thời trung học, cái tên của một trong những con sông lớn nhất nước Mỹ. Tôi vẫn nghĩ rằng con sông này phải rộng mênh mông, nhưng có lẽ khúc này ở gần thượng nguồn cho nên bề ngang nhỏ hơn con sông Hương ngay cả ở đoạn trước chùa Thiên Mụ. Trên sông không tàu, không thuyền, vắng teo, và lạnh; dòng nước xanh xám chảy cuồn cuộn. Tôi nhớ con sông Hương nước trong xanh êm đềm, ấm áp, nhớ những con đò cắm sào rộn rịp dọc bờ sông phía chợ Đông Ba, hoặc những chiếc thuyền mui uốn cong trôi từ từ bên dưới cầu Trường Tiền. Tôi quay ngang nhìn Liên và nghĩ đến hình ảnh của Liên ngày xưa. Lại tiếng nói của Dave từ ghế sau, lần này nói tiếng Anh. Tôi nghe không hiểu được bao nhiêu. Tôi đến Cali hơn sáu tháng, mỗi tuần đi học tiếng Anh bốn buổi tại một cơ quan xã hội, được cô giáo nhận xét là giỏi ngữ pháp, đọc và viết khá, nhưng nghe và nói thì cần phải "practice" nhiều. Trong một bức thư, Liên khuyên tôi: "Anh cứ ghi danh học đại đi. Nửa năm anh nghe giảng bài như vịt nghe sấm, sau sẽ hiểu dần. Em hồi mới qua đây cũng làm như thế" Tôi định sau chuyến viếng thăm này sẽ làm theo ý Liên. Nhưng bây giờ...Mọi việc coi bộ có thể có những tiến triển mới.

Tôi cố nhớ lại những lá thư cuối cùng của Liên. Những dặn dò ân cần, những kỷ niệm được nhắc nhở một cách âu yếm. Thật hay giả đó? Và cô nàng có ý định gì? Thu về? Cảnh đẹp? Anh lên chơi? Nhưng tại sao phải có sự hiện diện của cái anh chàng Dave này? Tôi đến đây để cô xác định lại vị trí của mỗi người chăng? Lại còn nói anh Phong là khách thì ngồi ghế trước cạnh tài xế! Nghĩa là hai cô cậu là chủ. Cổ họng của tôi thấy đắng đắng.

Tiếng nói của Dave vẫn rỗn rãng ào ào như nước chảy, rồi tiếng Liên trả lời, rồi Dave tiếp tục nói. Cuối cùng Liên nói bằng tiếng Việt:

– Đồng ý, đồng ý. Xin lỗi, anh Phong nghe có hiểu hết hay không? Trong thư anh nói anh chưa nghe được tiếng Anh, cho nên, cho nên em... em nói lại bằng tiếng Việt vậy. Dave đề nghị ngày mai mình đi Waterloo chơi. Waterloo cũng thuộc tiểu bang này, có nhiều cảnh đẹp. Dave và em có nhiều kỷ niệm nơi đó. Trước kia Dave và em học tại Đại Học Waterloo. Năm đầu tiên Dave giúp đỡ em rất nhiều. Em phải thú thật rằng nếu không được Dave giúp, chắc chắn em đã *dropout*, đã bỏ học, để kiếm việc làm ăn sinh sống. Hai đứa sau khi tốt nghiệp tình cờ lại cùng có việc làm tại Sioux City này. Anh bằng lòng nhé, ngày mai mình đi thăm Waterloo nhé, anh nhé! Hơn hai năm em chưa trở lại Waterloo.

Tôi im lặng. Tôi không biết xử trí ra sao, tốt hơn hết là cứ để cho mọi việc tự nó giải quyết lấy cái đã, rồi sau đó hẳn hay. Hay nói cho đúng hơn, trong thâm tâm tôi muốn thử xem Liên sẽ còn làm gì thêm trước khi kết thúc câu chuyện.

*

Chúng tôi đi bằng xe hơi từ Sioux City đến Waterloo trên một xa lộ dài chạy từ tây sang đông băng ngang qua tiểu bang Iowa. Sau bữa ăn sáng vội vàng tại khách sạn Marina Inn trên bờ sông Missouri, chúng tôi lên đường. Dave lái xe, tôi ngồi bên cạnh, Liên ngồi phía sau chiếm luôn hai ghế. Nghĩa là có lúc Liên ngồi ngay sau lưng tài xế, chồm lên nói chuyện bằng tiếng Anh với Dave, lẫn lộn với tiếng Việt, pha trộn hai thứ tiếng một cách thật nhuần nhuyễn, trôi chảy, trong khi đó Dave chỉ nói bằng tiếng Anh. Như đoán được ý tôi, Liên phân bua:

– Em phải nói như thế để Dave khỏi quên tiếng Việt. Hồi mới quen em, Dave nói tiếng Việt một cách khổ sở lắm. Anh ấy tới Mỹ lúc mới bốn tuổi. Quen em, anh ấy mới...mới chịu học tiếng Việt.

– Và cô là cô giáo.

– Dạ, đúng vậy anh...mà... một phần nào thôi. Anh ấy có đi học tiếng Việt mỗi cuối tuần. Nhưng anh đổi cách xưng hô với em hồi nào vậy? Cô, cô...nghe lạ quá!

Nhưng thường thì Liên ngồi sau lưng tôi vã cũng thường chồm lên nói với tôi đủ thứ chuyện. Tôi nghe hơi thở ấm và tóc của Liên phả lên sau cổ tôi, trên má tôi; tôi nghe mùi da thịt của Liên gây gây, nồng nàn. Vâng, mùi da thịt chứ không phải mùi son phấn. Khác hẳn hôm qua, hôm nay môi của Liên phớt hồng chứ không còn màu tím, má một thoáng phấn mỏng, tóc cột gọn đằng sau kiểu đuôi ngựa, và bộ đồ jeans màu vàng ôm chặt lấy thân hình cân đối. Liên trách tôi lên chơi trễ. "Anh nhìn hai bên đường kia kìa. Cây cành trơ trụi không còn một chiếc lá. Đồng bằng trống trơn. Trông buồn chết phải không anh. "

Đúng thế, đồng ruộng tiếp giáp nhau mênh mông không bờ bến. Bốn phương trời toàn là đồng bằng, không một rặng núi, không một ngọn đồi, không một cánh rừng, đất trống tỏa ra bao la như đại dương. Rải rác thật xa nhau là những cụm nhà cửa bao quanh bởi những hàng cây, cành trơ xương, tiêu điều, khẳng kheo. Nơi này, hằng vạn, hằng triệu cây bắp, cây ngô, đã thu hoạch từ bao giờ, còn sót lại những thân cây rách nát cùng với những chiếc lá vàng khô cứng. Nơi kia, những bãi đất đen, đất vàng trải dài mút mắt nằm thiêm thiếp ngủ dưới bầu trời xám bàng bạc mây trắng đục. Lạ thật, mới hôm qua còn có nắng mà hôm nay đã u ám đến thế này. Tin tức về thời tiết còn cho biết có bão tuyết ở một vài tiểu bang lân

cận, nay mai sẽ tràn qua đây. Cảnh vật cứ thế nối tiếp nhau chạy lùi trong khi Dave ngồi lặng lẽ sau tay lái mắt nhìn đăm đăm về phía trước. Con đường nhựa thẳng băng, dài tít mù, chốc chốc bị những lớp cát bụi từ một chân trời nào đó cuốn đến phủ mờ từng đoạn. Chiếc xe như thu mình nhỏ lại chạy miên man trong cái bao la của trời đất.

*

Chúng tôi đến Waterloo lúc đã xế chiều. Bước ra khỏi xe bỗng thấy lạnh buốt. Mưa lất phất nhẹ. Thành phố vừa mới lên đèn. Dưới mắt tôi, Waterloo trông không khác gì mấy những thành phố mà tôi đã gặp tại vùng quận Cam thuộc tiểu bang California – cũng cao ốc khang trang, ngăn nắp, sạch sẽ, cũng đường sá đầy nghẹt xe cộ và đèn lưu thông thay màu liên hồi, và cũng không có một nét đặc thù nào. Những thành phố trẻ trông na ná nhau chẳng khác gì sự giống nhau cuả những khuôn mặt trẻ con sơ sinh chưa mang dấu ấn của thời gian. Tôi không cảm thấy muốn tò mò hoặc có cái hứng thú mà lẽ ra tôi phải có khi đến một thành phố lạ. Dave, trái lại, tươi tỉnh ra, không còn mang cái dáng điệu xa xôi, lặng lẽ như khi đang ngồi lái xe – chỉ trỏ luôn tay, nói luôn miệng bằng tiếng Anh. Liên cũng vui vẻ không kém, mặt mày sáng rỡ, luôn luôn nở nụ cười để lộ chiếc răng khểnh, đi nép bên Dave, có lẽ để nghe cho rõ Dave đang nói gì chăng. Cũng như khi ngồi trên xe hơi ở ghế sau chồm tới, Liên nói với Dave pha lẫn tiếng Anh và tiếng Việt và nhờ vậy tôi hiểu lõm bõm. Hai cô cậu nhắc lại kỷ niệm, nào quán ăn, nào rạp chiếu bóng, nào công viên, nào góc phố cũ, nào những con đường đã cùng đi qua nhiều lần, nào sân trường, giảng đường, nào những thư viện hai người cùng đến để học bài thi có khi ngồi nán lại tới hai, ba giờ sáng vào những thời điểm cuối khóa. Họ đã sống bên nhau suốt bốn năm Đại Học, tôi tự nhủ.

–...*Say* phở chứ không phải phô. *You know it so well* mà...*What? what?*... gọi là, *let's see*, gọi là làm quà...*No, no.* Tiền phí tổn *and not* phải tổn...*That's right! O. K.*, đồng ý...

Cứ thế câu chuyện của chàng và nàng nở như bắp rang. Rồi lại dặn dò để dành suốt ngày mai đi thăm trường cũ và một số bạn bè đang còn cư ngụ nơi này, gọi là để giới thiệu... việc gì đó mà tôi không nghe ra thủng. Một lần anh chàng vô ý cười to khi nhìn bảng hiệu quảng cáo " thịt cua giả ", cô nàng nhón chân với tay bịt mồm chàng lại. Tôi đi lẽo đẽo đằng sau. Dave thì khỏi nói, nhưng ngay cả Liên cũng đã quên hẳn sự có mặt của tôi. Tôi là một người thừa? Tôi nghĩ rằng mình không nên hóa trang cái sự bực dọc trong lòng nữa. Tôi rảo bước thêm cho ngang hàng với Liên và nói khá to, giọng hơi bị lạc:

– Cái thành phố chán phèo! Nhưng lỡ tới rồi, sáng ngày mai tôi

muốn về sớm.

Liên đang nói liếng thoắng bỗng im bặt, đứng lại, ngẩn người nhìn tôi, nói lí nhí:

– *Oh, oh, sorry, very sorry. I...I*...em vô ý quá. Em...em xin lỗi anh.

Từ hôm qua đến giờ, lần đầu tiên Liên nói với tôi có pha chút tiếng Anh. Không có gì phải hấp tấp, nhưng tôi tiếp ngay lời Liên không chút suy nghĩ:

– Cô có lỗi gì đâu mà xin. Nhưng tôi bận việc, sáng mai phải về sớm cho kịp chuyến bay Minneapolis St. Paul vào buổi chiều.

Dave đang đứng chờ cách đó mấy bước liền quay lui lại lặng lẽ nhìn tôi, rồi chậm rãi nói từng tiếng một:

– *Really? Ok, Ok.* Sáng mai về. *No problem*!

Cái thái độ bình tĩnh của Dave khiến tôi phát cáu. Tôi cau mày suýt buột miệng nói một vài câu đốp chát thô bạo, nhưng tôi giữ lại kịp. Thật ra Dave chưa có cử chỉ gì khiếm nhã, tôi tự nhủ.

Buổi tối hôm đó, sau khi ăn uống cho có lệ, chúng tôi vào trọ trong khách sạn Ramada, chia tay nhau rất sớm, mỗi người đi về phòng riêng của mình. Phòng tôi ở lầu 5. Tôi bần thần tưởng tượng cái cảnh những sinh viên nam nữ Mỹ học cùng lớp, trong những kỳ nghỉ hè, nghỉ lễ Giáng Sinh v.v...đi du ngoạn xa, cùng vào trọ trong những khách sạn đầy tiện nghi. Tôi lại nghĩ đến Dave, đến Liên, đến cái kết thúc mà tôi đoán sẽ xảy ra như thế nào rồi. Lòng tôi trống trải. Bên ngoài chắc trời mưa lớn hơn hồi chiều, tôi định kéo màn cửa để xem thành phố lạ dưới cơn mưa đêm. - Cali ít mưa quá, tôi thèm những trận mưa rào của Sài Gòn, những cơn mưa dầm của Huế . Nhưng bỗng tôi cảm thấy mệt nhọc một cách lạ lùng. Để nguyên áo quần đi đường trong người, đôi giày cũng chẳng cởi ra, tôi ném mình xuống chiếc giường còn nguyên tấm trải phủ kín. Hai con mắt cay sè. Thật ra, lại thật ra, cũng như Dave, Liên vẫn lịch sự, tôi ngẫm nghĩ. Chỉ một mình mình thô lỗ. Chỉ một mình mình ngây thơ và ngu xuẩn mới gây nên cái tình thế oái oăm như thế này. Tại sao trong thư mình không chịu hỏi rõ Liên muốn mình lên đây để làm gì. Em và anh đón mùa thu về! Lên nhanh kẻo mùa đông năm nay đến sớm không chừng! Tôi lại nghĩ có bao giờ tôi " tuyên bố rằng anh yêu em " đâu. Và Liên cũng chưa từng nói " em yêu anh ". Vậy mình có những ràng buộc gì với nhau không? Nhưng tôi lại nghĩ tiếp tình yêu đến có cần phải đi kèm theo mấy tiếng nói đó? Mà hình như anh và em đã yêu nhau lâu rồi, có phải không Liên? Thế mà bây giờ...

*

Sau một đêm trằn trọc, tôi dậy sớm. Căn phòng kín bưng, máy sưởi

chạy đều đều, ngọn đèn chụp chiếu xeo xéo vào tường tỏa ánh sáng dìu dịu khắp phòng. Đồng hồ chỉ 6 giờ. Sực nhớ tối hôm qua khi chia tay nhau, Dave hẹn đúng bảy giờ trả phòng rồi lên đường ngay, khỏi cần ăn sáng. Khi nào thấy đói, ăn sáng dọc đường, như thế lợi thì giờ hơn. Sắp xếp mọi thứ xong xuôi, tôi với tay tắt ngọn đèn tường và kéo chiếc màn sau khung cửa kính để cho ánh sáng bên ngoài tràn vào. Và tôi sửng sốt. Trời đất trắng xóa một màu. Những mái nhà và hàng cây chìa ra mấy cành trơ trụi của chiều hôm qua, sáng nay cũng một màu trắng xóa. Bãi đậu xe hơi và những lối đi cũng ngập đầy tuyết. Từ lầu 5 nhìn xuống khó nhận ra những chiếc xe hơi bị tuyết phủ. Tuyết, tuyết. Lần đầu tiên tôi thấy tuyết. Tôi sửng sốt vì sự xuất hiện đột ngột của nó, ô, mới hôm qua trời đất khác hẳn, chứ không phải vì tôi thấy tuyết lạ lùng. Tôi đã thấy tuyết nhiều lần qua sách vở, phim ảnh, T. V., và mong được tận mắt thấy tuyết của trời đất, nay gặp tuyết thật mà cứ ngỡ đã gặp nhau ở một nơi nào, trong một quá khứ nào, một ký ức nào. Sau phút thảng thốt ban đầu, lòng tôi lại lạnh tanh. Tuyết! Vẫn là tuyết năm xưa trong tâm tưởng, trong chờ đợi, nhưng tuyết trắng sáng hôm nay mang màu tang tóc! Phải chi cuộc sơ ngộ giữa tuyết và tôi xảy ra trong một hoàn cảnh khác. Phải chi Liên... Vâng, Liên và tôi... đừng đến nơi này.

Tại phòng khách ở tầng cuối cùng, Liên và Dave đã ngồi sẵn đợi tôi. Hai người ngồi trên hai chiếc ghế đối diện nhau qua cái bàn tròn nhỏ. Chúng tôi chào nhau lặng lẽ, rồi đi ngay ra xe. Liên lên ngồi đằng sau tay lái và nói:

– Em lái trước. Anh Phong ngồi cạnh nhé. Sau khi ngừng lại để ăn sáng, Dave lái tiếp. OK chứ, Dave?

Liên nói với Dave, nhưng hai con mắt nhìn tôi như muốn hỏi ý. Dave nhún vai. Tôi im lặng. Tôi tự trách rằng chuyến đi mất vui và dở dang vì tôi. Nhưng tôi nghĩ tiếp chung quy mình vẫn là người chịu thiệt thòi hơn cả, thì...thì phản ứng của mình có lệch lạc đi nữa cũng kệ xác nó. Khỏi thắc mắc! Rồi đây mỗi người một ngả, có còn duyên nợ gì đâu với nhau nữa mà ngại. Ý nghĩ đó giúp tôi có đôi chút bình tĩnh, ít nhất là cái bình tĩnh bên ngoài.

Con đường xa lộ đã được xe cào tuyết dọn sạch thành một vạch đen dài dằng dặc nổi bật lên trên cái nền tuyết trắng mênh mông. Tuyết phủ lấp tất cả. Đồng ruộng đám thì đất đen, đám thì cỏ vàng, đám thì trơ những thân cây bắp bị chặt ngang mình của chiều hôm qua, nay biến mất. Tôi không rành đường và lẩn thẩn nghĩ rằng mình đang lạc đến một nơi nào khác xa lắm chứ không phải trở về thành phố của ngày hôm qua. Cái ý nghĩ ban sáng lại hiện ra: " Mới hôm qua trời đất khác hẳn... " Nhưng

chính bản thân mình cũng thay đổi nhiều, từ hy vọng, chờ đợi, đến bực bội, khó chịu và bây giờ là trống trải lạnh lẽo. Vạn vật một màu tuyết trắng! Những cụm cây xa xa đứng co ro chìa ra những chạc ba, những chạc tư đọng đầy tuyết bao lấy những ngôi nhà thấp thoáng bên trong, mái trắng xóa, toả ra ánh đèn leo lét từ những cửa nẻo khép kín. Dave ngồi ghế sau có lẽ đã ngủ, tiếng thở đều đều. Liên, vẻ mặt bình thản, gợi chuyện với tôi:

– Em lái anh có yên tâm không?

–...

– À...mà em nhắc anh nhiều lần. Anh đã thi lái xe chưa?

Cô này đang cố làm như không có chuyện gì xẩy ra. Nhưng để làm gì, tôi tự bảo. Tôi nói vu vơ cho xong chuyện:

– Tuyết, toàn là tuyết!

– Vâng, đúng vậy. Đồng ý anh. Nhưng em hỏi anh thi lái xe chưa?

– Xin lỗi, cô hỏi gì?

– Em hỏi anh lấy bằng lái xe chưa?

– Đã thi phần viết.

– Anh còn giận em đó hả? Em đã nói *sorry* mà. Thôi, được rồi. Bây giờ em xin lỗi anh một lần nữa nhé: Em xin lỗi anh! Nhưng...nhưng cái bằng viết thì nhằm nhò gì. Phải thực hành, nghĩa là anh thi lái đi cho xong. - Việt Nam anh đã biết lái, nay lấy bằng lái phức đi cho xong. - Mỹ không lái được xe coi như không có chân đi. Như *handicap* tàn phế. Có bằng lái rồi anh lái tiếp cho em.

Thật ra tôi đã thi lái hai lần, để bị đánh hỏng. Tôi lượng định lại tình thế. Đằng nào mình cũng là kẻ thua thiệt, nhưng có lẽ cũng phải đóng vai người thua biết tự trọng. Than van, trách móc, hay cáu kỉnh, thô lỗ cũng chẳng đi đến đâu. Chi bằng cứ bình tĩnh và giữ cái lễ độ tối thiểu. Tôi đáp:

– Cô tính mướn tài xế riêng? Mỗi tháng trả bao nhiêu?

– Tất cả tiền của anh và em cọng lại.

Con đường tốt, chiếc xe chạy êm như con thuyền thoi lướt trên mặt nước phẳng lặng, tiếng động cơ của xe và tiếng gió bên ngoài nghe mơ hồ như tiếng vọng lại từ rất xa. Chỉ nghe rõ tiếng thở đều đều của Dave ở ghế sau. Tôi quay nhìn Liên. Đôi mắt to đó đang nhìn tôi dò xét, âu yếm. Bị bắt gặp, Liên khẽ cười chữa thẹn, chiếc răng khểnh vẫn còn đó. Tôi bối rối. Liên thở dài một tiếng nhẹ, quay nhìn thẳng phía trước, nói tiếp:

– Anh để ý thấy đó chớ. Chạy một đoạn lại gặp một ngôi nhà trông giống như cái ốc đảo nhỏ nằm trong biển tuyết. Làm em nhớ...Đố anh em nhớ chuyện gì?

Tôi nhớ ra ngay, nhưng tôi làm bộ ngạc nhiên:

– Tôi không thể nghĩ ra được. Là vì...là vì...đây là lần đầu tiên tôi thấy tuyết.

– Anh không nghĩ ra được? Thiệt vậy hả? Anh đừng vờ. Nghe giọng nói của anh là em biết anh đã biết rồi. Nhưng em vẫn nhắc lại như thường. Đàn ông các anh tự ái lắm. " Xác xơ như cái mền rách ", chữ của anh đó, đi trốn chui trốn nhủi, cuối cùng được người đẹp Lara cho vào trú ẩn trong một ngôi nhà ấm cúng giữa cánh đồng tuyết, vậy mà sau đó làm thơ lại nói ngược. Anh nhớ chưa anh?

Lẽ dĩ nhiên tôi quên làm sao được. Hồi đó, khi còn ở Việt Nam, hai đứa xem xong phim Doctor Zhivago đều cho là hay, đều có một ấn tượng rất mạnh về những cánh đồng tuyết mênh mông ở trong phim và mơ một ngày nào đó thấy tuyết tận mắt. Từ chỗ thích cuốn phim, hai đứa vào thư viện tìm cuốn tiểu thuyết đọc. Cuối cuốn sách có phần phụ lục là những bài thơ của Yuri gởi cho Lara. Một trong những bài thơ tả cô nàng đứng ngoài trời tuyết, cô đơn, ủ rũ, buồn bã, nhìn về phía căn nhà có ánh đèn và có chàng bên trong. Liên hỏi ý kiến của tôi về bài thơ đó. Tôi nói đùa: " Tội nghiệp người tình Lara của bọn anh qúa. Xác xơ như cái mền rách" Chỉ có vậy mà Liên giận tôi mấy ngày, bảo tôi rằng ai anh cũng cho là người tình của anh cả, lại còn nói ngược. Đúng ra ai xác xơ đó anh? Những chuyện giận nhau không đâu như thế xẩy ra thường xuyên. Biết Liên hay hờn mát, có dịp là tôi trêu chọc. " Thu về! Làm như thể mùa thu là của riêng của em không bằng. " Bây giờ mình có còn dịp giận hờn nhau nữa hay không, tôi thầm hỏi.

Liên thở dài nhè nhẹ, nhìn thẳng đằng trước, nói tiếp, giọng buồn buồn:

– Anh này, hồi trước em hay giận anh, anh không chịu xin lỗi, rồi em cũng không giận lâu. Bây giờ em đã xin lỗi anh rồi, anh vẫn còn muốn giận mãi. Như vậy là bất công.

Thế này là thế nào đây? Có ngộ nhận chăng? Những chuyện xẩy ra từ hôm qua đến giờ đều mang một ý nghĩa khác chăng? Tôi chưa thể tìm ra câu trả lời. Tôi cố tra vấn lại. Tôi cố gạt bỏ mọi mặc cảm. Và vẫn chưa thấy an tâm. Từ khi bước chân lên xe, tôi chỉ trả lời những câu hỏi của Liên, bây giờ tôi thử chủ động xem sao.

– Nếu Liên... nếu em muốn, anh cũng xin lỗi em vậy. Xin lỗi em... xin lỗi em. Vì anh đã làm hỏng cuộc đi chơi của em và Dave. Nếu anh không lầm, em định xác nhận rằng... em muốn giới thiệu Dave với bạn bè, thân thuộc, rằng...

Liên quay ngoắt lại nhìn tôi, đôi mắt lóe ra cái ánh sáng lạ, vội vàng nói:

– Thiệt vậy hả? Anh lại trêu em như hồi trước hả? Việc gì em phải giới thiệu Dave với bạn bè? Tụi này biết nhau cả rồi mà. Muốn giới thiệu anh thì có. Mấy đứa bạn thân của em đều ở Waterloo, hỏi về anh hoài. Hỏi từ khi anh còn ở Việt Nam. Chuyện bồ bịch của tụi nó em đều biết. Chúng nó kể cho em nghe đủ thứ. Nay không lẽ em giấu chuyện riêng của hai đứa mình. Như vậy là bất công. Cho nên em năn nỉ anh lên đây đã mấy tháng nay rồi. Bây giờ anh mới chịu lên... Thế mà còn...

– Nhưng Dave...

Dave ngồi sau đã thức giấc từ hồi nào, góp chuyện:

– Liz này! You lắm chuyện lắm. Cần gì phải giới thiệu trước. Rồi mọi người sẽ biết hết. Tôi đồng ý với anh Phong, đi về ngay hôm nay xem tuyết dọc đường là *good*. Năm nay tuyết tới sớm mấy hôm, rồi sẽ hết. Vài tháng nữa mới có lại. Tôi gặp tuyết mỗi năm, nhưng nó tới cũng thích ngó. Nhưng ở thành phố hoài, coi tuyết xuống trong thành phố không đẹp. Cảnh tuyết *outside cities* hay lắm. *That's why* chiều hôm qua nghe cái anh này đòi về, tôi OK liền. Tôi biết hôm nay tuyết nhiều. Sao mà biết hả, thì *T.V. weather report.*

*

Một tuần sau khi về đến Cali tôi nhận được thư Liên. Lá thư khá dài. Nào chuyện Dave thích làm bạn với Liên, nghĩa là hai người thử sống chung với nhau một thời gian, rồi nếu thấy thích hợp thì cưới nhau. Liên bảo Liên không chấp nhận cái kiểu sống đó, vả lại đã có tôi, chúng tôi đã " quen biết " nhau từ lâu, không thể nào quên nhau được, nên Liên từ chối dứt khoát. Dave không hề ép. Và cũng không có thể ép. Nhưng chuyện này tôi cho là lạ. Liên nói rằng Dave thích tôi, rằng tôi hơi *"weird"* nhưng có nét, có *character*. Tôi chưa thể hiểu được cái anh chàng này. Tôi cho rằng Dave xét người nhầm rồi, vì nghĩ lại, tôi chỉ thấy rằng tôi lố bịch, vụng về, và mang nặng mặc cảm. Rồi nào chuyện Liên có chân trong ban thoại kịch tài tử của thành phố. "Hôm anh đến vào buổi chiều cũng là vừa lúc em tổng dượt xong vở kịch mô phỏng ' My Fair Lady ', trong đó em thủ vai chính. Dave có đóng một vai phụ. Em để nguyên y phục và hóa trang cùng Dave lái vội xe ra phi trường đón anh để khoe với anh. Anh không hỏi han gì về cái nhan sắc đặc biệt của em, mà anh cũng không thèm khen em một tiếng. Lẽ ra em giận anh mới phải. "

Tôi ngừng đọc, bần thần nghĩ ngợi. Từ trước tới giờ tôi xem Liên là " người yêu bé bỏng " để tôi cưng chiều và trêu chọc. Câu chuyện vừa xảy ra khiến tôi cảm thấy hụt hẫng. Tình thế như có vẻ đảo ngược. Tôi cần phải nhìn lại tôi kỹ hơn, vì không khéo, tôi sẽ làm hỏng mọi chuyện. Có lẽ tôi phải xa Liên thêm một thời gian nữa, ít nhất là vài năm. Để có đủ thì

giờ suy nghĩ cho chín chắn. Để " tu luyện " cho vững vàng thêm. Để có thể bình thản trước những thay đổi quá lớn lao. Phải rồi, cái ý nghĩ đó lại đến, " Mới ngày hôm qua trời đất..". Cho nên, xa nhau bảy năm, nay thêm vài năm có là bao. Đến lúc ấy nếu vẫn còn yêu nhau thì mới có thể nói rằng mình " có nhau " ở trên cái đất nước rất đa dạng và phức tạp này. Tôi cảm thấy thoải mái một chút sau khi nghĩ ra giải pháp ấy. Tôi đọc thư tiếp.

" Bây giờ thì em đã biết rõ anh yêu em rồi. Dù xa nhau bao nhiêu năm. Còn về phần em, anh hiểu gì em không? Anh có cần em nói ra hết không? Anh ở lại đây ít quá cho nên em không có thì giờ đem anh tới con đường em vẫn đi một mình mỗi sáng chủ nhật. Thu về trên con đường này đẹp rực rỡ. Mùa đông năm nay nó cũng đẹp không kém. Nhưng có một điều bất tiện cho em là thỉnh thoảng, trong mùa này, mọi vật đều phải câm nín. Sáng nay em cũng phải nín thinh, nói không ra lời. Anh biết em định nói gì không. Em kể cho anh nghe nhé. Sáng nay em mặc chiếc áo choàng thật dày, có chiếc nón dính liền sau cổ áo, đi trên con đường đó một mình. Nghĩa là vẫn có vài người khác đi trên đường, nhưng không có anh cùng đi với em. Tuyết rơi đầy trời, trùm lên em, bám vào nón, vào vai, vào áo, vào đôi găng tay. Bám cả vào mặt, vào lông mày của em. Bụi tuyết đọng lên cả trên lông mi. Em nhớ anh, nhớ anh lắm lắm. Em mở miệng ra để nói cho chính em nghe rằng em đang nhớ anh, thì tuyết lọt vô đầy mồm. Em hết nói được. Từ hôm qua đến nay tuyết xuống nhiều quá. Đi hết con đường bỗng em chợt nghĩ rằng mùa đông đã thực sự đến. Rồi mùa đông đi, như anh em mình trước kia hay nói với nhau. Và mùa xuân đang về đó anh, về với hai đứa mình. Em của anh." ❐

** Bạn đã đọc những bài biên khảo và nhận định sử học độc đáo của Tạ Chí Đại Trường trên Văn Học suốt mười năm qua?*

** Bạn đã yêu thích lối viết đầy sáng tạo của Tạ Chí Đại Trường qua "Lịch Sử Nội Chiến..." và "Thần, Người Trên Đất Việt"?*

** Bạn không thể không tìm đọc tác phẩm mới nhất của*
Tạ Chí Đại Trường:

Những bài dã sử Việt

Sách dày 430 trang. Giá 18 Mỹ kim.
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành

mùa xuân: mua vui
một vài trống canh

HỒ MINH DŨNG

1.
Không qua sông cũng lụy đò
Dậm chân tại chỗ thương o cầm chèo
Giàn bầu rồi bí cũng leo
Tre lồ ô mọc còn đèo măng giang
Hết đò dọc đến đò ngang
Sông sâu yếm hỏi tóc nàng nối chưa
Ai về nhắn với Tố Như
Tóc nàng với đóa thiên thu nối rồi
Bên này sông trải chiếu ngồi
Cùng mây nhấm rượu với chồi hồng nhung
Trước chùa cũng có dòng sông
Con thuyền bát nhã một mình, em phơi.

2.
Theo về thăm liễu Chương Đài
Thăm cành với lá với vài rễ khô
Thúy Kiều núu áo Nguyễn Du
Ghé thăm mộ Mã cũng như mộ mình
Đu lên nóc mái trường đình
Rớt xuống đất bất thình lình gặp nhau
Trèo cao té nặng không đau
Mà đau một nỗi ngàn sau...xin chừa!

3.
May nhờ có chín kiếp tu
Ta theo một ngọn mây mù về thăm
Tiền Đường sủi bọt hơi tăm
Đời ta sát nút bám quanh Thúy Kiều
Hỡi ơi! Phách lạc hồn xiêu
Giác Duyên ngồi búng ngón tay cứu người
Cám ơn xiêm áo Thúy Kiều
Ôm trăm năm ngủ mái lều Thúy Vân
Tay ta xách một cái cân
Tiểu ly cũng lệch bên tình nặng hơn
Chờ khi con nước triều lên
Nhảy ào xuống, thử có ai, cứu mình?

4.
Tôi, Sở Khanh, với Thúc Sinh
Vân Kiều hai Thúy đi cùng Đạm Tiên
Về Hà Tĩnh thăm Tiên Điền
Nương theo gậy mục thánh hiền múa may
Vác cây mù tạt lên vai
Lưng đeo cả cái cối xay vận trời
Lạnh từ chân lên, lạnh rồi
Thói khuynh thành lại trêu ngươi nửa đường
Hậu sinh chút nghĩa đèo bòng
Nhổ cỏ lan, cạy rêu phong mộ người
Hoa tàn năm ngoái còn cười
Gió đông nhớ thuở trúc mai vườn đào
Bước thấp nấu bước chân cao
Trói chân đứng giữa bên nào cũng không
Chỉ còn một Mã Giám Sinh
Không đám đến xin thương tình thứ tha

Sông sâu lội vạn đèo qua
Mà không qua nổi xối nhà Hoạn Thư
Xê vai gánh gánh tương tư
Thân tàn lục kiệt đứng như trời trồng
Ô hay! Vít lá vông đồng
Tưởng Kiều dưới đáy chén đồng, vớt lên.

5.
Lá Hồng Lĩnh, nước Lam Giang
Ta theo chân Nguyễn Tiên Sinh về cùng
Chóp núi nói với đáy sông
Rêu, lênh đênh cũng thua rong đạt bờ
Bắt chước người ta làm thơ
Ăn tàn theo đóm trượng phu bên Kiều
To lòng rút được bao nhiêu
Nén hương lủng lẳng còn đeo bùa người
Cổ lai ranh giới rạch ròi
Chia hai, gắn một, núi ngoài sông trong
Xương Vô Định với Tiên Sinh
Ngồi chung một chiếu linh đình nhậu hoa
Nhánh phù vân gốc lòng ta
Quay lui thấy mảnh trăng tà đuổi theo
Phận mình giấu ngược giấu xuôi
Mà không giấu được tình sâu bốn bề
Cho dù kiếm sắc còn nhiều
Không bằng dải lụa tam triều điển trao
Vạn năm trước, ngàn thu sau
Cho bao nhiêu lệ ai lau cho mình?
Bó thân về với cuộc tình
Chết đứng, không phải, chết nằm cũng không.

thư gởi bạn vong niên

Nguyễn Thúc Đượng

Xứ Mỹ, gần Tết, ngày ... tháng ... năm ...
Ông Bạn Vong Niên,

Xếp Lớn tui vừa giúp tui nghiệm ra được một điều rất chí lý, đại đại vô cùng chí lý, và cực kỳ quan trọng. Để tui kể ông nghe chớ không mai mốt tui quên mất tiêu thì cái điều tui nghiệm ra sẽ trở thành mai một. Tui không nhớ, mà ông cũng chẳng biết.

Ông biết sao không, mấy tháng nay đọc báo, thấy rao ơi ới từ lời kêu gọi bà con viết bài, tui mắc cười. Tui nghe nói là thường thường, làm báo xuân phát hành ngày tết thì phải chuẩn bị bài vở trước ít nhứt cả tháng, đặng còn có thì giờ đánh máy, cắt dán, trình bày, vân vân. Như vậy bài vở viết về mùa xuân thường thường là được viết trong mùa đông. Tui nghĩ tới những người bạn văn, bạn thơ của mình đã và đang hè nhau đáp lời dụ dỗ kêu gọi mà cong cái lưng, nặn cái đầu, bóp cái óc đặng sáng tác ca ngợi mùa xuân. Ôi, thời tiết vùng tui ở trong các tháng mười hai, tháng giêng lịch tây nó lạnh tàn canh gió lạnh, lạnh thở ra khói, lạnh không dám bẻ đốt ngón tay sợ nó đông đá gãy luôn, vậy mà có những người như mấy ổng mấy bả, co ro trong nhà, mặt mày xám ngoét, nhăn nhăn nhó nhó ráng thả óc tưởng tượng đặng làm thơ viết văn ca ngợi cái nắng ấm của mùa xuân đang về. "Xuân đã về, xuân đã về, kìa hoa lá đón mừng nắng ấm ...". Thiệt tình là xạo hết chỗ chê ! Đía hết chỗ nói ! Tui đợi báo xuân ra để tui coi mấy ổng mấy bả xạo với đía tới cỡ nào.

Riêng tui, để tui kể ông nghe; từ tháng nay, tui cố thủ trong nhà. Tui có thăm ai thì cũng đi thăm qua đường dây điện thoại chớ biểu bước ra đường thì cái thân xác đang bị bịnh phong thấp của tui nó rất lừng khừng. Tui luẩn quẩn trong nhà, đi tới đi lui, đầu óc lịch kịch những chuyện trên

trời dưới đất. Tui nghĩ nhiều chuyện lắm. Mà có một chuyện cứ quanh quẩn luẩn quẩn trong đầu tui từ đầu tháng Chạp đến giờ là chuyện Ông Táo. Mỗi lần lò dò vô bếp nấu bình nước pha trà, hoặc hâm chai sữa cho thằng cháu, là mỗi lần đầu tui nảy lên câu hỏi: "Mình là người Việt Nam, mà mình đang ở Mỹ; dzậy thì ông Táo trong cái nhà mình đang ở là ông Táo Việt Nam hay ông Táo Mỹ" ?

Tui ngắm ánh lửa xanh xanh từ cái bếp gas tỏa lên tui nghĩ ngợi. Người Việt mình mỗi năm đến ngày 23 tháng Chạp thì cúng đưa Ông Táo về trời. Đường từ trần thế về trời xa diệu vợi, cá chép vượt vũ môn hoá rồng bay 7 ngày mới tới để ông Táo kịp trình diện Ngọc Hoàng Thượng Đế. Bây giờ ở Mỹ, mà lại ở Mỹ trong thời đại văn minh có hoả tiễn, có phi thuyền bay ào ào, phụt một cái là mất tiêu vào mây xanh. Mình đưa Ông Táo về trời ngày 23 tháng Chạp vậy có sớm quá không ? ổng về tới trời sớm rồi ổng ở đâu ? Làm gì cho hết ngày giờ ?

Tui còn nghĩ thêm nữa. Tui phân vân không biết ông Táo trong các nhà Việt nam ở Mỹ có chân dung sắc diện như thế nào ? Hình ảnh Ông Táo Việt Nam tui thường thấy qua các tranh vẽ đi kèm với bài Sớ Táo Quân trong mấy tờ báo Xuân đã đọc thường thường là hình ảnh một ông ốm nhách, râu ria lởm chởm, mặc cái áo ngắn cũn cỡn, "đội mão đi hia chẳng mặc quần". Có ông còn đưa cặp giò khẳng khiu lưa thưa vài sợi lông cẳng ra nữa. Chân dung ông Táo Việt Nam tuy có tiếu lâm như vậy, nhưng cái dáng ốm ốm của ông Táo trong hình vẽ, với cái áo thụng rộng thùng thình mà ngắn cũn, với cái mũ cánh chuồn và với cặp hia tổ chảng dầu sao cũng có vẻ là người Á Đông, người Việt Nam da vàng, nên tui thấy gần gũi thân thương. Tui thấy ông Táo hay ông thần bếp của mình là một ông thần rất hiền lành, rất bao dung độ lượng, rất tràn đầy tình thương. Còn bây giờ người Việt mình đang ở Mỹ, chẳng lẽ ông Táo của các gia đình Việt Nam ở đây lại là một ông mặc quần jean, áo da, đi giày bốt, đeo súng lủng lẳng và đội mũ cao bồi rộng vành ? Chẳng lẽ ông thần bếp của người mình lại là một ông Mỹ râu ria lởm chởm lúc nào cũng sẵn sàng móc súng bắn đùng đùng ? Mỹ lại là cái xứ tạp chủng, nhiều giống dân. Nhà nào không biết, thờ trúng ông Táo Mỹ đen suốt ngày cứ "Hey man ! What's up bro ?" hoặc một ông Táo Mexican "Hey. Qué pasa, como ésta. Taco enchilada" thì ô hô !

Tui cứ suy nghĩ miên man. Tui suy nghĩ liên miên để "nhận diện" Ông Táo của các gia đình Việt Nam ở Mỹ.

Việc đầu tiên tui đã làm để nghiên cứu là gọi điện thoại tới người quản thủ thư viện để coi họ có tài liệu gì về ông Táo hay không. Tui bấm số điện thoại, hỏi:

- Hello ! Do you have any books about the Kitchen God ?

Trả lời:

- What God ?

Tui cố gắng giải thích:

- The Kitchen God. Mr. Táo, you know ? The God in the kitchen.

Giọng người quản thủ thư viện ngạc nhiên:

- Is there a God in the kitchen ?

Tui thấy coi bộ hổng xong. Mà giải thích nữa thì không đủ chữ nên tui thank you rồi tui gác điện thoại. Cái chuyện tìm tài liệu này no good. Tui bấm số điện thoại hỏi đứa cháu gái, con của thằng con lớn; con nhỏ này đẻ ở Mỹ, đi học từ nhỏ tới lớn ở đây, tui chắc nó biết:

- Con biết ông Kitchen God không ? Trong mấy cái truyện con đọc hay trong mấy cuốn sách con học ở trường con có thấy nói về ông Kitchen God không ?

Con cháu tui tiếng Mỹ rành hơn tiếng Việt. Nghe hỏi tiếng Việt nó ráng trả lời:

- Dạ khon bít. Mà ong Kitchen God là ong zì ?

Tui giải thích để may ra nó hiểu, nói cho tui biết điều tui đang tìm kiếm:

- Ông Kitchen God tức là ông Táo. Là ông thần bếp. Người Việt Nam mình thờ ông thần bếp, gọi ổng là ông Táo. Con có nghe thầy cô của con nói đến ông thần bếp bao giờ không ?

Con cháu tui lúng túng:

- Cái ong đó nó là ong zì ? Tại sao nó ở trong kitchen ? Con đâu có bít ong apple nào ở trong cái kitchen đâu ?

Tui hỏi người quản thủ thư viện thì tiếng Anh tui yếu quá, không hỏi được rõ ràng. Còn hỏi con cháu thì tiếng Việt nó quá siêu, nó nói ông Táo thành "ong apple". Tui đành thôi, không hỏi nữa.

Tui gác điện thoại, lò dò hỏi Xếp Lớn của tui:

- Bà nè, tui thấy bà cúng đưa Ông Táo về trời. Vậy bà có biết Ông Táo là ai không ?

Xếp Lớn tui nghe tui hỏi cặc cớ, bả giương cặp mắt cách đây rất rất nhiều nhiều năm đã là mắt của con nai vàng ngơ ngác dẫm trên lá vàng khô, nheo nheo nhìn tui, đo lường mức độ thiệt hay dỡn của tui. Bả nghĩ ngợi chút xíu trước khi trả lời:

- Ông Táo là ông thần trong bếp. Mỗi năm ổng về trời để báo cáo sự tình trong nhà mình. Mình cúng ổng là để xin ổng, chẳng hạn như nhà mình có chuyện gì tốt thì ổng nói thêm chút đỉnh, chuyện gì hổng tốt thì xin ổng giúp đỡ ...

Vừa nghe bả nói tới đây thì đầu óc tui hiện ra ý nghĩ: í da, xếp tui ngó bộ ham cái trò hối lộ dữ. Bả hối lộ cả ông Táo. Nhưng ý nghĩ đó mới vừa thoáng qua thì lòng tui nhũn lại, cảm động hết cỡ khi nghe bả nói tiếp:

- Chẳng hạn mình xin với ổng là mấy cái chuyện của tui thì ổng cứ việc nói thêm, còn mấy cái chuyện của ông thì xin ổng dấu bớt, đừng báo cáo cho Trời biết...

Tui đứng im re, cảm động dâng tràn. Cũng như rất nhiều đàn ông Việt Nam khác trên cái xứ này, tui đã rất thuộc lòng lời xưng tội "lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, mọi đàng lỗi tại tôi" để tâm hồn và thể xác được bình an ở mọi căn phòng trong nhà. Có lỗi hay không và lỗi gì không cần biết, tui thấy xếp tui có lòng che chở cho tui như vậy là tui cảm động. Tui biết là bả chưa hiểu ý tui hỏi về ông Táo Việt hay ông Táo Mỹ nên tui lái trở lại cái ý mình, tui hỏi tiếp:

- Dzậy chớ khi bà cúng ông Táo, bà cầu xin với ổng, bà nói tiếng Việt hay tiếng Mỹ ?

Kỳ này xếp tui coi bộ nghĩ ngợi hơi lâu. Một lát, cặp mắt nheo nheo của xếp trợn lên, thoáng một chút xì-nẹc:

- Ông mắc cái chứng gì vậy ? Ông ỷ ông biết nói tiếng Anh tiếng Mỹ ông "xóc" tui đó sao ?

Tui vội vã phân bua:

- Tui hỏi thiệt mà. Bà biểu tui thường thường làm chuyện gì không hỏi ý kiến bà, bây giờ tui hỏi ý kiến thì bà biểu tui "xóc". Tui hỏi bà thiệt đó.

Xếp Lớn nguội lại, dịu dàng:

- Ông Táo là ông thần. Ai nói tiếng gì ổng cũng hiểu hết. Ông có nói tiếng Tàu tiếng Tây tiếng Đại Hàn ổng cũng nghe được. Thôi, ra bồng cháu, nói chuyện với nó chút đi để tui pha sữa cho nó bú.

Tui bước ra chỗ thằng cháu nội đang nằm, nghĩ bụng Xếp Lớn trật lất, đã không hiểu ý tui, lại còn chơi tui, biểu tui đi nói chuyện với thằng cháu mới có năm tháng. Con nít năm tháng thì chỉ có è è, ơ ơ, a a với há cái miệng ra mà gào lúc đói bụng hay là lúc đái ướt nhèm cái tả thôi chớ biết nói chuyện cái gì. Nó nói cái gì chỉ có ... ông Táo hiểu. Xếp Lớn pha sữa xong, bước ra bồng thằng cháu. Bả gật gật cái đầu, nhìn thằng nhỏ, miệng lải nhải: "ừ, coi cái mặt kìa, coi cái mặt dễ ghét kìa; ổng bỏ con nằm dzậy đó hả con; ông hổng có thương con hén con; ừ, ừ, để đó bà bồng bà cho bú sữa hén...". Thằng cháu tui làm như hiểu thiệt, nhe hai hàm nướu đỏ hỏn chưa có cái răng nào ra cười, miệng è è, è è, tay quơ quơ, hai chân lắc lắc dẫy dẫy. Với cái lý luận của Xếp Lớn tui và với lối nói chuyện của bả với thằng cháu nhỏ thì trong nhà này chỉ có ba người hiểu nhau là ông Táo, bả, và thằng cháu.

Tui vòng vòng vô bếp đứng, đầu miên man, nhớ về những cái bếp trong những căn nhà mình đã cư ngụ hồi còn ở Việt Nam. Trong đời, tui đã thấy nhiều cái bếp. Thuở còn nấu nướng bằng củi, nhà tui có cái bếp kê bằng ba viên gạch; sau đó tiến bộ lên chút xíu, bếp có cái kiềng ba chân thế cho mấy viên gạch; rồi tiến bộ thêm chút nữa, nấu ăn bằng than, gia đình tui sắm mấy cái lò đúc bằng đất có ba cái đế ở trên để đặt cái nồi và có cái miệng ở dưới để lấy tro ra. Cái bếp Việt Nam mà tui đã in hằn trong đầu là những cái bếp thường thường ở gần phía sau nhà, nơi có tro, có bụi, có nồi niêu soong chảo lỉnh kỉnh. Cái bếp Việt Nam tối hù hù nhưng ấm cúng quá cỡ, thân thiện quá cỡ, hợp với hình ảnh của ông Táo lè phè "đội mão đi hia chẳng mặc quần" quá cỡ. Bây giờ đứng nhìn cái bếp chẳng có tí bụi tí tro gì cả, mà lại nào là nút nọ nút kia, tui nghĩ có lẽ phải có một ông Táo đóng bộ veston thời trang, đeo cà vạt, áo sơ mi trắng, nghiêm trang chĩnh choẹ gác cẳng ngồi chình ình ở trỏng thì mới hợp cảnh hợp tình.

Thế rồi cái đầu ưa kiếm chuyện đặng suy nghĩ của tui còn đi thêm một đường tính toán. Bếp Việt Nam ở nhà quê làm bằng ba cục gạch kê lại; hay làm bằng mấy cái kiềng sắt ba chân; bếp ở tỉnh thành nấu bằng than, bằng dầu hỏa, hay bằng gas, bằng điện, cũng có cái kiềng cái đế ba chân, rất phù hợp với câu chuyện hai ông một bà của người mình. Cái bếp Mỹ, hiệu General Electric, hiệu Kenmore, nấu bằng gas hay bằng điện đều giống nhau, đế có tới 4 hay 5 chân lận. Chuyện cổ Việt Nam kể sự tích vua bếp là "*ngày xưa có hai vợ chồng nhà rất nghèo, chồng phải bỏ đi kiếm việc làm nơi xa mãi mãi không thấy về. Sau người vợ lấy được người chồng khác giàu có, dọn đi nơi khác. Một hôm cúng, đang đốt vàng mã ngoài sân, vô tình người chồng trước vào xin ăn. Vợ nhận ra, động lòng thương cảm, đem cơm gạo tiền bạc ra cho; bất thần người chồng sau đi làm về. Vợ hoảng hốt, bảo chồng trước chui vào đống rơm núp. Người chồng sau đốt rơm lấy tro bón ruộng. Chồng trước hy sinh ở luôn trong đám rơm chịu chết cháy. Người vợ cảm kích nhảy vào lửa tự thiêu chết theo. Người chồng sau biết chuyện, thương vợ, cũng nhảy vào chịu chết cháy. Ngọc Hoàng Thượng Đế thương ba người cùng có nghĩa, phong cho cả ba làm vua bếp*".

Tui nghĩ đến chuyện cổ Việt Nam, nghĩ đến nghĩa tình được đề cao trong mẩu chuyện lâm ly bi đát đó, rồi tui nhìn mấy cái kiềng bếp gas có 5 chân trước mặt mình tui thắc mắc. Giả tỉ mai mốt thằng cháu tui lớn lên, biết hỏi chuyện sự tích ông vua bếp Mỹ, tui biết đặt điều làm sao để kể nó nghe ? Kiềng bếp Việt Nam 3 chân phù hợp với chuyện tình nghĩa của hai ông một bà. Kiềng bếp Mỹ có tới 4, 5 chân, đặt chuyện coi bộ khó. Người

Mỹ họ ít thích cái trò tự thiêu, họ chỉ ưa lôi nhau ra toà. Chẳng lẽ tui nói với thằng cháu mấy cái chân dư ra đó là mấy ông luật sư do ông chồng cũ và ông chồng mới mướn để kiện nhau coi thử ông nào được làm chồng bà vợ mình ? Hơn nữa, lại còn có những nhà có cái bếp hiện đại, phẳng lì, đen thui bóng loáng, nhìn vô chẳng thấy cái kiềng nào hết. Như vậy mấy ổng mấy bả đi đâu ?

Hè, ông coi như vậy đó. Tui luẩn quẩn trong nhà nguyên cái tháng Chạp suy nghĩ hoài về chuyện ông Táo. Xếp Lớn tui thấy tui loanh quanh trong bếp hơi nhiều nên hôm nay bả thắc mắc: "Ông làm cái gì mà cứ lui cui đi tới đi lui trong bếp hoài vậy? Muốn ăn món gì nói tui nấu cho chớ tui thấy ông cứ lò lò, lò dò tui mệt quá."

Câu nói của bả, đúng hơn, một chữ trong câu nói của Xếp Lớn tui, chữ "nấu", đã như tiếng sét nổ cái đùng trong đầu tui, nó như là tia chớp loé lên cho tui thấy được giải đáp cho cái thắc mắc của mình. Tui mở toang hai cánh cửa tủ bên cạnh bếp, đứng ngắm nghía. Trong tủ ôi thôi đủ loại chai bình hũ lọ. Chai nước mắm cao đềnh dàng, chai mắm nêm đục đục, hũ mắm ruốc tím tím, chai nước màu đen thùi lùi; cộng thêm với bao nhiêu là hũ đựng hành khô, tỏi sấy, gia vị nấu bún bò, nấu mì, bột bánh bèo, bột bánh xèo, bánh bao, bánh căn ..., toàn là những gia vị đặc biệt của người Việt Nam để nấu món ăn Việt Nam. Tui "nhận diện" được ông Táo trong bếp nhà tui là một ông Táo Việt Nam trăm phần trăm qua những món đồ gia vị này.

Ông coi tui nghiệm có đúng không: Ở Việt Nam, ở Mỹ, hay ở bất kỳ nơi đâu trên thế giới hễ có người Việt mình sinh sống là ở nơi đó đều có những ông Táo Việt Nam "đội mão đi hia chẳng mặc quần"phù hộ cho gia chủ. Cái ông Táo này sống trong các gia đình người Việt còn biết nấu nướng thức ăn Việt, còn xài chao tương nước mắm. Ông Táo Việt Nam ốm nhách, lè phè, nhưng thân thương bao dung rộng lượng nên mới chịu đựng được và enjoy được những nồi phở sôi ùng ục bốc hơi kín trời, những nồi bún bò giò heo, bún bò Huế có váng ớt đỏ cay xè, những nồi cá kho "thơm" tối tăm mặt mũi, những chảo cá chiên văng dầu tứ tung mình tàng bốc mùi hết cỡ nói, hay những nồi bún riêu bún ốc có thả mắm ruốc mắm nêm nồng nàn Mỹ chạy. Phải là Táo Việt Nam đã quen từ mấy nghìn năm những mùi vị thức ăn của dân Việt Nam thì mới ở trong bếp của người Việt nam được. Mà bếp nhà người Việt Nam không bao giờ hoàn toàn sạch sẽ vì gia đình người Việt thường hay quây quần nấu nướng. Bếp của người Việt Nam mình để nấu ăn chứ không phải là để làm kiểng. Bởi dzậy trong bếp mình không thể nào có ông Táo mặc veston với áo sơ-mi trắng được. Bếp Việt Nam mình ấm cúng tình thương người vợ dành

cho chồng, chăm sóc món ăn cho chồng, (hay ngược lại cũng được nếu ông chồng là tay biết nấu nướng); bếp chan chứa tình thương bà mẹ dành cho các con mình qua những món ăn mỗi ngày; bếp chứng kiến lòng hiếu khách của những người Việt Nam làm món ăn ngon đãi bạn. Và ông Táo trong bếp của người Việt Nam chỉ có thể là ông Táo Việt Nam tình nghĩa chứ không thể nào là một ông Táo Mỹ râu ria lởm chởm đeo súng xề xệ bên hông, hay một ông Táo mỹ đen nhún nhẩy lắc lư miệng lắp bắp theo nhạc "rap", hoặc là một ông Táo Mexican đội mũ rộng vành ôm đàn ghi-ta dựa tường ngủ gục được.

Tui nghĩ chừng nào người Việt mình "hội nhập" hoàn toàn vào văn hóa Mỹ, mất tiêu cái gốc cái rễ Đại Cồ Việt của mình, chừng nào mình ăn hamburger, ăn pizza, mashed potato thế cơm, chừng nào trong nhà mình không còn cái mùi quyến rũ của thức ăn Việt Nam nữa thì lúc bấy giờ trong nhà mình mới có Mr. Táo Mỹ trong bếp; còn chừng nào mình còn xài nước mắm, mắm nêm, mắm ruốc, chao tương, thì ông Táo Việt Nam lè phè của mình vẫn còn ghiền thức ăn Việt nam mà ở lại với mình.

Ông Táo này vẫn cần con cá chép để ngày 23 tháng Chạp về trời, ổng vẫn đi bảy ngày mới tới, và ổng vẫn đội mão đi hia mặc áo thụng rộng thùng thình ngắn cũn cỡn chớ nhất định không mặc quần.

Như tui nói với ông hồi nãy, tui thấy điều tui nghiệm ra thiệt là chí lý. Tui nghiệm ra được chân lý tui sung sướng quá, tui đem cớ sự kể cho Xếp Lớn tui nghe. Tui biểu bả ngồi xuống đàng hoàng để tui kể đầu đuôi cái thắc mắc đã nặng trĩu trong đầu tui cả tháng nay, và tui phân tích tỉ mỉ như một nhà hùng biện những luận cứ để dẫn tới kết luận của mình. Tui cảm thấy đã rất là đã trong việc tìm ra chân lý.

Ông biết bả nghe rồi bả nói sao không ? Bả nói:

- Xí. Tui tưởng ông lo chuyện hội chuyện đoàn, chuyện quốc gia đại sự. Dè đâu ông đi lo chuyện ông Táo. Sao không hỏi tui ? Trong nhà này tui toàn nấu nướng bằng nước mắm, tui toàn nấu đồ ăn Việt nam thì ông Táo là ông Táo Việt nam chớ làm sao mà là ông Táo Mỹ được ? Mấy ông đàn ông các ông thiệt là vô tích sự. Có chút vậy mà tính cả tháng không ra !

Ông Bạn Vong Niên. Ông nghĩ coi có tức mình không ? Và ông thấy điều tui nghiệm ra có cực kỳ chí lý vô cùng siêu đại chí lý không ?

Nguyễn Thức Đượng

vàng phai

THẬN NHIÊN

ở một ngày xa lắc
em đến với tôi

nắng lao đao những chiều bến sông
sài gòn áo cơm méo mặt
công viên không dành cho tình nhân
nụ hôn dành ở hàng ghế cuối
giữa mùi khai và cái nóng bốc hơi
chia nhau gô cơm và chia nhau môi.

ngày xa lắc
giấc ngủ chập chờn theo giá vàng giá gạo
xe đạp không là đu bay
gô cơm sao nuôi tôi làm xiếc
nhưng em
nụ vàng bé xíu nở dịu dàng
ghé môi hôn đời ngày mới lớn
và vòm trời
lá me.

lẽ nào rồi cũng lãng quên
gió thổi mãi về phía tôi những cánh lá me cuối đêm
mất ngủ
đốm sao lấm tấm áo len vàng
sợi khói thuốc ngày đầu đông
thức thành phố dậy
vòm me đẫm sương ướt đẫm trí nhớ
con tim ăn mày những giấc mơ.

nhói lòng câu nói đùa
mặt trời chơi trò cút bắt
vạc nào kêu sương
vai em gầy. gầy thêm. lòng nào ví nhau
là vạc
lòng nào ví nhau là vạc
bạc tóc nối đời
bạc tóc vòm me.

cánh đồng khô khát

Lệ Hằng

Saba tóm được Hãn ngay trong car park của hãng buôn. Hãn hết đường chạy trốn, đành phải dọn mình cười cười đi tới, quơ cả hai tay ôm lấy vai cô. Saba lùi lại, môi trề ra:

"Trốn nữa đi ông mãnh... cả tháng nay chờ anh như cả người, sợ anh quên địa chỉ, phải mang xe đến đón nè."

Hãn hạ giọng trầm, tay vung vẩy chùm chìa khóa:

"Quên sao nổi... ở nhà có nhiều chuyện đau đầu quá, không muốn làm Saba cụt hứng."

Saba rùn vai không trả lời, đôi mắt cô soi thẳng vào Hãn như hai phóng lửa. Tóc Hãn sau một ngày làm việc bờm xờm, vai ngang phè, ngực bụng hang hầm, chân dài chân ngắn. Hãn rùng mình, nàng đen xuống tấn, ưỡn ngực, cổ cao ngẳng, tóc quăn, mắt đổ quầng, âm u da diết. Hãn nhìn ngang, cô ta váy đỏ, da sậm, cứ phóng mắt rò mìn rà rà từ lông chân bò lên gốc râu chưa cạo của Hãn không một chút thương tình. Bao nhiêu hỏa lựa hùng hậu của Hãn ùm một cái, tiu tùng mây khói. Màn thư hùng thị giác tạm ngừng, Hãn cười gượng, vì không biết phải làm gì trong cơn hoạn nạn ái tình kiểu này.

Chẳng hiểu cớ sự chi, hấp lực trai gái hay họa phước vô lường? Dạo này các cô điện thoại săn lùng ráo riết quá. Bà Tài, hôm trước cứ ái ngại dòm chừng lúc Hãn soạn túi xách chuẩn bị lên nông trại nghỉ vài ngày với ông bà Morgan đã soi mói phàn nàn: "Bấn xúc xích chưa con? Điện thoại reo réo suốt ngày, soi gương coi, mặt mày phờ ra, không còn chối cãi vào đâu nữa nhé, thế nào cũng có ngày xụm bà chè lọi hết xương sườn lết về nhà không nổi nghe con."

Giờ hai người đứng kề nhau ngay đầu xe của Hãn. Saba thở, mùi rừng Phi châu, bò tót hừng hực. Hãn ớn da gà khi cô cứ soi sói phóng toàn bộ nhiệt năng của cô vào người Hãn. Cậu cả rủn người, đuôi mắt dài, đàn bà

hóc hiểm lột trần đàn ông. Lừng danh thật, con mắt đa tình, rừng rực như than. Saba véo tai Hãn, giọng nhè nhè ăn vạ:

"Thộn mặt ra, trông sexy dữ. Tôi khốn đốn vì ông rồi đó, liệu hồn."

Thấy Hãn vẫn lừng khừng, Saba ra lệnh: "Khóa xe lại vất đó, nãy giờ tôi cho xếp đi tàu bay giấy đó, đừng có tưởng bở ta nhớ nhà ngươi."

Hãn khóa xe để nó nằm ụ trong car park riêng, thản nhiên chui vào chiếc xe quen thuộc của Saba không rằng không nói. Cô cười, chiếc xe màu tro phóng vụt ra đường, giọng cô đổi sang tông lạnh khàn khàn như người đói:

"Tuần sau phải đi Brazil lo công chuyện cho ông già ở đó, không tìm được anh lấn cấn đi không yên bụng."

Thấy Hãn vẫn làm thinh, cô phì cười: "Cái mặt hầm hừ như con nít. Nói cho cậu biết trò ăn gian của cậu tôi không mắc lỡm nữa đâu, mỗi khi làm bậy, bất cứ bậy cái gì, bao giờ Hãn cũng trợn mắt hù trước, bắt thiên hạ quýnh đít quên hết lỗi lầm của Hãn. Đúng không?"

Hãn nhìn cô, thấy hai mắt cô vẫn hừng hực, Hãn gật liền, tay rờ lên đùi cô, tay vuốt xuống vuốt lên, mềm cứng, săn sắn, nóng nguội... da thịt cô bao giờ cũng ly kỳ hơn của Hãn. Saba liếc xuống, những ngón tay Hãn nói nhiều với cô những điều ngôn ngữ không thể nói. Cô uể oải duỗi chân, cẳng dài bên kia vươn xuống chân ga, bày một mảnh da xậm săn săn chòm lông nhỏ và một vết bớt mờ như kem phấn. Hãn rất thích vết bớt ngộ nghĩnh trên vế đùi căng cứng của cô, khó lòng cưỡng nổi một đôi lần cúi xuống. Saba giữ tay Hãn lại, đòi đi shop. Hãn lừ đừ gật đầu. Lượn vòng vòng cả buổi mới tìm được chỗ đậu xe, Hãn thở ra một hồi cho bớt ngộp rồi lẽo đẽo nối đuôi người tuôn vào khu David Jones cho nường đen rối rít mua sắm. Cô mua áo ngoài, áo trong, mua váy dài váy ngắn. Cô thử áo cả chồng, bắt Hãn đứng chầu chực ngoài cửa, tay ôm đồm cả một đống len, sợi, tơ sống, tơ chín, xám đỏ, đen vàng. Hãn hóa thân làm thần vòng giữ của, thân thể đàn ông trơ ra giữa một rừng quần áo lao xao, những tượng mẫu mở mắt suốt ngày đêm, ưỡn ngực vểnh mông, tay vươn ra mời chào thắm thiết. Đủ loại mannequin ngả nghiêng cong cớn chen với người thiệt cao lùn, mảnh gầy nhão nhẹt, vào ra chóng mặt như đèn kéo quân.

Saba mê shopping, tháng nào cô cũng ôm gói hàng đống bịch quần áo giầy mũ lớn nhỏ vẻ ngượng ngập bối rối đem tặng cho hội thiện. Tặng xong, tủ chưa kịp trống, cô mua nữa, nhét nhồi nêm chặt cho đầy tủ. Bệnh rồi, cả thế giới sau thế chiến thứ hai rùng mình một cái biến thành siêu thị khổng lồ. Kệ hàng, tủ kính, giầy dép áo quần, người mẫu đen trắng rập khuôn nhau từ Paris vù vù sang Úc, từ Ý tràn vào Mỹ, từ Nhật chúng lò dò xâm nhập Việt Nam. Cửa hàng quần áo phấn son trăm loại như quán cơm

cháo lú. Các bà các cô xô vào quán lú với tâm trạng của một nàng Roseanne phì nộn ngúng nguẩy soi gương, nạp tiền, hân hoan ôm quần áo về nhà mặt mũi phớn phở tưởng sắp biến hình yểu điệu như Naomi Campbell, như nàng Elle, như Cindy Crawford, size mười size tám. Cả nhân loại ùa nhau rơi vào bẫy sập trùng trùng của tiêu thụ, mệt mỏi, ngờ nghệch quýnh quàng cho tới ngày nhắm mắt.

Hãn đứng ngoài phòng thử, mặt cũng bơ ra như tượng mẫu lạnh lùng nhìn thiên hạ say sưa tíu tít hết váy lại quần. Saba ngoắc tay gọi Hãn vào phòng thử màn che hùm hụp. Hai mắt cô rực lên. Chiếc áo cô chọn lạ và sang, một màu không tên gọi, óng như bụi phấn nửa trong nửa đục mờ mịt như mây. Saba có một màu da cũng rất lạ, nâu đậm? nhôm đen? óng ánh? bùn non, đất nện? Chịu thôi, không thể gọi tên da thịt người tình. Cách cô chọn áo quần đủ ngật ngừ thiên hạ. Da nâu, cô chọn màu bạc óng, màu kem dâu, nguyệt bạch, trứng sáo, xanh lạnh. Vải lụa cùng da thịt tan lẫn vào nhau, cô mặc áo như không mặc, sóng váy dài, bó sát từ ngực xuống hông xẻ làm ba bốn mảnh. Saba xoay người chạm đủ thứ vào bụng Hãn, rồi kiêu hãnh kiễng người lên cho Hãn đờ đẫn thượng mắt lên đẩy mắt xuống, lưng bụng, eo ếch, vú đùi... Gương lớn treo hai phía. Một nàng Saba hoang dại chồng lên một Saba dạng chân khiêu khích. Hãn hôn phần ngực cô bày ra ngoài áo. Saba được dịp ghì chặt đầu Hãn, mặt ngửa lên, môi rộng dầy hé mở. Cô tao nao nức quá, Hãn cũng cồn lên như cuồng sóng. Chịu thôi, bé mọi của anh. Một chút e dè cố cựu vẫn còn trong xương tủy, gột đi không nổi, ma rốc rạch mặt, rằn rện càri, anh chẳng ngán, Việt tộc mới ghê. Bé mọi của anh... thở như cọp, chịu đời không thấu.

Hãn ui ui xếp vó qui hàng. Cô nắm tay dứ dọa, môi đầy nên háu đói, cô đòi ăn tối kiểu Việt Nam với Hãn để quen mùi Rồng Tiên mắm muối. Hãn hăng hái gật liền. Thoát nợ shopping, Hãn hăm hở tống một đống túi kềnh càng vào xe cho Saba rồi đắt cô lang thang qua khu China Town tìm nhà hàng Việt Nam. Hãn dắt cô lên những bậc thang trải thảm đỏ bước vào quán Hy Vọng. Như mọi lần, Hãn chọn bàn nhỏ gần cầu thang kê sát bên chậu thiết lan xanh biếc lõa xõa những tàn lá rộng rồi nhẹ nhàng đẩy tờ thực đơn bằng ba thứ tiếng cho cô chọn. Chữ Anh, chữ Việt, chữ Hoa ngoằn ngoèo.

Saba nghiêm trang tụng tờ thực đơn như tín đồ Mật tông lẩm nhẩm đọc thần chú, thỉnh thoảng cô ngửng mặt lên, cười nhăn cả mũi:

"Cái này giấy gạo, tôm, với rau hương liệu hả? Phải thứ hôm trước không? Đừng chọn thứ lai căng nghe Hãn. Saba thích đồ ăn Việt, thanh cảnh nhẹ nhàng không lênh láng mỡ dầu chua ngọt. Sao ngồi đó cười?

Cứu bồ cái coi, nhiều món quá, bối rối nè. Ước chi tôi có ba bụng tha hồ ăn."

Hãn nháy mắt rồi xăn tay áo chồm sang dạy dỗ người tình: "Chắc phải cho cô học tiếng Việt với Mưa thôi... Tiếng Việt nghe tới đâu mát ruột tới đó, tượng hình, tượng thanh, dâm tình cũng có, thanh cao cũng có luôn. Học đi là vừa, cái này gọi là bì cuốn, cái này gọi là chạo tôm, nói lại coi, chạo tôm..."

Saba ngoan ngoãn lập lại: "Chao tom! chao... tom! Đúng rồi món này chịu lắm. Hôm nay Hãn cho tôi ăn ba món Việt đi, mai mốt đi Brazil đỡ thèm."

"Được thôi, nếu cô không bị nghẹn."

Saba tiếp tục chúi mũi đọc menu, cô cười tít:

"Coi bộ dân tộc anh ăn uống khôn dàn trời, món nào cũng đệm thật nhiều rau cỏ, hèn chi nghèo đói, tương tàn chiến tranh không quật nổi. Tivi thỉnh thoảng vẫn có chương trình nói về Việt Nam, khung hình chiếu những cô bé nhỏ xíu cười toe toét từ đầu tới cuối phim. Nhiều khi tôi cũng hầm lắm, muốn nổ tung như mìn, lết về nhà, nắm cổ chai rượu, ngồi ngó chăm vào Tivi để chờ một nụ cười. Cái cô nhỏ lạ đời, gương mặt không đẹp so với những đứa bé khác, nhưng nụ cười rất Việt Nam của cô, quên không nổi, tưởng như sức sống và niềm tin của cả một dân tộc gom hết vào nụ cười của cô bé đó. Màn hình chạy một dây đủ trẻ em sắc tộc, bao giờ tôi cũng vội vã cười theo cô nhỏ Việt, quên hết giận tức cành hông của mình. Hãn à, hình như người Việt hay cười lắm phải không?"

"Á à, nằm sát nách một nước bự bành sư như Trung Hoa, không cười, thiên hạ nó quất sụm liền! Cười là vũ khí... tối độc của tổ tiên nhà anh đấy..."

Saba vẫn tò mò:

"Phải tự tin kinh khủng người ta mới biết cười chứ? Mấy hôm rồi kiếm tài liệu làm bài, đọc lại Alexander Woodside. Ông ta đưa Việt Nam lên tận mây xanh, Woodside quả quyết Việt Nam đang và sẽ là một dân tộc có văn hiến nhất của hành tinh này. Saba nghi quá, không biết ông ta có mết một người Việt Nam nào đó như tui mết Hãn không?"

Hãn cười:

"Nhất nhì khó nói lắm, nhưng bảo đảm với cô lịch sử oái oăm đã biến Việt Nam thành học trò của những đại sư thời đại. Tàu, Pháp, Mỹ, Nhật, Anh, Nga đủ trò hết. Nhưng coi chừng, thầy nào nổi lòng tham muốn biến Việt Nam thành nô lệ, học trò đứng sựng lên quát đuổi cho bằng được không tha nửa mạng."

Saba chớp mắt nhìn sâu vào mắt Hãn, vực mắt Hãn đen, âm u như

rừng nhiệt đới. Cô bối rối đành cúi xuống nghiền ngẫm thực đơn, Hãn kiên nhẫn đợi như một hiền giả. Một lúc, cô ngửng lên, vỗ đầu, làm bộ nhăn nhó rồi nịnh Hãn:

"Để chọn thử cho Hãn một món nghe, quái chưa! Hôm trước Hãn dạy món bú... bú gì đó... quên mất tiêu...?!"

Hãn hoảng hồn ngó quanh, cậu cả điếng người sợ cô nhớ đúng cái "món ăn" tai hại đó. Những lúc dê xồm ghẹo nhau, Hãn vẫn tinh quái dạy Saba nói tục. Nghe người khác chủng u ơ tập nói những danh từ mặn mòi trên giường, cơn hưng phấn dào dạt khác thường lắm. Hãn nín thở dòm quanh, gái mọi ăn to nói lớn. Lạy Trời! Cô ta quên phứt cái món hẩu xực Hãn vẫn chồm chồm lột quần áo, nhăn nhở khoe với cô anh mê tơi khoái khẩu nhất. Phen này đằng vân độn thổ không kịp, tha hồ trây trúa ê mặt với đồng hương ngồi đây trong quán.

Hãn nhanh trí nói trớ đi ngay:

"À! Bún! Mình có thể chọn bún thịt nướng, bún măng, bún bò Huế... Thiếu gì bún. Nhưng coi chừng, bún bò Huế cay lắm cô xực không nổi đâu..."

Saba nghiêm trang gật đầu:

"Tiếc nhỉ, không có cái món favourite của Hãn, thôi được... chao tom, bi cuôn, bun heo nuông, chịu không?"

Hãn thở phào, thoát hiểm rồi mừng húm. Yêu người khác giống kể cũng phiền... Hãn gọi thức ăn. Một đoạn tình ca nghe rất quen vẳng ra từ phía quầy... *Rước em lên đồi cỏ hoang ngập lối. Rước em lên đồi hẹn với bình minh*... Lúc cô gái nhỏ mang đủ rau thịt ra bày biện, Saba xòe tay nhìn, chun mũi hửi rồi hít hà như con nít.

Vừa lúc đó, Mưa và hai cô bạn ríu rít đẩy nhau trên những bậc thang bước vào quán. Ba cô gái ngó quanh tìm bàn trống. Xoẹt một cái, họ chạm vào mắt nhau. Hãn cười trước, hơi gượng. Mưa cũng vội vã cười một phát để đáp lễ người tình... lãng tử của cô. Miệng mồm cô nó hơi giật, thần kinh, cơ mặt phải một giây mới vãn hồi trật tự. Hãn chưa quen đụng trận kiểu này, dù sao cậu cả của bà Tài cũng trẻ người non dạ. Nàng mọi tỉnh khô, với Saba có chi lạ trên mặt đất phiền muộn này. Hãn liếc nhìn Mưa khi cô chọn góc bên trái, chỉ cách chậu thiết lan một bàn nhỏ. Từ góc độ xiêng xéo đó, Mưa thừa sức nhìn chăm vào mặt Hãn thăm chừng dò xét từng động tác của hai người. Đúng là vàng đen lẫn lộn. Chẳng còn cách mô hơn lì lờ như phỗng đá. Mưa cũng chỉ, cô tí toét cười với bạn, bộ dạng rất tư hớn hở. Ba cô gái Việt tranh nhau chọn món ăn, bánh hỏi nem nướng. Hình như vậy, Hãn không dám nhìn. Hãn không thể bỏ Saba giữa đường chạy về với Mưa... Bình tĩnh nghe Thầy Tư! Đâu còn có đó, lộn

xộn phen này, tai họa lường không nổi. Trước sau gì họ cũng phải biết nhau, rủi thành may, mình đỡ phải ni non xưng tội tổ tông với Mưa từ đầu tới cuối, cô ta đã mắt thấy, tai nghe, tỏ tường mọi chuyện, chịu không chịu, tùy thời.

Saba nháy mắt nhìn Hãn, giọng nhựa nhựa như keo:

"*It's very fresh*... Hãn ăn đi... ngon vỡ tim nè, sao tự nhiên mặt Hãn bề bộn như gà tây vậy? để tôi ăn một mình coi sao được."

Hãn vội cầm đũa, lua lua rau thịt vào miệng. Saba cắn nhẹ nhẹ vòng quanh cây chạo tôm chiên vàng, môi đầy, tham ăn, cô quét láng món sốt chua ngọt đỏ như gạch cua, lẽ ra chỉ ăn với gỏi cuốn. Hãn để cô ngoạm nuốt thoải mái món ăn của Việt tộc không nửa lời khuyên bảo dạy khôn.

Ăn xong Saba vui vẻ chùi miệng:

"Dân tộc của anh chì thật đó, bị Trung Hoa đô hộ mấy ngàn năm vẫn trơ trơ như đá. Coi nè, rau thơm đủ loại, bột gia vị không, mỡ đầu cũng không, một rẻo Chinese không thèm dính, giỏi thật."

Hãn tò mò:

"Cô không định làm luận án về văn hóa Việt đấy chứ?"

Saba cười:

"Có thể lắm. Thế kỷ hai mươi là thế kỷ của người da trắng, hai mươi mốt là thế kỷ của da vàng, biết đâu hai mươi hai là thế kỷ của Phi châu da đen? Dù sao Phương Tây họ cũng phải kết luận, người Việt của anh đáng gờm nhất, Tàu, Tây, Nhật, Mỹ chạy làng hết."

Hãn phân trần:

"Không hẳn như vậy đâu, một số người giàu cũng bày đặt cơm Tàu cơm Tây, họ trợn trạo ngấu nghiến bơ sữa um xùm lắm. Cũng may, đa số người nước anh nghèo nên dân tộc anh lì lợm vững vàng hơn."

Saba tò mò:

"Anh nói như vậy hóa ra người nghèo chì hơn người giàu sao?"

"Tại sao không?"

Saba nhìn Hãn vẻ người lớn hơn lúc ăn. Hãn đứng lên, nói nhỏ:

"Sorry, anh phải tới đằng kia hello mấy người bạn."

"ồ, đừng ngại, tôi đi rửa tay một chút."

Hãn bước thẳng tới chỗ Mưa ngồi. Mưa nghẹn, nãy giờ, phải bóp bụng, phải quăn queo nói cười hỉ hả, chừ nhếch môi, mềm xèo như mếu. Saba đẹp ngất người, nàng đen đi thẳng về phía cửa hông khuất sau tấm bình phong sơn mài dẫn vào phòng rửa tay của nhà hàng, bước chân uyển chuyển mê hồn như nữ thần bước xuống từ đền thờ Ai Cập. Một nhan sắc u u minh minh, tay chân hông bụng da thịt sóng sánh hệt nhân ngư trồi lên từ biển. Trời gầm, chưa chắc Hãn đã chịu buông. Cô ta hang động kỳ vĩ

quá, cái nhân dáng thông minh, vẻ hoang dã gợi tình của cô tỏa ra trên từng bước đi làm trái tim khốn khổ của Mưa đau thắt lại.

Tới gần Mưa, Hãn lên giọng anh hai, vẻ bao dung độ lượng phản nghịch với tóc bờm xơm, áo sơ mi bằng vải thô màu xám.

"Hi! Mưa."

Mưa tỉnh hồn, cô thẳng lưng trên thành ghế, chới với giới thiệu Hãn với bạn:

"Đây là Hãn... cậu em mình vẫn nói đó! Còn đây, Ngọc Sương và Phương Lan, bạn thân của chị... ờ, sao Hãn không vòng tay ạ cô giáo đi!!!"

Nói chưa hết, cô cười rần lên, chảy nước mắt. Sương và Lan tò mò nhìn hai người. Anh chàng cao lớn đẹp trai như tài tử, Mưa bắt vòng tay ạ, khùng quá. Mưa khựng người, mặt Hãn như củ khoai sùng, mặt Mưa méo xẹo như bánh ú, nụ cười giả ngộ tắt ngang xương. Diễn viên Mưa hạng bét, kép độc Hãn cương không nổi. Đĩa rau xanh nõn, bò lụi, nem nướng, củ kiệu, mắm nêm... Sương và Phương Lan bối rối nhìn đi chỗ khác. Mưa biết mình yếu xìu, ba thành công lực tan thành nước... đá... lạnh cóng cả tim. Tay run Mưa dấu dưới bàn. Họ đá nhau chuyện trời mưa trời nắng, đẩy qua đẩy về vài câu lịch sự đầy nghi thức. Trước khi trở lại với Saba, Hãn nói rất nhỏ, nhanh gọn như một lần huýt sáo: "Take care! Talk to you later..."

Lúc Hãn dẫn Saba xuống thang. Mưa quay mặt đi phía khác, chăm chú nhìn bức tranh màu sắc chói nhau khắc nghiệt trên tường. Rõ là quay đi, Mưa vẫn thấy cánh tay dài thòng của cô ta ôm ngang bụng Hãn, còn một tay cô ta giữ hờ cái xắc mềm bằng da hoẵng, vậy mà Mưa nghẹt mũi, nghẹt họng, Mưa cứng tim, cứng bụng, máu đỏ máu bầm ứ lên tận phổi. Nghẹt thở quá, Mưa phải rướn người trên ghế. Phương Lan nhìn chăm vào mặt bạn:

"Mưa đau sao vậy?"

"Nhìn tranh. Bộ không thấy tui nhìn bức tranh đó sao?"

"Có sao đâu? Tường trống họ treo tranh cho đỡ buồn."

"Đã gọi là tranh thì phải đẹp mới treo chứ. Tranh gì kỳ khôi, đỏ lòm như máu, ngó đau cả đầu."

Ngọc Sương chen vô:

"Họa sĩ mỗi người thích một gam màu riêng... Ông này phải ấn tượng. Có thể một cơn say nào đó bắt ông ta phải vẽ những quầng máu chen với sắc tủy xanh xám nhờ nhờ trông vô quay cuồng như vậy đó, thiên tài dễ bị mắc bệnh điên."

Nhạc cứ vang, ngắc ngoải khàn khàn... Giọng Jim Reeves ghen tương

nài nỉ người yêu trong bản *He'll Have to Go* làm Mưa tức ói lên... hừ! cần chi ghen cho mệt, đáng chi để bận lòng bận cẳng, ta với hắn... chưa thề chưa hẹn... *Put your sweet lips a little closer to the phone. Lets pretend that we're together all alone. I'll tell the man to turn the the juke-box way down low. And you can tell your friend there with you you have to go... Should I hang up or will you tell him he'll have to go?!*

Mưa đứng lên, phán:

"Chưa thấy bức tranh nào xấu hơn... hôm nay mọi thứ đều xấu xí. Thôi về đi, cái quán này mở nhạc ồn quá..."

*

Đêm Hãn về với Saba, chẳng còn cách nào khác hơn. Hãn nằm ôm Saba, hai thân thể chúng có trời riêng có đất riêng, vượt vòng cương tỏa. Hãn người, Saba cũng người. Miệng lưỡi chân tay trơn tru láng lẩy đường đi lẫn ngõ về, chúng sục sạo tìm nhau tan hoang mê mỏi.

Buổi sáng, Saba mệt ôm gối ngủ vùi. Hãn dịu dàng vuốt tóc cô rối bời trên gối, mong cô thức dậy để tạm biệt, cô xoay lưng ngủ tiếp. Hãn đứng lên kéo rèm cửa nhìn ra vịnh biển, trận bão rới thổi ngang thành phố xập xùi dai dẳng. Trời mù, sương muối chừng không tan nổi. Sóng to đẩy sóng nhỏ. Mưa xõa tóc bạt ngàn, mặt buồn, ướt sũng dòng dòng nước chảy, bọt sóng lẫn cùng rong rêu bám quanh môi miệng bệnh bông trên biển nước. Hãn dụi mắt, mặt Mưa, tóc Mưa chìm xuống biển. Hãn quay vào nhà, nhìn quanh. Saba nằm chân co, chân thẳng, đường cong chập chồng, lũng đồi nhô nhấp, thịt da nổi trên chăn nệm satin mềm láng như kem sữa.

Hãn nhón chân đi vào phòng tắm. Saba ngủ, vẻ no đầy cảm xúc tràn trề trên vành môi hé mở, một nỗi bình an đã hưởng đầy như trẻ sơ sinh no căng bụng sữa. Thay xong áo quần, Hãn xé mẩu giấy viết vội trên bàn ngủ: *"Anh phải ghé về nhà, nếu thu xếp được sẽ ra phi trường tiễn em. Bằng không... Chúc Saba những ngày rong chơi thú vị ở Nam Mỹ. Hôn em. Hãn."*

Hãn lấy taxi đến hãng, rồi phóng xe về nhà, đến một ngã tư vắng, Hãn đổi ý, quẹo gắt đầu xe vòng ngược về phía nhà Mưa. Ngôi nhà nằm giữa lưng đồi, dưới mưa bỗng nhỏ bé cũ kỹ hơn mọi ngày, mái ngói bám đầy rêu xám, xù xì từng mảng như vệt màu của tranh sơn dầu ẩm mốc vứt lăn lóc trong garage. Một toàn cảnh đìu hiu vắng vẻ. Hãn ngồi rất lâu trong xe. Mưa bay xiên, tạt qua cửa kính. Hãn quay kính lên, mặt tư lự, hai tay vòng trên bánh lái.

Với Saba mọi thứ sao nhẹ nhõm thênh thang dễ chịu? nàng Mưa này, giọt mềm giọt nặng nẫu gan nẫu ruột hồi nào chẳng hay? Hãn vuốt mềm

tóc xuống, tóc ướt hồi nào vậy? Bày chi dông bão đó? Tuồng tích mùi mẫn. Khổ quá, Hãn dượt hoài không thuộc.

...Mưa ơi Mưa, anh chỉ yêu có một mình "bé" thôi, người ta là gió trăng qua đường anh yêu bé nhất trần đời, mấy cô thứ nhì thứ ba thứ năm đó bé đếm số chi cho nặng bụng...

Hãn kêu thầm trong xe, một mình:

"Mẹ ơi, đoạn này trích ở tuồng nào nghe quen quá. Thất họng thiệt, cô ta lớn hơn mình mấy tuổi, uổng quá chừng - bé của anh - hạ giọng rền lên một tiếng bé, mọi gã đàn ông vụt biến thành khổng tượng, oai phong lẫm liệt hơn Đại đế Ceasar. Biết ca cẩm chi để dỗ Mưa bây giờ? Chính cô ta kèm cặp sát nút cho ta thông thạo tiếng Việt, văn chương tích chuyện cô ta đầy bồ. Kẹt dữ."

Cậu cả bời bời ngó chăm vào khung cửa buông rèm, Mưa trong đó, cô ta buồn, vui? cười hay khóc?

Hãn nhìn đồng hồ. Giờ này, lẽ ra Mưa phải mở cửa bước ra thềm. Hôm nay, cô không đi học, nhưng cô sẽ đến nhà thờ, sẽ đi chợ mua đồ ăn cho mẹ, đến thư viện mượn sách... Chờ không nổi, Hãn bước xuống xe, đội mưa chạy ù vào thềm. Chưa kịp gõ cửa. Mưa đã mở lách cách vòng khóa nhỏ, gương mặt trầm lắng hơn bao giờ, cô đứng ngay trong tầm tay của Hãn. Hãn không dám ôm lấy cô, chịu thôi, giọng cô xa lạ dữ:

"Có chuyện chi không? Sao Hãn đến sớm quá vậy?"

"Đâu có sớm?"

"Mới chín giờ sáng."

"Tại ngủ không được."

"Dĩ nhiên, Hãn ngủ không được rồi."

"Mưa ngủ được không?"

"Được chứ, ngủ bò lê bò càng, ngủ li bì như chết..."

Hãn kẹt tuồng. Mốc xì họ, cái mặt cô rõ ràng hốc hác... Mưa lạnh lẽo như không. Tại trời bão, gió dông, đàn bà mặt hay nặng. Cô ta chỉ hết biết, nửa lời không hó hé căn vặn chuyện tày trời đêm qua. "Tày trời" với Mưa thôi chứ, chuyện với Hãn thường như mọi ngày, thường như ngoạm vào mồm một gói tròn u béo bùi của Big Mac. Có hao mòn chi đâu, mặt nặng mày sa chăm chăm như chằng tinh cú vọ, khiếp quá. Hãn dụ khị, giọng hạ xuống, thì thào năn nỉ:

"Lên nông trại đi, ở đây... ngộp quá!"

"Ý hay đó, nhưng hôm nay Mưa bận lắm, chắc đi không được đâu."

"Chắc là không chắc? Mưa giận, phải không?"

"Đừng kiêu quá lố, giận cái gì mới được chứ?"

"Nếu không giận, sao không đi chơi, ở nhà buồn chết."

"Tại sao Hãn biết người buồn?"

"Biết chứ, biết nhiều hơn nữa kìa."

"Đúng rồi, lúc này Hãn giỏi dữ... lang bang coi chừng có ngày mang bệnh..."

Hãn làm lơ lời hăm dọa của Mưa, ít ra cô ta đã mở miệng nhắc đến cuộc đụng đầu tóe lửa chiều qua.

Giằng qua kéo lại, tiếng bấc tiếng chì mãi, o nịnh xàng xê đủ thứ chuyện: Dắt cô nàng vào nhà nguyện nhõng nhẹo rì rầm với Chúa. Đưa đi shop. Ghé thư viện trả sách... Lúc Hãn cho xe lăn vào nông trại, thung lũng giăng đầy hoa dại tím. Henry và Kat ngủ gà ngủ gật ở ghế bành. Hãn đưa Mưa xuống nhà trại phía sau. Trời nặng chĩu một màu chì xám ngắt, cỏ nặng, trời đất nặng, cây cối chừng như cũng bị mây chì đè bẹp xuống. Chiều đến nhanh. Mưa ngồi gọn lỏn trong chiếc sô pha cũ, loại antique bọc nệm đỏ kẻ những đường chỉ rất lạ, bốn chân ghế chạm khắc cầu kỳ những nét hoa văn thời Victoria.

Chờ mãi, Hãn cứ bơ đi, mặt Mưa bí xị, ruột gan bừng bừng. Ngoài trời ướt, cô vẫn thấy mình khô khát như bị sốt. May quá áo choàng có hai túi bự, cô thọc hết tay vào, cố gìm lòng đừng sôi lên nữa, hàm răng cô vẫn phải nghiến lại. Gớm thật, Hãn nhất định không chịu xác nhận cô gái da đen đẹp rụng rốn rụng lông thiên hạ chỉ là thứ qua đường qua chợ. Hãn cũng không nửa lời nói yêu Mưa, không thêm bớt cân đo nặng nhẹ. Đàn ông dễ có mấy tay, mới nứt mắt đã lắm lì khó dạy.

Dông gió bên ngoài không ngộp bằng khoảng tường đá xám xù xì bên trong. Cô muốn bốc lửa, thân thể cô là cánh đồng khô khát, lửa xẹt ngang sẹt dọc trong đầu như sấm sét ầm ì ngoài kia. Hãn liếc thấy cái mặt khô khắc của cô, ngán ngẩm một mình. Nhà này kỳ, nửa gỗ nửa đá, y chang Mưa, nửa Úc nửa Việt, đâm xòe rau muống, dưa giá, hành phi. Dỗ dành Mưa khó hơn Saba nhiều. Sai bét. Hãn chẳng bao giờ phải dỗ Saba. Ngồi mãi, ngốt ruột, Hãn đành phải mon men tới gần, bệt người dưới sàn, thò tay nắm lấy bàn chân Mưa có những móng hồng rất xinh vuốt nhè nhẹ, cố dọn vẻ mặt dầu dầu cho đúng điệu Việt Nam tiêu hành ruốc tỏi. Cứ chỉ này ăn tiền. Mặt Mưa hơi dịu xuống. Lợi dụng lúc đối phương lơ đễnh hồn xác xương thịt phèo phổi chìm theo xúc cảm của chân tay buông nghỉ. Hãn mở màn:

"Anh gặp Saba lâu rồi, trước khi có mọi chuyện với Mưa. Cô ta là một người bạn tốt, chia sẻ mọi thứ với anh, nhưng không bao giờ xía xọ lăng quăng kia nọ vào đời nhau."

Mặt của Mưa chĩu xuống:

"Bộ Mưa xía xọ nọ kia vào đời Hãn?"

Hãn lắc đầu:

"Hy vọng Mưa không bắt anh phải lời qua tiếng lại với Mưa. Đời này có bao lâu, và ta không gì nếu cứ ngồi đây xỉa xói dằn vặt nhau."

"Nãy giờ Mưa không nói nửa câu, sao Hãn dùng chữ xỉa xói ghê gớm đó?"

"Sự im lặng của Mưa nặng kí lắm rồi đó. Có bao giờ anh muốn làm Mưa buồn đâu, làm cho nhau sung sướng hạnh phúc sợ không đủ giờ để làm nữa kìa."

"Hạnh phúc không phải thứ để Hãn cho người này người kia dễ dàng như vậy đâu."

"Vậy sao? chính cô giáo Mưa dạy anh hồi trước, hạnh phúc phải biết cho đi, không so đo tính toán, cho càng nhiều càng tốt, hạnh phúc cũng không phải là một món hàng để chiếm lấy sang đoạt hay độc quyền làm chủ. Phải Mưa nói như vậy không?"

Mưa làm thinh, môi nhếch ra một tiếng hừ. Hãn không thích mô thức cười lạnh lẽo như tượng sáp của con gái. Cười kiểu này... thiếu giống gì trên Tivi, cần chi phải mất công mày mò cả buổi với Mưa.

"Saba không phải là Mưa, và dĩ nhiên Mưa cũng không phải là cô ấy..."

Mưa lạnh mặt, mặt vác lên ngó ra ngoài khung cửa. Trời xám đen. Cái mặt Mưa cũng xám luôn. Cô lầu bầu một mình... cứ trên chân trên cẳng chơi gác mình, tức không chịu được... Cô quay lại lườm Hãn:

"Đủ rồi, nói riết lảm nhảm như ông cụ. Đừng nhắc tên cô ta nữa được không?"

Thấy Mưa chịu mở lời, Hãn mừng rỡ chớp liền thời cơ, cà dựt cà tang nửa đùa nửa thiệt tả oán với Mưa:

"Vậy thì nói chuyện Mưa... Mưa dai, mưa dẳng, Mưa dầm mưa dề... Vậy mà tôi cứ yêu, yêu mê, yêu mệt, yêu khốn yêu khổ như thằng nghiện như thằng khùng... chán chưa?"

Giọng lè nhè của Hãn làm cô bật cười. Cười xong cô biết mình ngu quá. Thây kệ cho lỡ luôn, mưa gió lạnh lùng, giận thứ đàn ông đầu bò như Hãn chẳng ích lợi gì.

"Mưa giống như cái xứ Việt, vừa đáng yêu vừa oan khiên khủng khiếp. Nó còn đâu đó, vứt đi không được, như Mưa vậy."

"Khủng khiếp?"

"ừ khủng khiếp, bởi vì nó cứ lù lù ra đó... Mưa biết rõ nó hơn anh, yêu nó nồng nàn hơn. Còn anh, anh cứ phải moi móc đi tìm, càng tìm càng thấy khốn đốn. Mưa có vẻ hãnh diện về quê hương cũ. Anh cũng muốn như vậy, nhưng anh vẫn cảm thấy nhột nhạt khó chịu khi chia sẻ

hai chữ Việt Nam với Mưa. Có thể anh không nên dự phần vào... nên quên đi. Saba khác hẳn chúng ta, cô ta tự tin và nắm chắc tất cả những gì cô ta có được. Anh ở đâu cũng thấy lạc đường."

Vậy đó, Hãn nói như không nói, phân trần như không phân trần. Rồi từ phút giây nào, trời bên ngoài nhá lửa, cơn bão rớt lại ào về nông trại. Hãn úp mặt vào người Mưa. Cô bỗng khùng lên, cánh đồng khô khát của cô ghì lấy Hãn. Chưa một lần nào, Hãn thấy cô tả xung hữu đột truy bức thân thể Hãn dữ dằn hơn. Gầm gừ mê mỏi, hào hển đứt hơi. Cuồng lên vì lạc thú, cô làm Hãn kích ngất vì những rung cảm khốc liệt của cô. Chưa một lần trong đời, Hãn dám dự cảm phần da thịt mềm mại của Mưa lại có thể bùng lên những phong ba bão táp kinh thiên động địa như thế này.

Sau trận đấu càng cua mê mỏi, hai người nằm bên nhau, nghe mưa bão hú lên từng chập. Gió gào từ lũng xa. Bầy ngựa dưới trại rít lên từng hồi. Quá nửa đêm, chuông điện thoại đổ. Hãn chụp vội máy nghe, giờ này không ai gọi để thăm hỏi chuyện tầm phào mưa nắng. "Hello! Yes... nhà ông bà Morgan... ồ Mom...! Bình tĩnh! đừng khóc. Dad bị bắn? chỗ nào Mom nói lại coi. Mom không bị gì hết chứ? Tụi nó ném Koala xuống đất?... Được rồi, con về ngay bây giờ. Mom đừng khóc nữa, con về bây giờ đây!"

Hãn che ống nói lúc Mưa hoảng hốt chồm lên nhìn chăm vào mặt Hãn:

"Nhà bị cướp, tụi nó bắn ông già!"

"Mom cứ ở yên trong nhà! Trên đây đang có bão... Không sao, con về được."

Mưa mệt tơi tả, chưa bao giờ cô xông pha chiến trận vã người như đêm nay. Chịu thôi, hiểu sao nổi mình. Gác điện thoại xuống, gương mặt Hãn vụt cứng như đá tảng. Nó đỏ rực lên, rồi thoắt một cái đen bầm lại. Cô nín thở, dương mắt nhìn, không dám chạm vào cơn giận điếng người của bạn. Lúc Hãn đội mưa lao người chạy băng xuống nhà kho. Mưa cũng hối hả xô cửa muốn chạy theo Hãn, sực nhớ, cô khựng lại nhìn xuống thân thể trần trụi quấn vội trong khăn tắm của mình, ngần ngừ quay vào.

Lúc trở lên, mặt Hãn tái nhợt đi. Cái xắc da, cách đây mấy tháng Mưa đã một lần trông thấy ngổn ngang súng đạn đen ngòm trong đó được Hãn ném bịch xuống sàn nhà. Đôi mắt Hãn khô khốc như hai viên sỏi bị nung đỏ.❐

đỉnh ngàn sao

Diễm-Âu

(Riêng Bà Ngoại Ch. của hai hoàng-tử- bé,và Bà Ng., Bà Kh.)

Khi ba người sắp đến được chiếc cổng chính dẫn vào khu Chợ Ngàn Sao thì trời đã tối sầm. Trên đầu họ, màu đen cứ loang ra từ từ rồi đặc quánh lại như thỏi mực Tàu chàng mới vừa nhờ Điểm mài tối hôm trước để chàng ngồi chép lại đôi vần thơ cũ. Trước mặt họ, từng nhóm người bước chậm rãi trên con đường lát gạch cũ kỹ. Những viên gạch đất nung, sứt mẻ, lồi lên lõm xuống, ban đêm trông giống như những chiếc mu rùa nhám đen, xấu xí. Con đường có bề ngang vừa đủ rộng cho một chiếc xe bò và chạy dài tít tắp đến quãng trường, nơi người ta họp chợ. Từ xa vẳng lại, chàng nghe thấy tiếng người rì rào nói chuyện, tiếng gió vi vút quyện trên những nhánh cây bàng sum suê.

Người đàn ông dẫn đường quay đầu lại nói với hai vợ chồng:

- Trời tối đen như mực thế này thì Chợ Ngàn Sao tha hồ đông phải biết! Sáng phải biết!

Rồi ông ta mỉm cười, ranh mãnh:

- Chợ đông chỉ phải cái sợ lạc! Cậu mợ cẩn thận, kẻo lạc nhau thì tìm không ra đâu! Lại về tay không cho đấy!

Ba người lại tiếp tục lầm lũi bước đi. Người đàn ông dẫn đường đi trước, bước chân thoăn thoắt, hai vợ chồng theo sau, vừa đi vừa thì thầm trao đổi với nhau những câu chuyện không đầu không đuôi. Trong bóng tối, Điểm không chút ngượng ngùng nắm lấy tay chồng. Nếu là ban ngày, chắc nàng chả bao giờ dám làm như thế cả. Chàng nghe nàng thì thào... Giọng vợ chàng, nửa nhỏ nhẻ như giọng một đứa bé, muốn làm nũng, nửa cương quyết như giọng một bà mẹ, muốn dặn dò, dọa dẫm đứa con thơ:

- Nắm chặt tay em, cậu nhé, kẻo lạc.

Bàn tay Điểm ấm, nhưng không mềm. Những ngón tay thuôn thả, dài quá khổ. Chàng hình dung ra được những đường gân dọc ngang, nổi xanh

trên mu bàn tay của nàng. Những cô gái con nhà, giàu có, đài các như vợ chàng thường có những bàn tay mềm mại, búp măng, rất đẹp. Nhưng vợ chàng thì khác. Người ta xem số cho Điểm khi nàng vừa lọt lòng, bảo với Thầy Mẹ nàng là 'về sau, số con bé này sẽ vất vả lắm đấy'. Điều này, chàng đã được nghe Điểm kể đi kể lại không biết bao lần rồi, nhưng chàng chẳng mấy tin vào thuật tướng số, chỉ tin vào lòng mình, lòng người. Thế nhưng, có lẽ, số vợ chàng cũng có phần vất vả thật đấy, ít ra là từ ngày Điểm về làm vợ của chàng. Thầy Mẹ nàng có tiếng là thương người, lại giàu nứt đố đổ vách, của ăn của để biết đến đời nào mới hết. Từ một người cai thợ tầm thường thuở còn hàn vi, Thầy nàng đã nhờ vào trí thông minh, óc sáng tạo và tài tháo vát hơn người mà trở nên một nhà thầu tăm tiếng và giàu có nhất nhì Hà Nội. Chính ông là người đã đứng ra xây cất trường trung học Albert Sauraut và nhà ga Hà Nội, không ai là không biết đến. Phúc ấm của các Cụ để lại, của Thầy Mẹ tạo ra, chắc chắn là vợ chàng và các em của nàng sẽ được hưởng hết! Nhưng, từ ngày lấy nhau đến giờ, tuy hai vợ chồng sống rất hòa thuận và hạnh phúc ... thế mà họ cũng đã phải trải qua không ít những xáo trộn khiến cho đời sống của hai vợ chồng thêm phần vất vả, ngược xuôi. Tất cả cũng chỉ tại vì chàng, vì cá tính cương nghị và khẳng khái của chàng. Người Pháp chẳng mấy thích chàng, họ đã nhiều lần tình nghi chàng làm hội kín, và đó là một cái cớ tốt để trong bao nhiêu năm liền, chàng bị họ đẩy đi làm việc ở những mạn nước ngược, từ Chợ Bờ, cho đến Chapa, Cao Bằng.

Ngày mới lấy nhau, theo chàng lên Chợ Bờ, ngày nào Điểm cũng tỉ tê khóc. Dạo ấy họ lại chưa có con nên những năm tháng ở Chợ Bờ - ở cái nơi khỉ ho, vượn hú, heo hút đến não lòng ấy - thật dài đăng đẳng và cô đơn khủng khiếp đối với Điểm. Vài năm sau, khi chàng bị đổi lên Chapa thì con gái đầu lòng của hai vợ chồng đã lên ba, con bé thứ nhì lên hai. Lẽ dĩ nhiên, tuy vẫn là xứ nước ngược nhưng, Chapa là nơi nghỉ mát, có suối có thác, cả người lẫn cảnh đều đằm thắm, tươi mát hơn ở Chợ Bờ. Cả ngày, vợ chàng phải bận rộn với các con, chẳng còn thời giờ ngồi rồi nên cảnh núi non trùng điệp, vách núi này dựa vách núi kia để theo nhau lên tận đỉnh trời ở Chapa không còn làm cho Điểm ủ rũ đến héo úa nữa. Rồi tiếp đấy,vài năm sau, lúc con bé thứ ba chào đời cũng là lúc vợ chồng con cái lại phải thu xếp để đi Cao Bằng. Nhưng, đến hôm nay thì mọi việc đã êm ấm trở lại. Chẳng rõ vì lý do gì (mà dĩ nhiên, không phải vì do chàng cậy nhờ vào bất cứ thế lực quen biết nào), chàng đã được chuyển về làm việc ở nhà thương Bạch Mai mấy năm liền, chăm sóc cho những bệnh nhân điên và thảng hoặc, cho một số ít tù nhân chính trị khi cần đến. Có lẽ, ngày sung tháng hạn của chàng đã qua khỏi rồi nên cuộc đời của hai

vợ chồng sẽ êm ả từ nay ...

Thế mà cách đây không lâu, người ta lại tiếp tục xem số cho Điểm, lại tiếp tục thầm thì rằng sau này, số nàng sẽ vất vả lắm tuy chẳng một ai chịu mở miệng nói cho nàng biết nguyên do. Người ta không nói vì người ta không biết, hay vì người ta tránh không muốn nói ra những sự thật có thể làm cho Điểm đau lòng? Nhưng, ô hay, xem tướng số mà úp úp mở mở như thế thì đi xem làm gì cho nhọc! Thế mà Điểm lại tin như tin thần. Nàng ngồi đoán non, đoán già ... Vì thế này, vì thế kia ... Và cuối cùng, nàng kết luận ... Cậu ạ, có lẽ chỉ tại vì chúng mình không có được một mụn con giai nối giõi, về già sợ không nơi nương tựa, thiếu người chăm sóc, lúc chết không biết phải đặt bàn thờ, linh ảnh ở đâu? Lẽ dĩ nhiên, chuyện này thì chả cứ gì phải nhờ đến tử vi, tướng số mới biết ... Chàng đã phải bấm bụng nghe tất cả mọi người, kể cả đôi bên thầy me của chàng và Điểm, nói đi nói lại từ bao năm nay rồi.

Mà nghĩ lại cho cùng, trong tất cả mọi người, hóa ra chính Thầy chàng lại là người ít khi nhắc về chuyện này nhất. Chàng biết ông buồn, buồn lắm, vì chàng là con trai trưởng, nhưng tính ông điềm đạm, thâm trầm; từ bé cho đến nay chàng chưa hề bao giờ nghe ông mở mồm than thở chuyện gì. Ngày xưa, chàng thường phải nhìn vào đôi mắt sâu hiền từ và dáng ngồi tư lự như phỗng đá của ông vào những buổi sáng chàng dậy sớm pha trà uống hầu ông ... thì mới có thể đoán biết được ông đang có chuyện phiền lòng. Me chàng thì trái lại ... bà cứ nhắc mãi đến chuyện Điểm không sanh được cho ông bà một cậu cháu đích tôn nối giõi như thể đó là một điều vô cùng ... bất hạnh. Có lúc, bà cố nhẫn nại khuyên chàng:

- Ối giào, anh lo gì, có lấy đứa nào về rồi thì cũng phải bảo mợ ấy dạy cho nó biết sống có trên có dưới là yên cửa yên nhà ngay chứ việc gì anh phải lo. Lấy vợ lẽ thì may ra có ngày anh có được con giai cho thầy me mừng.

Rồi sau đó, bà bảo thẳng với Điểm:

- Mợ cũng nên nghĩ lại, để ý tìm người, cưới một cô vợ lẽ về cho cậu ấy, may nhờ giời nó đẻ cho được một thằng cu nối giõi thì tất mai sau về già cậu mợ cũng được nhờ!

Chàng biết chắc rằng những điều Me chàng nói đã làm buồn lòng vợ chàng không ít. Nhưng Điểm chỉ biết ngậm câm. Con dâu dám mà đối đáp với bố mẹ chồng! Chàng trở thành cái phao cuối cùng để Điểm bám vào, nhoi lên khỏi mặt nước mà ôm lấy bóng trời xanh. Với chàng, chuyện không có người nối giõi ấy đã ăn thua gì, con trai hay con gái gì thì một nửa cũng vẫn là chàng, và một nửa là Điểm; vợ chồng chàng sẽ sống mãi trong các con, rồi các cháu, trai hay gái gì cũng thế! Chàng theo Tây học,

lại học thuốc, nên biết rõ mươi phần mười là chuyện hai vợ chồng không có con trai thuộc về trách nhiệm của chàng, chả ăn thua gì đến Điểm cả. Nhưng, đã mấy ai biết được những điều như thế ở vào thời đại này. Làm sao chàng có thể cắt nghĩa được những loại quan niệm phóng khoáng và những kiến thức khoa học quá tân thời đến sỗ sàng, sống sượng ấy cho Thầy Me, nhất là Me chàng nghe? Làm sao Me chàng có thể vứt bỏ cả một 'thành trì phong tục' quá kiên cố để chấp nhận và tin vào những điều mà bà cho là 'chuyện nhảm' như thế? Niềm tin của một người, của nhiều người, qua nhiều thời đại... những niềm tin và phong tục đã nuôi sống, lẫn làm hư hại một dân tộc ấy, chẳng thể một sớm một chiều mà bôi xóa đi được. Nếu bắt những người như Me chàng phải tin vào những điều mà, đối với bà, bất khả tín, thì đó thật là một cực hình cho tâm trí của bà.

Mà thật ra, cả cái việc chàng phải lận lội đi với Điểm đến tận Chợ Ngàn Sao này cũng chẳng phải là điều chính chàng thật lòng muốn tin, hay muốn làm. Nhưng ... niềm tin của chàng ở Điểm lại vô cùng to lớn. Nên chàng đi theo vợ, như đi theo cái bóng của chính mình. Hôm qua, vợ chàng đã bảo với chàng:

- Cậu ạ, Chợ Ngàn Sao đêm mai sẽ là một cánh cửa mở toang lên trời.

Chàng nghĩ thầm trong bụng, phải đấy, em ạ, những vì sao khổng lồ đã nổ tung ra thành vô vàn những cánh sao tí hon, óng ả, nép mình gọn gàng vào trong những chiếc hộp bé tí, xinh xinh, nằm chờ chúng mình tìm đến. Hằng triệu triệu năm ánh sáng ... Những quả mặt trời vàng ối ... Đã mấy ai biết được những điều này ở thời đại chúng mình, em nhỉ. Nhưng, tất cả sẽ được bẻ vụn ra thành những mẩu sáng lóng lánh, xinh đẹp, bỏ vừa được vào trong lòng bàn tay ta.

Và vợ chàng nói:

- Nhất định chúng mình sẽ trở về nhà với những chùm sao nhấp nháy, tốt lành trên tay, nhá, cậu, nhá.

Chàng đã ngồi yên, lắng nghe vợ nói thao thao với tất cả tấm lòng hứng khởi, thấy Điểm thật đáng yêu và thật thà, tốt bụng làm sao. Cuối cùng, chàng đã buông một câu nói đùa, hỏi Điểm:

- Mợ bảo thế nào, có giống như những chùm bánh giò, cái nào cái nấy no tròn xinh xắn, mở lá gói ra thì thấy nếp với giò quyện lại vàng ngậy, thơm ngào ngạt, chỉ cần mợ cho anh chấm với một chút đường mật thì ăn quên ngày quên tháng, phải không nào?

Và vợ chàng đã xịu mặt xuống, bảo với chàng:

- Cậu đừng nói trêu em như thế, bao nhiêu tinh tú đều họp cả lại ở Chợ Ngàn Sao, nếu ta không có lòng tin, lẫn lòng thành, thì làm thế nào giời thương cho ta tới được, mà nếu có tới được thì cũng chả đem được

một cánh sao nào về, nói chi đến cả chùm. Cậu đem chuyện bánh gio ra mà nói đùa, chỉ làm buồn lòng em!

Mà chàng thì đời nào lại muốn làm cho vợ buồn. Nên từ hôm qua cho đến mãi tận bây giờ, chàng thôi không hỏi căn hỏi vặn Điểm nữa. Chàng im lặng để mặc cho Điểm lo toan mọi chuyện, và chỉ hứa với nàng là bằng mọi cách, sẽ mua về cho bằng được những chùm sao mà nàng hằng ước ao.

Liếc sang nhìn vợ, chàng nghe thấy tiếng vợ chàng hỏi người đưa đường. Giọng nàng thoáng nét lo lắng:

- Liệu đông như thế thì mua bán có khó lắm không, thưa ông?

Người đàn ông lắc đầu, bảo với hai vợ chồng, giọng thật sắc:

- Chả việc gì phải lo! Ở đây, cậu mợ biết rồi đấy, phải duyên thì mua được, không duyên thì về tay không, có chen lấn cũng chả ích gì. Vả lại, người ta có nhận tiền đâu mà sợ đông người, lắm mồm mặc cả. Cậu mợ cứ yên trí, tin tôi đi. Đông hay vắng gì thì cũng đủ ngần ấy vì sao để dành chờ cậu mợ đấy.

*

Khi khối khí quyển khổng lồ bắt đầu chán sống cuộc sống bồng bềnh của một vầng mây hùng vĩ (nhưng, già nua và cô đơn) thì đó chính là thời điểm tốt lành nhất để những vì sao được sinh ra đời. Hằng triệu năm sống trong sự già nua và cô đơn chỉ thực sự có ý nghĩa khi những vầng mây hùng vĩ tự đốt cháy mình để nổ tung ra thành muôn ngàn vì tinh tú bao la. Rồi muôn ngàn tinh tú bao la ấy, ngày lại ngày, sẽ phải lớn lên, sẽ phải học những bài học vỡ lòng (ngây thơ) và những bài học trưởng thành (ngọt ngào lẫn cay đắng). Lại ức ức tỷ tỷ triệu triệu năm trôi đi. Rồi sẽ đến lúc muôn ngàn tinh tú chẳng thể còn ngây thơ mãi được... Sẽ đến lúc những vì sao già phải chọn cho mình một sự ra đi, như đã từng có lần tự chọn cho mình sự chào đời vào giữa không gian bao la huyễn hoặc này. Cái chết của những vì sao già sẽ đến, và cũng sẽ làm chấn động cả vũ trụ (không mấy khác sự chấn động của buổi chào đời).

Và... khi ấy, những vì sao non trẻ khác sẽ lại được sinh ra trong niềm hy vọng, hân hoan, không khác chi sự ra đời của một mặt trời. Đó là sự tụ hội của vô vàn những mảnh vụn tinh tú sau khi những vì sao già đã phải tự làm cho mình nổ tung lên để từ giã cuộc đời già nua của chúng.

Rồi chẳng bao lâu sau, chúng ta sẽ nghe được tiếng nói thì thầm trên những vì sao bé bỏng, tinh khôi. Đó chính là tiếng nói của những vì sao măng sữa kể lại câu truyện tiền kiếp của mình từ muôn ngàn vạn ức năm qua. Rồi khi chuyện vãn đã chán, những vì sao bé bỏng sẽ khép mắt lại yên lặng trôi vào giấc ngủ. Những vì sao sẽ mơ những giấc mơ đẹp. Trong

giấc mơ đẹp ấy, những vì sao thấy mình đang buông lơi giữa một giải ngân hà ... trong tiếng nhạc dìu dặt ... rồi cứ thế ... chúng từ từ rơi xuống .. nhẹ nhàng rơi xuống ... như những cánh hoa nõn nà rụng xuống như mưa từ một bầu trời sáng vằng vặc bao la.

Và, khi tất cả những vì tinh tú mê ngủ đã ra đi khỏi bầu trời để biến thành những cánh hoa biết mơ mộng, bầu trời sẽ chẳng còn lại gì khác ngoài một màu đen u buồn.

Bên dưới bầu trời đặc quánh kia, người ta sẽ đốt đèn, sẽ reo hò và chen lấn nhau để đi hái bắt những vì sao đang rơi rụng. Ai cũng muốn hứng cho bằng được những cánh sao sáng nhất, đẹp nhất, và xinh tươi nhất vào trong lòng bàn tay của mình. Chẳng ai muốn nhớ đến những cánh sao không sáng, không đẹp, và không xinh tươi. Chúng cũng đang lặng lẽ rơi xuống, âm thầm rơi xuống, cho dù biết rằng người ta không đốt đèn để hân hoan chào đón chúng vào lòng bàn tay bao giờ.

Nhưng, biết làm sao khác hơn được, khi những cánh sao xấu xí ấy chẳng thể nào ở lại một mình trên bầu trời cô đơn kia.

*

- Rồi người đàn ông ấy có mua về được cho vợ ông ta những vì sao như bà ta mong ước không? Đứa bé hỏi.

Quyển sách không trả lời.

Quyển sách rơi xuống nền gạch hoa màu ngọc thạch.

Một tiếng bộp nho nhỏ vang lên, nhưng không còn một thứ tiếng động nào có thể làm cho đứa bé khó chịu nữa. Bé đã trôi vào giấc ngủ thật say, nơi bé thấy mình đang xách một chiếc lẳng mây có kết hoa, đôi chân nhỏ tung tăng đi tìm mua những vì sao lóng lánh. Bé thấy mình đứng giữa một khu chợ trời, ở một nơi xa lạ, chẳng thấy quen thuộc tí nào. Có tiếng người ta réo gọi nhau ơi ới. Bé không còn là một đứa bé nữa. Bé đã hóa ra là một cô thiếu nữ xinh xắn, khuôn mặt đẫm nét mộng mơ. Cô thiếu nữ tóc vấn đuôi gà, đầu đội nón quai thao, chân mang đôi hài thêu đẹp như đôi hài cong của cô Tấm. Vâng, hệt như cô Tấm được hoàng tử cho diện quần áo mới trong truyện cổ tích vậy. Cô thiếu nữ tấm tắc nhìn cô trong gương. Cô lại thấy cô mặc áo dài nhung, cổ đeo kiềng vàng có trạm trổ công phu. ồ, không, không phải cô Tấm đâu, chính là cô bé đi chùa Hương ngày cô bước chân về nhà chồng đấy chứ! Cô bỗng nghĩ đến lời mẹ cô hôm kia, hôm qua. Mẹ cô đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp cho cô nghe. *Con tôi xinh, xinh quá. Bao giờ cô lấy chồng?* Rồi cô lại nghe thấy tiếng bà ngoại của cô gọi. Bé Bông! Ngủ đi con. Trưa quá rồi, à à ơi ... Ở nhà, mọi người gọi đùa cô là bé Bông, bảo là cô mũm mĩm, mềm mại, trắng trẻo như bông gòn nhưng, tự nhiên sao cái tên ấy lại làm cho cô nghĩ đến con

cá Bống của cô Tấm thế không biết! Bông với Bống. Bống Bông Bông. Thật ra thì chẳng ăn nhập gì với nhau cả. *Bống ơi Bống, mau mau... lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, đừng ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người, à à ơi* ... Cô thiếu nữ cười rúc rích một mình, thầm nghĩ, à, thì ra chắc là tại tôi ham đọc nhiều truyện cổ tích quá rồi đây. Rồi cô tiếp tục bước đi tung tăng giữa khu chợ trời.

- Thế liệu tôi có sẽ mua được nhiều vì sao sáng, đẹp, và xinh tươi về làm của riêng không? Cô thiếu nữ hỏi.

Quyển sách không trả lời.

Và đứa bé bừng tỉnh dậy.

Bé xoay qua bên trái, thấy Bà ngoại của bé đang nằm nhắm mắt, cánh tay phải vắt ngang bờ trán. Buổi trưa lặng như tờ. Bộ áo cánh trắng bằng vải phin nõn của Bà như sáng lên bên cạnh bé, mềm và mát rượi. Bao giờ ở nhà, Bà cũng mặc một bộ áo cánh màu trắng như thế. Tóc bà được chải thành một lọn dài, quấn lại giữa một lớp vải nhung đen mềm và được vấn tròn quanh đầu. Chỉ có buổi tối đi ngủ Bà mới gỡ ra; những lúc ấy, đứa bé để ý thấy tóc Bà rất thưa và có thật nhiều những sợi bạc, màu ngà ngà như màu những búp hoa ngọc lan rơi đầy quanh sân nhà bé.

- Bà ơi Bà! Đứa bé gọi.

Bà xoay mình qua nhìn bé.

- Thế còn những vì sao xấu xí ... Nếu người ta bắt được thì người ta sẽ làm gì với những vì sao xấu xí ấy, hở Bà? Đứa bé hỏi.

Bà không trả lời. Đứa bé chờ được vài ba giây, rồi sau đó, không chờ thêm được nữa, bé kéo áo Bà, lay nhè nhẹ. Lâu thật lâu sau, Bà nói:

- Con ạ, người ta cũng sẽ phải giữ kỹ lấy chúng, và tập thương yêu chúng. Vì nếu không có những vì sao xấu xí thì người ta sẽ không bao giờ biết quý những vì sao xinh đẹp, và họ sẽ không bao giờ thấy được rằng những vì sao xinh đẹp thật sự xinh đẹp đến ngần nào.

Đứa bé chau mày, ra chiều không hiểu.

- Nhưng, thôi ... trưa quá rồi. Ngủ đi con. Chiều dậy Bà dẫn cho đi lễ chùa. Hôm nay ngày rằm đấy.

Bà vừa nói vừa cầm chiếc quạt phe phẩy quạt cho bé mát.

Đứa bé ngoan ngoãn nhắm mắt lại.

Và, cô thiếu nữ xinh như cô bé đi chùa Hương ngày bước chân về nhà chồng lại hiện ra.

- Thế liệu tôi có sẽ mua được nhiều vì sao sáng, đẹp, và xinh tươi về làm của riêng không? Cô thiếu nữ lại hỏi câu hỏi cũ.

Vẫn không có tiếng trả lời.

Quyển sách vẫn nằm yên trên nền gạch đá hoa.

Những trang giấy ngà đua nhau tan ra thành hằng hà sa số những vẩn bụi, bay la đà vào trong những giấc mộng trăm năm, rồi trăm năm hoá ra thành ngàn năm ... thành muôn ngàn, muôn vạn ngàn năm ...

*

Và, khi ta trở lại khu Chợ Ngàn Sao thì ta sẽ thấy hai vợ chồng họ vẫn còn lẩn quẩn ở đấy. Người đàn ông dẫn đường đã biến đi đâu mất. Chỉ còn lại hai vợ chồng.

- Thôi, mợ ạ, ta đi thôi. Đừng nhọc công, vô ích. Ta lại còn làm mất thì giờ của cụ đây.

Chàng vừa ghé đầu nói thầm vào tai vợ, vừa khoanh hai cánh tay lại để ngang ngực. Gương mặt chàng đã lộ vẻ nôn nóng. Chàng biết Điểm còn đang tần ngần, chưa muốn dời chân, nhưng, cuối cùng, chàng đành cúi đầu xin lỗi bà cụ bán sao tử tế và kéo tay vợ ra khỏi chiếc quán ngập ánh sáng lóng lánh. Bà cụ bán sao ái ngại nhìn theo hai vợ chồng. Khuôn mặt cụ có hai gò má tuy hơi cao nhưng trông cụ thật hiền từ, phúc hậu, dáng người cụ dong dỏng, cử chỉ cụ thật từ tốn, dịu dàng. Cụ sẽ sàng đóng nắp một chiếc hộp gỗ hình vuông lại và quay qua mỉm cười với hai người khách mới vừa bước vào.

Khi ra đến ngoài rồi thì Điểm bật khóc. Mặc cho người qua kẻ lại giương mắt tò mò, soi mói ngó, Điểm cứ đứng yên giữa chợ, thút thít khóc. Trên tay Điểm, những sợi dây lụa có kết những cánh sao nhấp nháy đang rung rung theo tiếng thổn thức của nàng. Tất cả những cánh sao mà Điểm hằng ao ước đã được kết lại với nhau trông thật gọn gàng, hòa hợp. Tất cả ... duy chỉ trừ có một cánh sao, cái cánh sao nằm im lìm trong chiếc hộp hình vuông của bà cụ dáng người dong dỏng có hai gò má cao trên khuôn mặt hiền từ.

Không biết phải làm gì khác, chàng kéo vợ vào đứng tạm dưới một Quán Sao bỏ trống gần đấy. Chiếc quán nằm chìm trong bóng đêm, như nó không hề có mặt trong khu Chợ Ngàn Sao ồn ào náo nhiệt và rực rỡ vì khắp nơi đều tràn ngập ánh sáng này. Chùm sao trên tay Điểm như cũng nhạt đi; trong bóng tối giữa quán, không hiểu vì sao chúng không tiếp tục nhấp nháy ánh sáng nữa. Chúng nằm yên như đang ngủ say. Điểm đã thôi không khóc nữa. Nàng đứng nép mình vào bên cạnh chàng, trông ngơ ngác, hụt hẫng như một đứa bé vừa lạc mất mẹ.

Người đàn ông đưa đường quả đã nói không sai. Trời đêm nay tối đen như mực nên Chợ Ngàn Sao đông như ngày hội. Bao nhiêu tinh tú đã đổ cả về đây. Hai vợ chồng đã theo chân đám đông lang thang khắp cùng các ngõ ngách. Không có một chiếc quán nào là hai vợ chồng không ghé chân vào. Chàng đã ngạc nhiên vô cùng vì không thể ngờ được Chợ Ngàn

Sao lại có thể rộn rịp, tươi vui đến thế. Vừa bước hết con đường lồi lõm, ẩm ướt và qua khỏi hai cánh cổng chính dẫn đến quãng trường thì cảnh thái thay đổi hoàn toàn đến không thể ngờ được. Chẳng giống như một khu chợ trời tầm thường mà chàng đã mường tượng trong đầu. Ở đấy, cái gì cũng mang vẻ trang trọng, đẹp đẽ khác thường. Hai vợ chồng như lạc lối vào giữa một dải ngân hà rực rỡ. Đường đi bỗng như biến thành con suối bạc, uốn mình đưa chàng và Điểm lướt ngang qua những Quán Sao chói lòa ánh sáng. Từ quãng trường bước xuống mấy chục bậc tam cấp, có không biết bao nhiêu là những chiếc quán được dựng lên dọc hai bên đường để bày bán muôn ngàn tinh tú cho khách thập phương. Quán được dựng bằng một thứ vải bố dầy màu trắng ngà, trông gọn gàng, xinh xắn như những túp lều trong truyện thần tiên. Phía lưng và hai bên hông quán đều được quây kín lại, riêng phía trước mặt bỏ trống và có treo một tấm màn bằng vải thưa rất mỏng, dài, rộng phất phơ. Tấm màn cũng màu trắng ngà, trên có đính những hạt kim tuyến màu bạc lấp lánh. Trong mỗi quán, trên đất đều có trải những khoanh chiếu hoa hình vuông, bên trên chiếu lại bày thêm từng chồng gối to, sặc sỡ màu sắc cho cả chủ lẫn khách ngồi. Ở giữa chiếu là một chiếc mâm bằng đồng thật lớn trạm trổ công phu có đặt những chiếc hộp gỗ trầm hình vuông, và trên nắp mỗi hộp đều có khắc tên của một vì sao, hộp nào hộp nấy thơm ngát và chắc cũng chỉ to bằng một tấm bánh dẻo thơm ngon mà chàng rất ưa thích là cùng. Những chiếc hộp gỗ trầm tuy được đóng nắp rất kỹ nhưng lại tỏa ra một thứ ánh sáng kỳ ảo, lôi cuốn. Những chiếc hộp trong có chứa những vì sao mê ngủ của vợ chồng chàng! Những chiếc hộp là nơi dừng chân tạm thời của những vì sao bé bỏng! Vâng, tất cả những cánh sao tươi đẹp mà Điểm ao ước được đem về làm của riêng đều có mặt ở đấy ... những cánh sao rất tốt lành, và nếu chàng không lầm thì cả những ... cánh sao xấu xí.

Người đàn ông đưa đường cũng đã nói sơ qua cho hai vợ chồng biết về cách thức mua bán ở khu chợ trời kỳ lạ này nên họ cũng không đến nỗi quá lúng túng. Ông ta đã dặn đi dặn lại hai vợ chồng rằng:

- Cậu mợ nhớ giùm cho tôi đấy. Đừng hấp tấp, đừng vội vã, nhớ phải thành tâm đấy nhá. Nhớ đấy nhá. Chả việc gì phải chen lấn. Trước sau gì rồi thì cũng tới lượt mình thôi.

Và người đàn ông tiếp tục kể:

- Đây, tôi nói trước cho cậu mợ biết. Như thế này nhá. Khách mua sao sẽ phải xòe hai bàn tay ra cho người bán sao đặt thử các cánh sao ấy vào tay. Nếu phải duyên thì cánh sao sẽ nằm yên và tiếp tục tỏa ánh sáng lấp lánh. Người bán sao sẽ hân hoan, sung sướng nhặt cánh sao rực sáng ấy ra khỏi tay khách, và sẽ buộc cánh sao ấy vào một sợi dây bằng lụa

bạch. Nhưng, trước khi trao sợi giây lụa bạch ấy lại cho khách, người bán sao sẽ bắt khách phải trả giá cánh sao bằng một lời hứa.

- Ông bảo thế nào ạ? Một lời hứa ư? Sao lại thế? Thưa ông, lời hứa ... như thế nào? Hứa cái gì cơ chứ? Vừa ngạc nhiên, vừa thắc mắc, chàng buột miệng hỏi ngay.

Người đàn ông đáp:

- Ấy, lời hứa ấy là hoàn toàn do tự ý của ta, hoàn toàn do ta tự nguyện. Nhưng, ta phải hứa với tất cả tấm lòng thành. Mà đã hứa là phải giữ lời. Cậu mợ đã hiểu rồi chứ?

Hai vợ chồng yên lặng ngó nhau, bối rối, chưa biết phải trả lời như thế nào cho phải. Thoáng chút ngần ngại, chàng nói:

- Thế nhưng ... người bán sao sẽ làm gì với những lời hứa của chúng tôi? Làm sao những điều chúng tôi hứa có thể giúp họ đổi lấy gạo, lấy tương, lấy cà được, thưa ông? Chả nhẽ họ đem cho chúng tôi cả một vì tinh tú mà chỉ đổi lại bằng một lời hứa suông thôi sao?

- Ấy, ấy, người đàn ông cao giọng. Như thế này nhá. Những điều cậu mợ nói ra sẽ được người bán sao ghi lại vào trong một quyển sách mà người ấy luôn luôn giữ kỹ bên mình. Quyển sách ấy chính là gia tài khổng lồ của những người bán sao. Họ là những người vô cùng giàu có, vì bất cứ khi nào họ cần đến thì gia tài khổng lồ ấy cũng có thể giúp nuôi sống họ và con cháu của họ đời này qua đời kia.

Hai vợ chồng còn đang phân vân chưa biết thực hư ra sao thì người đàn ông đưa đường đã xua tay, quả quyết:

- Cứ tin tôi đi. Mọi việc đơn giản lắm. Chả có gì để cậu mợ phải suy nghĩ, thắc mắc cả đâu!

Chàng nhìn Điểm, Điểm lại nhìn chàng. Chàng nhớ lúc ấy vợ chàng có vẻ bối rối lắm. Nàng hỏi, giọng hoang mang:

- Vâng, thì là thế. Chúng tôi tin lời ông. Nhưng, thưa ... đấy là có duyên thì thuận mua, thuận bán, chứ còn nếu nhỡ không phải duyên ... thì làm sao, thưa ông?

Người đàn ông đưa đường nhìn Điểm đăm đăm. Chốc sau, ông ta mỉm cười rồi bảo nhỏ:

- Mợ thật cả lo! Nhưng ... không hề chi ... biết trước thế là tốt đấy ...

Chàng nhớ ông ta đã cắt nghĩa cho hai vợ chồng nghe rằng, thường thường, nếu không phải duyên thì cánh sao sẽ cứ lu mờ dần rồi tắt lịm trên tay khách mua sao. Người bán sao sẽ buồn bã nhặt cánh sao tắt lịm ấy ra khỏi tay khách và đặt cánh sao vào lại trong căn nhà gỗ trầm thơm ngát của nó. Chỉ ít giây sau, chiếc hộp trầm lại bừng sáng lên và lại tỏa ra cái thứ ánh sáng óng ánh, quyến rũ, cái thứ ánh sáng kỳ lạ làm mê hoặc lòng

người y như trước. Và, cánh sao ấy sẽ lại tiếp tục ngủ say trong căn nhà tuy tạm bợ nhưng lại thơm ngát mùi trầm của nó, kiên nhẫn chờ đợi những người khách khác sẽ tìm tới trong những dịp khác, trong những cơ duyên khác.

Khi nhớ lại tất cả những câu trao đổi giữa hai vợ chồng và người đàn ông đưa đường, chàng không khỏi áy náy. Thật là có cái gì đã không ổn ngay từ đầu, chàng nghĩ thế. Bây giờ, làm sao để kéo vợ chàng ra khỏi khu Chợ Ngàn Sao này đây. Chàng nghĩ, ta phải kéo Điểm về thôi. Cả một chuỗi sao lóng lánh trên tay thế kia, đủ rồi ... mà có muốn hơn nữa cũng chả được, thế thì nên về đi thôi. Quyết định xong xuôi trong đầu rồi, chàng mới sực nhớ ra là người đàn ông dẫn đường đã biến đi đâu mất. Lúc nãy, ông ta có dặn:

- Khi nào xong xuôi rồi thì cậu mợ trở ra lại quãng trường, tôi sẽ trở lại đón. Nhớ đấy nhá, khi nào nghe tiếng gà gáy sáng là chợ sắp tàn đấy. Trời mà sáng rõ thì chả còn trăng sao nào ở đây nữa đâu. Ta chuẩn bị về thôi.

Chàng lại nghĩ thầm trong bụng, gà chưa gáy, chợ chưa tàn, thế mà ta đã muốn về rồi, trở ra quãng trường thì không khéo chẳng thấy ông ấy đứng chờ để đón về ... rồi hai vợ chồng làm sao đây?

Khi chàng quay qua định hỏi ý kiến vợ thì Điểm đã biến đi đâu mất. Thảng thốt, chàng gọi lớn:

- Điểm! Điểm ơi! Em Điểm ơi!

*

Vừa đúng lúc ấy, buổi sáng rỏ những giọt sương mù mờ đục vào đôi mắt chàng. Chàng ngó thấy chiếc mùng lay động, và bóng vợ chàng hiện ra. Nàng ngồi ghé xuống bên cạnh chồng.

- Em đây ạ. Cậu gọi gì em thế? Tiếng Điểm thật dịu dàng. Cậu ngủ say quá. Không khéo lại trễ giờ hẹn với anh Đốc Chữ đấy!

Chàng ngồi bật dậy.

- Chết thật! Mợ ạ, anh vừa ngủ mê. Ta dẫn nhau đi Chợ Ngàn Sao. Mợ đứng khóc mãi, không chịu về, thật đến khổ.

Vợ chàng cười tươi như hoa:

- Cậu mê ngủ thật rồi. Làm gì có Chợ Ngàn Sao. Ai mà bán sao cho mình! Chỉ có Đỉnh Ngàn Sao thôi! Hôm nay cậu có hẹn với anh Đốc Chữ để đưa anh ấy leo lên Đỉnh Ngàn Sao đấy. Cậu mê ngủ quá quên cả ngày giờ. Em đã nhờ bác xe thu xếp đủ cả các thức cần dùng cho cậu và anh Đốc Chữ trong đôi ba hôm rồi đấy ạ.

Chàng sực tỉnh, thật tỉnh. Quả thật là mình đã ngủ mê! Nhưng, không hiểu sao hai gò má cao trên khuôn mặt hiền từ của bà cụ bán sao tóc bạc

lại vẫn hiện rõ mồn một trong trí chàng như thế! Chàng quay qua vợ:

- Các con đâu nhỉ?

- Chúng nó đang ăn sáng dưới nhà và chờ cậu dậy để còn chào cậu trước khi cậu đi đấy. Chốc nữa em cho chúng nó qua nhà cô chú Khải để chơi với lũ trẻ bên ấy.

Nói xong, vợ chàng lại mỉm cười và nhắc chàng:

- Nhớ đấy nhá, cậu mà leo lên được đến đấy rồi thì cậu hái về cho em những cánh sao tươi đẹp nhất đấy, nhá, cậu nhá. Ở nhà em và các con sẽ chờ.

Trong lúc chàng sửa soạn thay quần áo, vợ chàng vừa ngồi vấn đầu trước tấm gương to, vừa hát nho nhỏ. Giọng nàng ngọt như ru, xanh ngọc xanh ngà như màu cốm Vòng, đỏ au đỏ ửng như những trái hồng vừa chín tới. Cốm ăn với hồng, ngọt ngào chi lạ, đằm thắm chi bằng. Chàng bỗng nhớ tới những ngày còn phải đi sêu tết nhà nàng, và chàng bỗng thấy trong lòng êm ả, mát rượi. Cô Điểm nhà ta thế mà tài, cả họ ai cũng chế nàng như thế. Nàng ngồi ở sau rèm nhìn ra, chỉ thoáng nhìn thấy lưng áo chàng đi ngang qua sân vườn, chỉ thoáng thấy chàng xoay tròn chiếc ô một vòng làm điệu, thế mà nàng đã ... phải lòng chàng ngay lập tức thì có phải đúng là có duyên có nợ với nhau không! Hôm ấy, chàng nhớ, chàng mặc áo dài the đen, đầu đội khăn đóng, tay xách chiếc ô đen, cùng với một bà mối, đi theo Thầy Me chàng đến để ra mắt bố mẹ vợ tương lai lần đầu tiên. Hai cô cậu thật xứng đôi vừa lứa, cả họ ai cũng tấm tắc khen không ngớt lời. Khi ấy chàng đang học trường Thuốc năm cuối cùng. Qua năm sau chàng ra trường với bằng cấp y sĩ đông dương (mà khi ấy còn gọi là y sĩ phụ thuộc), hai người lấy nhau, rồi chàng được bổ vào làm cho Brigade Mobile d'Hygiène et de Prophylaxie, một hệ thống y tế lưu động người Pháp đặt ra để lo cung cấp các dịch vụ vệ sinh, y tế phòng ngừa cho dân bản xứ tại khắp các làng xã, huyện lị xa đô thành. Hầu hết các y sĩ bản xứ mới ra trường đều bắt đầu hành nghề trong cơ quan này với tư cách tập sự trong vòng hai năm đầu. Và cũng vào cuối năm ấy, hai người lấy nhau chưa được bao lâu thì chàng đã bị đổi đi làm việc ở Chợ Bờ! Rồi bây giờ, là Chapa ... Chapa ... ô, mình đang ở Chapa đây chứ. Đã được về nhà thương Bạch Mai đâu nào!

Bâng khuâng, chàng nhìn ra ngoài khung cửa sổ. Khí trời thật lặng lẽ, mát dìu dịu. Trước mặt chàng, sương mù đã tan đi khá nhiều tuy nhiều vòm sương trắng đục vẫn còn đọng lại hững hờ trên những triền núi phía xa xa. Chàng nghĩ, đẹp quá, như những cánh cò quấn quít bay từng đàn về nơi quê cũ. Gió thổi những cánh cò trắng đục ấy bay lại gần nhau, rồi quyện lại với nhau thành một. Và, trên những đỉnh núi cao, chàng có cảm

tưởng những cánh cò trắng đục ấy đang giang đôi cánh rộng ra ôm vào lòng màu xanh mượt đầy vẻ hoang vu, kỳ bí của núi. Núi cứ thế mà đứng yên, ngã mình vào đôi cánh ôm ấp, mềm mại của một đàn cò đang say sưa bay la bay lả...

Buổi sáng hôm nay cũng không khác gì những buổi sáng đã qua, khí trời mát dịu, sương giăng mờ đồi núi, người đứng ngắm cảnh như cũng muốn được biến thành một vạt sương bay lãng đãng vào trong bức tranh tĩnh vật đang yên lặng trải ra trước mặt mình. Thế nhưng, sao trong lòng chàng sáng hôm nay có gì rất khác lạ. Chàng cảm thấy mọi thứ đều mộng mị hơn cả mộng mị, kể cả chàng. Cái cảm giác lạ lùng như chàng đang đứng ngắm chính mình từ phía bên kia khung cửa sổ, và sương trắng thì đang ở khắp nơi bên này khung cửa sổ, trong căn phòng ấm cúng của hai vợ chồng.

- Mợ này, mình đang ở Chapa đấy chứ, nhỉ? Chao ôi, núi non, sương trắng, hữu tình ... Chàng hỏi vợ, cố lôi mình ra khỏi giấc mơ.

Vợ chàng chau mày nhìn chàng, đôi mắt đượm vẻ ngạc nhiên:

- Vâng ... Không ở Chapa thì ở đâu bây giờ? Không ở Chapa thì làm sao ta leo lên được đến Đỉnh Ngàn Sao, hở cậu ... Nhưng, cậu làm sao thế? Cậu lại đang làm thơ đấy ư?

Vợ chàng hỏi cho có hỏi, nhưng nàng không chờ đợi một câu trả lời, vì nếu chàng có làm thơ thì, luôn luôn, nàng sẽ là người đầu tiên được đọc thơ của chồng. Những bài thơ chàng làm và phổ biến giới hạn trong nhóm bạn văn thường được chàng ký dưới hiệu Tương Huyền. Tương Huyền Vũ Đình Tường. Mỗi đêm, chàng cùng các bạn họp nhau tại nhà riêng, bàn chuyện thơ văn, chuyện quốc sự, và đã nhiều lần bị tình nghi là họp hội kín để làm cách mạng. Chàng có một người em trai cũng cùng xuất thân từ ở trong nhóm bạn văn ấy. Em trai chàng lấy hiệu là Tam Lang. Tam Lang Vũ Đình Chí. Người ấy, về sau, sẽ nổi tiếng khắp bốn phương nhờ những thiên phóng sự sống động có một không hai của mình. Người ấy, về sau, sẽ giả vờ sống cuộc đời của một anh phu xe nghèo hèn - vâng, *Tôi Kéo Xe*, tôi sống bằng nghề của kẻ kéo xe lam lũ, rồi nhờ đấy mà lừng lẫy, và có nhiều lúc trong cuộc đời nghệ sĩ, sẽ bị dày vò vì nỗi nhớ thương anh mình.

Nhưng, đấy là chuyện về sau.

Còn bây giờ, khi ta bắt gặp thấy hai vợ chồng họ bên khung cửa sổ giữa thị trấn sương mù vào một buổi sáng chàng vừa tỉnh mộng ngàn sao thì, có lẽ, chàng y sĩ đang thở bằng hơi thở của một văn nhân, và đang sực nghĩ đến những giòng thơ chàng muốn làm tặng vợ. Chapa đằm thắm và mộng mơ như chưa bao giờ đằm thắm và mộng mơ như thế. Và nhất định,

thơ của chàng cũng sẽ thở bằng hơi thở của Chapa ...

*

Trên đất ấy, Đỉnh Ngàn Sao là đỉnh núi cao nhất nước, cao gần ba ngàn một trăm bốn mươi ba thước, thuộc về rặng Hoàng Liên. Muốn lên đến được Đỉnh Ngàn Sao, người ta phải vừa leo vừa nghỉ mất ba ngày hai đêm, phải vượt qua những vách núi cheo leo, hiểm trở, và băng qua những khu rừng tre chi chít, rậm rạp.

Đứng ở giữa thị trấn vào những hôm đất trời trong trẻo, người ta có thể nhìn thấy Đỉnh Ngàn Sao từ xa vươn lên sừng sững giữa những đám mây bạt ngàn. Đỉnh núi luôn luôn đổi màu theo sắc mây, đôi lúc tím thẫm, đôi lúc biếc xanh, hoặc ửng vàng như màu những trái cam Bố Hạ vừa chín tới. Màu sắc của núi lúc nào cũng rực rỡ, sống động ... cho đến khi mùa mưa dầm trở về làm ướt sũng cảnh vật, nhòe nhoẹt đất trời. Khi mùa mưa dầm đến, cả thị trấn co mình lại rên rỉ. Khí trời lúc nào cũng ẩm ướt, lạnh lẽo, đường phố lầy lội dưới những cơn mưa sụt sùi. Đỉnh núi cao chót vót biến mất sau những tấm áo tơi khổng lồ giăng ngang trời, mịt mờ, trắng xóa. Vào quãng cuối tháng Chạp, gió bắt đầu đổi hướng và thổi đưa những đám mây đi xa ra khỏi thị trấn. Bầu trời trở nên trong trẻo hơn nhưng, chỉ độ chừng một tháng sau đó, những cơn gió lạnh như cắt lại trở về, đem theo cái buốt giá ghê hồn từ phương Bắc.

Người ta đồn rằng trên Đỉnh Ngàn Sao, những vì tinh tú mê ngủ thường rủ nhau đậu lại trên những ngọn cây thật cao. Những vì tinh tú, đong đưa trên cành như những hoa trái thơm ngon nhất, lấp lánh ánh sáng như những hạt kim cương rực rỡ nhất, kiên nhẫn nằm chờ có người đến hái đem chúng về bỏ vào lòng bàn tay. Nhưng, chuyện ấy nào có dễ! Vì vào ban ngày, khi ánh mặt trời lan tỏa khắp núi rừng, sẽ chẳng ai có hy vọng nhìn thấy ra được những vì sao mê ngủ. Chỉ vào ban đêm, khi màu đen đặc quánh ôm cứng lấy bầu trời trên đầu đỉnh núi, những vì tinh tú măng sữa ấy mới hiện ra trên những nhánh cây như những chiếc đèn tí hon treo ngược, tỏa ánh sáng kỳ ảo ra khắp mười phương.

Ai có gan có mật mới dám dừng chân lại nghỉ qua đêm trên đỉnh núi ấy. Nhưng, không phải ai cũng sẽ hái được những cánh sao tươi đẹp nhất đem về làm của riêng ... Nếu ta không có duyên với cánh sao nào thì cánh sao ấy sẽ vụt tắt đi khi bàn tay ta vừa chạm tới nó, bỏ ta đứng chơ vơ dưới một bầu trời thăm thẳm, tối đen ... Và, ta sẽ trở về tay không, chân bước nặng nề xuống núi, lòng buồn bã khôn lường ...

Nhưng, lắm lúc, có người chỉ trở về với những cánh sao xấu xí trên tay... Họ cũng sẽ buồn bã khôn lường ... Những khu rừng tre chi chít, rậm rạp bỗng như dầy đặc hơn. Đường đi xuống dốc ngược không kém đường

đi lên, xuyên qua những rễ tre chằn chịt. Những thân tre to lớn, già nua như vươn mình ra che lấp lối về. Những chiếc cầu mây băng qua những ao sình lầy nằm rải rác đây đó ở thung lũng giữa hai triền núi như cũng gập ghềnh, lắc lẻo hơn.

Và, những cánh sao xấu xí trên tay họ còn nặng nề hơn cả những túi xách cồng kềnh trên thân của những chú lừa ưa nặng.

*

- Rồi người đàn ông ấy có sẽ hái được những cánh sao tươi đẹp nhất trên đỉnh núi để đem về làm quà cho vợ của ông ta không? Đứa bé lại hỏi.

Quyển sách không trả lời. Đứa bé loay hoay đi tìm, nhưng nó tìm mãi mà chẳng thấy gì hết. Quyển sách chẳng còn nằm ở chỗ cũ, trên sàn nhà lát gạch hoa mát rượi.

Đứa bé không tìm nữa. Bé ngồi yên.

Nhiều năm trôi qua.

Nhiều năm nữa trôi qua.

Bé không còn là một đứa bé nữa. Bé đã hoá thành một người đàn bà, nhưng lần này, không phải là trong giấc mơ ...

Người đàn bà nhớ lại hình ảnh của cô thiếu nữ mộng mơ xinh như cô Tấm, và người đàn bà chảy nước mắt.

- Bà ơi Bà! Người đàn bà, hay đứa bé, gọi.

Không có tiếng Bà trả lời.

Người đàn bà lại thấy hiện ra cô thiếu nữ xinh đẹp mặc áo dài nhung thẫm, cổ đeo kiềng vàng chạm trổ công phu. Đám cưới vừa xong, đôi vợ chồng son đưa nhau đi chụp ảnh kỷ niệm. Cô thiếu nữ ngồi trên một chiếc đôn bằng sứ, hai chân khép kín lại, tay đeo bảy chiếc vòng có trạm trổ, đầu vấn khăn nhung, trông cô thật đài các, sang cả. Trên mặt cô lấp ló một nụ cười mím lại giữa hai cánh môi búp sen xinh tươi. Bên cạnh cô là người chồng mới cưới. Chàng mặc áo dài the đen, đội khăn đóng, khuôn mặt vuông vắn, đẹp phương phi. Chàng đẹp không thua gì một hoàng tử, có lẽ còn có nhiều phần hơn, vì hoàng tử chưa chắc đã có được một đôi mắt sáng rỡ, sáng thu hút đến thôi miên người nhìn như mắt chàng. Bên cạnh vợ, chàng ngồi ghé nửa người trên một thư án, một chân buông thõng xuống đất, một tay để hờ trên vạt áo ngang đùi. Trông chàng có dáng dấp của một văn nhân. *Người đâu thanh lạ thường, tướng mạo trông phi thường, lưng cao dài trán rộng, hỏi ai nhìn không thương.* Người đàn bà, hay đứa bé, lại nghe thấy có tiếng Mẹ đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp đâu đây. Thảo nào mà vợ chàng đã phải lòng chàng ngay từ buổi ban đầu khi chưa cả được mặt giáp mặt với nhau, người đàn bà thầm nghĩ.

- Bà ơi Bà. Người đàn bà, hay đứa bé, gọi.

Không thấy tiếng Bà trả lời. Chỉ thấy có Mẹ thôi.

Người đàn bà, hay đứa bé, đã có được hai đứa con trai thông minh, dĩnh ngộ. Người đàn bà, hay đứa bé, hay bà mẹ trẻ ... nhìn ra chân trời phía xa xa... rồi lầm thầm ước, ước gì tôi có được một cô con gái, mủm mỉm, xinh xắn để chúng tôi có thể gọi bé là Bé Bông Con. Ở vào thời buổi này, mai sau lớn lên con gái sẽ gần gũi vời bố mẹ hơn con trai, như thế không tốt hơn ư! Bà mẹ trẻ chợt mỉm cười một mình. Ô hay, có phải là tôi lại đang xây mộng ước trên một vì sao đấy không. Lại cũng vẫn khí trời mát dịu, sương mờ giăng kín cả một khoảng đồi xanh mượt sau nhà. Ta đang ở đâu, ở đây, hay ở Chapa ... Người đàn bà muốn mở tung cửa ra, đi vào trong sương.

- Bà ơi Bà. Hai chú bé cao lớn, khỏe mạnh, cất tiếng gọi

Không thấy tiếng Bà trả lời. Chỉ thấy có tiếng Mẹ, hay Bà của *hai hoàng tử bé*, vỗ về, ôm ấp hai chú. Tóc Mẹ bây giờ cũng bạc trắng như tóc Bà, nhưng Mẹ không vấn tóc, cuộn tròn thành lọn trong mảnh vải nhung đen quanh đầu như Bà. Mẹ chỉ búi tóc lại sau gáy, và khi đi đâu thì cài lên đấy một bông hoa bằng lụa sắc màu trang nhã.

*

Ông ngoại mất năm Mẹ lên mười ba. Người đàn bà, hay đứa bé, mơ hồ nhớ lại.

Năm ấy, Ông mới vừa bốn mươi ba tuổi, Bà cũng chỉ mới bốn mươi. Ông lây bệnh chí rận từ những người tù chính trị mà người Pháp giao cho Ông trông nom. Ngày ấy, bệnh typhoid rất khó chữa, biết quá trễ là đành bó tay. Đang khoẻ mạnh, yêu đời, đùng một cái Ông lên cơn sốt, mê man đúng trong vòng một tuần, và sau đó, Ông ra đi ... Sự ra đi quá đột ngột của Ông làm cho Bà như bị ném vào một cơn ác mộng mà sẽ không bao giờ có được buổi sáng tỉnh dậy thấy mình đang nằm mơ. Đám ma Ông, Bà phải nhờ cậu L., con trai của người em trai ruột của Bà, mặc áo sô, đội mũ gai, chống gậy trúc và bưng bức linh ảnh của Ông đi trước. Bà và ba cô con gái theo sau, bị bắt phải lăn ra đường khóc la thảm thiết để chặn chiếc xe tang lại không cho đi. Hủ tục của dân Trung Hoa, dân mình ôm lấy hết! Chao ôi, sao cái cảnh ấy lại não lòng, thê thảm đến đứt ruột đến thế. Tội cho cả người sống lẫn người chết. Vì làm thế, người chết có muốn sống lại cũng không sống lại được, mà người sống thì y như đang ép mình phải quằn quại sống trong một cảnh địa ngục tối tăm. Sự biểu lộ lòng thương tiếc sâu đậm nhất, to lớn nhất khi ta mất đi một người thân yêu, có lẽ không làm cho lòng thương tiếc ấy sâu đậm hơn được, mà chỉ làm cho ta, và cả người ta thương yêu, bị dày vò, đau đớn thêm bội phần.

Cả ba năm trời sau đó, cho đến ngày mãn tang Ông, ngày nào Bà

cũng cúng cơm Ông ba bữa. Ngày nào cũng cơm nước đầy đủ các món ăn Ông ưa thích, và một quả trứng luộc để trên bát cơm trắng có cắm thêm đôi đũa bày trên bàn thờ. Ngày nào, Bà cũng ngồi khóc tỉ tê vào giờ cúng cơm Ông, vừa khóc vừa than vãn, gọi tên Ông ... và, cứ thế, buổi lễ cúng cơm kéo dài trong tiếng khóc nỉ non hằng giờ đồng hồ, đều đặn như thế, ngày này qua ngày kia.

Mẹ thường trốn thật xa ra sau vườn, một mình ngồi bịt tai lại để khỏi phải nghe thấy tiếng khóc não nề của một người vợ trẻ phải đột ngột góa chồng khi tuổi còn đang độ thanh xuân. Mẹ cũng không nhớ vào những lúc ấy, bác Ng. và cô Kh., cũng như Mẹ, biến đi đâu mất, hay trốn ở những đâu. Và, cứ thế, một mình, trong yên lặng, Mẹ cũng khóc ... Nhưng, những giọt nước mắt thủy tinh trong suốt âm thầm lăn xuống trên khuôn mặt bầu bĩnh của một cô bé tuổi mười ba, có lẽ, cũng không thua gì những cơn giông tố đầy tang tóc đang diễn ra bên trong căn nhà yêu dấu của mẹ cô.

Ngày qua, vốn liếng dần dần tiêu tán. Bà phải bán dần mấy căn phố cho thuê (chính là của hồi môn của Bà), bán tư trang, bán sạch. Buôn bán thì bị lường gạt, tiền mất tật mang. Căn nhà riêng đứng tên Ông, mấy mẹ con đang ở cũng đành phải dọn ra vì những toan tính không sòng phẳng của gia đình bên họ nội. Từ đó, những chương sách nhọc nhằn của cảnh mẹ goá con côi bắt đầu mở ra.

Rồi kháng chiến rồi tản cư, rồi đình chiến ... cho đến ngày cả gia đình di cư vào Nam. Cả đời, Bà đã sống đơn chiếc, hết lòng chăm lo cho các con rồi các cháu. Cho đến khi Bà thấu hiểu được Đạo thì Bà thôi không than khóc nữa. Bà nguyện chỉ đi chùa, tụng kinh, niệm Phật, làm điều thiện, điều lành, giúp đỡ kẻ nghèo khó, và tâm nguyện không mang một mảy may trách móc, oán giận nào.

Nhưng mỗi khi nhớ đến Bà và những giấc mơ tươi đẹp của một cô thiếu nữ thanh xuân đã lấy được người mình yêu và được người ấy yêu mình, người đàn bà, hay đứa bé, bỗng cảm thấy trong trái tim mình, nỗi xót xa càng gay gắt và bỏng rát như ánh mặt trời đúng ngọ. *Hôm qua xác pháo đầy đường, sáng ngày khói pháo còn vương khắp làng*. Thế mà chỉ trong nháy mắt, chiếc tổ ấm của đôi uyên ương đã rơi xuống khói vòm cây rợp bóng mát, và những giấc mơ hoa của người vợ trẻ đã biến thành một bài thơ bẽ bàng. *Mười năm gối hận bên giường, mười năm nước mắt bữa thường thay canh* ... Thơ Nguyễn Bính, Bà đọc cho nghe mỗi tối, ngày ấy, đứa bé không hiểu. Đứa bé thường suy nghĩ vẩn vơ, rồi tự hỏi, Ông Bà yêu nhau như thế thì làm gì cho chuyện *Lỡ Bước Sang Ngang*, sao Bà lại thích cái thứ thơ này được nhỉ? Rồi người đàn bà, hay đứa bé, bỗng nhớ đến những câu thơ của Ông và những vần thơ mà những người bạn

văn bạn thơ thâm tình của Ông đã làm để khóc Ông ngày tiễn Ông ra đi ... *Mỗi lần trùng nhị xuân sang, ngậm ngùi mai trắng oanh vàng tiếc thương* ... Bà đã thuộc lòng và lâu lâu vẫn ngâm nga cho bé nghe mỗi khuya trước khi ngủ. Bây giờ, người đàn bà, hay đứa bé, mới hiểu được tình yêu của Bà đành cho Ông còn thắm thiết, day dứt, sống động đến ngần nào. Nhưng bây giờ, đến khi hiểu được thì đã muộn rồi. Muộn lắm rồi... Bà đã theo Ông đến Đỉnh Ngàn Sao ...

Riêng có một chuyện, ngày xưa Bà không hề bao giờ nhắc đến nhưng, đã nhiều lần Mẹ kể cho các con nghe ... Rằng Mẹ sợ Bà Nội của Mẹ lắm, vì Cụ không bao giờ tỏ lòng âu yếm, yêu con, chìu cháu như các bà nội, bà ngoại thời bây giờ đâu. Chẳng hiểu vì lý do gì, Cụ Nội không mấy hoà thuận với Bà, hoặc tỏ lòng săn sóc, quan tâm đến các cô cháu gái mồ côi cha của Cụ. Đối với Bà, lúc nào Cụ cũng lạnh lùng, xa lạ, lời nói thường bóng gió mà bên trong lại chất chứa lắm điều chua cay.

Mãi cho đến tận bây giờ, người đàn bà, hay đứa bé, mới sực nghĩ ra được một điều. Chắc chắn, vì Bà đã không sinh ra được cho Cụ một đứa cháu trai đích tôn, điều ấy đã hẳn.

Nhưng, còn hơn thế nữa. Có thể, Cụ đã oán Bà, và Cụ cho rằng chính vì lấy Bà mà Ông đã phải ra đi khi tuổi còn đang son trẻ. Người ta hay nói, những người đàn bà có hai gò má cao không phải tướng vượng phu... Có lẽ, trong sự cay đắng thiếu sáng suốt của Cụ, Cụ đã không bao giờ tha thứ cho Bà cái trách nhiệm - mà Cụ cho là của Bà - trên sự ra đi của Ông.

Nhưng, làm sao Cụ hiểu được, thật ra, tất cả chỉ là do sự chào đời và sự tắt lịm, của những vì sao. Khởi đi từ muôn ngàn vạn ức tiền nghiệp tiền duyên tiền kiếp trước... Có thay đổi được gì đâu.

*

- Bà ơi Bà! Hai chú bé hồng hào, cao lớn lại cất tiếng gọi. Hai chú vừa theo chân Bố Mẹ, vén mây giữa trời để vượt gần ba ngàn dặm từ miền tây qua miền đông thăm Ông Bà.

Bà ngoại của hai *hoàng tử bé* giang tay ra ôm lấy hai chù vào lòng. Bà vừa hôn hai chú, vừa thì thầm:

- Bà đây! Ở lại đây với Ông Bà nhé. Ông lại vẽ cho thật nhiều hình đẹp này, nào chim, nào gấu, nào xe lửa chạy bí bo, rồi tối nay nằm ngủ, Bà lại kể đủ chuyện cho nghe. Hay lắm.

Hai *hoàng tử bé* cười khanh khách, tiếng cười rộn rã như tiếng reo của những chiếc khánh treo trước gió mùa xuân.

*

Và, khi ta trở lại Đỉnh Ngàn Sao thì ta sẽ thấy chàng vẫn còn đứng ở đấy. Người bạn thâm tình đã biến đi đâu mất, chắc bạn chàng đã xuống

núi, trở về với cuộc đời phiêu lưu của một y sĩ miền nước ngược, tiếp tục bôn ba tranh đấu cho dân tộc chàng. Chàng tiễn chân bạn, mắt dõi theo những bước chân mạnh mẽ và dáng đi đĩnh đạc của bạn xuống, nói ngậm ngùi ... Anh Nguyễn Xuân Chữ, rồi mai này, có ngày, cả nước sẽ đi tiễn đưa anh.

Nhưng, đấy là chuyện ngày sau, chuyện về sau, khi mà cả hơn ngàn ngàn người trong nước cùng để tang để đi đưa một nhà chí sĩ đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Còn bây giờ, chỉ còn lại một mình chàng.

Chàng tự biết không thể hái về cho vợ những cánh sao tươi đẹp nhất, nên chàng đành đứng chôn chân ở đỉnh cao chót vót, chờ nàng.

Mỗi năm, chàng mỗi gọi ... Điểm! Điểm ơi! Em Điểm ơi!

Chàng đợi nàng, cho đến hơn ba mươi năm sau, chàng vẫn đợi. Chàng kiên nhẫn đợi nàng, như một trong những bậc thi sĩ tài hoa nhất nước chàng đã đợi.

Ta đợi em từ ba mươi năm.

*Cổng hoa phong nhụy hoài trăng rằm.**

Và, hơn ba mươi năm sau, nàng đến, đem lên đỉnh núi cho chàng một vì tinh tú rực rỡ mà nàng đã mua được ở Chợ Ngàn Sao. Vâng, mua được ở Chợ Ngàn Sao, từ trong chiếc hộp gỗ ngát hương trầm của bà cụ bán sao tử tế. Khi Điểm đưa tay ra đón lấy cánh sao sáng lóng lánh ấy từ cụ, nàng thấy tóc cụ đã bạc trắng như hoa lê trắng. Nàng nhìn kỹ hơn một chút nữa vào khuôn mặt hiền từ của bà cụ, định nói đôi lời cám ơn ... nhưng nàng chẳng còn thấy cụ đâu nữa, chỉ thấy trong khuôn mặt ấy, chính nàng.

Hơn ba mươi năm sau, hôm ấy, đúng chín tháng sau ngày Điểm theo chân gia đình cô con gái thứ nhì chạy tị nạn đến một đất nước mênh mông xa lạ, lần đầu tiên vợ chàng lại được bước chân vào nơi tôn nghiêm, nơi mà thủa xưa khi còn ở trên đất nước nàng, đó chẳng khác nào một ngôi nhà thứ hai của nàng. Chàng thấy vợ đang quỳ gối đảnh lễ trước Phật đài trong một ngôi chùa do vị sư Tích Lan trụ trì. Khói hương nghi ngút quyện vào lời kinh trầm trầm. Khuôn mặt của vợ chàng nở ra như một đoá hoa, dịu dàng, đằm thắm. Trong không khí trang nghiêm, cảm động, nàng đã đặt chân bước vào ngôi nhà tâm linh cao quý. Nàng mở rộng lòng ra tiếp nhận sự an lạc và nguồn năng lượng yêu thương. Chưa bao giờ nàng cảm thấy bình yên, an lạc như lúc ấy. Xúc động quá, nàng cúi rạp mình xuống, úp mặt vào hai lòng bàn tay búp sen ... và, đó là lúc nàng bằng lòng để chọn sự ra đi, lên Đỉnh Ngàn Sao với chàng.

Bỗng ngay trong khoảnh khắc đó, trái tim của nàng ngưng không đập nữa.

Điểm nói, hơn ba mươi năm sau, khi vừa gặp lại chồng:

đường nguyệt
HOÀNG XUÂN SƠN

Lên đồi ngóng gió thênh thênh
cỏ tơ đâu mặt tóc bềnh bồng trôi
phần dương chừng đã lên rồi
nghìn cơn nắng lửa đốt ngời mộng xa
đầu non chim lẩn tiếng gà
bỗng nhiên dình thủ hình ta bóng đời
so buồn lệch một vòng chơi
đến đây đất lại nghe trời than van
nghe đung niềm vọng hoang đàng
hoài âm lòng cũng khốc tang chuyện lòng
ngày qua đốm sáng mơ mòng
tưởng xanh nắng sớm tưởng hồng sương khuya

lên đồi xao xác mộ bia
chân theo đường nguyệt bước về thảo hoang

- Cậu ạ, em đã phải trả giá cho vì tinh tú này, không phải chỉ bằng một lời hứa, mà là bằng cả cuộc đời của em, của chúng ta.

Chàng cười, nâng nhẹ hai bàn tay của vợ lên cao, úp mặt mình xuống hai lòng bàn tay đầy những cánh sao óng ả ấy, rồi thật thong thả, chàng ngước lên và nói:

- Vâng, em ạ, bây giờ, chúng ta có thể khởi sự một cuộc hành trình mới.

Hôm ấy, là ngày rằm tháng giêng. Tóc Điểm bạc trắng như hoa lê trắng, vấn gọn gàng thành lọn trong tấm khăn nhung đen quanh đầu.

Và, cứ thế, khi khối khí quyển khổng lồ bắt đầu chán sống cuộc sống bồng bềnh của một vầng mây hùng vĩ (nhưng, già nua và cô đơn) thì đó chính là thời điểm tốt lành nhất để những vì sao được sinh ra đời. ❐

* *Thơ Vũ Hoàng Chương*

hà nội

ĐỖ QUANG NGHĨA

Nơi ta sống
*"áo chăn chưa ấm thân mình" **
đêm mất điện dạp mò xe trên phố
và em: lặng thinh.

Nơi ta sống
mưa đêm nước ngập
bụi hoang nắng suông
cây đa vẫn một trời xanh lá.

Nơi ta sống
thành phố nửa tỉnh nửa quê
thành phố ngọng 'n' 'l' quá nửa
cứ mỗi lần 'kỷ niệm'
lại cót ép dựng tượng đài tụng công đức ngàn năm (!).

Thành phố cả tin và khờ khạo
bỏ bình yên đi tìm phú quý
chuốc về những nhố nhăng.

Rồi một ngày bỏ Hà Nội ta đi
thành phố ấy có gì lưu luyến nữa?

Rồi một ngày bỏ Hà Nội ta đi
quanh ta: mênh mông là quạnh vắng.

Limburg/ Staffel - 10/1996

**Lời bài hát của Hoàng Hiệp*

chuyện nhà

Lê Minh Hà

Đi ngủ, chồng tôi chẳng khác một đứa trẻ cứ phải sờ tí mẹ. Một lần, đang mân mê ngực tôi, anh bỗng thảng thốt:

- Ngực em có cái gì như hạt nhãn thế này?

- Một cái u, mình ạ. Sinh thiết rồi. Em bị ung thư. Tháng sau mổ.

Đêm đó, chúng tôi nằm yên lặng, không ngủ. Rồi mọi sự tuần tự diễn ra.Chồng tôi đưa tôi vào viện K, đón tôi ra, buồn bã, ân cần. Cái vốn còm của hai vợ chồng teo đi rất nhanh. Sau đó, chồng tôi xoay được một suất thực tập sinh ở Đức. Chúng tôi chia tay nhau, đằm thắm, bình thản, (về phần tôi). Tôi biết rằng chúng tôi sẽ không sống cùng nhau nữa. Tôi biết điều ấy vào hôm bỏ băng; mắt chồng tôi dại đi khi thấy một bên ngực tôi đáng lẽ là bầu vú anh thường ve vuốt hàng đêm thì giờ lại chỉ là một mặt phẳng toàn sẹo.

Tôi ba mươi, kỹ sư hóa. Chồng tôi ba mốt, cũng dân học tự nhiên. Sau khi anh đi, mẹ tôi bảo tôi thu xếp về ở cùng mẹ. Con cái chưa có, chó mèo tôi ghét, nhà chồng ở tít Sài gòn, tôi chỉ bấm khóa tách một cái là căn phòng mười hai mét vuông nửa căn hộ chúng tôi được phân coi như an toàn. Ma nào nó thèm nhòm cái nhà chỉ có sách với mấy cái nồi rếch.

Nhà mẹ đẻ tôi ở cuối Trần Phú phía Phùng Hưng. Mẹ về mất sức đã lâu, bảo buồn tay buồn chân nên làm nồi cháo sườn bán sáng cho bọn nhóc tì. Thế mà nuôi cả nhà, cả sau khi tôi và anh tôi đã ra trường đi làm. Mẹ sống cùng anh tôi, hơn tôi bốn tuổi, yêu bao bận chẳng biết, nhưng chưa vợ. Buổi sáng, anh dậy sớm gánh nồi cháo cùng mấy cái ghế nhỏ ra đầu ngõ đỡ mẹ, xong quay vào ngồi dịch tài liệu. Từ hồi viện anh không kham nổi trò tự hạch toán phải giải thể, các "viện sĩ" như anh giải tán về hầu hết sống bằng cách ấy. Tôi thì sau khi mổ được viện cho nghỉ dài hạn ăn bảy mươi phần trăm lương. Cũng muốn đỡ mẹ ra bán cháo rửa bát, nhưng mẹ gạt phắt, bảo "tôi chả khiến chị". Xong lại hạ giọng: "Nghỉ cho

lại người hẳng con ạ, rồi lên xin ông viện trưởng việc gì vừa sức, không phải đi công tác xa mà làm. Rồi việc quá cuống chân cuống tay hay nghĩ ngợi linh tinh lắm". Về với mẹ, tôi cơm ngày ba bữa, chẳng phải làm gì. Nhưng từ lúc còn tối đất mẹ đã dậy lục xục bắc nồi quấy cháo tôi cũng chẳng ngủ được. Vậy là cũng bò dậy, tung tăng lên vườn hoa Chi lăng để thở ra hít vào.

Ở Hà Nội có lẽ chỉ có vườn hoa này với bãi cỏ trước lăng Bác là không bị dân bụi trấn. Có thể vì xung quanh vườn toàn sứ quán với công sở của bộ Ngoại giao với bộ Quốc phòng, công an bộ đội tuần đêm tuần ngày, dân bụi chẳng dám bắc bếp nấu ăn nằm lăn đánh bạc tại đó. Hồi bé tôi rất thích buổi trưa lang thang ra vườn hoa này. Nói là vườn hoa nhưng ở đây toàn cây cao bóng cả. Trong trưa vắng Hà Nội mười mấy năm về trước, khi chiến tranh đánh phá đã dứt, đi dưới vòm cây ấy, nhìn sang Cột cờ Hà Nội, nghe tiếng ve sôi, lòng chẳng thể nào yên tĩnh được bởi bao nhiêu mê say dại khờ. Sau này người ta vạt hẳn một phần vườn, lát đá hoa cương, đặt vào đó một cái tượng Lê-nin to tổ bố, trồng quanh chân tượng thuần một thứ hoa thúy rực rỡ một cách vô duyên, tôi cứ thầm tiếc mãi. Ông Lê-nin được tạc trong tư thế một tay đút túi áo, cái cằm lưỡi cày hơi hất lên đã là nguồn cảm hứng cho vô khối tác giả dân gian. Nào là "Lê-nin sang Hà Nội sợ ăn mày và kẻ cắp nên tay cứ phải đút sâu vào túi"; nào là "Ông cau mặt ông chỉ tay - bước đường quá độ nước này còn lâu". Cứ vào cữ 3-2; 1-5; 2-9... trước tượng - nay được tôn là quảng trường Lê-nin - lại lố nhố học sinh. Bọn con gái thì ngượng nghịu trong những tấm áo dài ít khi được mặc, bọn con trai thì cóm róm trong những bộ com lê đi mượn xếp hàng hát ca ngợi Đảng Bác hay tình hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, chủ yếu là với Liên xô cũ dưới một bầu trời hoặc nắng như đổ lửa hoặc mưa dầm đến mềm cả đá. Tôi nhiều khi đạp xe qua cứ thấy thê thảm làm sao ấy và mừng thầm thời mình còn là học trò thì chưa có cái quảng trường này.

Dĩ nhiên là bây giờ khi gia nhập câu lạc bộ những người sợ chết tôi chẳng hề lai vãng ra khu đất ấy. Nói là tham gia, nhưng tình thực tôi chỉ có mặt tại vườn hoa cùng thời điểm với họ thôi. Đi lang thang dưới những vòm cây cao vào lúc phố phường còn tĩnh lặng, giữa lãng đãng sương, tôi thấy mình bình tĩnh, khác hẳn hồi mới biết mình bị ung thư.

Buổi sáng, ở các vườn hoa Hà Nội thường có rất nhiều cụ già tập dưỡng sinh. Đất Hà Nội càng ngày càng kỳ, trẻ thì trà lá già thì thể thao. Ở vườn hoa này cũng thế, nhưng thành phần phụ lão có vẻ rất chọn lọc. Anh tôi bảo đó là thành viên câu lạc bộ Ba Đình, toàn các cụ "cỡ" cả. Cụ ông cụ bà nào cũng to vật vã. Cụ ông nào trông cũng hao hao mấy tay

lãnh đạo Trung Quốc Triều Tiên, mặt đầy kiểu mu rùa, mũi mật lợn, toàn tướng phát. Chả bù bố tôi hồi còn sống, mũi thì hơi nhòm mồm, người xiêu vẹo hệt dấu chấm than trẻ vỡ lòng phết hỏng. Mẹ bảo tướng bố là tướng phá của. Nhưng thực thì nhà tôi làm gì có của cho bố phá. Mẹ tôi người cũng nhẳng nhẳng như bố, lúc nào cũng tính tính toán toán, chẳng dám may mặc cái gì, thành thử nhiều lúc lại thành mođen. Cứ quần áo tôi thải ra là cụ đem diện ở nhà, trừ quần bò. Nhiều lúc nhìn mẹ anh em tôi vừa buồn cười vừa muốn khóc. Còn các cụ bà tôi gặp ở vườn hoa thì khác, ăn mặc rất hợp tuổi, rất đẹp, áo cánh quần thâm, nhưng là áo vải xiu hay mutxơlin, mỏng và anh ánh như phát sáng, quần thì may bằng xoa hay xít gì đó, bóng nhoáng. Nhìn cụ nào cũng nhang nhác mấy bà hàng vàng đầu phố Hà Trung. Có lần buồn tình tôi bò lên viện, kể chuyện cho bạn bè nghe, cái Phương cũng dân hóa như tôi thở dài: "ừ, mấy ông bà ấy ông nào bà nào cũng khấu lão cả. Nhà tao lên viện phải qua vườn hoa đó, nhìn cảnh các cụ tập dưỡng sinh cũng muốn về động viên bố mẹ đi tập để sống lâu cùng con cháu, nhưng sáng ra bò dậy thấy các cụ đã rang cơm nấu mì cho cả vợ chồng con cái, tao lại mừng thầm là các cụ không ham tập tành gì. Nói đâu xa, nhà mày ấy, cụ bà mà nổi hứng đi múa gậy bỏ bán cháo thì anh em mày đã chắc nuôi nổi thân, nói gì nuôi cụ".

Lang thang buổi sáng ở vườn hoa, tôi để ý có một cụ bà. Bà có lẽ ít tuổi hơn mẹ tôi. Đi tập bà hay cầm theo một cây gậy đánh vecni bóng nhoáng. Nhưng tôi không thấy bà dùng như các cụ khác. Bà không luyện võ, không múa gậy, chỉ đi bộ như tôi.

Đàn ông cứ nghĩ họ xét đàn bà tinh hơn đàn bà với nhau. Nhầm. Cũng giống đàn bà cứ hay tưởng bở rằng mình thông minh khi xét định đàn ông. Tỉnh đến thế, tôi cho cụ bà này chín điểm trên mười. Nhìn một cái đã thấy ở bà cái vẻ sang cả, quyền thế. Trán rộng. Miệng tươi. Mũi thanh, tuy giờ có vẻ hơi quá nhỏ trên gương mặt núng nính, nhưng còn trẻ thế thì đẹp lắm. Bà không uốn tóc mà búi trễ sau gáy, búi tóc còn được quấn lẩn vào trong. Mốt của dân tư sản Hà Nội hồi hòa bình lập lại năm năm tư. Trông có vẻ cũ nhưng lại hợp tuổi bà. Bà thường mặc một cái áo cánh màu vàng nhạt, giông giống lụa tơ tằm, không trong veo trong vắt để lộ nét người nở nang như nhiều bà khác, quần xoa ống rộng cùng màu, và đi dép lưới. Mốt này thì lại giống mấy bà Sài Gòn sau giải phóng. Bà nói giọng Huế pha giọng Hà nội. Thực thì vẻ ngoài của bà cũng không khác lắm các bà ở câu lạc bộ. Nhưng chẳng hiểu sao nhìn một cái tôi đã cảm thấy bà sang không hẳn vì địa vị của chồng. Nhiều bà béo tốt, diêm dúa, thiếu vẻ kín đáo của dân sành, ăn nói thì lau tau, lẫn lờ nờ, kênh kiệu mà không mấy tự tin như bà này. Bà gây cho tôi nhiều thiện cảm. Khi đi

ngang tôi, bà hay mỉm cười trước, tựa như chào, lịch lãm và thân thiện. Và quyền uy nữa. Giá tôi có dáng vẻ này, có lẽ chồng tôi không thể chia tay tôi dễ dàng như thế. Đằng này tôi chỉ có tính ngang ngạnh và thói lười nấu nướng và nửa cặp vú mà anh mê...

Một lần, vào tiết cuối xuân, chân mây tảng sang đã ửng hồng, ngỡ trời sẽ nắng lên thì tự dưng mưa. Mưa cuối xuân êm như những ngày sương nặng. Đứng dưới vòm cây cao, chỉ nghe tiếng mưa tiếng lá thì thào như ở đâu xa lắm. Bà hay mặc đồ màu vàng đứng gần tôi. Không lẽ chỉ chào nhau bằng cái cười một phần hai như mọi lần khi đứng sát nhau đến thế. May qúa, bà mở lời trước:

- Nhà cô chắc cũng quanh quanh đây?

- Vâng. Cháu ở Trần Phú. Còn bác?

Bà khoát tay về phía lăng: "Tôi ở Phan Đình Phùng" và ngó tôi có vẻ ngạc nhiên:

- Cháu ở Trần Phú số nào? Tôi quen mấy gia đình ở 34 Trần Phú...

Tôi phì cười vì sự nhầm lẫn của bà:

- Chắc chắn là bác không biết cháu đâu. Chẳng lẽ cháu lại có dáng con quan đến thế. Nhà cháu ở cuối Trần Phú sát đường tàu cơ. Nhưng cháu cũng biết số nhà ấy. Hồi trước lớp cháu có cái Vĩnh Linh con ông thiếu tướng gì ấy. Nó kể bố nó đặt cho tên thế vì có hồi bố nó chỉ huy pháo binh ở đó thời chiến tranh đánh phá.

- Phải rồi. Cô ấy kém con út nhà tôi mấy tuổi. Con ông Vũ Phác. Ông ấy đã trung tướng. Nhưng cũng hưu rồi...

Bâng quơ về mối quen biết hời hợt ấy cũng đủ làm tôi và bà thân thiết. Tôi kể với bà là đang mong lại sức sau khi mổ, mổ gì thì không nói. Nói chung khi nghĩ là mình sẽ chết nay chết mai người ta không sợ chết nữa, cũng chẳng muốn ai tò mò. Mọi xuýt xoa thương cảm đã thành không cần thiết. Tôi đã lại làm việc, ở nhà, chỉ phải lên trình trưởng phòng tuần một lần, dù một trăm phần trăm lương cũng chẳng đủ ăn y như bảy mươi phần trăm lương vậy. Công việc giúp tôi tiêu được những phút muốn hóa điên vì tiếc cuộc sống sẽ phải rời bỏ nay mai, và những lúc thương mẹ thương anh thắt ruột thắt gan. Chẳng biết anh tôi rồi ra sẽ lấy được một người vợ thế nào? Bà chị dâu tương lai liệu có làm mẹ tôi tủi lòng khi mẹ không còn cất nhắc được như bây giờ, khi không còn tôi bên mẹ? Còn chồng? Anh viết về là được kéo dài thời gian thực tập, có thể sẽ được chuyển tiếp sinh.Anh dặn tôi bao nhiêu điều và gửi cho tôi một ngàn "đê" nữa. Tôi mừng cho anh, biết ơn anh vì một ngàn đê mác, vì tình yêu anh đã cho tôi ngày trước, dù ngày đó thực ra anh tôi muốn anh yêu tôi một cách khác. Khác như thế nào chính tôi cũng không biết, nhưng cứ

mơ hồ xót xa.

Bà Hoàng Cúc Hằng cũng không hỏi thêm về bệnh trạng của tôi. Bà tự giới thiệu trang trọng như thế, khác hẳn nhiều bà thường xưng tên và chức của chồng. Bà Cúc Hằng bị bệnh gì đó không rõ, phải lọc máu tuần một lần. " Bệnh bác đích thực là bệnh cửa người giàu." - "Cũng phải cô ạ. Chứ cảnh nhà khác thì chắc chết ngày một ngày hai. Nhưng nghĩ cho cùng, chết trước hay sau vài ba năm thì có là gì đâu. Biết đâu cái người được sống thật cuộc đời mình rồi chết ngay khi có bệnh chẳng là người sướng!"

Giọng bà Cúc Hằng bình thản, xa vắng. Tôi chẳng thể như bà, vẫn không thể nào bình tâm khi nghĩ về đoạn cuối cuộc đời mình như thế. Tôi thích mùa hè, mê loa kèn nở vào lúc chớm hè. Tháng tư, tôi hay mua cho mình loa kèn, dẹp một khoảng nhỏ trên mặt bàn bề bộn sách vở và cả cốc chén chưa kịp rửa cho lọ hoa loa kèn đó và có thể ngồi nửa ngày để ngắm những cánh hoa trắng kiêu sa, cứng cáp, dịu dàng, hé mở. Và nghĩ lung tung. Mùa năm nay, loa kèn nở sớm và lại có mặt trên bàn làm việc của tôi. Mẹ nhìn tôi ngồi nhìn hoa, lẳng lặng đi chặt sườn ninh để sáng mai quấy cháo bán. Phải! Tôi vẫn muốn sống, với mẹ, với anh, trong căn nhà ấm đạm này, dù có thể sẽ không có chồng tôi hay một người đàn ông nào khác. Tôi không thể nghĩ như bà Cúc Hằng về sự chết.Nhưng giọng Huế bình thản xa vắng như một nỗi chán chường của bà khi nói về điều ấy ám ảnh tôi, giống mùi hoa loa kèn phảng phất tháng tư Hà Nội.

Một buổi sáng như mọi sáng, tôi đang đi nốt vòng thứ hai quanh vườn hoa cùng bà Cúc Hằng thì anh tôi lao cái cúp nghĩa địa lên vỉa hè, hối hả. Tôi ngỡ ngàng khi thấy anh chào bà Cúc Hằng và bà trả lời: "Quang đấy à cháu". Tôi chỉ kịp nhận ra vẻ dò hỏi trong mắt bà là đã phải vội về. Anh tôi đón tôi vào thẳng bệnh viện. Mẹ buổi sáng đó mới bán được non nồi cháo thì đau bụng và khi tôi tới nơi thì mẹ chỉ còn sống thêm được hơn tiếng nữa. Mẹ bị viêm tụy cấp, đau đến mê đi, rồi đi luôn. Anh em tôi tuổi đã chững rồi mà vẫn như mất hồn sau ngày mẹ mất. Có lẽ vì chúng tôi toàn bám mẹ từ bé tới giờ, trừ tôi có hai năm ở với chồng và anh tôi có bốn năm đi làm nghiên cứu sinh ở Nga trước.

Sau bốn chín ngày của mẹ, lúc họ hàng đã về hết, tôi bảo anh tôi:

- Từ mai em về nhà em rồi đi làm lại như trước. Sống thế này em không chịu nổi. Mà có lẽ em chưa chết được đâu. Trước cứ nghĩ em sẽ đi trước mẹ mà rồi mẹ lại đi trước. Nhà giờ chỉ có mình anh. Anh con trai độc thân giờ vắng mẹ không được sống vạ vật để nhà lạnh lẽo. Rồi anh phải lấy vợ đi. không phải chờ đủ ba năm mãn tang mẹ, bố mẹ sẽ mừng không giận gì đâu. Lấy ai thì lấy, nhưng tìm người nào hiền hiền. Để khi

em không biết cậy vào đâu thì em lại có thể về nhà nương tựa vào anh.

Anh em tôi không nhìn nhau. Trên bàn thờ bố mẹ hương đã tàn. Chỉ còn đôi ba sợi khói cố vươn lên. Vẳng tiếng chổi tre quèn quẹt trên mảnh sân chung đầy nước thải. Âm thanh hiền lành ấy bị át đi từng chập bởi tiếng rú của những chiếc xe máy bị tháo ống xả do mấy thằng ông mãnh ngông cuồng.

Bất chợt anh tôi lên tiếng:

- Em còn nhớ chị Cúc Thu không? Ngày đó anh đưa chị ấy về mẹ ưng ý lắm. Chị Thu là con bà tập thể dục sáng cùng em đấy.

Chị Cúc Thu tôi nhớ. Mẹ và tôi chẳng bao giờ dám hỏi anh về chuyện giữa hai người. Tôi đố là anh chị thôi nhau vì chị xấu. Bà Cúc Hằng thì đẹp. Lạ thế. Nhưng chị tốt tính. Đàn bà tốt nhưng xấu thì thường được quý chứ ít được mê...

Nhưng không phải vậy. Anh tôi bảo anh chị thôi nhau vì anh sợ lối sống của nhà chị. Bố chị gốc người Quảng Trị, ngày ấy đã là thứ trưởng. Mẹ chị con nhà dòng dõi ở Huế vào chiến khu làm y tá thời kháng chiến. Bố chị hỏng một mắt, già hơn mẹ chị rất nhiều. Bố chị cưới được mẹ chị là nhờ "tổ chức", có bốn mặt con với mẹ chị. Mẹ chị sống có vẻ mãn nguyện cho tới ngày gặp một ông kỹ sư người cùng quê cũng dân tập kết. Ông này dân kỹ thuật mà lại mê nhạc. Sau về Nam và là một nhạc sĩ có tiếng.

- Em nhớ bài "nay về với dòng Hương êm trôi...sao lòng anh vẫn nhớ...dòng sông nơi em mùa lũ như em dữ dội âm thầm..." Trước hay phát trên đài Giải phóng ấy! Ngày xưa anh em mình cứ chờ nghe trên chương trình phát theo thư yêu cầu của thính giả ấy. "Những ngày xa nhau sóng có nhắc về anh - giữa khoảng cách nhớ quên bóng hình em ở đó - chiều nhạt nắng trên dòng sông trở gió - rừng nơi anh vẫn xao xác lạ lùng - có phải là em gọi anh không..." Đấy! Ông nhạc sĩ viết cho bà Cúc Hằng đấy. Hai người yêu nhau lâu lắm. Chẳng tai tiếng gì. Nhưng kết cục là ông nhạc sĩ bị đưa vào đoàn cán bộ văn hóa tăng cường cho miền Nam. Cũng tiễn đưa ầm ỹ. Nhưng đúng là bị đẩy đi. Chứ lẽ ra ông ấy đi làm phó tiến ở Nga cơ. May mà ông ấy không chết và lại nổi tiếng. Sau khi ông ấy đi, bà Cúc Hằng đòi ly dị. Kể phụ nữ đứng đơn, hòa giải không thành là O.K rồi. Mà chẳng hiểu sao tòa không giải quyết. Hình như là hồi ấy ông chồng đang được dự kiến đưa vào trung ương. Bà Cúc Hằng ly thân. Bốn con thì một con ông ấy đưa sang học thiếu sinh quân ở Nga, hai con gửi trường con em miền Nam. Mỗi chị Cúc Thu được ở với mẹ. Hồi anh biết chị ấy hai mẹ con sống cũng trầy trật lắm. Sau giải phóng bà Cúc Hằng còn lặn lội vào Sài Gòn tìm ông nhạc sĩ. Độ mười năm trở lại đây bà mới

về sống với chồng. Là do áp lực của con cái...

- Làm con mà bố mẹ chủng chẳng thế thì khổ lắm. Bà ấy giờ bệnh nặng, giờ con cái gần gụi thì cũng đỡ.

- Em không hiểu - Anh tôi thở dài - Các anh chị ấy giờ thành đạt cả. Một anh đã là vụ trưởng. Cái ông học hành ấm ớ nhất nhà nghe đâu là phó giám đốc một công ty liên doanh với nước ngoài. Ông bố vẫn đang lên. Họ muốn tạo cảnh gia đình hạnh phúc, ép bà ấy về, sang sửa bà ấy thành mệnh phụ. Hồi xưa họ oán bà Cúc Hằng lắm. Chẳng hiểu giờ họ có hiểu mẹ hơn không?

- Cả chị Cúc Thu?

- Thu thương bố nhưng hiểu mẹ. Chị ấy kể hết cho anh. Chị ấy muốn anh hiểu. Như chị ấy. Nhưng độ ấy anh biết mà không hiểu. Anh nhìn bố mẹ chúng mình. Và không làm sao thông cảm nổi với bà Cúc Hằng. Còn bây giờ, khi biết thương bà Cúc Hằng thì anh lại sợ lối sống trong gia đình bà. Giá như bây giờ chị Cúc Thu quay lại với anh, anh với chị ấy chắc vẫn chẳng đi tới đâu. Anh không hình dung nổi anh sẽ là con là em trong gia đình ấy như thế nào. Em thấy đấy, mọi sự ở nhà mình đều giản dị, cả những lúc vô sự lẫn những lúc buồn khổ thế này...

...Chị Cúc Thu không bao giờ trở lại với anh tôi. Sau khi anh tôi và chị thôi nhau, chị đi làm nghiên cứu sinh ở Tiệp rồi không về nước nữa. Cứ vào mùa hè anh tôi lại nhận được một tấm thiếp từ chị. Tại sao lại vào mùa hè? Tôi không biết. Một tấm thiếp khác với đúng nét chữ của chị mẹ tôi hay nhận vào dịp tết. Mười năm rồi như thế. Tôi không biết trong đó viết gì. Mẹ đọc xong là cất đi chứ không gài lên cành đào như hay làm với những tấm thiếp cung chúc tân xuân khác.

Tôi không trở lại vườn hoa vào buổi sáng. Phần vì tôi bây giờ phải lên viện hàng ngày. Phần vì tôi ngại bà Cúc Hằng biết rằng tôi biết về bà nhiều hơn những gì bà đã để lộ: Một mệnh phụ lịch lãm, sang cả, mãn nguyện dường như suốt đời.

Thỉnh thoảng, khi đài phát lại những bài hát thời chống Mỹ, bất chợt gặp lại giai âm của bài ca về một dòng sông xa, về nỗi nhớ sông Hồng mênh mông... "Nay về với dòng Hương... anh vẫn nhớ dòng sông nơi em mùa lũ... như em dữ dội âm thầm - rừng nơi anh xao xác lạ lùng... có phải là em gọi anh không?..." tôi lại nghĩ tới bà Cúc Hằng. Tôi nhớ chồng tôi. Tôi - người đàn bà chỉ còn một nửa là đàn bà lại khát khao yêu. Bây giờ, hình như tôi đã mường tượng được tình yêu tôi muốn có.

...Mới đây tôi được tin bà Cúc Hằng mất. Trong lời cảm ơn của gia đình bà trên báo Hà Nội Mới, sau mấy cột tên các cơ quan đoàn thể và các vị chức sắc đã tới phúng viếng, tôi đọc thấy hàng chữ: Chồng...và Các con...❐

gặp gỡ ở phan thiết

Hoàng Khởi Phong

(trích đoạn trường thiên tiểu thuyết Người Trăm Năm Cũ)

Vào buổi xế chiều cả ba đi ngang qua một ruộng muối, nhìn thấy những người dân vùng biển đắp bờ cát, ngăn nước biển khi thủy triều lên, khi nước rút bị những bờ cát chặn lại thành thử giống như những thửa ruộng, có điều người ta không trồng gì cả, mà để cho nước biển bốc hơi bay đi, còn trơ lại lớp muối đọng trên mặt đất. Sau đó người ta cào lớp muối này đánh đống như những người nông dân đánh đống thóc trong mùa gặt, kế đó người ta lập một cái lò to, đổ lớp muối thô này vào nấu để tinh lọc lại muối biển. Phan Chu Trinh nói với hai bạn:

-Bọn ta ăn muối mấy chục năm, biết rằng muối lấy trong nước biển, nhưng có ngờ đâu cũng vất vả trăm chiều chứ đâu có phải dễ dàng gì? Vất vả hai sương một nắng thế mà sưu cao thuế nặng không biết là mỗi lò muối này thu được bao nhiêu đồng tiền.

- Chẳng cứ gì làm muối. Hễ làm người thời buổi này là phải đóng thuế. Đủ mọi loại thuế, nào là thuế thân, thuế thổ trạch, thuế trước bạ...Đó mới kể đến những thứ thuế đóng trong thanh thiên bạch nhật, còn những thứ khác do bóp hầu nặn cổ người dân thì còn ghê gớm đến đâu. Chung quy chỉ có một việc để giải quyết tất cả mọi việc đó là phải dành lại đất nước trong tay ngoại xâm.

Huỳnh Thúc Kháng nhìn quanh quất chung quanh một hồi rồi nói:

- Mình sắp vào địa phận Phan Thiết rồi đó. Vùng này người dân nổi tiếng làm nước mắm ngon. Ở đây bọn mình có nhà người quen nào không?

Phan Chu Trinh trả lời, trong lúc vẫn nhìn sững vào những ụ cát vun thành đống chờ cho vào lò muối:

- Mấy tháng nay bọn mình tiếng là đi giang hồ song cũng không đến nỗi phải nằm quán trọ nhiều. Đi ba người cũng có cái lợi là không người

này có người quen thì người khác có. Chúng ta rong ruổi cũng đã lâu, cứ thấy đường trước mặt là đi, chẳng có ý đồ gì cả. Thành thử mắt thấy tai nghe đã nhiều nhưng coi bộ cũng chẳng rút được bài học nào. Tôi thấy đất Phan Thiết này coi bộ cũng êm, hay là bọn ta ngừng lại đây một thời gian nghỉ ngơi, quan sát suy nghĩ cho một công việc nào thiết thực hơn một chút nên chăng. Dựng một cơ sở thương mại buôn bán chẳng hạn?

- Bác Phan nói cũng phải. Giờ mình nghỉ lại đây một tháng, nghe ngóng tình hình trước khi chính thức đặt chân vào đất Nam bộ

Trời vừa mới hửng sáng đã có tiếng ồn ào khắp con phố nhỏ. Tiếng người ta gọi nhau ơi ới, tiếng chân đi lại tấp nập, con nít khóc vang lừng.

*

Bộ ba Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng còn đang mơ màng giấc điệp thì bị gia chủ tốc mền đánh thức. Trần Quý Cáp còn đang ngái ngủ, mắt nhắm mắt mở nên nghe tiếng được tiếng không. Giọng chủ nhà hốt hoảng cứ y như trời sắp xập:

-Ba ông dậy mà đi coi tầu của Tây. Chu choa nó to bằng trái núi chứ không phải chơi. Súng thì khẩu nào khẩu ấy to bằng cột đình. Hèn chi mà quan quân mình đánh không lại. Sớm mơi này nhiều người đi biển thấy nó đậu lù lù trong vịnh, đèn sáng như ban ngày nên ai nấy đều sợ, không dám ra khơi.

Huỳnh Thúc Kháng bật dậy, nhẩy xuống đất. Ông lôi phắt Trần Quý Cáp ra khỏi giường, mặc kệ bạn càu nhàu, trong khi Phan Chu Trinh đứng nhìn hai bạn trì kéo mà lắc đầu. Phan Chu Trinh hỏi thăm ông chủ nhà:

- Bác Năm ơi, hồi nào tới giờ có bao giờ tầu Tây vào nằm trong vịnh Phan Thiết này không?

- Từ hồi cha sinh mẹ đẻ tới giờ này gần năm chục tuổi đầu tôi chưa hề thấy cái tầu gì mà to gớm ghiếc như vậy. Hôi nẫy tôi nói nó bằng trái núi có hơi quá, nhưng mà nó to cũng cỡ năm bẩy cái đình làng, chập lại làm một lớn cồng kềnh nổi trên mặt nước. Thằng Tám Nhỏ làm tài khôn chạy ghe của nó cặp vô cái tầu, cái ghe bầu của thằng Tám so với ghe của bà con cũng lớn bộn chứ bộ. Vậy mà đem so ra ghe thằng Tám to cỡ con chuột nhắt thì cái tầu của Tây lớn cỡ con bê. Mấy thằng Tây trên tầu chõ miệng xuống hỏi bằng tiếng của nó, thằng Tám nghểnh cổ lên nói bằng tiếng của mình. Hai bên ai nói nấy nghe, coi tức cười lắm. Giờ nó vẫn còn cặp cái ghe của nó ở chỗ tầu Tây. Thằng đó coi vậy mà lì tợn.

Lúc này Trần Quý Cáp đã tỉnh ngủ hoàn toàn, ông chụp vội cái khăn lên đầu cùng hai bạn hấp tấp ra khỏi nhà. Mặt trời vẫn chưa mọc nơi biển khơi, trời mù mù tối và gió đập những cơn sóng bạc đầu chạy đuổi nhau tiến vào bờ. Tiếng sóng biển ầm ĩ vọng từ phía đông lại như muốn át cả

tiếng của Huỳnh Thúc Kháng:

- Hai bác này, đây là cơ hội ngàn năm một thuở, chắc là tầu của nó tránh bão dạt vào đây, mình thử ra coi Thủy Binh họ hùng mạnh như thế nào. Bọn mình lớn lên thì nước đã mất, nhà đã tan nhưng chưa có dịp nhìn tận mắt sức mạnh của địch. Đi lè lẹ lên hai bác.

- Bác Huỳnh nói vô lý, tầu nó đã to thế thì còn sợ gì gió bão?

- Làm gì mà to tới như trái núi, nhiều lắm thì bằng cái gò cũng đã ghê gớm lắm rồi. Tôi không tin ông chủ nhà, mấy người dân quê hay ví von, phóng đại. Làm gì tới độ nhỏ như con chuột nhắt sánh với con bê. - Hay là trong tỉnh có biến tầu Tây vào đây để uy hiếp tinh thần dân ta?

- Nếu nó muốn uy hiếp thì nó neo tầu ở Đà Nẵng, ở Hải Phòng. Dân với quân ở Phan Thiết này thì còn làm cho ai sợ được mà phải dùng tầu lớn để thị uy ở đây?

-Hãy cứ ra tận nơi cái đã, mình nói gì bây giờ thì cũng giống như ông chủ nhà mà thôi. Nghĩa là ăn ốc nói mò.

Cả ba ra đến bờ biển đã thấy một đám đông dân chúng tụ tập từ hồi nào. Người nào cũng tranh nói là tôi thấy trước, người nào cũng phùng má trợn mắt nói về cái to lớn của con tầu. Cách bờ một khoảng nước không xa con tầu nằm rập rình trong vùng nước xanh bát ngát.

Con tầu nằm đó, chao nghiêng qua lại theo những đợt sóng lớn đang đổ xô vào đất liền, nó lớn hơn sự tưởng tượng của ba nhà nho nước Việt, nó đen trùi trũi như chắn hết tầm nhìn của cả ba người. Một cái cột cao như chọc thấu bầu trời đầy mây đen vần vũ, từ cái cột này chót vót trên đỉnh là một lá cờ bay phần phật trong gió. Lá cờ nền vàng thêu một con chim ó có hai đầu, quay sang hai bên tả hữu. Có hai sợi dây chão lớn bằng bắp tay giữ cho cái cột không nghiêng ngả trong gió lớn. Dọc theo hai sợi chão này là hàng chục cái cờ đuôi nheo đủ mầu sắc. Con tầu có một ống khói to như một cót thóc lớn, luôn nhả khói lên trên cao, khói của con tầu tạo thành một vệt dài trên mặt biển, dài tuốt mù tắp vẫn chưa bị gió đánh tan. Phan Chu Trinh quay sang nói với hai bạn:

- Hình như không phải tầu của Pháp hai bác ạ.

- Làm sao bác biết?

- Cái cờ trên cao kia không phải là cờ Pháp. Tôi làm việc ở Bộ Lễ, thỉnh thoảng phải giao thiệp với người Pháp. Tôi thấy mấy lá cờ Pháp treo ở dinh thự của họ có ba mầu xanh, trắng, đỏ mà người mình quen gọi là cờ tam tài. Cái cờ này đích thị không phải là cờ Pháp.

Huỳnh chợt nẩy ra một ý kiến trong đầu. Ông bỏ hai bạn đứng lại đó quay lưng bước đi. Chập sau ông dẫn một người lạ tới gặp hai bạn và nói:

- Trình hai đại nhân đây là anh Tám Nhỏ. Sáng nay anh ấy đã cập cái

ghe bầu của anh ấy bên cạnh tầu của người Tây Dương. Anh Tám sẵn lòng đưa hai đại nhân ra ngoài đó để hỏi xem họ muốn gì?

Trong khi nói Huỳnh Thúc Kháng tỏ ra vẻ cực kỳ lễ độ, ông nháy một con mắt cho hai bạn biết là ông đang đóng kịch. Phan Chu Trinh và Trần Quý Cáp hắng giọng ra chiều hách dịch hệt như một ông đại quan ở triều đình:

-Tốt hỉ. Hai mi chèo ghe cho ta ra ngoài tầu lớn nói chuyện với mấy người chủ tầu coi họ muốn cái chi, xong việc rồi ta thưởng tiền hỉ.

Huỳnh Thúc Kháng lăng xăng đi trước, thỉnh thoảng nạt nộ bâng quơ:

"Tránh ra cho quan lớn đi. Tránh chỗ cho quan lớn đi. Chà cái bọn Tây Dương này vô thiên vô pháp muốn đến là đến, muốn đi là đi.

Ba người vẹt đám đông tách ra hai bên, Phan Chu Trinh và Trần Quý Cáp vừa đi vừa ra vẻ hất cái mặt lên cho giống quan lớn. Cả hai cười thầm trong bụng về tài biến báo của Huỳnh Thúc Kháng cũng như vẻ ngu ngơ của dân lành.

Phan Chu Trinh lấy giọng hách dịch như quan lớn nói với người chủ thuyền tên là Tám Nhỏ:

- Mi có cái ghe nhỏ nào không? Chèo ghe bầu làm chi cho nó nhọc xác. Từ đây ra tới mạn tầu của họ cũng không xa xôi gì.

- Dạ, bẩm quan lớn để tôi dùng ghe câu đưa quan lớn ra ngoài đó cho nó lẹ. Mà quan lớn nói được tiếng của họ không? Sớm mơi này tôi tò mò cạp ghe của tôi sát với mạn tầu, họ cho người ra nói chuyện song ai nói nấy nghe, ra dấu chỉ trỏ huyên thiên chẳng ai hiểu được họ muốn cái gì? Coi bộ mấy người này cũng không có dữ dằn gì?

Phan nghĩ thầm trong bụng không hiểu mấy người này có nói được tiếng Pháp không? Ông làm việc tại Bộ Lễ, lại rắp tâm tìm hiểu sách vở của người Pháp cho nên ông có thể nói chuyện bằng tiếng Pháp. Mặc kệ, đã đến nước này thì cũng phải liều, phải giả bộ làm quan địa phương tới xét tầu mới có thể thấy được bên trong tầu. Nó to quá sức, mà không thấy chèo chống gì, cũng không thấy cột buồm để chạy bằng sức gió. Không hiểu làm sao nó có thể chạy trên mặt biển? Ông nghĩ ông đóng kịch giả làm quan chắc cũng không đến nỗi tệ, bề gì cũng là Thừa Biện Bộ Lễ đã mấy năm nay. Chỉ ngại ngang tàng như Huỳnh Thúc Kháng và gàn gàn như Trần Quý Cáp e lộ chuyện. Ông ghé vào tai Trần nói nhỏ:

- Mọi việc bác cứ để tôi ứng phó, bác cứ giả ngây giả dại cho tôi là được.

Chiếc ghe câu của Tám Nhỏ cặp sát vào mạn tầu lớn. Nó to quá sức, cả ba nghển cổ lên thấy mấy người thủy binh của tầu đi lại tấp nập. Một chiếc thang dây được thả xuống. Một người ngoại quốc nương theo thang dây này leo xuống. Hắn mặc quần áo tuyệt đẹp, với những ngù vai thêu

chỉ kim tuyến mầu vàng, mầu bạc. Người này cũng da trắng nhởn, mắt xanh biếc, mặt có điểm những nét tàn nhang hơi nâu. Hắn có bộ râu không biết được chải bằng cái gì mà cứng, bệt lại với nhau và vểnh lên như hai cái móc sắt. Người này cao hơn ba nhà nho Việt hẳn một cái đầu. Hắn bước xuống ghe câu mà chiếc ghe như lún hẳn xuống nước muốn khẳm. Phan Chu Trinh lấy giọng nghiêm nghị và từ tốn, ông hỏi bằng tiếng Pháp:

- Các ông là người nước nào? Tại sao lại đáp tầu vào địa phận chúng tôi mà không xin phép.

Người này đáp lại bằng một giọng lễ độ. Hắn cũng nói tiếng Pháp, tất nhiên là lưu loát hơn Phan Chu Trinh.

- Chúng tôi là người Nga. Ông có biết nước Nga ở đâu không? Ông có biết nước Nga lớn hơn nước Pháp nhiều lần không?

Phan Chu Trinh nhìn thẳng vào mặt người Nga này. Ông nói gằn từng tiếng một, tuy không lớn giọng nhưng người ngoại quốc đối diện với ông đọc được nét bất khuất trong cung cách trả lời của Phan:

- Nước ông lớn hơn nước Pháp thì đã làm sao? Ở đây chúng tôi là chủ. Ông muốn đậu tầu trong địa phận của chúng tôi thì phải để quan quân của chúng tôi lên xét tầu. Mà các ông tới đây làm gì? Nội người Pháp không đã đủ nhiều chuyện, huống hồ bây giờ lại thêm người Nga nữa. Các ông phải lui tầu ra xa ngoài khơi. Sáng nay dân ở đây đã đi báo quan, lát nữa thể nào quan quân sở tại cũng sẽ tới. Để rồi coi, chúng tôi làm tờ trình với triều đình của chúng tôi. Có chấp thuận cho các ông neo tầu hay không lại là chuyện khác. Theo tôi ông nên lui tầu của ông ra khơi sẽ tốt hơn. Quan Tuần Phủ ở đây có tiếng là người dữ.

Người Nga này thấy vậy dịu giọng liền. Hắn làm cử chỉ mời mọc Phan Chu Trinh bằng cách chập hai chân lại, dở nón ở trên đầu ra. Hắn khom người một chút, nghiêng mình tới trước, kẹp mũ vào nách xong rồi chìa tay mời Phan Chu Trinh leo lên thang dây miệng nói:

- Chắc ông cũng là quan địa phương ở đây. Bản chức là người lớn nhất của chiếc tầu này. Bản chức trân trọng mời một ông quan An Nam xuống viếng thăm tầu của bản chức. Ở đó chúng ta có thể nói chuyện thuận tiện hơn đứng ở chỗ này.

- Không phải, tôi chỉ là dân buôn bán ở đây, nhưng tôi có quen biết với quan Tuần Phủ. Tôi sẽ ở đây chờ quan quân của tôi xuống xét tầu. Nếu cần tôi làm thông ngôn hộ cho đôi bên nói chuyện với nhau. Quan Phủ của chúng tôi không biết tiếng Pháp mà ông thì không biết tiếng Việt.

- Vậy thì tôi mời ông lên chơi tầu trong khi chờ đợi quan địa phương tới. Ông là dân buôn bán ở đây phải không?

- Đúng vậy.
- Tôi muốn nhờ ông mua hộ cho tôi một ít thực phẩm.
- Các ông định mua gì?
- Chúng tôi cần nhiều thực phẩm khô cho chuyến hải hành dài ngày. Bây giờ tôi mời ông lên trên tầu, tôi cần gặp nhà bếp của tôi mới biết được phải mua cái gì?

Phan Chu Trinh ngước mặt nhìn lên mạn tầu, cái thang dây đong đưa rập rình theo sóng. Nó cao đến độ chóng mặt. Nhưng cao thế chứ cao nữa cũng phải leo lên. Ông vén vạt áo phía trước quấn ra đằng sau để đỡ đạp phải khi ngước mặt lên cao. Ông hít một hơi thở thật sâu vào trong lồng ngực, tiến đến cái thang dây. Ông đặt chân lên nấc đầu, gió thổi cái thang dây muốn soắn lại, ông bị va vào thành tầu, nhưng ông không cảm thấy đau.

Ông chỉ cảm thấy nếu ông không leo lên được thì từ đây đừng ngước mặt lên nhìn đời. Đừng rao giảng những điều ông chưa hề chứng nghiệm. Không leo được lên thì cũng nên đi về. Vào Nam Bộ mà làm gì? Sang Tây mà làm gì? Chỉ có một việc là leo một cái thang dây lên một con tầu mà làm không xong thì còn mong gì làm chuyện quốc sự. Ông nhủ thầm như thế trong khi đôi chân tiếp tục đặt lên những nấc cao hơn, một vài lần ông trượt chân vì thang trơn, nhưng ông lấy thăng bằng kịp thời không đến nỗi lúng túng. Trong một thoáng giây Phan Chu Trinh nghĩ thầm cho dù có rớt xuống biển cũng phải leo lên, không thể để cho người ngoại quốc này cười mình là khiếp nhược.

Dưới lòng ghe câu Huỳnh và Trần nhìn thân hình Phan mỗi nấc thang cao hơn là một lần bé dạng đi một chút. Cả hai cùng cảm thấy họ cùng đang leo lên với Phan, họ bình tĩnh lạ lùng. Phan leo lên được nửa tầu thì người Nga leo theo sau. Từ dưới nhìn lên Trần và Huỳnh thấy Phan đã leo lên được thành tầu. Cả hai thở phào nhẹ nhõm tiến đến chân thang.

*

Từ lúc lên tầu ba nhà nho Việt Nam làm như thấy cái vĩ đại của tầu mà sinh lòng cảm kích. Cả ba càng ngày càng có vẻ hòa hoãn với viên chỉ huy tầu. Người này dẫn cả ba đi khắp các phòng trong tầu kể cả phòng máy. Đến bất cứ phòng nào cũng có một thủy binh hô lệnh cho những người trong phòng chào khách bằng cách đưa bàn tay để chấm vào vào cuối chân mày. Ở phòng đầu tiên khi người thủy binh hô to quá, và những người lính khác vươn tay chào một cách mạnh mẽ làm ba nhà nho Việt hơi giật mình. Cũng may cử chỉ mạnh bạo đó họ chỉ làm một động tác duy nhất, đưa bàn tay lên chân mày nên cũng không đến nỗi làm cho ba người bị hoảng hốt.

Nơi phòng máy ba nhà nho Việt thấy một cái lò thật to, trên đó có

một cái nồi sắt khổng lồ, to bằng một căn phòng lớn. Lò được nhóm bằng những tảng khoáng chất như những tảng đá mầu đen bóng. Lửa trong lò xanh lè. Từ trên nóc của cái nồi một ống hơi lớn dẫn hơi nước chạy vào buồng máy. Tiếng máy chạy nghe đinh tai nhức óc, những cái then chuyền bằng sắt di chuyển nhịp nhàng như những con thoi, những tay chuyền của một cái khung cửi ở nhà quê. Có điều những tay chuyền, những bánh xe trên con tầu này bằng sắt và lớn quá mức. Máy chạy nghe long trời lở đất.

Vị chỉ huy con tầu mời ba nhà nho mà ông ta cho là ba ông quan lên đài chỉ huy tầu. Tại đây một bàn ăn đã dọn sẵn với những món ăn bầy biện đẹp đẽ trên những bát đĩa bằng sứ và thủy tinh. Bàn ăn được trải khăn trắng muốt, nơi mỗi chỗ ngồi ba nhà nho không thấy đũa, người Tây Dương ăn uống cũng khác thường. Họ dùng dao, thìa bằng bạc và một đồ vật hình thù giống như cái đinh ba của nhà nông. Chỉ khác một điều cái đinh ba có ba răng, nhưng cái dụng cụ để ăn của người Tây Dương này có tới năm răng, nhỏ như một con dao dùng để têm trầu. Trông kỹ nó lại tựa như cái chĩa để đâm cá. Thức ăn dọn trên bàn ê hề, nhưng ba nhà nho Việt giữ thể diện nên từ chối không ăn.

Viên chỉ huy tầu thấy vậy cũng muốn tỏ ra là người lịch sự, ông ta quay vào trong nói một tràng tiếng Nga. Chập sau một người bồi mang ra bốn ly nước mầu đỏ như nước ép của những trái mận. Ông ta mời khách rồi đưa lên miệng uống. Cho là họ có lòng đãi khách mà đã không ăn, lại không uống thì chứng tỏ mình là người hẹp lượng mà lại hơi nhát. Cả ba đưa mắt nhìn nhau hội ý rồi cùng đưa ly rượu lên môi uống cạn. Viên chỉ huy tầu tán thưởng hành động này bằng cách cũng uống một hơi cạn ly rượu. Y nhìn vào mặt Phan Chu Trinh nói với một giọng lễ độ:

- Thưa các vị, tầu của bản chức trên đường đi ngang địa phận của quý quốc chẳng may bị bão, lại hỏng máy cần phải sửa chữa trước khi tiếp tục cuộc hành trình. Bản chức mong các vị chuyển đạt lời của bản chức đến vị đại quan trị nhậm tại đây: Cho phép bản chức đậu tầu nơi đây để tránh gió và có thời giờ sửa chữa.

Phan Chu Trinh nhìn ra ngoài biển khơi, những cơn sóng bạc đầu to như những mái nhà đang tuần tự xô nhau chạy vào bờ. Con tầu to mà ông đang ngồi như nghiêng hẳn đi. Mấy bộ chén bát kiểu, dao ăn, thìa bằng bạc chạy lộn xộn trên bàn. Tới lúc đó ông mới thấy rằng con người dù có tài giỏi tới đâu nhưng trước thiên nhiên thì cũng không hơn cái kiến. Con tầu ông và hai người bạn thanh khí đang ngồi là một thí dụ. Nó to tới độ khi leo lên ông đã mấy lần tưởng ngã xuống biển, thế mà trước những cơn sóng này nó chẳng khác gì một cái lá tre. Ông nhìn người chỉ huy Nga với lòng nhân từ và nói:

- Tôi sẽ cố trình bầy với quan Tuần Phủ của chúng tôi. Tạm thời cứ giữ nguyên tình trạng này. Nhưng tôi không bảo đảm là quan Tuần Phủ sẽ đồng ý. Tôi biết chắc chắn là quan Tuần Phủ cũng phải làm tờ trình tâu lên trên để được sự đồng ý của thượng cấp. Trong khi chờ đợi ông có thể neo tầu ở đây. Nhưng tôi nói trước là phải có điều kiện: Các ông là những người dị chủng với chúng tôi, không được phép lên bờ sợ làm dân chúng xôn xao.

- Xin tuân ý ông. Tôi sẽ nghiêm cấm các binh sĩ của tôi không một ai được lên bờ. Nhưng tôi xin phép được mua bán với những người An Nam nào mang hàng ra tận tầu của chúng tôi.

- Được, chúng tôi không phải là người hẹp lượng. Có điều mua bán thì phải sòng phẳng, thuận mua vừa bán chứ không được ỷ mạnh hiếp yếu. Nếu các vị không tuân hành những điều tôi vừa nói thì tuy nước của chúng tôi hiện đang yếu, nhưng sức của một con tầu có hạn mà thôi. Tới chừng đó chớ trách là chúng tôi không cho biết trước.

Ba người dợm đứng dậy ra về. Viên chỉ huy tầu sai người mang ra một món quà tặng nhưng Phan không nhận. Viên chỉ huy tầu đích thân dẫn ba nhà nho Việt Nam ra về. Ngay ngoài cửa phòng ăn mười người lính binh phục đẹp đẽ, sắp hàng ngay ngắn. Cánh cửa vừa mở, viên chỉ huy tầu chưa bước ra khỏi phòng đã nghe tiếng hô hoán của mười người lính này. Thì ra họ mang lính ra chào tiễn khách. Tám Nhỏ chờ lâu quá đã chèo ghe câu chạy vào bờ, nên vì vậy mà viên chỉ huy tầu cho hạ thủy một chiếc thuyền nhỏ. Ba vị nhà nho Việt Nam ngồi sẵn trong thuyền cùng với bốn người thủy binh để chèo đưa khách vô bờ.

*

Kể từ hôm xuống tầu Nga trở về ba nhà nho Việt Nam như chìm trong một cơn mê. Cả ba không thiết làm gì, suốt ngày ra ngẩn vào ngơ, chẳng khác chi những người thanh niên nghe tin ý trung nhân đi lấy chồng. Phan Chu Trinh moi trong bọc ra mấy quyển sách, ông đọc mà không để ý đến mặt chữ. Khác hẳn thường lệ khi đọc sách ông ngồi nghiêm chỉnh tại ghế, hay ngồi xếp bằng trên giường với cái gối tựa sau lưng.

Mấy hôm nay ông nằm lì trên giường, quyển sách mở hờ hững trước mặt. Ông cũng không đọc những quyển sách dịch của Lương Khải Siêu hay Khang Hữu Vi, mà đọc một quyển sách chép tay những bài thơ Đường của nhiều tác giả. Ông hệt như một con ngựa đang phi nước đại, đột nhiên ngừng lại thơ thẩn bên đường. Cũng không hẳn thong dong, nhàn nhã như thế.

Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp đọc thấy vẻ chán nản nơi người bạn đồng hành. Một hôm trời đã về chiều, ánh nắng quái vàng vọt soi vào

phòng trọ những tia nắng đỏ quạch như mầu gạch cua. Phan Chu Trinh đang đắm chìm trong muôn ngàn ý tưởng hỗn loạn bỗng giật mình khi nghe có tiếng người hỏi bên tai. Phan Chu Trinh quay lại thì thấy Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp mới đi đâu về. Vừa bước vào nhà Trần đã to tiếng nói:

- Mấy hôm nay bác cứ nằm mãi, nó ươn người đi. Hôi nẫy hai chúng tôi đi ra ngoài biển mà không tiện rủ bác đi vì thấy bác đang ngủ lơ mơ.

- Đệ nhân cơn bất đắc chí, nằm đọc lại mấy bài thơ cổ, rồi mê đi hồi nào không hay. Ngoài đó có gì lạ không hai bác?

- Ở ngoài đó thì không có gì lạ. Có lạ là ở trong phòng này mà thôi.

- Hai bác nói ỡm ờ như thế làm sao tôi hiểu nổi?

- Bác Phan này. Mấy hôm nay tôi cứ nghĩ hoài về cái tầu của người Tây Dương, mà càng nghĩ càng ghê sợ cho cái cơ tâm của con người ta. Trước khi lên đường, tôi nghĩ là họ văn minh, tiến bộ hơn mình, nhưng tôi không ngờ là họ ghê gớm đến độ mình có ngủ mơ cũng không thấy họ mạnh như vậy. Mấy hôm nay tôi thực sự chán nản. Nhưng không riêng gì mình tôi chán nản, mà tất cả chúng ta đều thấy là vô phương. Do đó có lẽ tôi không vô Nam Bộ nữa. Tôi muốn quay trở về.

- Thú thật với hai bác mấy ngày nay tôi cũng như từ trời rớt xuống. Chưa chạm với sự thật thì hăm hở, nhưng khi tận mắt thấy họ như hùm, beo mà mình như nai, như mển là người tôi như rũ liệt ra. Nhưng tôi đã suy nghĩ kỹ mấy ngày nay. Tôi sẽ không bỏ con đường tôi đã chọn. Chúng ta là những người đọc sách thánh hiền thế tất phải: "Tiên thiên hạ tri ưu vi ưu" (Lo cái lo trước thiên hạ). Còn hai bác định về đóng cửa nằm nhà là xong sao?

- Không phải, tụi tôi nghĩ mình chia việc ra mà làm. Bác lo bôn tẩu học hỏi ở ngoài. Chúng tôi về hô hào, khuyến khích lũ trẻ bên trong. Bác đi đến đâu cũng truyền bá những điều bác biết. Còn chúng tôi tạo cái thế hậu thuẫn trong nước. Cả hai mặt thật không thể bỏ một mặt nào. Hôi nẫy ở ngoài bãi biển tôi cũng có bàn với bác Huỳnh là ngay trước mắt mình không thể bạo động được, thì phải tìm con đường khác ôn hòa hơn. Bác có tài hùng biện, lại am tường tiếng Tây Dương thì bác nên nhận sóng gió đường xa. Hai người chúng tôi tuy là ở trong nước nhưng sẽ làm bất cứ cái gì bác đòi hỏi.

- Hai bác nghĩ vậy cũng phải. Tôi tạm nghỉ ở đây một thời gian nữa, rồi tôi sẽ tiếp tục đi vào Nam. Nhưng từ nay trở đi tôi là một Phan Chu Trinh mới. Trước tiên phải thay đổi hình dáng bề ngoài, và cả lối suy nghĩ, cùng cách sống. Đã định như vậy thì bao giờ hai bác trở ra lại.

- Chúng tôi nghĩ nói chuyện về với bác hơi khó, nhưng nào dè bác

cũng dã nghĩ như vậy thì chúng tôi ở lại một hai ngày nữa. Bữa nào có thuyền buôn đi Đà Nẵng thì chúng tôi khởi hành. Lội bộ như thế nhìn ngang, nhìn dọc cũng đã nhiều, đã đủ. Kỳ này chúng tôi trở ra bằng thuyền.

- Tôi vẫn giữ ý định đi tới các tỉnh trong Nam, nhưng tôi chưa đi Tây vội. Tôi sẽ ra Bắc hợp với cánh cụ Cử Lương Văn Can, cũng như đã hẹn với Phan Bội Châu gặp nhau một lần ở ngoài đó. Nếu hai bác dàn xếp công việc được cũng nên ra Bắc một chuyến. Muốn làm gì thì cũng nên Bắc Trung Nam họp mặt một lần, nhận dạng nhau một lần, nhiều người thì mới nhìn được đủ mọi chỗ, nhiên hậu mới biết cần cái gì? Làm cái gì?

- Bác sẽ ra Bắc vào dịp nào?

- Bây giờ cũng đã cuối mùa thu, hẹn sang xuân tất cả chúng ta gặp nhau trên đất Bắc.

- Được rồi hai chúng tôi sẽ cố dàn xếp bắc du một chuyến. Tôi có đôi lần được dịp nói chuyện với các vị minh quan viễn kiến. Họ khen cánh cụ Cử Can cũng như nhân sĩ Bắc Hà không tiếc lời. Phải công nhận rằng đất Bắc là cái gốc của nước ta, đất ấy được bồi đắp nhiều ngàn năm nay, nên vì đó mà các đại gia cũng lắm, nhân sĩ cũng nhiều. Làm gì thì làm thế nào chúng ta cũng phải liên minh với cánh cụ Cử Can ngoài đó. Nếu không liên minh được thì cũng tạo được thế môi hở răng lạnh với cánh Bắc Kỳ.

- Hay là Tết này hẹn nhau ở đất Thăng Long đi.

- Hẹn nhau ăn Tết ở đất Thăng Long thì bọn ta phải làm mâm cơm cúng Quang Trung Hoàng Đế để xin ngài tha lỗi. Ngài cũng là người đàng trong, ra ăn Tết đằng ngoài với áo bào xạm đi vì thuốc súng, và đỏ vì máu quân Thanh. Bọn ta ra ngoài đó mà ngơ ngơ ngác ngác, ngoài thì sợ giặc Pháp, trong thì e quan lại Nam Triều, ngài mà linh thiêng thì bọn ta bị quở hết. Bọn ta ra ăn Tết trong khi quân Pháp đã ngự trị trên đất nước chúng ta đã mấy chục năm nay. Thế mà bọn ta cứ loay hoay mãi. Vả lại một năm có mấy ngày Tết cũng phải ở nhà với vợ con, thờ cúng tổ tiên, bỏ đi không tiện.

Trần Quý Cáp sau một chập suy nghĩ, quai hàm ông bạnh ra. Giọng ông rít lên:

- Mâm cơm cúng thì khi nào gặp nhau ngoài đó sẽ hay, bây giờ cũng nên làm một bữa tẩy trần, gọi là tạm biệt. Bác Phan mai này đường xa một mình xin nhớ cho là chúng tôi không hề nản chí ngã lòng. Bác Huỳnh thì tôi không biết, nhưng riêng tôi thì từ hôm ra tàu Nga trở về, tôi cứ nghĩ luẩn quẩn mãi là đã lỡ sinh ra vào thời mất nước này, thì chỉ còn có mỗi tính mạng cũng đành đem ra đùa với số phận.

- Hai bác ngược ra ngoài đó xin nhớ cho là tuy chúng ta tuy ba mà một. Xin các bác chọn mặt gửi vàng, giãi bầy gan ruột với đám hậu sinh,

nói cho họ biết những gì chúng ta mắt thấy tai nghe. Phải phá vỡ cái màn vô minh che mắt dân ta hàng ngàn năm. Phải nhìn xa ra khắp các nước trên hoàn cầu này.

- Bác Phan này. Đời người thì ngắn ngủi mà lịch sử thì mênh mông vô tận. Đã thế chúng ta lại sinh ra vào buổi nhiễu nhương nhất, nước thì đã mất, nhà tất chẳng còn nguyên lành. Lũ chúng ta là những kẻ sĩ đọc sách, không thể khoanh tay tọa hưởng kỳ thành chờ đợi ngày tươi sáng, mà phải lao đầu vào làm gương cho đám hậu sinh. Chúng ta dù sống trong xó xỉnh nào cũng không thể sống thừa trong trời đất. Mai kia mốt nọ có khi vùi thân trong đám bùn lầy. Nhưng còn sống ngày nào tôi sẽ không bao giờ quên mình là kẻ sĩ trong cơn quốc biến.

Phan Chu Trinh gục gặc cái đầu một chặp, chợt ông ngừng tay ở búi tóc, mặt nhăn lại. Ánh mắt ông long lanh một cách quả quyết. Ông nói trống không, tuồng như nói cho chính mình nghe:

- Cái búi tóc này vừa nặng đầu, lại chỉ tố chứa chấy. Không thí phát đi thì chỉ nghĩ quẩn mà thôi. Mai này tôi đi cắt tóc tiễn hao bác về lại Huế.

Trần Quý Cáp vội vã trả lời:

- Ấy không được đâu, mớ tóc là khí huyết của cha mẹ ban cho ta, sao lại nỡ cắt đi cho đành. Bác nghĩ gì thì nghĩ trong đầu, trong óc. Mắc mớ gì cái búi tóc mà lại cắt đi. Phải tội chết bác Phan ạ.

- Mấy hôm nay tôi nghĩ đã chán rồi. Để tóc dài mỗi lần gội đầu vướng víu khó chịu, mà không gội thì hôi như tổ cú. Tôi biết nhiều người chấy nhiều như chùm sung. Mùa hè nội gãi không cũng đủ chết, nhiều khi ngứa muốn điên lên, còn làm sao suy nghĩ cho tới nơi tới chốn được. Khi nãy lúc hai bác không có nhà tôi đi tìm kéo mà không có. Người mình cũng chưa ai mở hiệu cắt tóc, biết cắt thế nào đây?

- Tôi cũng giống như bác Trần, mớ tóc này thì không thể một sớm một chiều cắt bỏ đi được. Tóc chính là một phần thân thể mình, cắt nó đi thì còn ra thể thống gì nữa?

- Hai bác nói vậy đệ thấy không đúng. Trước tiên là thói quen suy nghĩ cũ mình phải bỏ, đã không muốn bắt kịp người thì thôi, đã muốn thì phải đoạn tuyệt với những hủ tục ngay từ bây giờ. Cái búi tóc này là một hủ tục, trang phục của chúng ta cũng thế, nó lụng thụng khó xoay trở. Tôi chẳng những sẽ thí phát cái búi tóc này mà còn thay đổi cả y phục nữa... Bộ dạng bên ngoài phải thay đổi trước, sau đó mới hòng thay đổi được bên trong được. Nói nào ngay tôi cắt tóc chỉ nhằm vào việc mỗi lần soi gương là thấy mình khác người, nó nhắc nhở cho tôi những điều tôi đang canh cánh trong lòng... ❐

chuyện tình kể lại

Phùng Nguyễn

Nàng có cái tên rất xinh đẹp. Phạm Minh Châu. Chồng nàng là phi công. Tháng Tư năm bảy mươi lăm ông lái chiếc A37 bay qua Thái Lan, và từ đó, ông được đưa sang Mỹ. Minh Châu ở lại với đứa con trai còn rất nhỏ. Lúc tôi gặp họ, bé Khải đã gần bốn tuổi. Tôi biết Minh Châu trong một trong những giai đoạn rất khó khăn của đời mình. Vừa được thả ra khỏi trại cải tạo vì lý do sức khỏe, tôi lại phải chui ngay vào một trong những "tổ hợp" sản xuất mọc nhan nhản ở Sài Gòn. Mục đích là để có cớ ở lại thành phố này. Cái viễn tượng một ngày nào đó sẽ nằm chen chúc ở vỉa hè cùng các đồng bào thân yêu của tôi trở về từ vùng Kinh Tế Mới cũng đủ làm tôi rợn người!

Thế là tôi gia nhập tổ hợp sản xuất thảm xơ dừa xuất khẩu Thanh Bình. Thực ra cái tên của tổ hợp chẳng mang một ý nghĩa gì đáng kể. Lại chẳng thanh bình chút nào. Thỉnh thoảng ông Khá, chủ nhiệm công đoàn phường ghé thăm đám công nhân đang làm việc túi bụi trong xưởng dệt, rồi bỏ ra văn phòng ngồi làm việc với ban quản trị. Sau đó họ dắt nhau đi ăn thịt chó ở chợ Tân Bình, chắc là để làm việc tiếp. Còn tôi thì ở trong cái kho chất đầy những cuộn xơ dừa tròn như trái banh, cân, đo, đong, đếm. Trong cái kho nhỏ xíu chỉ toàn xơ dừa và xơ dừa này, lại có cả chiếc đàn *mandoline*. Cây đàn này của cô Thông, coi kho vào buổi sáng. Tôi chỉ làm buổi chiều, sáng còn phải đi bán chợ trời kiếm tiền ... mua chức thủ kho!

Cô Thông là người nhiều tình cảm, tôi đoán vậy. Vào ngày thứ ba của sự nghiệp thủ kho của tôi, cô không chịu ra về ngay sau khi bàn giao mà còn nấn ná ở lại đàn cho tôi nghe mấy bản nhạc vàng bằng chiếc *mandoline* của cô. Ngày hôm sau, và cả hôm sau đó, cô cũng ở lại đàn cho tôi nghe. Cô lại hát nữa! Tôi thấy hơi kỳ cục khi nghe cô đàn hát say sưa trong cái kho nhỏ xíu chứa đầy những cuộn xơ dừa tròn như trái banh!

Nhất định cô Thông là người yêu âm nhạc!

Một hôm Minh Châu đến tìm tôi. Nàng được phân công vào khâu cắt tỉa những tấm thảm xơ dừa thô kệch cho gọn ghẽ trước khi đóng thùng xuất khẩu. Hôm đó lưỡi kéo bén ngót đã cắt phải ngón tay của nàng. Nàng rớm nước mắt và bật lên những tiếng xuýt xoa nho nhỏ khi tôi bôi thuốc sát trùng lên những ngón tay thon thả, trắng trẻo của nàng. Tiếng xuýt xoa của Minh Châu nghe ... hay hơn tiếng đàn của cô Thông rất nhiều, tự dưng tôi nghĩ vậy. Lúc đó tôi mong Minh Châu cứ bị ... đứt tay mỗi ngày để tôi có dịp xoa thuốc cho nàng và nghe nàng xuýt xoa. Thật là một ý nghĩ rồ dại và ích kỷ vô cùng!

Từ dạo đó, tôi bắt đầu lân la đến gần Minh Châu để hỏi chuyện. Lúc đã thân nhau, Minh Châu cho tôi xem ảnh chụp đám cưới nàng. Đám cưới thật lớn, cô dâu, chú rể và quan khách đều đẹp đẽ, sang trọng. Nàng cũng cho tôi xem ảnh của chồng nàng, gởi về từ bên Mỹ. Người đàn ông trẻ đứng khuỳnh tay cạnh chiếc xe thể thao màu đỏ cười tươi rói. Những mảng màu sắc rực rỡ của bức ảnh có vẻ không phù hợp với căn nhà kho chật hẹp trong đó tôi hằng ngày vẫn cần đo đong đếm những cuộn xơ dừa tròn như trái banh. Minh Châu thì vẫn tiếp tục cắt tỉa những tấm thảm xấu xí, chờ mãi tấm giấy bảo lãnh của chồng. Cô Thông thì mỗi ngày càng buồn hơn. Hình như cô ấy có vẻ thất vọng vì khám phá ra tôi không biết thưởng thức âm nhạc! Còn tôi thì khám phá ra mình đã phải lòng Minh Châu tự lúc nào!

Tôi vốn không phải là người kín đáo cho nên một hôm tôi bảo Minh Châu về khám phá mới lạ của mình. Nàng cúi đầu, trốn tránh ánh mắt tôi, và cuối cùng trả lời bằng một tiếng thở dài. Vậy đó, chỉ có tiếng thở dài. Tôi trở vào nhà kho, ở mãi trong đó. Những ngày sau đó, tôi ngồi trong nhà kho nhìn trộm Minh Châu và bắt gặp mình thỉnh thoảng lại thở dài. Đôi khi cô Thông ở lại đàn cho tôi nghe xong rồi cũng thở dài ra về. Tôi nghiệm ra thở dài là một căn bệnh có tính cách truyền nhiễm.

Một hôm Minh Châu vào nhà kho tìm tôi. Nàng không có bị đứt tay chân gì hết. Nàng chỉ vào để hỏi tôi điều mà tôi khám phá có còn mới lạ hay không. Tôi bảo vẫn còn cho đến rất lâu sau này, ngay cả khi nàng rời quê hương đi đoàn tụ với chồng. Minh Châu hỏi tôi Noel này có rảnh thì đưa nàng và bé Khải đi chơi, đã ba năm rồi nàng chỉ đi lễ nhà thờ rồi về nhà ngay. Tất nhiên là tôi rất rảnh rỗi, và chúng tôi đã có một đêm rất vui vẻ với nhau. Chúng tôi đi tới đi lui trên những con đường quen thuộc ở trung tâm Sài Gòn cho đến lúc bé Khải ngủ vùi trên vai tôi. Lúc chia tay với Minh Châu trước cổng nhà nàng, tôi đã thu xếp để hôn môi nàng. Nụ hôn không được gọn ghẽ như ý tôi muốn vì vướng bé Khải –vẫn đang ngủ

vùi trên vai tôi, nhưng cũng đủ để vùng không gian tối tăm rực lên trong khoảnh khắc. Như cánh cổng vàng của tình yêu mà Alexis Tolstoy đã có lần nhắc đến trong một cuốn tiểu thuyết của ông.

Vài tháng sau đó Minh Châu cho tôi hay là cuối cùng nàng đã nhận được đơn bảo lãnh đoàn tụ gia đình của chồng. Tất nhiên tôi hiểu rõ ý nghĩa của sự kiện này. Tôi chúc nàng gặp nhiều thuận lợi trong thủ tục xuất cảnh. Tôi rời tổ hợp thảm xơ dừa xuất khẩu Thanh Bình một tuần sau đó. Căn nhà kho chật hẹp với những cuộn xơ dừa tròn như trái banh bỗng dưng trở nên không còn chịu đựng nổi. Minh Châu đã xin thôi hai ngày trước đó. Và tôi không bao giờ gặp lại nàng. Hôm tôi nghỉ việc, cô Thông ở lại nguyên buổi chiều với tôi. Lúc tôi rời đi, tiếng đàn *mandoline* của cô Thông vẫn còn vọng ra từ căn nhà kho quen thuộc. Bỗng dưng tôi nhớ đến tiếng *balalaika* trong phim Dr. Zhivago mà tôi đã có lần xem.

*

Trong những ngày tháng sau đó, tôi làm đủ mọi việc, mà mục đích là để trang trải những buổi nhậu nhẹt trong các hàng quán mọc ra nhan nhản ở những vỉa hè Sài Gòn vào dạo đó. Thực ra nếu không uống rượu thì tôi cũng chẳng biết làm gì cho qua ngày tháng. Cho nên tôi uống mãi, và uống cho đến say khướt mới thôi. Cô em gái của tôi rất phiền não vì cứ phải dọn dẹp, chăm sóc cho tôi mỗi tối. Em tôi vẫn than phiền về tôi với Ngọc Châu, bạn học của cô.

Một buổi tối trong cơn say nhừ, tôi cảm thấy có ai trong phòng đang lau mặt tôi với chiếc khăn ướt. Đó là Ngọc Châu. Nàng bảo thấy tôi nằm mê man giống như người chết nên muốn làm tôi tỉnh táo lại một chút thôi. "Em thấy anh tội nghiệp," nàng bảo. Mà tôi cũng thấy mình thực là tội nghiệp, và bất lực nữa! Nên tôi để yên cho Ngọc Châu săn sóc mình. Sau đó Ngọc Châu đến chơi thường xuyên hơn, rủ tôi đi ăn chè ăn cháo, những món tôi chúa ghét. "Cái này bổ hơn rượu đế là cái chắc," nàng bảo. Thì tôi đành chiều Ngọc Châu vậy, bề nào nàng cũng đã bỏ công săn sóc tôi bấy lâu nay.

Gia đình tôi, nhất là cô em tôi, có vẻ thích Ngọc Châu ra mặt. Cô thường biểu dương những đức tính mà Ngọc Châu vẫn còn sở hữu trong thời buổi vô cùng khó khăn này. Mẹ tôi thì nói xa nói gần về cái ước mơ có cháu nội ẵm bồng. Tôi chẳng có điều gì phàn nàn về cái ước mơ này cũng như về sự thiên vị của em gái tôi. Một hôm tôi chợt nhận ra Ngọc Châu đã trở nên vô cùng quan trọng trong đời sống tình cảm của mình. Tôi biết được điều này khi khám phá ra mình không có can đảm thú nhận với nàng về những quan hệ đã có với những người đàn bà khác tôi thường gặp gỡ ở những nơi tôi lui tới nhậu nhẹt. Phần nhiều là những quan hệ xác

thịt. Họ có mặt ở nơi Ngọc Châu không hề đến bao giờ, và bởi vì tôi có mặt ở đó, mọi sự đều trở nên thuận tiện cho những quan hệ có tính cách giai đoạn. Một hôm một mối quan-hệ-có-tính-cách-giai-đoạn bỗng trở nên trầm trọng khi tôi được thông báo rằng mình là tác giả của cái bào thai đang tượng hình trong bụng của một trong những người đàn bà đó. Tôi vốn chẳng hiểu gì về thai nghén –đó là chuyện đàn bà– nên vội tìm đến quán nhậu quen thuộc để tìm người mẹ của đứa con tương lai, sờ vào bụng cô ấy và tuyên bố một cách hùng hồn là sẽ không để con mình trở nên một đứa trẻ không cha. Đêm hôm ấy tôi uống say bí tỉ để ăn mừng đứa bé sắp chào đời!

Ngày hôm sau, cùng với cơn choáng váng của men rượu còn đọng lại, là sự bối rối cùng cực khi tôi nghĩ đến việc phải báo tin cho Ngọc Châu về quyết định của mình. Tôi đưa nàng đến một quán cafe khá vắng. Ở đó, tôi đã sử dụng tất cả sở học tồi tệ của mình để thuyết phục nàng rằng thì là tôi phải làm như thế như thế, nghĩa là phải lấy cô kia làm vợ. Hình như tôi đã nói về bổn phận, trách nhiệm, đạo đức, tình phụ tử, và rất nhiều điều khác tôi chưa hề áp dụng trong đời. Và hình như Ngọc Châu đã không còn lắng nghe tôi từ lâu! Nàng ngồi đó, nước mắt ứa ra từ đôi mắt đen ướt, nhìn tôi lạ lùng. Lúc tôi dìu Ngọc Châu đứng dậy, bàn tay nàng lạnh như băng giá. Tôi chợt nhớ ra đêm mai là Noel, và co' nhiều phần là Ngọc Châu sẽ không cho phép tôi đưa nàng đi lễ nhà thờ như đã dự tính!

Hai tháng sau đó, Ngọc Châu đi lấy chồng. Nàng lấy Tân, người đã đeo đuổi nàng từ lâu. Cô em gái tôi khóc như nhà có tang và nguyền rủa tôi đủ điều. Còn tôi thì trở lại các quán nhậu thường xuyên hơn vì chẳng còn ai rủ đi ăn chè ăn cháo gì nữa! Mà cũng chẳng có ai để cưới hỏi. Người đàn bà mà tôi dự định lấy làm vợ bỗng dưng thú nhận rằng không phải tôi mà một người khác mới thực sự là cha của đứa bé trong bụng cô. Tay này là bạn nhậu của tôi, có một gian hàng bán đồ điện tử ở chợ trời Huỳnh Thúc Kháng. Bởi vì tôi chẳng biết gì về thai nghén –đó là chuyện đàn bà, nên tôi chỉ ăn cần chúc mừng cả hai người rồi bỏ đi nhậu tiếp. Tất nhiên là tôi không thể cưới Ngọc Châu, mặc dù bây giờ tôi không phải cưới một ai khác. Chắc chắn là Tân sẽ không bằng lòng chút nào!

*

Thời gian mười năm sau đó không có gì đáng kể. Tôi uống một trận sống mái với bạn bè rồi leo lên chiếc tàu gỗ đi vượt biên. Tôi ngưng uống rượu khi đến Mỹ. Đi làm. Đi học. Như nhiều người khác. Vào những năm về sau, tôi có nhiều thì giờ rỗi rảnh vào buổi tối. Không còn phải miệt mài vào bài vở như lúc còn đi học, tôi cảm thấy trống trải, thậm chí cô đơn. Vào những lúc như vậy, tôi vẫn thường nghĩ đến Minh Châu và Ngọc

Châu. Lẽ ra đã có một người trong số họ đi cùng với tôi trong quãng thời gian mười năm qua, nếu tôi may mắn hơn một chút! Bây giờ thì đã quá trễ, ngay cả cho những giấc mơ. Nhưng tôi không muốn quên họ. Tôi ghi lại những hồi ức tôi có về họ xuống giấy. Tôi thêm chỗ này, bớt chỗ kia đi một chút, thế là thành truyện. Vậy mà cũng có người nhận đăng! Lại có cả người chịu khó đọc truyện của tôi nữa chứ! Và chịu khó gửi thư đến cho tôi hay là truyện tôi viết làm họ ...cảm động!

Quỳnh Châu là một trong những độc giả hiếm hoi của tôi. Tôi yêu thích những bức thư của nàng. Chúng dí dỏm, thơ mộng, và thông minh. Sau này. khi đọc lại thư của nàng, tôi không tìm thấy trong đó bất cứ khuyến khích hoặc gợi ý nào về một cuộc phiêu lưu tình cảm giữa nàng và tôi. Nhưng lúc đó thì tôi không nghĩ như vậy. Có lẽ vì tôi cô đơn. Có lẽ vì tôi mơ mộng. Và kém thông minh! Tôi viết cho Quỳnh Châu hàng đống thư để tỏ tình. Tôi bảo là tôi yêu nàng, cô gái tôi chưa hề gặp mặt, cô gái mà những điều tôi biết chỉ là những nét chấm phá mơ hồ. Quỳnh Châu còn rất trẻ, đang theo đuổi ngành Y, và có giọng thanh thoát pha chút kiêu kỳ của các cô Bắc Kỳ ... nho nhỏ. Thư trả lời của Quỳnh Châu luôn luôn giữ tôi dừng lại ở một khoảng cách vừa phải, không gần lắm để tôi nuôi thêm ảo mộng, nhưng cũng không xa lắm để mọi ước mơ đều mọc cánh bay đi. Nhưng cũng đủ để một gã kém thông minh như tôi nhận ra là không có gì hứa hẹn ở phần cuối của cuộc hành trình. Tôi gởi Quỳnh Châu tập truyện vừa xuất bản và tự hứa sẽ cất nàng vào một ngăn kéo trân trọng của ký ức. Tôi nghĩ mình đã có thể giữ nàng trong đó rất lâu nếu một hôm tôi không nhận được bưu thiếp của nàng sau một thời gian bặt tin. Tấm bưu thiếp mang những giòng chữ dịu dàng nói về những điều dịu dàng. Bởi vì tôi luôn luôn cô đơn, luôn luôn mơ mộng, và luôn luôn kém thông minh, nên tôi lại mang Quỳnh Châu ra khỏi ngăn ky' ức, chiêm ngưỡng và vẽ vời. Có lẽ tôi đã tràn ngập hộp thư nhà Quỳnh Châu với hàng đống thư tình nếu Vân Châu không xuất hiện kịp lúc!

*

Vân Châu chưa hề đọc những truyện tình lẩm cẩm của tôi, cho đến gần đây. Nàng ở rất xa, nhưng chúng tôi liên lạc với nhau khá thường xuyên bằng điện thư . Đôi khi chúng tôi "nói chuyện" trực tiếp trên màn ảnh máy vi tính. Đây là một trò chơi rất thú vị. Những "con chữ" lần lượt xuất hiện trên màn ảnh, và đồng thời với tư tưởng của người "phát ngôn" dần rõ nét, người "nhận" đã có thể bắt đầu cấu trúc của câu trả lời. Một trò chơi quyến rũ, đầy kích thích, và nguy hiểm. Đến khi tôi nhận ra được điều đó thì Vân Châu đã chiếm một vị trí quan yếu trong trái tim của tôi.

Vân Châu đến thăm tôi vào một ngày đầu mùa Xuân. Nơi nàng ở hãy

còn lạnh lắm, băng giá vẫn phủ đầy mặt đất. Lúc đến đón nàng ở trạm vãng lai của phi trường, tôi đã nghĩ về loài chim trốn tuyết, mỗi năm thiên di về miền đất ấm một lần. Khi con chim trốn tuyết của tôi xuất hiện, tôi kéo nàng vào sát người mình để nàng có thể tựa đầu vào phía lồng ngực trái, nơi có trái tim tôi đang đập rộn ràng. Chúng tôi đã có thể ở mãi trong vị trí như vậy nếu tôi không chợt nhớ ra Vân Châu cần nghỉ ngơi và ăn uống. Chúng tôi trải qua một tuần lễ đáng ghi nhớ và dĩ nhiên, rất ngắn ngủi! Hôm tiễn nàng, dù tôi không nhắc, Vân Châu cũng dúi đầu vào lồng ngực trái của tôi để nghe tiếng đập rộn ràng của trái tim. Và tôi đã có thể giữ nàng trong tư thế đó rất lâu nếu máy bay không phải cất cánh và Vân Châu không phải quay trở lại nơi nàng đã ra đi. Vào phút cuối, với giọng nói ấm áp và tinh nghịch rất Nam Bộ mà tôi rất ưa thích, Vân Châu bảo tôi điều tôi đã dự cảm và không muốn nghe chút nào. Trên đường ra khỏi phi trường, tôi bỗng thấy mình vô cùng mệt mỏi. Và bất lực. Điều duy nhất tôi có thể làm được bây giờ là chờ đợi...

*

Rồi nó cũng đến, cái điều mà tôi chờ đợi. Điện thư gởi đến địa chỉ Vân Châu "dội" lại hai lần. Đó là cách Vân Châu kết thúc mối tình nàng dành cho tôi. Nàng sắp đi lấy chồng! Đơn giản và ... xưa như trái đất. Chỉ có cái phương pháp báo tin là mới! Quỳnh Châu thì lúc nào cũng kiểu cách và vừa phải. Nàng đã xong phần nội trú, sắp nhận nhiệm sở mới, và "sẽ vô cùng bận rộn nên e rằng liên lạc thư tín với anh sẽ không còn ở mức độ thường xuyên như trước nữa." Dạo sau này thư của Quỳnh Châu thưa vắng hẳn đi, cho nên "không thường xuyên" trong trường hợp này có lẽ đồng nghĩa với "không bao giờ!"

Cũng trong tuần lễ đó, tôi nghe được đôi điều về Minh Châu từ cô em gái của tôi. Cô ấy vừa trở về Việt Nam sau hơn mười năm xa cách, và tình cờ gặp lại Minh Châu. Nàng chưa hề rời khỏi Việt Nam! Người đàn ông đứng khuỳnh tay cười tươi rói bên cạnh chiếc xe thể thao màu đỏ bóng loáng ngày nào đã thay đổi ý định sau đó. Minh Châu mở một sạp vải ở chợ Tân Bình, sống qua ngày tháng. "Chị ấy gầy rạc đi, chắc anh nhìn không ra!" Tất nhiên là tôi sẽ nhìn không ra! Ngay cả cái ý nghĩ gặp lại Minh Châu đã khiến tôi cảm thấy không yên lòng. Đã có thêm nhiều vết cắt, nhiều tiếng xuýt xoa kể từ ngày nàng đến tìm tôi ở căn nhà kho có những cuộn xơ dừa tròn như trái banh. Có cần thiết phải làm nàng chảy máu thêm một lần nữa?

Khi tôi hỏi cô em về Ngọc Châu, đầu giây phía bên kia lặng ngắt gần một phút. "Tưởng anh không bao giờ hỏi!" Tôi im lặng chịu đựng. Vậy là còn nhẹ nhàng lắm, tôi nghĩ thầm. Ngọc Châu bỏ Tân vượt biên một mình

không lâu sau khi tôi ra đi. Nghe nói nàng được nhập cảnh Uùc Đại Lợi, nhưng đã sáu năm qua gia đình nàng không còn nhận được tin tức gì. "Mà anh hỏi để làm gì?" Cuộc điện đàm chấm dứt như vậy đó!

Chuyện tôi chỉ có vậy! Những người đàn bà tên Châu đã đi qua đời tôi, đã để lại những dấu ấn khó phai trong lòng tôi, và đã rời bỏ tôi theo những cung cách khác nhau. Tôi đã thực sự mong muốn mang đến cho họ hạnh phúc, nhưng chưa hề làm được điều đó. Tôi chỉ là gã tình si, luôn luôn cô đơn, luôn luôn mơ mộng, và kém thông minh! Có phải vậy không, bác sĩ?

*

Câu hỏi của người đàn ông rơi vào quãng không. Oâng uể oải đứng dậy, bước đến chiếc bàn viết đặt cạnh cửa sổ, ngồi xuống. Bàn tay mặt hơi run lên khi ngừng ngón tay chạm vào tập giấy trắng xếp ngay ngắn trên bàn. Một cây bút mực mở nắp nằm bên cạnh. Bàn tay ông chợt rụt lại, bám vào cạnh bàn và giữ ở tư thế như vậy. Vị bác sĩ ngưng quan sát người đàn ông, quay lại hỏi người thiếu phụ ngồi đối diện ở chiếc sofa:

"ông ấy như thế đã bao lâu?"

"Dạ khoảng hơn một năm, theo như người nhà của anh ấy cho biết."

"Thế ra cô không phải là ... người nhà sao? Vậy mà tôi cứ tưởng..."

"Dạ không..." thiếu phụ trả lời, vẻ lúng túng, "tôi chỉ là người quen của anh ấy thôi."

"Tôi cũng chỉ mới biết được bệnh tình anh ấy ba bốn tháng nay." Thiếu phụ giải thích, vẫn chưa hết lúng túng.

"Thế ông ấy có nhớ được những chi tiết nào khác ngoài câu chuyện lúc nãy?"

"Thỉnh thoảng cũng có, nhưng chỉ những việc trước khi anh ấy mắc bịnh. Với lại tôi chỉ gặp anh ấy vào cuối tuần thôi, nên cũng không chắc lắm. Ngày thường có người nhà của anh ấy tới. Lâu lâu có bác sĩ đến khám bịnh..."

"Châu à ..."

Có tiếng người đàn ông vọng ra từ phía bàn viết, âm hưởng dịu dàng một cách bất ngờ. Vị bác sĩ và thiếu phụ quay lại nhìn ông, vẻ chờ đợi.

"Mà thôi. Anh nghĩ chừng này giấy chắc cũng đủ."

Vị bác sĩ hạ thấp giọng, hỏi:

"ông ấy sẽ viết?"

Thiếu phụ lắc đầu nói nhỏ:

"Lâu lâu anh ấy lại nhắc đi mua giấy... Phải chi mà ảnh viết được."

Vị bác sĩ đứng dậy, đưa cho thiếu phụ tấm danh thiếp màu trắng, lên tiếng:

hỏi lại

SƯƠNG MAI

Người đâu độc ác thì thôi
Không gươm súng lại giết người như không
Để tôi chín nhớ mười mong
Để tôi tan nát cõi lòng biết chưa?
Người nói gì chuyện rất xưa
Tình yêu. Hoa nở mới vừa sáng nay
Nghĩ đến người, mắt đã cay
Nghĩ đến tôi, giọt u hoài tràn tuôn
Người tặng tôi một nỗi buồn
Tôi mang hoa bướm muôn phương tặng người
Để nghe người nói yêu tôi
Để tôi hỏi lại, hỏi người thật không?

"Tôi sẽ trở lại, có lẽ cũng vào cuối tuần. Đây là một *case* đặc biệt mà tôi không muốn bỏ qua."

Nàng bước những bước dài, tự tin ra phía cửa ra vào. Dừng lại đột ngột ở ngưỡng cửa, nàng quay lại nói với thiếu phụ bằng giọng Bắc thanh thoát pha chút kiêu kỳ:

"Cũng như ông ấy, tôi thích giọng Nam Bộ ấm áp và ... tinh nghịch của cô lắm, Vân Châu ạ. Gặp lại sau nhé."

Vẫn giữ nụ cười trên môi, nàng quay đi.

Thiếu phụ rời mắt khỏi tấm danh thiếp, quay lại nhìn người đàn ông, vẫn trong tư thế cũ, tay bám chặt vào cạnh bàn, mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Nàng quay lại nói nhỏ, chỉ đủ cho mình nghe:

"Nhất định mình còn gặp lại nhau, bác sĩ Quỳnh Châu à!"

Phía sau, người đàn ông vẫn ngồi bất động, tay bám chặt vào cạnh chiếc bàn viết.❐

trăng ảo

Trần Thị Diệu Tâm

Người ta đồn rằng nơi ngôi chùa ấy có một vị cao tăng tài giỏi có thể trị được các chứng bệnh mà Đông y lẫn Tây y đã bó tay.

Ngôi chùa cổ nằm chênh vênh ở một cánh sườn đồi không tên tuổi, không biết do ai đã lập công xây nên. Dân làng xung quanh kể lại rằng lúc họ lớn lên thì đã trông thấy ngôi chùa. Mái chùa bằng ngói đen thẩm, một bên vỡ nát, không biết do bom đạn hay tại thời gian. Các thứ dây leo hoang dại chằng chịt bao phủ bốn bức tường càng làm cho ngôi chùa trở nên âm u kỳ lạ. Trông ảm đạm và thê lương đến não lòng. Nhưng trong dáng vẻ cô tịch ấy, toát ra được sự kiêu hãnh bất khuất với thời gian. Kiếp người mục rữa, nhưng chùa tồn tại.

Ai muốn đến thăm chuà đều phải có công vượt qua mấy con suối cạn, vài dốc đá ngược. Nếu lỡ trượt chân, người ta có cơ hội được ngàn năm yên tĩnh ở thung lũng phía dưới. Dân quê trong vùng ít ai lai vãng.

Tuy nhiên ngôi chùa lại được thăm viếng bởi những người từ đâu xa xôi đến vào những dạo sau này.

Một người đàn ông, vai đeo túi xách khá lớn, tìm hỏi thăm đường lên chùa. Dân quê cho biết:

- Chưa đến ngày rằm, Sư Ông không gặp.

- Tại sao?

- Vì ngài chỉ nhận chữa bệnh những hôm sáng trăng.

Người khách phương xa bèn xin tá túc ở nhà Dân quê để chờ trăng lên.

Họ chuyện trò. Khách cho biết ông ta là người ở nước ngoài gốc Việt, ra đi đã lâu nay về thăm nhà, nhân tiện đến xin thuốc chữa bệnh.

Dân quê hỏi:

- Ông bị bệnh gì?

- Tôi ở xứ lạ, xa quê. Đời sống văn minh quá nên tâm thần bấn loạn.

Dân quê hỏi:

- Nghe rằng bên ấy, người ta có thể ăn ngày ba, bốn bữa. Nhà cửa sang trọng mỗi người một phòng, xe ô tô thay đổi hằng năm. Cớ chi ông phải sầu muộn?

Người khách phương xa nói:

- Có như thế thật, nhưng sống mà tâm không an, thì mọi tiện nghi vật chất chỉ làm tăng thêm nỗi phiền toái nhọc nhằn, và mình không còn là mình nữa.

Dân quê tỏ ý thương hại:

- Đau lòng thật, vậy mình không sống cho mình mà sống cho người khác?

Người khách xa gật đầu:

- Xã hội nào cũng xưng danh vì mưu cầu lợi ích con người, rốt cuộc con người bị lợi dụng, bị hủy hoại, đi đến chỗ biến người thành vật. Một thứ loài vật không thể ở trong rừng.

Dân quê tự kiểm điểm:

- Chúng tôi ở đây làm lụng cực nhọc, lo đủ ngày hai bữa, về nhà đánh thẳng một giấc cho đến sáng, chẳng có điều gì nghĩ ngợi lôi thôi. Có nhiều ăn thêm một miếng cơm, có ít bớt đi một chén. Quanh đi quẩn lại, chỉ lo miếng cơm manh áo. Tuy không lấy gì làm thú nhưng cũng chẳng lấy thế làm buồn. Nhưng có điều ít ai mắc phải những thứ bệnh tật khó trị. Ở đây, người ta đau khổ thì người ta chết, nhẹ nhàng, không lôi thôi.

Người khách phương xa muốn nói thêm về căn bệnh trầm kha lạ lùng của mình, nhưng Dân quê lắc đầu nói:

- Thôi có nghe thêm cũng chẳng hiểu, ông hãy ở tạm đây. Tôi nhường chái nhà trên cho ông nghỉ ngơi, vợ con tôi tạm dọn xuống bếp. Ở đây chỉ có cơm rau là chủ yếu.

- Cám ơn lòng tử tế của bác, có gì tôi xin gửi trả bằng đô la.

Dân quê vội xua tay:

- Đừng thứ tiền đó không tiêu được ở đây, cất nó có khi mang họa vào thân. Chỉ xin một áo lên cho vợ tôi mặc những ngày đông lạnh.

*

Tối hôm ấy, ngày rằm âm lịch. Trăng lên gần nửa vòng trời. Aùnh sáng mọng chín vàng óng, thơm mùi nguyệt mật đổ tràn xuống cả một vùng cây cối. Ngôi chùa nổi bật trong ánh trăng với vẻ kỳ bí. Tiếng suối reo mừng hớn hở chào đón cuộc giao tình hoan lạc giữa Đất và Trời. Các nữ thần núi tắm đêm vừa biến mất vào các hang động, còn để lại mùi da thịt trinh nữ trong vùng suối óng ánh trăng vàng.

Trong chùa, ở gian nhà chính, trăng ùa vào không một chút e dè.

Chùa không có cửa. Mấy khung cửa gỗ từ trăm năm nay vừa bị trộm cắp tháo gở. Vị Sư Ông không tu sữa, có lẽ muốn tận hưởng vẽ đẹp của Trăng.

Vì phải chờ đợi đến hai mươi ba ngày, Trăng mới trở lại thăm chùa, sự nhớ nhung làm ánh trăng nồng nàn rực rỡ. Hai bóng người đối diện. Một bên là vị Thiền sư đang cầm chuổi bồ đề. Một bên là người khách xa.

- Thưa ngài, xin cám ơn ngài đã cho diện kiến.

- Hỡi người bạn từ nơi xa xôi, ngươi có thấy đêm nay trăng đẹp không?

- Đã bao nhiêu năm nay, lòng con không thấy cái đẹp của thiên nhiên.

Vị Thiền sư chậm rải:

- Có lẽ tâm người không sạch.

Người khách xa thổn thức:

- Đúng thế, thưa Ngài, con đã giết người. Giết người vợ yêu qúi nhất đời.

- Hận thù đi đến chỗ giết người. Đó là tính người, có chi lạ. Người hãy kể hết mọi phiền não.

Người khách xa gục đầu kể:

- Thưa Ngài, con là một người đàn ông chỉ biết làm việc mong kiếm nhiều tiền để cho vợ con được sung sướng. Người vợ ấy trước kia là người đàn bà hiền thục chịu đựng và dịu dàng. Những tưởng cuộc đời được mãi hạnh phúc ở nơi xứ người. Bổng dưng nàng thay đổi tính tình khó hiểu lạ lùng. Đem nàng đi bác sĩ thì họ nói nàng vẫn bình thường không bệnh tật gì. Nhưng mỗi ngày, hình như nàng trở thành một người đàn bà với tâm tình khác hẳn: Nàng thích những điều trước kia nàng ghét. Cả những thói quen hằng ngày của chồng cũng bị nàng biến đổi. Chồng thích ăn thịt quanh năm suốt tháng, nàng lại mua cá đủ các thứ, làm đủ các món. Chồng thích ăn mặc áo quần giản dị để đi làm việc, thì nàng mua những loại áo quần cầu kỳ sang trọng. Chồng thích nói về những điều thực tế trong cuộc sống, tính toán tiền bạc để dành trong ngân hàng cho sinh lợi thì nàng viễn vông mơ tưởng nhiều điều không có thực.

Tóm lại, nàng thay đổi nàng, hoặc nàng muốn thay đổi cuộc đời. Đến nỗi sau đó, nàng gọi tên chồng bằng một cái tên lạ hoắc, và nói bằng giọng nói ngọt ngào âu yếm. Con đã giận dữ nói: "Tôi không phải là hắn" thì nàng chợt tỉnh, rồi thờ ơ lạnh nhạt. Nàng chỉ có thể nồng nàn say đắm với cái tên của gã đàn ông nào đó. Con không chịu nổi đánh đập nàng dữ dội. Nàng ngoại tình. Nàng im lặng rồi thờ ơ. Theo dõi thì không có dấu tích của một người đàn ông khác nhưng rõ ràng hiển nhiên, người đàn bà này không muốn nhìn thấy người chồng cũ bên cạnh. Nàng chối bỏ, và

cần thiết một con người mới lạ và vừa ý. Trước mắt nàng muốn được yêu thương, người chồng phải hóa thân thành một mẫu người khác trong tư tưởng của nàng. Như thế người chồng đã bị tiêu hủy, bị thay thế. Một gã đàn ông khác đã mượn thân xác của người chồng để sống những cuộc ân ái với vợ người...

Người khách phương xa ngừng kể, như để thở ra những hình ảnh chừng như đốt cháy cả tâm can. Ông ta tiếp tục:

- Thưa Ngài, chính đó mới là sự phản bội đau đớn nhất mà con chưa từng thấy bao giờ. Một tội phạm ngoại tình trắng trợn mà không thể bị kết án.

Vị Thiền sư cắt ngang câu chuyện:

- Ngươi ngộ nhận.

- Thưa Ngài, tình yêu không thể nào đổi thay, không thể nào thay thế.

- Ngươi lầm, tình yêu biến động, thay đổi. Yêu, thực ra chỉ là một ý thức có khả năng gây ảo tưởng hoan lạc trong tâm hồn. Nó chủ quan và lệ thuộc bởi nhiều lý do của thân xác.

Người khách xa lắc đầu:

- Đến một lúc nào đó không thể chịu đựng nổi, con đã âm mưu sát hại nàng. Nếu nàng thông minh quỷ quyệt thì con cũng không thua gì trong việc trả thù sự bội phản ấy. Con đã cố tình vô ý để chất độc cực mạnh ở gác bếp với hàng chữ "thuốc sát trùng cực mạnh, cẩn thận khi dùng".

Vị Thiền sư gật gù:

- Một người đàn bà như thế, là người đàn bà luôn bị ám ảnh về những điều kỳ lạ ngoài vũ trụ này, luôn mơ tưởng về những điều tốt đẹp bên ngoài đời sống thực. Đó là cái chết. Chết là cởi giây oan nghiệt của nàng để được sống một đời như mơ ước. Người là một kẻ hiểu biết tâm lý. Đã mượn tay nàng để giết người vợ bội tình.

- Nàng chết đúng như ý muốn của con

- Vậy ngươi không hối hận sau đó? - Con tin điều mình làm là đúng, như thế không cần tới lương tâm.

- Nhưng giết người là một tội ác.

- Thưa Ngài, quả thực như thế. Nhưng khi không một ai biết thì tội ác tưởng như chưa xảy ra. Tuy nhiên, sau khi nàng chết, sau khi chôn nàng bằng những vòng hoa lộng lẫy nhất thì lòng con bỗng nhiên trống rỗng vô vị. Đêm tối, con run rẩy lạnh lẽo. Màu đen của đêm chính là màu đen của quan tài nhốt kín đời con đêm này qua đêm nọ. Ban ngày là người thực, ban đêm con chỉ là một xác ma. Con cần thiết hơi ấm của nàng. Con cần nhìn thấy nàng. Con khát khao muốn nàng sống lại cho dù phải đau đớn,

cho dù phải điên cuồng,cho dù bị phản bội.

Vị Thiền sư:

- Vợ ngươi không bội bạc, nhưng nàng muốn yêu thương ngươi với một cảm giác mới. Ôi, chúng sinh là những kẻ tật nguyền với cái chấp ngã của mình.

- Xin có cách nào để giải thoát ra khỏi màn đêm tăm tối của cô đơn lạnh lẽo.

Vị Thiền sư:

- Thuốc hạnh phúc của ta là Bóng Trăng. Bóng Trăng sẽ chữa hết mọi phiền não con người.

Người khách xa nghe lời, nhìn lên cao. Bóng trăng vừa ló ra khỏi đám mây, tỏa ánh sáng êm đềm và ngọt ngào. Người khách xa bổng rùng mình sững sờ:

- Thưa Ngài, con đã thấy lại nàng, người vợ yêu quí!

Vị Thiền sư:

- Ta cũng đã từng yêu, đã từng mất. Và mảnh trăng tròn trên ấy thủy chung gìn giữ cho ta một người đàn bà suốt đời không quên. Ta và Ngươi đều là kẻ tuyệt vọng ở quá khứ. Nhưng giờ đây là hai kẻ hạnh phúc nhất của trần gian, vì đã tìm thấy nguồn lực hy vọng tồn tại suốt đời mình.

Người khách xa đứng dậy chắp tay vái tạ. Có tiếng gõ mõ đều đặn : "Vọng sinh, vọng vọng sinh".

*

Người viễn khách trở về quê hương xứ lạ, mỗi tháng hướng nhìn trăng mà hết bệnh tâm thần. Bạn bè mừng rỡ hỏi lý do. Ông ta đem chuyện vị Thiền sư kể lại. Có người mua vé máy bay tìm đến ngôi chùa cổ ở miền quê nước Việt mới hay rằng:

"Vị Thiền sư đã chết vào một đêm trăng rằm sáng rực, thân thể cúi gục xuống, trần truồng và nhuộm đầy ánh trăng. Bộ áo cà sa cởi bỏ bên cạnh".

Người viễn khách năm cũ lẩm bẩm : Niết bàn, niết bàn.

Hạ trắng 96..

có bao giờ anh nhớ

HOÀNG HUYỀN THANH

thương nhớ anh Đặng văn Tiếp

Có bao giờ anh nhớ
Quê hương mình ở đâu
Con sông đài xanh biếc
Giai nhân màu mắt sầu
Có bao giờ anh nhớ
Nhìn đông về bâng khuâng
Cha già còn lận đận
Trong rừng sâu âm thầm

Có bao giờ anh nhớ
Nhà cũ những mùa xưa
Có mẹ già chờ đợi
Thương khóc mỗi chiều mưa
Có bao giờ anh khóc
Một chiều thu khói sương
Hoa chanh cài nhạt tóc
Tình xưa sao vấn vương

Người đi xa xa mãi
Mây ơi! bay về đâu
Nghìn trùng xa viễn xứ
Chia sớt ta niềm đau
Lời thề chưa quên lãng
Trái tim đã khô cằn
Người nằm trong đất lạnh
Kỷ niệm còn vương vương.

Paris tháng 5. 1978

tên trộm chừa chóp

Hoàng Bích Đào

Cứ mỗi năm Tết đến khi thiên hạ nô nức đón Xuân, đi sắm Tết, mỗi lần thấy bánh chưng bánh tét, dưa hành câu đối đỏ, tôi không quên được câu chuyện thương tâm đã xảy ra cho mẹ tôi lúc người còn bé. Tôi không còn nhớ năm nào, nhưng mỗi lần được nhắc lại trong những lần Tết như thế này, tôi không nén được bồi hồi xúc động.

Lúc bấy giờ ông ngoại tôi làm chánh tổng huyện Phong Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên. Ông nổi tiếng là giàu có nhất vùng. Ông ngoại tôi mất vào năm sinh ra mẹ tôi. Bà tôi sinh được bảy con, năm gái và hai trai. Trong mấy cô, có cô Nhung là nóng nảy và dữ nhất, còn hai cậu Bảo và Đài lúc ấy mười lăm và mười bảy tuổi, được bà tôi rước thầy từ An Thái về dạy võ. Câu chuyện xảy ra vào đêm ba mươi Tết.

Trên bàn thờ khói hương còn nghi ngút, mùi trầm hương tỏa quyện xuống nhà ngang, căn bếp nhỏ hòa lẫn mùi lá chuối non lá dứa, mùi nếp mới, mùi thịt mỡ tạo ra một mùi vị thơm tho ngọt ngào ấm cúng làm sao.

Các anh chị đang ngồi gói bánh chưng, Út cũng bắt chước gói những bánh chưng nhỏ tí xíu. Út là tên mẹ tôi lúc bé. Tiếng củi nổ lốp bốp nghe thật vui tai, Út cảm thấy không gì sung sướng bằng những ngày Tết, giá mà có đến ba bốn cái Tết trong một năm nhỉ? Út được mặc áo mới, được tiền lì xì trong phong bao đỏ, được tha hồ ăn bánh mứt bằng thích, được xem đốt pháo đì đùng...Út chỉ tiếc không được xem mổ bò mổ heo vào ban đêm, vì mổ bò heo thường mổ vào khuya 29. Út cũng chẳng bao giờ tranh được với hai anh cái bong bóng heo xinh xắn và to như cái nón. Phần này được bác Tư - người tá điền giúp cho bà Tổng đã lâu năm - chi. kỹ lắm. Năm ngoái bong bóng về tay cậu Bảo, năm nay cậu Đài. Út chỉ thấy sáng hôm sau đằng sau vườn còn cây cọc tre chôn cạnh cái hố sâu dưới đáy lót một cái chậu bằng đất. Bác Tư nói là đem bò cột vào cái nọc,

dùng vồ đập vào đầu bò đến lúc bò ngã quị xuống, rồi mới dùng dao to bản chọc vào cổ bò, huyết chảy vào chậu như mạch suối. Mổ heo cũng làm như thế.

Sáng 30, bác Tư mới dựng nêu. Cây nêu là một cây tre dài thẳng tắp, bác Tư cột vào cây nêu cái ấm đất, không quên bỏ vào đó nắm gạo, muối và mấy đồng tiền. Ngọn nêu được cột vào cái phong linh với hai cái chong chóng. Cây nêu được dựng lên cao vời vợi, mỗi lần gió thổi mạnh, cây nêu lại reo vang thật hay, quyến rũ trẻ con hàng xóm và Út không ít. Bác Tư còn bảo dựng nêu là để ngăn trừ ma quỉ không được vào nhà trong ba ngày Tết.

Tiếng pháo đón Giao thừa vang lên ròn rã khắp xóm...Trên bàn thờ, những bộ lư đồng bóng loáng, soi thấy mặt. Những cỗ bồng hoa quả được xếp chồng chất những trái cây đỏ chín rực rỡ. Trên cỗ bàn giữa, đầu con heo được đặt chễm chệ, đôi mắt tí hí như đang buồn rầu nhìn Út, cái mồm ngậm hoa chuối đỏ chót, cái đuôi như thể còn ngoe nguẩy cạnh đôi tai nó. Tội nghiệp con ù (tên con heo). Mới chiều qua Út còn chạy đuổi nó, vì lúc bác Tư dọn chuồng, nó sổng ra, chạy ủi mấy luống hành, khoai, ăn hết mấy vồng. Ra cổng, nó ăn luôn mấy bụi chuối nước, bác Tư và Út phải nhọc lắm mới lừa được nó vào chuồng. Bây giờ nó nằm trên đó, đang nhìn Út, miệng cũng được ngậm cái hoa chuối đỏ mà nó ưa thích.

Cỗ bàn thứ hai là mâm con gà trống thiến béo ngậy vàng óng, hai cánh được cột chéo sau lưng, mình được phủ một lớp mỡ sa mỏng như lụa trắng. Con gà trống thiến này được chọn kỹ lúc mua, được nuôi trong một lồng sạch sẽ, thức ăn rất là cầu kỳ: cơm trắng vắt thành nắm nhỏ với đậu lạc và mè rang. Làm thịt nó để cúng Trời Đất gọi là lễ Thành Kiếu, lễ đưa năm cũ đi đón năm mới đến.

Tiếng mẹ gọi làm Út chấm dứt những ý nghĩ miên man:

" Các con từ giờ đừng động giếng, nước trong các bể lớn phải dùng khéo léo cho đến ngày hạ nêu. Rác không được quét trong ba ngày. Bao nhiêu rác giữ lại cho đến mồng Bảy mới được đem đi đổ. Giao thừa rồi các con phải giữ mồm giữ miệng, ăn nói nhỏ nhẹ, không được cãi vả nhau kẻo xui cả năm. Còn một điều là đêm nay bọn trộm thường len vào nhà làm một mẻ để mở hàng đầu năm cho nghề của chúng. Các cửa ngõ phải xem xét kỹ. Sở dĩ có tục gói bánh chưng vào đêm 30 cũng để thức canh chừng kẻ trộm cắp đó."

Cậu Bảo nói:

"Trộm nào dám vào đây hả mẹ? Nghe những đường quyền cước của con, chúng nó đã chạy bay xa rồi."

Cậu Đài vừa nói vừa cười như chế giễu anh:

"Chúng đã nghe anh Bảo hạ sơn, nên sợ từ khuya, không dám vào nhà ta đâu."

Mẹ bảo Út:

"Út đi ngủ đi con. Sáng dậy sớm đi chùa lễ bái và hái lộc với mẹ."

Út đáp:

"Con chưa buồn ngủ đâu. Con đợi bánh của con chín. Áo dài của con giặt chưa khô.

Cô Nhung gắt:

"Đi ngủ đi. Bánh chín sẽ cất cho cô. Còn áo mai mới khô, việc gì phải đợi. Cô ngồi đợi nó không khô ngay bây giờ đâu."

Út phụng phịu chưa chịu đi, cô Lộc dỗ dành:

"Đi ngủ đi. Chóng ngoan, mai chị Lộc lì xì cho."

Út đứng dậy một cách tiếc rẻ, lúc đi ngang chiếc áo dài máng vào bức bình phong chắn cửa bếp, Út không quên đưa tay sờ thử xem áo đã khô chưa. Áo còn ướt! Vết bẩn bác thợ may sơ ý làm dính đầu máy may vào chiếc áo mới của Út, chị Thảo đã tẩy giùm. Út mân mê cái áo dài một cách vui sướng. Ngày mai, Út sẽ mặc đi khoe với bọn con Hoa con Tú, chúng sẽ mê bằng thích. Út kéo hộc tủ, lôi đôi dép nhung đen có kết cườm đỏ, cái quần xá xị trắng với thắt lưng màu hoa lý. Út áp má vào quần mới, hít mùi lụa mới hồ còn thơm phức. Bằng một cử chỉ nâng niu quí báu, Út gói đôi giày và quần mới bằng tờ nhật trình, rồi đem cất kỹ dưới đầu giường nằm, sợ đêm nay ăn trộm sẽ vào lấy mất.

...Trời đã khuya, đêm 30 tối đen như mực. Tất cả đều ngủ say, sau những ngày mệt nhọc thức khuya lo cỗ bàn tết nhất. Ánh sáng từ ngoài sân hắt vào trong căn bếp lờ mờ. Chỗ nồi bánh chưng lửa đã tắt, chỉ còn lại những tảng tro màu trắng đục. Tiếng rào rào như lúa vãi từ buồng kho*. Trong giấc ngủ bà Tổng tưởng như có mưa. Bỗng bà thức giấc bởi tiếng động nhỏ, hình như có tiếng lúa chảy. Ngồi dậy, bà rón rén đi xuống nhà ngang. Lúc đi qua bể nước, chân bà vấp phải lỗ hổng. "Trời ơi" . Cùng với tiếng kêu, chân bà quị ngã xuống hục. Thì ra tên trộm đã đào từ ngoài sân xuyên vào nhà ngang từ lúc nào rồi.

"Ăn trộm, ăn trộm". Tiếng la thất thanh của bà Tổng làm cho tất cả đang ngủ say đều vùng dậy trong trạng thái chưa tỉnh hẳn.

"Ăn trộm. Bớ ăn trộm!" Cô Nhung la hoảng lên, rồi tiếp đến các cô khác đồng la ơi ới.

"Ăn trộm. Bớ ăn trộm."

"Trộm đâu? Trộm đâu hả?"

"Trộm, trộm. Nó đâu?"

Các cô Lụa, cô Thảo run như cầy sấy:

"Mẹ ơi, ăn trộm, trộ...ộm..!

Nhưng cậu Đài hét to:

"Đốt đèn lên. Châm đuốc lên."

"Diêm để đâu? Đèn đuốc gì cũng được."

Và cứ thế mỗi người một tiếng, chạy đâm sầm vào nhau trong bóng tối. Có tiếng bà Tổng rên khẽ, và gọi cậu Bảo. Út tỉnh táo nhất, muốn thắp đèn xem áo còn không. Nghĩ là làm ngay, Út chạy xuống bếp. Trong bếp tối om. Út xới trấu để lấy lửa. Bỗng một bàn tay chụp vào Út, siết thật chặt:

"Trộm, trộm! Bắt được nó rồi!" Tiếng cô Nhung hét to.

"Nó đâu? Nó đâu? Giữ chặt nó! Đừng cho nó thoát!"

Và cứ thế, mọi người nhào xuống bếp. Cô Nhung giận giữ co một chân đè lên ngực tên trộm, một tay siết cổ còn tay kia ấm thùm thụp vào tên trộm bé nhỏ. Phần sợ hãi, phần bị đánh thình lình, Út ú ớ kêu không rõ lời trong khi các anh chị vẫn tiếp tục la hét:

"Đốt đèn lên xem nó là ai mà dám vào đây ăn trộm!" Cậu Đài nói.

Còn cậu Bảo thì ra lệnh:

"Đánh cho chết rồi thiến nó luôn!"

Giọng cô Nhung sắc như dao:

"Chặt què một chân là nó hết làm ăn. Cho chừa. Đem dao ra đây."

Cô Thảo xuống bếp lấy cái dao phay, nhưng cậu Bảo đã nhanh tay chụp lấy con dao xắc thuốc. Các cô xúm nhau ôm chặt tên trộm chờ cậu Bảo ra tay. Bỗng cô Thảo la lên:

"Tên trộm chừa chóp, trộm chừa chóp".

Cô Nhung đanh thép lớn tiếng:

"Trộm chừa chóp hả? Cạo trọc nó luôn."

Bà tổng ngạc nhiên hỏi:

"Khoan đã. Ăn trộm gì mà còn chừa chóp?"

Bà khập khễnh xuống bếp. Ai đó đã thắp được cây đèn dầu lạc. Bà bảo các con:

"Vực nó lên xem! Mới nứt mắt đã đi ăn trộm."

Đến lúc ấy, các anh chị mới buông tên trộm ra. Tất cả cùng rú lên:

"Trời ơi, con Út"

"Trời! Út đó hả?"

"Út, Út hả em?"

"Sao vậy con? Sao tụi bây đánh em dữ vậy? Chết con tôi rồi"

Bà xốc Út lên ôm vào lòng. Út chưa hết sợ hãi, run lẩy bẩy, và khóc tức tưởi. Mắt Út bầm tím sưng vù, đầu tóc rối xù dính đầy trấu và đất,

quần áo tả tơi trông thật thảm. Các chị ôm Út mà khóc. Người đi lấy dầu thoa bóp, kẻ lấy gừng giã nhỏ đắp lên các chỗ sưng. Hai cậu Bảo và Đài chợt nhớ điều gì vùng chạy lên nhà trên. Họ kiểm lại những đồ cổ quí giá cất ở buồng kho. Buồng kho trống trơn. Bọn gian đã trộm hết những thứ quí giá và chuồn ra khỏi nhà từ lâu.

Trời sáng dần. Bà Tổng lo thoa bóp tay chân mình mẩy cho con gái. Út chưa hết sợ hãi, khóc ấm ứt. Bỗng Út vùng dậy, nhìn nhớn nhác chung quanh rồi òa khóc lớn. Chiếc áo gấm xanh có hoa cúc vàng của Út đêm qua bị rơi xuống đất, và bị dẫm nát. Bà Tổng dỗ con:

"Nín đi. Mẹ sẽ may áo khác cho con. Mồng Một Tết mà khóc là xui cả năm đó con. Mẹ bù cho đây."

Nắm trong tay những đồng xu mới tinh, Út không quên đưa tay dò dưới gối: đôi dép nhung gắn cườm đỏ, quần xá xị trắng với thắt lưng màu hoa lý vẫn còn đó. Út ngủ thiếp đi, mệt nhọc và đau buốt. Trong giấc mơ đầu năm, Út thấy tên trộm chừa chóp đang mặc chiếc áo mới gấm xanh có hoa cúc vàng tả tơi.

Có điều khác thường là nét mặt tên trộm tí hon không tiều tụy âu sầu, mà ửng sáng một niềm vui tràn trề. Có lẽ niềm vui ấy là gia tài mẹ tôi để lại cho tất cả con cái. Vẫn cười được giữa những bất trắc của đời, chúng tôi những đứa con của mẹ, chúng tôi biết là không dễ. Nhưng mẹ ơi, chúng con có mẹ dẫn đường, và chúng con đã sống vui như lời mẹ dặn.❐

* *Ngày xưa, bọn ăn trộm thường vãi lúa để thăm dò những chỗ chôn đồ quí giá.*

báo cũ

Nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

hoạt cảnh ngày xuân

Nguyễn Mộng Giác

1.

Như thường lệ hằng năm, những tờ báo Xuân sặc sỡ xuất hiện cùng lúc với những chợ hoa mai, quầy bánh chưng bánh tét trên hè phố. Hai cụ già đứng quanh một thùng bán báo Việt ngữ, ngắm nghía trang báo Xuân nhiều màu sau tấm nắp kính. Một cụ rụt rè đề nghị với bạn:

- Trông cũng hay đấy. Ta bỏ hai đồng 25 xu vào lấy một tờ xem thử có khác số thường hay không.

Người bạn ngăn:

- Chắc thế nào trong chợ cũng có báo biếu. Mình vào thương xá tìm cái gì uống đã.

Cụ già gật gù, chân theo bạn mà đầu cứ quay lại nhìn thùng báo, tiếc rẻ. Từ trong thương xá, một bà lão tay ôm cành mai tay dắt cháu đi ra. Ngang thùng báo, bà lão ngừng lại, bảo cháu:

- Cháu đưa 50 xu cho bà. Ông ngoại dặn mua một tờ báo Tết.

Cô cháu ngoan ngoãn lục túi lấy dưa cho bà lão hai đồng quarter. Bà lão bảo:

- Bà bận tay cái cành đào. Cháu đi lấy báo luôn đi.

Cô bé thả tay bà ngoại, chạy đến trước thùng báo, nhón gót đẩy hai đồng quarter vào khe bên phải nắp thùng, chờ cho tiếng kim khí leng keng chấm dứt, rồi mới thành thạo giở nắp. Bé kéo ra một tờ báo Tết, vừa định thả nhẹ cho nắp thùng bán báo tự động đóng lại thì một người đàn ông trung niên ăn mặc thật sang từ xa chạy tới, vừa chạy vừa la lớn:

-Ấy, ấy... khoan đóng đã cháu! Chờ chú lấy thêm tờ báo đã!

Người đàn ông trung niên gạt cô bé sang một bên, rút nguyên một xấp báo Tết đặt lên thùng báo, rồi đứng ngay tại đấy giở một tờ ra đọc.

Chợt nhìn thấy hai đôi mắt ngỡ ngàng của bà và cháu, người đàn ông lắc đầu chán nản, nói bâng quơ:

- Báo với bổ! Chẳng có gì đáng đọc cả. Mua chỉ phí tiền!

2.

Thằng em mặt mũi lấm lem, nước mắt ràn rụa chạy vào nhà mếu máo mét thằng anh:

- Nó giật mất cái pháo của em rồi...Nó...

Thằng anh cắt lời thằng em:

- Đứa nào? Nó đâu? Nó chết với tao.

Hai anh em chạy ra cửa, thằng anh chạy nhanh, mặt đỏ vì giận. Thằng em lon ton chạy theo, tuy còn khóc hưng hức nhưng mặt rạng rỡ ánh vui.

Thằng anh khuỳnh tay nhìn quanh, hỏi:

- Nó đâu? Thằng khốn nạn đâu rồi?

Thằng em nép sau lưng anh, rụt rè trỏ về phía một thằng cô hồn to như con bò mộng, tóc tai bờm xờm, trên cánh tay có xâm hình con cọp đang nhe răng. Thằng anh bảo em:

- Vào nhà tìm cái gì đánh cho nó một trận dập thây.

Hai anh em lại vào nhà, thằng em hí hửng chạy trước. Nhưng khi thấy anh cứ tìm mãi tìm mãi không ra vũ khí gì vừa tay, thằng em đề nghị:

- Hay em xuống bếp lấy con dao của má?

Thằng anh trừng mắt:

- Mày muốn ở tù mục xương hả? Chỉ cần thứ gì đánh cho nó biết sợ mà thôi!

- Hay thanh sắt ba dùng chèn cửa sổ?

- Đừng động tới đồ đạc của ba. ổng...

- Hay là anh sợ nó?

- Thằng nhóc nhiều chuyện! Chung qui chỉ tại mày. Mày nhỏ mà đi sanh sự với tụi côn đồ mất dạy ấy làm gì!

3.

Cả làng sống hết mùa đông này đến mùa đông khác, suốt đời chưa hề thấy ánh nắng, nên khi có người bảo ở phía bắc có mùa Xuân vĩnh cửu, mọi người bỏ làng chạy về hướng bắc không một chút do dự, luyến tiếc.

Đi được một tháng thì họ bị một ngọn núi chặn lại. Tuyệt lộ. Tuyệt lương. Tuyệt vọng. Người dự báo mùa Xuân lại nhất định bảo bên kia ngọn núi Xuân đang tràn trề, công việc phải làm là mọi người phải vừa canh tác để sống, vừa đào một đường hầm xuyên núi.

Cả làng bớt tuyệt vọng, bầu người đó làm lãnh tụ và ngoan ngoãn xếp hàng vào hai đội: đội trồng tỉa và đội đào núi. Dưới chân ngọn núi đá chót vót hiểm trở, tự nhiên mọc lên một làng mới. Việc mưu sinh trước mắt và việc đục một con đường vào tương lai đều nặng nhọc, lâu dài, nên dần dà mọi người trong làng đều trở thành anh hùng. Không anh hùng

nông nghiệp thì anh hùng đào hầm. Có người đoạt danh hiệu anh hùng nông nghiệp ban ngày và anh hùng đào hầm ban đêm.

Mùa đông năm thứ mười lăm, một người săn thỏ khám phá ra một hẻm núi tuy cây cối um tùm gai góc, nhưng có thể dẫn đi vòng qua núi để đến phía bên kia. Anh chàng săn thỏ hớn hở chạy về làng báo tin mừng.

Mọi người reo hò một lúc, rồi đột nhiên không ai bảo ai, tất cả đều im lặng. Người này lấm lét nhìn người kia, như vừa phạm một tội lỗi không thể tha thứ. Người đoạt nhiều danh hiệu anh hùng nhất lên tiếng trước:

- Làm gì có đường vòng qua núi! Nó nói láo, bà con đừng tin!

Thế là các anh hùng liệt nữ hùa nhau chửi bới người săn thỏ. Họ đồn anh ta vào một vách đá. Trẻ con leo lên cao đái vào đầu anh ta. Đàn bà nhổ nước cổ trầu vào mặt anh ta. Đàn ông ném đá vào anh ta. Cuối cùng, lãnh tụ đến. Ông phất tay ra hiệu mọi người im lặng, rồi ra lệnh cắt lưỡi người săn thỏ.

Từ đó dù thiếu thịt, không ai còn dám đi săn thỏ nữa, chỉ lo miệt mài đào hầm xuyên núi để gặp mùa Xuân.

MỌI GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM ĐỀU ĐỌC VÀ GIỮ

làng văn

TẠP-CHÍ THÔNG-TIN, VĂN-HỌC, NGHỊ-LUẬN CHÍNH-TRỊ

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo xuân và cước-phí)

Họ, tên:.....

Địa-chỉ:.....

.....

gửi kèm chi-phiếu (check): US$55 (đường bộ) hoặc US$75 (máy bay)
đề trả cho: "Làng Văn", gửi về địa-chỉ:
Làng Văn, Box 218 Station "U", Toronto, Ont. M8Z 5P1, Canada
Ghi-chú: Báo đường bộ đi mất 10 ngày; báo máy bay mất 3 ngày
Báo bán lẻ giá US$5 một tờ tại các nhà sách trong vùng

Quí vị cũng có thể đọc một phần các trang báo và xem Thư-mục Làng Văn trên internet: **http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/** hoặc gửi vi-thư (e-mail): **langvan@ilap.com** khi có điều cần hỏi.

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● ***Mẹ có đau khổ không, Mẹ ơi, như mẹ đã từng đau khổ...***

Tại sao thi sĩ, trong một thời đại khốn khổ như thế này?
(Pourquoi des poètes, en temps de détresse? Holderlin).

Sau Auschwitz, Adorno khẳng định, nếu cá nhân nào đó còn làm được thơ thì thật là dã man. Ông viết câu đó từ năm 1951, trong bài essay, Chủ nghĩa phê bình Văn hóa và Xã hội, bàn về toàn thể "nghệ thuật sau Auschwitz", từ Gezensberger (1959) tới Grass (1990). Ông còn nói thêm, "Mọi văn hóa sau Auschwitz chỉ là rác rưởi". Nếu có chăng thì là một đáp ứng độc nhất có giá trị, mà người ta chỉ tìm thấy ở Beckett: Một cái gì hiện hữu giống như là một trại tập trung. Và hy vọng độc nhất, đó là chẳng có gì hiện hữu. (What exists is like a concentration camp. The only hope is, that nothing exists...).

Nhưng ít ra cũng còn một thi sĩ, Paul Celan, nhà thơ của nỗi sợ thiêng liêng (Poet of the Holy Dread), vẫn còn làm thơ sau khi sống sót từ Trại Tập Trung. Cay đắng hơn, Tuyệt vời hơn nữa, ông làm thơ bằng tiếng Đức, tiếng mẹ đẻ và cũng là tiếng của bọn đao phủ. Và thơ của ông lại được "đám đó" tán thưởng, được soạn thành nhạc, rất thịnh hành, y hệt một câu chuyện khôi hài đen: Người Đức sẽ chẳng bao giờ có thể tha thứ cho người Do thái vì vụ Auschwitz. Đó vẫn là thi ca, như Auden đã từng nói: "Không một thi sĩ nào có thể ngăn ngừa chuyện thơ của người đó bị sử dụng như là trò phù thủy".

Paul Celan, tương tự Kafka, không có nhiều cảm tình với ông bố, và bao tình thương ông dồn hết vào người mẹ. Bà đã thủ thỉ đọc cho cậu con nghe văn chương cổ điển và thi ca Đức. Một trong những dòng thơ đầu ông viết về người mẹ:

And do you suffer, mother, as you did, once at home
The gentle, the German, the painbringing rhyme.

(Mẹ có đau khổ không, Mẹ ơi, như mẹ từng đau khổ, một khi ở nhà

Điệu ru đau buồn, ngọt ngào, tiếng nói Đức đó).

Chẳng bao giờ ông quên nỗi cái chết của mẹ. Vào năm 1942, một năm sau khi Đức xâm lăng, cha mẹ ông bị đưa đi trại tập trung ở Ukraine. Cha ông đã chết vì bịnh typhus, còn mẹ bị giết, có thể bị bắn vào phía sau cổ bởi người Đức, sau khi bà ngã bịnh và không thể làm việc. Trong một trại lao động khác ở Romania, người con may mắn sống sót, chạy được từ Bucharest qua Vienna, hai năm sau khi chiến tranh chấm dứt, và sau đó qua Paris, năm 1948; nhưng tâm hồn của người con vẫn quanh quất đâu đó, ở Ukraine, nơi người mẹ đã mất. Ông kể về cái chết của bà, bằng những từ giản dị không thể chịu đựng nổi, trong một trong những bài thơ đầu, *The Aspen Tree* (Cây Bạch dương):

Aspen tree, your leaves glance white into the dark.
My mother's hair never turned white...
Round star, you coil the golden loop.
My mother's heart was cut with lead.
Oaken door, who forced you from the hinges?
My gentle mother cannot come.
(Tạm dịch: Bạch dương lá trắng trong đêm
Tóc mẹ tôi chẳng làm sao bạc trắng...
Vòng sao, cây cuộn vòng vàng
Trái tim mẹ tôi bị cắt bằng dây chì
Cửa sồi kia, ai ép mi kẽo kẹt
Mẹ tôi không thể trở về).

Đối với Celan, tiếng nói độc nhất thực sự nói lên nỗi mất mát lớn lao này, là tiếng Đức. Tuy mẹ ông có thể nói tiếng Romanian , tiếng Yiddish, nhưng bà cảm nhận rõ ràng tiếng Đức là tiếng mẹ đẻ, như người con đã từng nói: "Chỉ bằng tiếng mẹ đẻ, con người mới nói lên sự thực của riêng người đó. Trong tiếng nước người, thi sĩ nói dối". Celan nói lên sự thực cho chính ông bằng tiếng nói mẹ đẻ và cũng là tiếng nói của những kẻ đã giết bà.

Những năm cuối đời của Celan rất buồn, và trên tất cả, cô đơn. Ông luôn luôn đau nỗi đau mà Emmanuel Levinas, triết gia, nhà văn Do thái đã từng gọi là, "cơn mất ngủ trong con giường hiện hữu" (insomnia in the bed of being). Vào một đêm tối trời, năm 1970, ông đi xuống một cây cầu trên sông Seine. Chẳng ai thấy ông trầm mình. Thi thể ông mãi sau mới tìm thấy, ở cuối sông. Trên bàn viết của ông, trong căn phòng ở Left Bank, Paris, là tiểu sử nhà thơ Holderlin, ông có gạch dưới một câu: "Đôi khi, thiên tài này bỗng âm u và chìm vào cái giếng chua cay là trái tim của mình".

● ***Đây là một người. Đây là một ngôn ngữ rất buồn thảm.***

Lò Thiêu Người, Holocaust, là một kinh nghiệm mang tính kỹ nghệ, thực dụng "siêu đẳng": Làm thế nào để giết được nhiều người nhất, trong một thời gian nhanh nhất, ở một nơi chốn "chật hẹp" nhất, ít tốn tiền nhất.

Trong số những cuốn sách viết về kinh nghiệm đó, The Drowned and the Saved, "Những người chết đuối và Những người được cứu vớt", xuất bản năm 1988, tác giả Primo Levi, chỉ như một tiểu chú, nhưng thật quý giá. Đây là kinh nghiệm của tác giả, một nhà văn Ý, gốc Do thái, khi ông làm lao động khổ sai, tại Auschwitz, trong cuộc Chiến tranh Lớn 1939-45. Trước khi tự tử, vào tháng Tư, 1987, ông có đưa ra nhận xét: Khi viết về "thế giới bi đát" của các trại tập trung, ông hy vọng tránh được hai điều: lợi dụng tu từ, văn chương, làm mủi lòng người khác, và dấy lên tâm lý trả thù. Thay vì vậy, ông chọn ngôn ngữ trầm tĩnh, nghiêm trang, nhã nhặn, và mực thước, của một người chứng. Nhưng trên tất cả, một ngôn ngữ rất buồn thảm.

Sau khi được thả, ông viết hai cuốn, nay trở thành cổ điển, "Sống sót tại Auschwitz",(1947), "Lại tỉnh thức", (1963), về thời gian bị cầm tù, lao động khổ sai. Cuốn sách nhỏ bé "Những kẻ chết đuối..." là nỗ lực sau cùng của tác giả nhằm "hiểu", kinh nghiệm đó, một kinh nghiệm, như tác giả đã từng chỉ ra, vượt khỏi cõi "nhân trí".

Một trong những chương của cuốn sách viết về "Sự hung dữ vô dụng", những chi tiết về trò độc ác của đám cai tù, khi hành hạ tù nhân một cách vô cớ, không mục đích, ngoài thú vui nhìn chính họ đang hành hạ kẻ khác. Sự hung dữ tưởng như vô dụng đó cuối cùng cho thấy, không phải hoàn toàn là vô dụng. Nó đưa đến kết luận: Người Do thái không phải là người. (Kinh nghiệm cay đắng này, nhiều người Việt chúng ta đã từng cảm nhận, và nhiều khi cảm nhận ngược lại: Những người CS không giống mình. Lần đầu tiên đi trình diện cải tạo, nhiều người sững sờ khi được hỏi, các người sẽ đối xử như thế nào với "chúng tôi", nếu các người chiếm được Miền Bắc. Câu hỏi này, gần như không được đặt ra với những người Miền Nam, và nếu được đặt ra, thì nó cũng không giống như những người CSBV tưởng tượng. Cá nhân người viết có một người bạn người Nam ở trong quân đội. Anh chỉ mơ, nếu có ngày đó, thì tha hồ mà nhìn ngắm thiên nhiên, con người Hà-nội, Miền Bắc. Dĩ nhiên đây vẫn chỉ là những mơ ước, những nhận xét hoàn toàn cá nhân).

Từng bước một, Levi cho thấy, trò nhục mạ, làm mất tính người ở trong trại tùy thuộc vào những "đặc quyền, đặc lợi" tuy nhỏ nhặt, nhưng chúng làm nên lằn ranh phân biệt giữa sống và chết. Có những công việc

nho nhỏ dành cho một số tù nhân nào đó, để được thêm một chút khẩu phần. Có những công việc khấm khá hơn dành cho đám "công chức hạng thấp", như lau chùi, quét dọn, gác đêm, trợ tá của trợ tá...Ông ngần ngại khi phải phán đoán, những người làm ăng ten, cũng như những người chống lại, và cố gắng giữ một đáp ứng dung hòa đôi khi vượt khỏi khả năng của con người. Trả lời một số phóng viên, Levi cho biết cảm tưởng của ông, về những lời bào chữa "không biết đến những chuyện đó": Không thể tin được. Rằng tinh thần bài Do thái, không phải là do Nazi bịa đặt ra mà đã đóng rễ lâu đời trong văn hoá Đức.

Vào năm 1743, khi Moses Mendelssohn tới Berlin, trong túi không có một xu, và không thể nói tiếng Đức một cách ra hồn, khi đó có 333 gia đình Do thái, cư dân của một thành phố chưa tới hai ngàn người. Không một đặc quyền, họ được chấp nhận chỉ vì sự hữu dụng về kinh tế. Quyền cư trú, đi lại bị hạn chế, bị gạt ra khỏi việc làm phục vụ công cộng. Không được quyền vào các hội thương gia, không được quyền buôn bán một số mặt hàng, bị đánh thuế một cách tàn bạo, vào bất cứ một dịp nào, cưới hỏi, du lịch, mua nhà...Bị đánh thuế để được cư trú.. Và luôn luôn, dễ dàng bị trục xuất bất cứ giờ nào, bất cứ lúc nào, tùy theo "hứng" của nhà cầm quyền địa phương. Trên hết, họ luôn luôn bị nghi ngờ có hành vi, phạm tội ác ngấm ngầm chống lại đa số người Đức.

Mendelssohn sau đó vượt mọi khó khăn để học tiếng Đức, và những hiểu biết chuyên môn khác, để theo đuổi nghề dậy học, và trở thành bạn thân của Lessing, trở thành một triết gia có tiếng tăm tại Âu châu. Ông tỏ ra tin tưởng, người Do thái có phần nào trách nhiệm về sự cô lập của họ. Rằng họ nên cố gắng tránh bị cô lập bằng cách chấp nhận văn hóa Đức, như là của riêng, của chính họ, bỏ đi những tục lệ tôn giáo đã "lỗi thời",bằng cách chấp nhận nó như là một thành phần sau cùng phải "được đồng hóa".

Nhờ nghị lực của những người khai phá như ông, quan niệm đồng hoá với những người khác, với đa số Đức, có vẻ bùi tai đối với những nhà lãnh đạo cộng đồng Do thái sau đó, và quan niệm "tự nâng cao bản thân mình", self-improvement, là chìa khóa quan trọng. Trong hai thế kỷ tiếp theo, con số người Do thái, được rửa tội hay không được rửa tội, chấp nhận làm người Đức, từ cách ăn mặc, hành vi cư xử, thói hư tật xấu, tính tốt, kể cả lòng tự hào, lòng ái quốc được là người Đức, được có quê hương Đức...ngày càng tăng. Nhưng điều này chỉ như dầu đổ vào lửa là lòng thù hận Do thái ngày càng dữ dội. Cơ hội cuối cùng để được đồng hóa của họ là Lò Thiêu Người.

Địa ngục đã làm việc ra sao: Trong cuốn "Những Đao phủ Tự nguyện

của Hitler: Những con người Đức bình thường và Lò Thiêu Người", (nhà xb Knopf, 622 trang, 1996) Daniel Jonah Goldhagen đã đưa ra một cái nhìn mới mẻ về bản chất của chủ nghĩa bài Do thái. Ông nghiên cứu cách phát triển của thế kỷ 19, theo đó, đã cung ứng một xã hội đầy ứ hận thù Do thái, sẵn sàng, tự nguyện được động viên vào bất cứ một biện pháp nào chống lại người Do thái, và hỗ trợ trò giết người hàng loạt sau đó. Ông tin tưởng trái với quan niệm thông thường, vẫn được chấp nhận, theo đó, đại bộ phận những con người bình thường Đức, đã "bất bình" với chủ trương bài Do thái của Nazi, nếu họ phải tham gia là vì quá sợ hãi, do sức ép của xã hội, một sự vâng lời thái quá...Ngược lại, đa số đã chia xẻ trò giết người với Hitler, tự nguyện tham gia làm đao phủ. Việc cần thiết phải hủy diệt Do thái là rõ ràng đối với tất cả, tiếp theo quan niệm Do thái là kẻ xâm lăng ngoại lai, alien invaders, đối với cơ cấu xã hội Đức.

Khi cuốn sách được xuất bản tại Hoa kỳ mùa Xuân vừa qua nó đã gây một phản ứng thù nghịch rất dữ dội tại Đức trong cả hai giới truyền thông và sử học. Trớ trêu là, khi những bản dịch đầu tiên xuất hiện tại Đức, tháng Tám vừa rồi, tất cả được bán sạch, vài tuần sau, 130 ngàn ấn bản khác được tung ra. Tháng Chín, khi tác giả xuất hiện tại đây, chuyến đi "chào hàng" của ông đã là một "succès fou". Trong vòng 10 ngày, giở bất cứ một tờ báo, mở bất cứ một chương trình TV là đều thấy bộ mặt bảnh trai của nhà khoa học chính trị trẻ tuổi của Havard ("Ông ta trông giống như Tom Hanks"). Buổi thảo luận về cuốn sách, lần thứ nhất được tổ chức tại Hamburg, con số tham dự là 600 người. Lần cuối, tại Munich, 2500 vé, 10 Đức mã một, bán sạch trong vòng mấy tuần lễ. Công chúng Đức đến để nghe chính điều tác giả nói, trong 600 trang sách, nguyên bản, 700 trang dịch bản, tóm tắt là: Lò Thiêu Người chỉ xẩy ra tại Đức, nhập thân vào chế độ Đệ Tam Reich, bởi vì đó là cách các người đã là (you were the way you were). Các người làm điều đó, chỉ các người thôi, bởi vì các người là một trong những quốc gia bị vò xé bởi lòng thù hận phải hủy diệt Do thái, và đều là đồng lõa, một khi thời gian chín mùi.

Cũng thật trớ trêu, câu hỏi: Tại sao rất nhiều người Đức gốc Do thái đã chọn quyết định bi thảm là ở lại Đức Quốc Xã?

Vào cuối năm 1932 và những tháng đầu năm 1933, những người Do thái đã tỏ ra ngần ngại khi phải chấp nhận, thái độ thù nghịch đối với họ sẽ tiếp tục, và mạng sống của họ sẽ bị đe dọa trầm trọng bởi việc Nazi lên cầm quyền. John V.H. Dippel, tác giả cuốn "Bound Upon a Wheel of Fire" (nhà xb BasicBooks, 384 trang, 1996), đặt câu hỏi tại sao rất nhiều người thừa cơ hội thoát khỏi Lò Thiêu Người, rời khỏi Đức, đã không làm như vậy. Câu trả lời của ông, đại khái là, như những người Đức khác,

người Do thái mong mọi chuyện đều trở nên tốt hơn, thay vì thậm tệ, một khi Nazi nắm quyền. Những người Do thái bảo thủ tin rằng, Nazi có nghĩa là chấm dứt sự mất ổn định của những ngày cuối cùng cộng hòa Weimar, chấm dứt sự đe dọa của Cộng sản, và sau đó là một sự trở lại giầu có kinh tế. Những người Do thái ái quốc hân hoan với vai trò quốc tế đã được tái lập của nước Đức, đây là một trong những mục tiêu của Hitler. Những người bị ám ảnh bởi những bài diễn văn hùng hồn bài Do thái của Hitler thì tự an ủi một điều, Fuhrer sẽ tỏ ra dễ dãi, biết điều hơn, với thời gian. Họ đều nghĩ rằng những đe dọa không thực sự nhắm vào họ, bởi vì họ tin tưởng chính họ cũng là người Đức.

Kể lại câu chuyện của họ, tác giả tập trung vào 6 người. Sáu kinh nghiệm ở lại xây dựng nước Đức thay vì rời khỏi. Họ là Richard Willstatter, Nobel hóa học; Bella Fromm, phiếm luận gia xã hội tại Berlin; Hans-Joachim Schoeps, lãnh đạo thanh niên hữu phái Do thái; Robert Weltsch, chủ nhiện nhật báo ở Berlin, Max Warburg, chủ nhà băng, và Leo Baeck, lãnh đạo tôn giáo tại Berlin. Khi quyết định ở lại, tuy chỉ là ảo vọng, nhưng tất cả đều tự đồng hóa họ với văn hóa Đức, và cảm nhận về trách nhiệm đối với những người Do thái anh em. Lạ một điều là cả sáu người sau cùng, may mắn chạy được, tránh khỏi số phận bị đưa vào lò thiêu như hàng trăm ngàn người khác, đã làm theo họ.

● ***Hình Bóng Cũ.***

Trong những tác phẩm của Sơn Nam có một, ít được nhắc tới, nhưng đối với cá nhân người viết, có lẽ là cuốn hay nhất của ông, *Hình Bóng Cũ*. Những tác phẩm như *Hương Rừng Cà Mâu*, *Chim Quyên Xuống Đất* ... là một Miền Nam sau này, hoặc vẫn tiếp tục còn đó, tuy đã tang thương dâu bể. *Hình Bóng Cũ* là một Miền Nam đã mất hẳn, như một Viễn Tây của lịch sử Hoa Kỳ. Ở đó, huyền thoại lấn át thực tại, và khi huyền thoại biến mất, nó kéo theo cùng với nó, những con người nửa hư nửa thực. Tất cả biến thành thần, những vị thần bảo vệ (anges gardiens). Tôi đọc cuốn sách đã lâu. Sau này cố tìm gặp lại nhưng không thể. Như thể cái duyên giữa tôi và nó đã trọn vẹn: Một đứa bé di cư, một mình xuống tầu há mồm vào Nam, tìm gặp Hòn Ngọc Viễn Đông, vô tình khám phá viên quặng làm lên hòn ngọc đó.

Câu chuyện một xóm nhỏ, có một "thầy ký như trình", như dân trong xóm vẫn thường trầm trồ về một anh chàng ngụ cư. Bản thân anh ta lâu lâu có một bài thơ được nhà báo thương tình đăng lên, thay vì không thể để trống một khoảng nhỏ. Một bữa có một bà tới kiếm, tính "mướn"

anh viết hồi ký cho "bả". Người đàn bà ôm trong mình cả một kho tàng. Đã từng là đào hát, chủ gánh, sau bỏ hết, gá nghĩa cùng một ông Tây thuộc địa, một trong những người khai phá ra những cánh đồng thẳng cánh cò bay, tiền thân của những ông Hương, ông Cả trong những cuốn tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, ông nội ông ngoại của những cô Ba, cô Tư trong những câu chuyện ngồi lê đôi mách, cà kê dê ngỗng của Hồ Trường An, Nguyễn Tấn Hưng... Một nhân vật kiểu Faulkner, sự tàn bạo dã man cũng không thua, số người bị giết do ông, bởi chính ông chắc cũng không kém. Người đọc chỉ đoán lờ mờ những chi tiết "thực" đó. Chỉ lờ mờ biết được quá khứ của một Lọ Lem một bữa biến thành Công chúa Thuộc địa. "Bả" có cay đắng khi phải "bó thân về với triều đình", khi phải đồng hóa Miền Nam với chủ nghĩa khai hóa thực dân...nào ai biết được. Tất cả chỉ là "những tầng kiến giải" về một huyền thoại, về một *Hình Bóng Cũ*.

Người xưa thường nói, nếu vẽ rồng thì đừng nên "điểm nhãn". Vẽ mắt rồng, bữa nào hứng lên, rồng, hạc vàng... bay mất, chỉ để trơ lại một thành Thăng Long mất cả Gươm Thiêng lẫn Rùa Thần, một Hoàng Hạc Lâu biến thành tiệm chả cá Lã Vọng...

Tôi nghĩ Sơn Nam đã quên lời dặn đó của cổ nhân, khi viết *Hình Bóng Cũ*.

Mối tình đầu của tôi với Miền Nam ngày xửa ngày xưa chỉ có vậy. Số mệnh khiến tôi suốt đời lẽo đẽo chạy theo mối tình đầu đó, khăng khăng cứng đầu cố biến nó thành hiện thực. Sau này đọc những nhà văn Miền Nam, là cũng để cố tìm lại chút văn minh, "tư tưởng man rợ" (pensée sauvage, chữ của C.L. Strauss) của một thuở miệt vườn.

Nhưng có lẽ không giản dị như vậy, Miền Nam, mối tình đầu, và tôi.

Ngay từ khi còn học Trung học ở Hà-nội, đọc Tô Hoài, tôi đã mường tượng ra một "nước Nam kỳ xa xôi", chốn đầy ải, nơi trốn chạy của những anh đàn ông con trai "Bắc-kỳ" của một *Xóm Giếng*, một *Trăng Thề*, một *Quê Người* - một làng Nghĩa Đô đã không còn là quê mình - nên đành hy sinh đi làm phu đồn điền cho Tây, nếu không may thì làm phân bón cây cao su, còn may ra lại có phen áo gấm về làng. Có thể khi xuống tàu há mồm vào Nam, giấc mơ của chú bé di cư vẫn chỉ là giấc mơ cũ kỹ đó. Giấc mơ của một Nguyễn Hoàng về một Hoành sơn nhất khoảnh.

Khi còn ở Trại Cấm, nhân có một cán bộ CS bị thất sủng, bị anh em đồng chí tính cho đi mò tôm, nên đành phải vượt biển, và được đậu thanh lọc, rồi sau đó xảy ra một cuộc tranh luận gay gắt giữa một số người. Người cán bộ đã nói thẳng ra một điều: Tại sao các anh không giải phóng chúng tôi, tại sao các anh tạo ra hoàn cảnh cả nước phải đi ăn mày tình thương của toàn thể nhân loại... Khi lấy được Miền Nam, có thể giấc mơ muôn đời của Miền Bắc đã được thực hiện: Giải phóng cho chính mình,

và sau đó, cho cả nước. Đối với lịch sử, Miền Nam chỉ có công: Thất trận.

Qua đây, đọc những nhà văn hải ngoại, tôi nhận ra một điều, chỉ có dòng văn chương chứa đựng tư tưởng "miệt vườn" đó là không bị cuộc chiến làm xấu đi, hủy hoại, hoặc tiêu diệt. Như là một đối trọng với gánh nặng hội nhập. ở trong nước, dòng văn chương hiện thực tiền chiến, ở những tác giả như Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Tô Hoài... đã đầu tư hết mọi mơ ước, hoài vọng và năng lực cho những ngày đầu cách mạng, đã hy sinh hết cho Đảng, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, đã bị kiểm thảo, học tập nghị quyết, học tập cách ngồi, cách suy tư, cách đi thực tế, cách viết dưới ánh sáng của Đảng...cuối cùng nhường chỗ cho dòng văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa đã chết bất đắc kỳ tử ngay những ngày đầu chiến thắng miền Nam. Độc giả trong nước bây giờ đổ xô tìm đọc những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh... là cũng nằm trong ý nghĩa đó: Tha hóa không phải chỉ có ở đây, vào lúc này. Chất nghĩa khí, cõi công bằng, tình bà con lối xóm...vốn đầy rẫy trong những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh là những hình bóng cũ mà người dân cả hai miền đang trân trọng.

● ***Tri thiên mệnh***

Trong *Văn Học Tổng Quan*, Võ Phiến cho biết: Thanh Nam Đã đọc Võ Phiến và Đỗ Tấn trước rồi mới đọc những tác giả thuộc nhóm Sáng Tạo. Đọc ở đâu? Ông giải thích: Chỉ có thể trên tờ Mùa Lúa Mới, vì sách của chúng tôi đều xuất bản sau khi Sáng Tạo ra đời. Thanh Nam và nhóm Sáng Tạo đều ở Sài gòn thế mà Mùa Lúa Mới đã tìm đến tận Thanh Nam và nhóm Sáng Tạo để tự trình diện, thật không ngờ.

Cá nhân người viết đã làm quen với Võ Phiến cùng một thời điểm đó, và cũng trên tờ Mùa Lúa Mới, khi còn là một học sinh trung học ở Sài gòn. Bạn bè cùng lứa đều theo dõi rất kỹ lưỡng những nhân vật của ông, và đã từng say mê Người Tù, Ông Ba Đông Thời, cô gái trong *Thác Đổ Sau Nhà*, trong *Thương Hoài Ngàn Năm*. Từ Võ Phiến, đám chúng tôi lần ra những tác giả ngoại quốc mà có thể ông đã chịu ảnh hưởng như Stefan Zweig, Somerset Maugham..

Chỉ sau này, khi cuộc chiến trở thành mối bận tâm của đám chúng tôi, bởi vì tất cả đều có cùng chung một ý nghĩ sẽ phải điêu đứng vì nó, chúng tôi bắt đầu "phụ tình" với những nhân vật của ông.

Ngay chính Võ Phiến, sau này cũng quên dần những mối tình đầu đó. Một Võ Phiến của những *Tạp Bút* xuất hiện.

Càng về già, nhà văn thường có khuynh hướng nghiêng về một nhà nhân chủng học. Võ Phiến cũng vậy. Ông bắt đầu tần mần dò tìm nguồn

gốc của một bài chòi, của một câu hò, một giọng hát, một món ăn, một cá tính miền Nam.. Và ngày càng ưa giỡn với văn chương, cùng "đám tụi nhỏ". Tương tự W. Faulkner, với bộ ba tiểu thuyết cuối đời, bộ lạc Snopes (The Hamlet, The Town, The Mansion). Cũng một cách nhẩn nha kể chuyện, không phải văn phong (style), cấu trúc (structure), mà là giọng kể (tone) quyết định. Và trên tất cả, tiếng cười. Chính giọng kể tạo ra tiếng cười. Bộ ba tiểu thuyết kể trên được đánh giá là những tác phẩm tức cười nhất của W. Faulkner. Bên dưới tiếng cười đó là hài kịch. Bởi vì tuồng ảo hóa đã bầy ra đấy, cho nên, tất cả đều để nhắm mục đích châm biếm, dạy dỗ đám tụi nhỏ qua tiếng cười.

Nguyễn Hưng Quốc, trong bài "Cái sợ của Võ Phiến" đăng trên Văn Học số 127 (tháng 11.1996), khi nhận xét Võ Phiến ngày càng ham nói hơn ham viết, cho rằng ông sợ bị quên. Tôi nghĩ không phải vậy. Ông già sợ cô đơn, điều đó đúng. Võ Phiến ngày càng ham nói hơn ham viết, lý do theo tôi, bởi vì giống như Faulkner, vừa viện dẫn ở trên, và cũng như Faulkner, ông muốn hòa giải. Hoà giải theo nghĩa nhập một, những Võ Phiến, những Tràng Thiên..ở trong ông.

Hoà giải theo nghĩa muốn vươn tới tri thức tuyệt đối: Tri Thiên Mệnh.

● ***Văn phong Nam bộ: viết như nói.***

Trong bộ sách giáo sư Nguyễn văn Trung viết về văn chương miền Nam, ông có nhận xét những nhà văn gốc miền Nam thường có khuynh hướng "viết như nói", nhờ thế mà tác phẩm của họ hết sức sống động, không gò bó kiểu cách đến nỗi "nói như viết" như thường thấy trong văn chương miền Bắc và miền Trung (cũng chịu ảnh hưởng của miền Bắc). Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên tiếp nối truyền thống Nam bộ của Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh, Trương Vĩnh Ký...mỗi người ở mức độ đậm nhạt khác nhau, nhưng đều muốn viết y như nói. Một nhà văn miền Nam khác ưa kể chuyện cà kê (nhưng không hời hợt, ngược lại hết sức sâu sắc và duyên dáng) là Vương Hồng Sển.

Vương Hồng Sển sinh ngày 27 tháng Chín năm Nhâm Dần (1902), trước 1975 đã cho xuất bản những cuốn: *Sài gòn năm xưa*, *Thú chơi sách*, và *Thú chơi đồ cổ ngoạn* (7 cuốn). Sau 1975, những nhà biên khảo miền Bắc vào Sài gòn, đọc *Sài gòn năm xưa* rồi chê bai đủ điều, vì không hiểu được lối viết cà kê của cụ Vương. Cụ Vương cũng cà kê làm một bản tự kiểm như sau năm 1986:

"*Sài gòn năm xưa* là sách viết để chạy gạo, để kiếm cơm, vì năm xưa ấy, vô làm công nhựt trong viện bảo tàng sở thú, lương ít quá, không đủ

nuôi vợ con, nên buộc phải viết, chớ dám thề độc, không lòng lên mặt "khảo cứu" chút nào. Bây giờ, biết lại, hối quá, nhưng đã trễ rồi. Từ ngày có bậc đàn anh vô đây giải phóng, bảo *Sài gòn năm xưa* viết không khoa học, không trật tự, và thường hay lập đi lập lạo nhiều lần, nhiều đến không biết bao nhiêu mà đếm. Bảo viết lại, nhưng biết sống bao lâu mà làm?

Nay xin thưa ra đây, bổn tánh thuở nay là vậy, nhứt định không gò gẫm, không "hành văn" mà chỉ chuyên viết theo lối "nói miệng tày". Nói thì phải nói đi nói lại, có vậy họa may lời nói sẽ in sâu vào tai người nghe, mà lập lại là sự thường, khó tránh mà cũng "cố tình không muốn tránh".

Tôi lạy cha, có giỏi thì làm lấy, chớ nhà đầu cũ, che mưa che nắng được là xong, tôi còn sống bao năm nữa mà hòng dỡ đi cất lại? Thôi thì, có nói lắm, tôi thêm một căn nhỏ, chứa những gì đọc muộn trong sách ông J. Bouchot, gọi bổ túc, tưởng như vậy là đủ rồi. Tôi thanh minh không phải nhà khảo cứu và tôi viết tôi chơi, không có ý làm văn để đời. Ai kia lấy của tôi in lại, tôi cũng không phiền, cứ hiểu bởi con mình có duyên mới có người bồng ẵm. Nếu biết điều gởi cho thì hòa cả đôi, không đòi mà cũng chẳng cảm ơn.

Và tôi xin thêm: xin biết cho: văn của tôi là văn kể chuyện, phải nhại đi nhại lại cho dễ nhớ, bảo tôi xếp có thứ tự, là tôi mất tự nhiên; sở dĩ tôi lập lại, một phần nào là cố ý đó. Sển"

Rõ ràng cụ Vương cố tình chủ trương một lối hành văn dù cụ khiêm nhường bảo mình không làm văn. Cũng với lối viết cà kê linh hoạt ấy, sau 1975 cụ Vương viết tiếp những cuốn *Hơn nửa đời hư, Sài gòn Tả pí lù*, và *Nửa đời còn lại* (Nhà xuất bản Văn Nghệ sẽ xuất bản).

Một tin buồn cho làng văn là cụ Vương Hồng Sển đã từ trần tại Sài gòn lúc 8 giờ 35 sáng ngày 9-12-1996. Thư của một người quen biết cụ Vương từ Sài gòn gửi qua cho biết sáng 12.12.1966, linh cữu đã được chuyển về Sóc Trăng để mai táng gần mộ phần song thân theo ý nguyện của cụ Vương lúc sinh thời. Trong thư có đoạn viết: "Những năm tháng sau cùng cụ Sển điếc hẳn, và nói chuyện với ông phải bút đàm nên ai cũng ngại (để lại giấy tờ!) Cụ viết bài về khám lớn Sài gòn và làm việc quá sức và cũng say mê nữa, luôn mấy tháng cho xong thì bị liệt hai chân phải vô bệnh viện Nguyễn Trãi. Cụ có người em ruột là ông Quang đã 85, 86 tuổi lên săn sóc. Ông Quang quá già yếu và cụ Sển nằm bệnh viện lâu quá nên ông em phải về lại Sóc Trăng để một người cháu rể của ông ở lại săn sóc cụ Sển...Trước đây, cụ Sển có làm giấy hiến toàn bộ tài sản (gồm sưu tập đồ cổ, sách báo quí) cho Nhà nước. Cụ đã tính chuyện sai lầm thật lớn khi hiến tài sản của mình. Cụ cũng thật đau buồn trong những ngày

tháng cuối cùng. B. người con trai duy nhất vẫn còn bị tù, không ai chăm sóc cụ. Ủy ban tiếp nhận tài sản đưa công an đến canh gác nhà cửa, bạn bè muốn gặp cụ không được tự do như trước nữa. Bạn bè cũ xa lánh vì nhà cụ bị canh giữ, nên theo chị H.K. có ngày cụ bị đói, bị khát..."

Một cuộc đời phong phú, một văn nghiệp đặc biệt trong gần một thế kỷ, nay đã chấm dứt! Xin vĩnh biệt.

● ***Người muôn năm cũ***

Tạ Trọng Hiệp, nhà nghiên cứu văn học Hán Nôm uy tín đã mất tại Paris cuối tháng 10 năm nay. Trên Văn Học số trước, chúng tôi có đăng lá thư của nhà thơ Trúc Chi viết vĩnh biệt người bạn thời hai người còn lưu lạc ở châu Âu trước 1975. Mới đây Văn Học lại nhận được bài viết của Y Chi, cô nữ sinh viên soạn luận án tiến sĩ văn chương Việt Nam đã từng được thầy Tạ Trọng Hiệp tận tình hướng dẫn. Y Chi ghi lại những cảm xúc của cô khi đến vĩnh biệt lần cuối người thầy kính mến.

Chị nhìn vào gian phòng. Không còn ai. Lúc nãy người ta nối đuôi nhau bước vào. Rồi trở ra, rì rào trò chuyện. Gian phòng nhỏ nhốt ánh sáng nhạt nhòa. Đám đông trước cửa sẽ sàng qua lại, tạo chút âm thanh mờ đục giữa những tầng áo lạnh mùa thu. Vô tình chừa lại một vòng cung thanh vắng, vạch quanh cửa vào phòng. Chị len giữa đám đông, kiên nhẫn bước lần theo vòng cung dị kỳ đó. Đến tận góc tường. Từ chị đến cánh cửa, vẫn đường bán kính của vòng tròn. Một khoảng không chơi vơi, ngăn cách thế giới người sống, kẻ chết.

Chiếc quan tài gỗ nâu nằm giữa bốn bức màn nhung đỏ. Trên đầu cửa ra vào, một khung hình thoi xếp chữ T vàng. Vỏn vẹn. Bao nhiêu chữ, bao nhiêu tên có thể ghép vào chữ T đó? Những mẫu tự vô danh nối đuôi nhau, cũng có lúc dội lên tiếng quen. ở đây, ở đó, chốn này, chốn kia. Chị đưa chân dẫm lên đường bán kính ngắn ngủi. Bước vào một khoảng không khác. Yên ả hơn. Giữa lớp lụa ngà khuôn mặt người đàn ông trông xám hơn mọi khi. Tay chắp trước ngực. Thư thế ngàn đời của người về với đất. Nhìn không còn gì giống như khi thầy còn đứng trước tấm bảng đen.

Họa chăng, có vầng trán.

Hai bên thái dương vẫn màu sắc của sự sống rất nồng. Chị hơi ngạc nhiên. Thầm nghĩ đến những người thân của thầy. Đến mối tình của thầy, hạnh phúc bỏ lại, bao dấu chấm lửng thầy gánh theo trong đời. Tần ngần nhìn lên nóc áo quan, căn nhà trăm năm của thầy, thấy mấy hàng số: 1933-1996. Chị chớp mắt. Như thể còn những dấu chấm lửng rơi vãi lại,

nặng vai người. Nặng vai chị.

Chị thường ít xúc động khi nhìn di thể của người đã đi xa. Bao giờ cũng chừng đó lụa ngà, chừng đó đinh vít, thùng nắp linh tinh. Bao giờ cũng đôi môi sáp kín. Cũng đôi mắt trõm sâu. Tóc bạc xác xơ và làn da cứng ráp. Dĩ nhiên, có cái gì đó đã thoát đi. Dĩ nhiên căn nhà đã vắng chủ. Cảm giác lỡ đò, trễ xe luôn lây lất trong chị. Khiến chị cứ phải kiên nhẫn đứng thật lâu cạnh người đã khuất, nuôi hy vọng còn thấy chuyến tàu đang chạy, ngoắc vẫy, gửi theo đôi lời ân cần, những lời mà chị không thường cảm thấy cần thiết phải nói, của chút lòng tri ngộ gửi về những gốc cây già đã yỏa bóng cao, cho cỏ mát xanh hồn nhiên tuổi cỏ...

Nội trong mấy tháng, chị làm công việc rượt đò đuổi xe như vậy đã hai lần. Hai chứng ung thư, hai gian phòng nhung đỏ, hai thùng, hai nắp, hai chục con vít và hàng khối đất đen. Mỗi lần đến với người chết là về gần với cõi sống thêm chút nữa. Chị đã từng có cảm giác tương tự khi thấy con cá đuối vỗ vây nhịp nhàng ttrong màn lưới đã buông. Chị xót ruột nhắm mắt. Nhưng nhịp vây cá vỗ vẫn nhịp nhàng và dĩa đồ ăn nhà chị thỉnh thoảng vẫn không tránh được món vây cá đuối rẻ tiền dễ ăn này. Bỏ vây cá đuối lấy đuôi cá bống, bỏ đuôi cá bống lấy rau cải xanh, cũng vậy thôi. Cũng phảng phất màu sắc căn phòng vách vải nhung. Từ khoảng không nhỏ hẹp chiếc quan tài vừa một người nằm, mở ra cả một khoảng không trời đất đã mấy triệu triệu năm. Chị không phải người đầu tiên nghe bao la lẽ huyền nhiệm của đất trời.

Trong lúc này, chị thèm thắp một nén hương. Cứ chỉ vô nghĩa, nhưng mùi hương dịu nhẹ gom tâm thần mình thành làn khói mỏng bay về nơi chốn cao vời vợi. Để lại tỏa xuống, ngát hương hiện tại. Không giới hạn nào ngăn giây phút bước từ cõi sống sang cõi chết. Chỉ trùng điệp cách trở con đường từ cõi sống vào cõi sống. Xe vẫn nhịp nhàng rời ga, ai bảo chỉ lại đứng nhìn thầy khi thầy đã nằm xuống? Có những giờ phút chị có thể đứng nhìn thầy vui vẻ hơn, hoạt bác hơn. Có những lúc chị có thể góp câu chuyện vui vào cảnh buồn luôn sẵn có. Giới hạn cõi sống gom chị gầy tom trong những trao nhận nhỏ hẹp, trên những hành trình luôn ngắn ngủi. Vụn vặt giữa buổi cơm, buổi rửa chén, buổi công ăn, buổi việc nhà. Ai cũng vậy. Nào phải riêng mình chị.

Nên chị siêng chào người về chốn bên kia. Chị siêng nhìn lớp vải ngà bó rọ xác thân vô tri giác. Từ lòng áo quan còn một con đường dẫn vào sự sống. Yên tĩnh hơn. Đến tiễn một người đi, là gói vào khuôn mặt đó đường nét của cha mẹ, của chồng con. Chị để tang cho ruột thịt mình đã bao lần rồi, gói vào lần vải liệm bao nhiêu khuôn mặt, bao nhiêu niềm đau. Chị gậm nhấm trước từng cái tang vĩ đại của đời mình. Để chợt ý

thức rõ hơn quyền năng vô hạn của con người khi còn trong cõi sống. Khi còn trong ngày hôm nay, trong hiện tại này.

Chị dịu dàng nhìn thầy. Cả một kho tàng hiểu biết khai mở dưới vầng trán đó, giờ khép lại vĩnh viễn. Có thể là thầy còn nhìn thấy chị. Có thể không. Có thể thần khí thoát ra là tan biến hoàn toàn. Có thể một con người chỉ gom lại có ngần ấy chất liệu, quá khứ vị lai long lanh tan vỡ theo mọi ảo ảnh ngàn đời không có sự sống riêng. Có thể cõi sống cõi chết nối liền một nhịp. Khác chăng, chỉ ở quyền năng trao gửi, nhận về...

Chị ân cần nhìn lại lần nữa gương mặt vị thầy. Rồi lững thững quay lui. Vượt nửa đường kính trở về chốn bên kia.

Sau lưng chị, mấy người đàn ông áo đen bước vào, hý hoáy đậy nắp, siết vít. Vài phút nữa, quan tài sẽ lên xe. Đưa thầy về nơi tĩnh lặng ngàn đời.

04.11.1996. Kính tặng hương hồn thầy Tạ Trọng Hiệp.

● ***Đài tưởng niệm những người vượt biên mất tích***

Gần cuối năm, nhà văn Doãn Quốc Sỹ ở Houston có gửi cho Văn Học lá thư ngỏ nhờ công bố trên báo.

Lá thư như sau:

Thư ngỏ kính gửi đồng bào hải ngoại

Về việc thành lập Đài Tưởng niệm những người vượt biên mất tích trên đường bộ cũng như trên đường biển.

Kính thưa đồng bào,

Đã 21 năm qua, đời sống đồng bào hải ngoại đã ổn định: nơi ăn chốn ở yên tề yên tất, công ăn việc làm đâu ra đấy, con cháu hằng ngày vui vẻ cắp sách đến trường...Nhưng làm sao chúng ta quên được biết bao đồng bào xấu số đã mất tích, hoặc trên đường bộ khi băng rừng vượt thác, vượt suối vượt sông miền biên giới Miên Lào, hoặc trên sóng nước muôn trùng của biển Đông bát ngát trời biển một màu. Theo như sự ước lượng của Liên Hiệp Quốc, khoảng trên dưới nửa triệu người đã uổng mạng đau thương như vậy.

Chúng ta chia sẻ mối sầu hận với thân nhân của các gia đình bất hạnh có bà con mất tích bằng cách nào đây? Xin thưa có muôn vàn cách tùy theo hoàn cảnh của mỗi người.

Điều đầu tiên chúng tôi muốn thực hiện là lập ngay một bản danh sách những đồng bào đã bỏ mình trên đường vượt biên để tiến tới việc thành lập một đài kỷ niệm, tương tự như bức tường ghi danh những tử sĩ Hoa Kỳ tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Và sau đó, nếu điều kiện cho phép,

chúng ta sẽ thành lập một Viện Bảo tàng được coi như Trung tâm Văn hóa của người Việt tị nạn, để thế hệ con cháu hiểu rõ chúng ta ra đi không phải vì lý do tị nạn kinh tế, mà là tỵ nạn chính trị.

Chúng ta có ai quên được câu nói trong sách Luân lý Giáo khoa thư: "Chỉ có quê hương là đẹp hơn cả". Phải ra đi như vậy đau thương biết là chừng nào!

Nhóm sáng lập chúng tôi tha thiết kêu gọi quí vị hãy tiếp tay góp thiện tâm, thiện chí, tiếp sức với chúng tôi ngõ hầu chương trình này sớm được hoàn thành viên mãn.

Xin quí vị hãy liên lạc với ban sáng lập chúng tôi theo một trong những địa chỉ sau đây:

Doãn Quốc Sỹ	(281) 370-3438
Duy Xuyên	(281) 893-1418
Nhân Nguyễn	(713) 529-2728
Phan Huy Thanh	(713) 561-8228
Quách Tô Vương	(281) 860-0545

Thay mặt ban sáng lập
Doãn Quốc Sỹ

Đính kèm theo đây là mẫu
"Danh sách những người mất tích trên đường vượt biên"

Tên họ:.....Nam.....Nữ
Ngày sinh.....
Nơi sinh.....
Ngày ra đi.....
Đường biển.....Đường bộ.....
Tàu mang số.....
Nơi ra đi.....
Có gia đình.....
Vợ.....
Con.....
.....
Làm tại.....ngày.....tháng.....năm.....

Xin điền và gửi về địa chỉ dưới đây:
* Doãn Quốc Sỹ
4101 San Jacinto #123, Houston, TX 77004, USA
* Quách Tô Vương
P.O. Box 1314 , Channelview, TX 77530 USA

TOÀ SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

● Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Vince Lê San Diego, Pham Toan San Francisco CA, Phan Uyen Nghi Anaheim CA, Hồng Huy Canada (Hồng Phượng F.V. gia hạn), Đỗ Bá Hạnh Olympia WA, Vi Khuê, Burke VA, Đoàn Thế Hoàng Lincoln NE, Hoàng Nga Dallas TX, Tien Vo Charlottsville, Trương Mỹ Vân Vancouver BC, Minh Phạm (đổi địa chỉ), Nguyễn Khoa Điềm Reseda CA, LA Public Library Downey CA, Phạm Kim Nguyệt Australia, Angela H. Doan Canoga Park CA, Medex Drugs San Jose CA, Trần Lệ Chi San Jose CA, Nguyễn Trọng Hạo Nhiên Montréal Canada, Trần Hoài Thư Plainfield NJ, Ngô Bút Fairfax VA, Nguyễn Công Khanh Arlington TX, Hương Nguyễn San Jose CA, Hồ Nhị & Hảo Nguyên Sugerland TX, Anh Lê Fairview Hts IL, Bích Lan Arlington Hts IL, Trương Vinh DeVon PA, Nga Lam Seattle WA, Thiên Nga Bookstore Houston TX, Nguyễn thị Bé Fairfax VA, Chung Phước Khánh Brighton MA, Sen Nguyễn San Jose CA, Quincy Lee H. Union City CA, Mai Trúc Sơn Arleta CA, Nguyễn thị Phương Thảo Van Nuys CA, Hồ NGọc Trinh Montreal Canada, Trần văn Hải Falls Church VA, Đặng Đình Kỳ Jacksonville FL Trần Quí Phiệt Kersville TX, Dai Trang Tran Sacramento CA, Trần Ngọc Du Austin TX, Hạnh Lê Lexington KY, Bùi Quang Diễm Thu Smyrna GA, Phạm Ngũ Yên Austin TX, Vinet Co Westminster CA, Purchase Power Lousville KY

● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Happy Halloween gửi từ Portland OR, Em, không đề, Về khuya gửi từ B.C. Canada, Chuyện nhà, Hà nội, Những ý nghĩ thu gửi từ Limburg Germany, Dại khờ, Cách một đại dương gửi từ Orlando FL, T.V.L. gửi từ Houston TX, Tình khúc cho em gửi từ F.Valley CA, Ngôn ngữ - ký ức và thi ca truyền khẩu V.N. gửi từ Paris France, Nhà sư gửi từ San Francisco CA, Nước phun đôi, Hoa chén vàng gửi từ San Gabriel CA, Nỗi niềm tháng Giêng gửi từ Fountain Valley CA, Trời mưa gửi từ Monterey Park CA, Tình xuân, Tiếng quê hương gửi từ Bankstown Australia, Buổi chiều góc cạnh gửi từ Anaheim CA, Người con gái với mái tóc mùa thu gửi từ Tustin CA, Thơ tôi gửi từ Garden Grove CA, Tây Bắc cuối năm gửi từ Beaverton OR, Thu là chiều của năm gửi từ Davis CA, Khói hương gửi từ Daly City CA, Đừng quên, Hai chữ nhớ thương, Nói nhảm, Những mùa ngâu, Hỏi lại gửi từ San Jose CA, Tài liệu về

André Malraux gửi từ No. Virginia, Mật mã tình thương gửi từ H. Beach CA, Về nhà gửi từ Houston TX, Thư gửi bạn vong niên gửi từ Gold River CA, Nghĩa cũ tình xưa gửi từ Cabramatta Australia, Tháng Giêng, Hoa, Lá gửi từ Middleburg FL, Lộc Trại và Võng Xuyên gửi từ Germany, Bình minh Xuân gửi từ Downsview Ont. Canada, Mùa Xuân mua vui một vàI trống canh gửi từ Atlanta GA, Chúa tôi gửi từ Montréal Canada, Tản mạn về bức tượng gửi từ Hawthorne CA, Quên được không cuộc đời, Còn nhớ tình thật thà, Giấc xuân mới, Từ hư không ta tới gửi từ San Jose CA, Thiệp Giáng sinh của Vạn Giả Canada, Thư vận động thành lập ĐàI tưởng niệm những người vượt biên mất tích do nhà văn Doãn Quốc Sỹ gửi từ Houston TX, Mùa Xuân Em Khoả thân Thiền gửi từ San Jose CA, Tấn bi kịch tình yêu gửi từ Australia, Chút hoài niệm xưa gửi từ Bankstown Australia, Thiệp xuân của Phạm Xuân Thảo Lakewood CA, Trần Hữu Khánh Willis TX, Nguyễn Đức Thanh Emporia KS, Vũ Đình Kh Vancouver Canada, Người muôn năm cũ gửi từ France, Mưa, Nợ gửi từ Toronto Canada, Cổ tích gửi từ Austin TX, Luân hồi gửi từ Orlando FL, Thư phỏng vấn của Radio Australia,

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette.

Nhớ đất thương trời
Nửa khuya giấy trắng
Hai thi tập đầy chất trí tuệ và lãng mạn của nhà thơ
Trần Hồng Châu
Mỗi tập giá 10 Mỹ kim.
Xin liên lạc Nhà xuất bản và phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

DÃ SỬ VIỆT

thanh vân

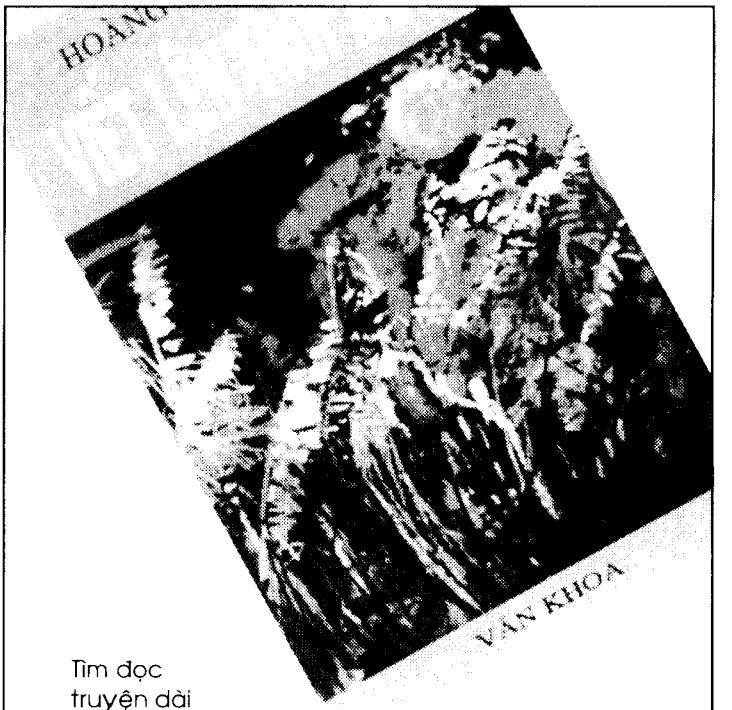

Tìm đọc
truyện dài
mới nhất của

HOÀNG KHỞI PHONG

VIẾT LÊN TRỜI XANH

Ngọn lửa chiến tranh mặc dù đã tàn trên 20 năm nhưng ngọn lửa âm ỉ trong lòng mỗi người thì chưa dịu xuống. Tác giả ao ước được thấy ngay từ lúc khởi đầu của thế kỷ mới, chiến tranh sẽ không còn ngự trị trên giải đất thân yêu

Nhà Xuất Bản Văn Khoa
9200 Bolsa Avenue, Suite 123, Westminster, CA 92683
hoặc P.O. Box 2283 * Phone & Fax: (714) 892-0801

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Tel: (310) 559-0413 - Fax: (310) 659-2627

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối
Tập truyện của Hà Thúc Sinh.
Gồm mười hai truyện ngắn, dày 114 trang.
Giá 6.00 Mỹ Kim.

Vẻ
Tập truyện của Hà Thúc Sinh.
Gồm chín truyện ngắn, dày 130 trang.
Giá 7.00 Mỹ Kim.

Lời Của Quá Khứ
Tập truyện của Khế Iêm.
Gồm chín truyện ngắn, dày 120 trang.
Giá 7.00 Mỹ Kim.

Sống Và Viết
Tùy bút của Võ Phiến.
Sách dày 170 trang.
Giá 10.00 Mỹ Kim

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

HỢP LƯU

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 537-5229. Email: tchopluu@aol.com
Internet: http://kicon.com/hopluu

xuất bản hai tháng một sơ

Chủ biên
KHÁNH TRƯỜNG

• Nơi qui tụ của hầu hết các nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, lý luận, phê bình và các nghệ sĩ tạo hình của trong và ngoài nước.
• Chủ trương phóng khoáng, cấp tiến, dung nhập tất cả mọi khuynh hướng sáng tác.

Mời bạn đọc

VĂN XUÂN ĐINH SỬU 1997

Bộ mới. Số 1.
Phát hành đầu tháng Giêng 1997

VÕ PHIẾN • BÙI BÍCH HÀ • TRẦN DIỆU HẰNG • TRẦN MỘNG TÚ • Y CHI • DƯƠNG NHƯ NGUYỆN • HUỲNH HỮU ỦY • NGUYỄN QUỐC TRỤ • NGÔ NGUYÊN DŨNG • HOÀNG KHỞI PHONG • NGUYỄN TƯỜNG GIANG • BÙI VĨNH PHÚC • SONG THAO • NGUYỄN XUÂN HOÀNG...

Tranh ĐINH CƯỜNG
NGUYỄN ĐỒNG trình bày

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

— Muốn theo dõi và tìm hiểu những diễn biến thời sự
— Muốn cùng đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho cộng đồng và đất nước
— Muốn thưởng thức những sáng tác văn học nghệ thuật mới nhất

Hãy tìm đọc: Tạp chí Thế Kỷ 21

Tạp chí Thế Kỷ 21 là tờ báo ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới, có những bài liên quan đến đời sống của người Việt trong nước cũng như ngoài nước, và nhiều tin tức hữu ích cho độc giả mọi lứa tuổi.

Liên lạc với tòa báo để đặt mua dài hạn hoặc đăng quảng cáo, xin gọi cô Phan My Sương (714) 538-9510.

Giá mỗi số US$4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ US$52.00; Canada US$56.00; Âu Châu US$76.00; Á, Úc US$86.00.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về **THẾ KỶ 21**
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840 USA.
Tel (714) **638-9510**. Fax (714) **638-1944**.
E-mail **75504.3510 @ compuserve.com**
WWW homepage: **http//kicon.com/theky21**

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn _____ năm,
từ số _____ tháng _____, gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**
• **Võ Phiến**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**12 MK**

SÁCH MỚI 1997

• **Đường Mây Trên Đất Hoa** *Thích Hằng Đạt* và *Nguyên Phong* phóng tác	*Hòa Thượng Hư Vân*	**13MK**
• **Nửa Đời Còn Lại** tác phẩm gởi cho Văn Nghệ trước ngày qua đời	hồi ký *Vương Hồng Sển*	**18MK**
• **Cò Đùm**	tập truyện *Doãn Quốc Sĩ*	**8MK**
• **Đức Phật Giữa Chúng Ta**	bác sĩ *Trần Ngọc Ninh*	**10MK**
• **Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản** (tái bản)	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.

* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

châu văn thọ ● nguyễn mộng giác ● mai kim ngọc nguyễn xuân hoàng ● thạch hãn ● võ thắng tiết nguyễn minh đức ● thụy khuê ● nguyễn khắc phú ngu yên ● võ phiến ● trúc chi ● triều hoa đại ● bùi vĩnh phúc ● nghiêm xuân hồng ● hoàng liên ● phan minh khánh ● võ thu tịnh ● phan ni tấn ● vương thúy lệ ● phạm tú minh ● nguyễn văn thế ● đoàn xuân kiên ● trần mộng tú ● nguyễn văn sâm ● khoa hữu ● kinh dương vương ● trần minh hiền ● võ đình ● định nguyên ● trần diệu hằng ● nguyễn đăng bảo lộc ● du tử lê ● hoàng nga ● trần hồng châu ● ngự thuyết ● hồ minh dũng ● nguyễn thúc đượng ● thận nhiên ● lệ hằng ● diễm âu ● hoàng xuân sơn ● đỗ quang nghĩa ● lê minh hà ● hoàng khởi phong phùng nguyễn ● sương mai ● trần thị diệu tâm ● hoàng huyền thanh ● hoàng bích đào ● nguyễn quốc trụ ● y chi ● họa sĩ rừng

Gía: $8.00